

- CHÍNH VĂN • THƯ CHỦ NHIỆM
7 NGUYỄN MẠNH CÔN • GIÁO DỤC TÂN TRUNG DUNG
25 PHẠM VĨNH TRÂM • THƠ
27 NGUYỄN NHẬT DUẬT • HUYỀN
38 NGUYỄN ĐẠT • SÉRÉNATA
40 NGUYỄN MAI • TRONG KHOẢNG CÁCH
44 HOÀNG HẢI THỦY • VẤN ĐỀ
52 TAM ÍCH • TỪ NGUYỄN MẠNH CÔN ĐẾN...
62 VŨ VĂN KHANH • NGHÌN NĂM HẬN
75 CHÍNH VĂN • NHỮNG SỐ TỐI
76 HOÀNG XUÂN SƠN • THƠ
78 NGUYỄN KIẾN TRUNG • THỬ SO SÁNH NGƯỜI PHÁP...
88 HOÀNG NGỌC TUẤN • KHÔNG CÒN AI TRẢ LỜI
102 HUỖNH PHAN ANH • HIỆN TƯỢNG VĂN NGHỆ
107 SƠ LƯỢC VỀ NĂM NỮ SỸ PHÁP
112 NGUYỄN NHẬT DUẬT • VIỄN TƯỢNG VĂN CHƯƠNG

TỪ SỐ TỐI
RA MỖI THÁNG HAI LẦN

Liên lạc với chủ nhiệm
theo địa chỉ tòa soạn
Liên lạc với thư ký tòa
soạn theo địa chỉ nhà in

Thư ký Tòa soạn : Nguyễn Đạt

Tòa soạn : 215 B/34 Chi Lăng Phú Nhuận

Điện thoại : 41723

Nhà in : 133 Võ Tánh S.G. Đ.th. 25644

Quản lý : Đỗ thị Hải

Trị sự : Nguyễn Đức Nhuận

Giá bán
100đ.

THƯ CHU NHIỆM

Bạn thân,

1. Sau 6 số báo đầy, in chữ nhỏ, nhằm mục đích chính là đăng một số bài của chính chủ bút của nó, trình bày những quan điểm lý thuyết có tương quan chặt chẽ với thời thế, tờ CHINH VĂN, bắt đầu từ số 7, sẽ tới tay bạn như một bán nguyệt san 72 trang khổ 21 trên 25 phân, nặng về văn chương hơn về chính trị.

2. Thật thế, tập báo của bạn sẽ có hai đề mục đặc biệt về văn chương : những số đặc biệt về những cây bút hiện đang còn sống giữa chúng ta, và những bản « có đức tác phẩm » của những danh văn ngoại quốc.

Nhờ cách đây mấy năm, nhân nói chuyện với bạn Trần Phong Giao, nguyên Tổng Thư ký bán nguyệt san Văn, về tâm lý những nhà văn đã khuất, tôi cười mà nhắc đến những vụ cãi vã chung quanh « tâm lý Nguyễn Du và truyện Kiều » : một nhà lý luận Mác xít thậm chí đã gán cho có Kiều, sản phẩm tưởng tượng trong đầu óc tác giả, một thứ bệnh thần kinh gọi là bệnh ủy hoàng !

Câu chuyện đưa đã, đến một lúc nào đó tôi đề nghị với TPG làm những số đặc biệt về những nhà văn đương sáng tác. Ngoài những tài liệu về tiểu sử, thư tịch, mỗi nhà văn là chủ đề của số báo sẽ được mời viết về công việc viết lách của ông (bà, cô) ta. Có thể là hồi ký, có thể là tự sự, cũng có thể là một chúc thư gửi cho bạn đọc đời sau... đó là bài của mỗi tác giả viết về chính mình. Đoán trước nhưng bản khoản của người đọc, hoặc tránh những hiểu lầm mà dư luận có thể có về mình, nhà văn sẽ giải bày và giải thích.

th Người bạn đồng nghiệp của tôi đồng ý ngay : số báo đầu nói về Nguyễn Mạnh Côn. Tôi hết sức hài lòng, nhưng bắt buộc phải từ chối. Từ bao lâu phụ trách tòa soạn tờ Văn, mặc dù và đương nhiên có quyền hành động, TPG luôn luôn phải cố gắng gìn giữ đề khỏi mang tiếng bị tôi chi phối, trong khi tôi cũng phải cố gắng đề tránh tiếng lạm dụng tờ Văn qua TPG — vì sự thật, mà tất cả các đồng nghiệp ở Sài Gòn đều biết rõ, là TPG, một thứ thư ký tòa soạn lý tưởng, chính do tôi giới thiệu với Nguyễn Đình Vương, và chính sự nỗ lực hy sinh của TPG mà NBV vượt thoát được giai đoạn hết sức nguy nan của mấy năm 63-65.

Vậy tôi đã từ chối. Rồi đề nghị làm số đặc biệt đầu tiên về Vũ Hoàng Chương. Số báo đó đã được hoàn thành, nhưng không đúng như tôi mong muốn vì không phải là anh Vũ mà là tôi đã viết bài dài nhất trong số báo. Dù cho tôi thận trọng tìm gặp anh nhiều lần, dù những điều tôi viết về anh không bị anh cãi chính, tôi vẫn thấy mục đích của tôi chưa đạt được. Đó chính là nguyên nhân vì sao tôi cố gắng một lần nữa với tờ Chính Văn này.

2. Niềm mong ước thứ hai của tôi là giúp các bạn đọc bằng cách đăng những tác phẩm có đức (hay rút ngắn) của các danh văn quốc tế thời xưa và thời nay.

Đây là việc mà tờ *Sélection du READER'S DIGEST* đã làm từ lâu lắm. Năm 1955 tôi được đọc bản có đức-tác phẩm 1984 của Orwell và nhận thấy thích thú hơn khi đọc toàn tập, vì có nhiều đoạn nặng nề và kéo dài đã được cắt bỏ. Tôi đem dịch (phóng) tài liệu đó và cho in vào số Tết Đinh Dậu (1957), rồi nhớ mãi những phản ứng thuận lợi của bạn đọc thời bấy giờ.

Tôi biết làm trái ý nhiều bạn trẻ khi minh xác quan niệm của tôi về văn chương: văn chương là phương tiện chuyên chở, mà tác phẩm là phương tiện chứa đựng tư tưởng. Nhiều đồng nghiệp trẻ cho rằng quan niệm đó vừa lỗi thời vừa thô lỗ. Vì chữ nghĩa « có đời sống của chúng ». Tôi thì thật không hiểu nổi những điều cao siêu quá. Trong suy tư đơn giản của tôi chữ viết là những ký hiệu ghi nhận lời nói của chúng ta lên mặt giấy, với tác dụng giao truyền lời nói ấy qua không gian (đi xa) và thời gian (đến những đời sau). Vì vậy, theo tôi nghĩ, chữ nghĩa có đời sống mà người ta gán cho nó: những tư tưởng hay nhất xưa nay đều tồn tại trong những câu văn sáng sủa nhất.

Vậy tư tưởng là chính, hành văn là phụ. Mà tư tưởng, từ thời Moïse và Như Lai đến nay, vẫn như một con sông chảy ra bể, bao gồm không biết bao nhiêu dòng suy tư khác biệt — như những con sông con — hướng về tình yêu, hạnh phúc và sự tiến bộ của đời sống. Máy trăm thế hệ loài người đã hưởng thụ, chịu đựng, và cố gắng tiến tới, cho phép chúng ta có thực tại hôm nay. Mỗi thế hệ lại có, hoặc không có, những người cầm bút ghi lại những tốt đẹp hay đau thương đã từng trải. Bởi thế nên mỗi người trẻ trong khi lớn, khi tâm hồn còn mở rộng vào ngoại giới, đều có bổn phận phải tiếp thu, đến mức độ cao nhất có thể được, cái vốn liếng nhân sinh đã có.

Nhưng không phải bạn nào cũng đọc thông chữ Hán, chữ Pháp, cũng như không phải tất cả thanh niên Pháp đều có học chữ La tinh. Người học trò Việt chỉ học chữ Việt không thôi, không phải là người đáng trách. Nhưng là người chịu thiệt thòi. Tinh thần cởi mở của người Pháp khiến cho họ dịch (và

ta) bất cứ tác phẩm nước nào có giá trị. Tinh thần của người Việt không kém cỏi mở, nhưng chiến tranh và dân số — dân số ít giới hạn số độc giả, và giới hạn luôn số sách báo được in — nên từ trước đến nay, và từ nay về sau, công việc dịch sách luôn luôn gặp khó khăn trong lãnh vực thực tế. Nhà văn Nguyễn Hiến Lê gần đây đã có công dịch, để nhà xuất bản Lá Bối (?) cho in cuốn « Chiến tranh và Hòa Bình » của Léon Tolstói. Sách bán không chạy. Tác phẩm lớn của nhà văn lớn nước Nga, được kể như một lâu đài của nền văn chương thế giới. Nhưng nó không còn hợp thời đối với độc giả Việt đang sống trong lò lửa trăm nghìn lần bỏng cháy hơn lò lửa của « chiến tranh và hòa bình. »

Nhiều tác phẩm khác, rất nhiều, của nền văn học sử Ý, Anh, Pháp, Ả Rập Liên Số v.v... sẽ không bao giờ được xuất bản, dù cho có được dịch, nếu ngành xuất bản còn được quan niệm như phương tiện làm giàu của mấy ông chủ nhà in nửa mùa chữ nghĩa. Bởi vì, rất dễ hiểu, khắp nước Việt chỉ có một số rất ít độc giả cho loại sách kinh điển của mấy thế kỷ 17, 18, 19. — độc giả ít thì sách không được in, và thiếu số người muốn đọc không có sách để đọc.

« Tác phẩm cô đúc » hay « tác phẩm thu gọn » nhằm mục đích bù đắp vào chỗ thiếu trống nói trên. Cô đúc hay thu gọn tất nhiên phải tôn trọng tư tưởng của tác giả. Nhưng nói như thế không có nghĩa là người làm công việc cô đúc, thu gọn sẽ hoàn toàn không chú trọng gì đến giá trị của nghệ thuật thể hiện mỗi khi nhận thấy cần thiết và có thể được, người đó sẽ dịch nguyên văn từng câu, từng đoạn ngắn hay cả một đoạn dài. Tôi đã làm như vậy trong khi trình bày cuốn « Giờ thứ 25 » của V. Georghiu.

3. TỜ CHÍNH VĂN, phần còn lại sẽ duy trì một số đề mục liên quan đến thời thế. Số báo trước đã tỏ rõ thái độ của tôi đối với Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, một thái độ chằm chằm tin tưởng và hỗ trợ. Nhưng chưa phải là chống đối. Lập trường chính trị của CHÍNH VĂN là tiếp tục ủng hộ chính quyền cộng hòa, và mỗi khi có hoàn cảnh, ủng hộ quân đội như một cộng đồng sinh hoạt xã hội độc nhất có khả năng tiến tới và đạt được một viễn trình tương lai tốt đẹp — mặc dầu tôi vẫn giữ vững quan điểm lý thuyết : loài người không phải được có đời sống để giết hại lẫn nhau, và quân đội không thể được coi là cần thiết khi hòa bình được thể hiện khắp thế giới.

TỜ CHÍNH VĂN bản nguyệt san sẽ đến tay bạn thường hơn. Vì thế, ngoài những bài viết có đề mục, sẽ có phần thu thập tin tức quốc nội và quốc tế. Tòa soạn sẽ cố gắng chú giải mỗi tin tức quan trọng.

4. Mong mỗi bạn hài lòng, từ số 7, CHÍNH VĂN sẽ trả lời thư bạn hỏi ý kiến về suy tư, tình cảm, mỗi khi bạn cho địa chỉ đích thực — xin miễn đòi thư riêng.

Chào tạm biệt và thân mến,

NGUYỄN MẠNH CÓN

TAM VAT TUONG QUAN LUAN

Bạn thân

Chúng ta nói với nhau về bất cứ điều gì cần nói, nhưng cương quyết không viện dẫn một danh nhân nào, dù vĩ đại đến đâu, làm thầy học hay làm giám thị — trừ trường hợp viện dẫn khách quan minh chứng.

Đây là khu đất riêng của lý thuyết mới: tôi trình bày những gì tôi nghĩ, và xin bạn hãy xử dụng chính cái lẽ phải của bạn để cân đo cái lẽ phải của tôi. Ngoại giả, tôi đề nghị chúng ta không chấp nhận một dixit — một lời dạy — nào khác.

N. M. C.

NGUYỄN MẠNH CÔN

giáo dục tân trung dung

(Tiếp theo Chính Văn số 5)

Anh hồn được định nghĩa như một sức chuyển động, có khả năng sắp xếp và chuyển chỗ các thứ tin tức, các hình ảnh hoặc được tiếp thu bởi các giác quan, hoặc là sự tiếp nối có chủ ý hay không có chủ ý của các hình ảnh hay tin tức đó. Ví dụ ta nghe ông B. mới chết, thì tự động nghĩ tiếp theo rằng đàn con còn nhỏ dại của ông ta sẽ khổ sở, rồi chủ ý quyết định ngày mai sẽ đến thăm và giúp đỡ cho lũ trẻ thế này, thế này...

Hoạt động của anh hồn chia làm 2 phần: ghi nhận tin tức và xử dụng — phân loại và sắp xếp, hội nhập và bày hàng, so sánh và kết luận — tin tức vào suy luận. Sự hoạt động tốt hay xấu, cho người trong cuộc, tùy thuộc

vào các đặc tính căn bản của anh hồn: vận động nhanh, có năng lực mạnh mẽ, và xử dụng tin tức một cách đúng đắn. Ba đặc tính này, cho đến hiện nay, còn tùy thuộc vào ông Trời — vùng chân không bao vây Địa cầu là một anh hồn vĩ đại hội hợp anh hồn của tất cả mọi nhân tài đã quá vãng — và tùy thuộc vào các yếu tố sinh thành (cha mẹ, nhưng nhờ cha nhiều hơn), nhưng gần đây có nhiều nhà khoa học, mặc dù không hiểu rõ bản chất của linh hồn, đã chứng tỏ rằng cả ba đặc tính đó đều có thể tăng trưởng đến mức độ nào đó nếu được đào luyện một cách thích hợp và đầy đủ.

Như thế có nghĩa là trí thông minh có

thể được đào luyện cho nhanh nhẹn hơn, mạnh mẽ hơn, đúng đắn hơn. Còn về phần kỷ ức trừu tượng của anh hồn, nhưng điều kiện này chỉ thật sự cần thiết đối với một số nhỏ người có trí tưởng tượng phong phú — các nhà tư tưởng, các nghệ sĩ sáng tạo — còn về phương diện thực tế, người ta xác nhận chỉ có giác hồn mới có khả năng thu thập và gìn giữ lâu ngày một số lớn tin tức mà không sợ sai lầm.

4 — Sự phối hợp anh hồn với giác hồn có thể đưa đến những thành quả tốt đẹp, nếu người ta đạt tới một sự "phân phối công tác" hợp lý giữa 2 thành phần đó của trí thông minh: giác hồn ghi nhận tin tức và phương pháp (đã có) để xử dụng tin tức đó, anh hồn áp dụng phương pháp tùy theo bản chất và khả năng (suy tư) và không sợ vượt ra ngoài lề lối thông thường. Sau đó, khi kết quả đã đạt được, giác hồn lại có nhiệm vụ vận dụng kinh nghiệm, thực tế áp dụng kết quả ấy vào đời sống.

Nói cho rõ hơn, về tâm lý chúng ta đã căn cứ vào đặc tính của các thành phần của linh hồn (loài người) để chia việc cho mỗi thành phần. Nếu nói ngược lại, chúng ta sẽ thấy con đường đi của giáo dục: phân biệt các khu vực thu thập yếu tố để suy luận, phương thức suy luận, và áp dụng suy luận vào thực tại.

5 — Giáo dục thay đổi theo mức độ tăng trưởng linh hồn. Nếu kể cả sự dạy dỗ của cha mẹ thì giáo dục đã bắt đầu ngay khi ra đời của trẻ nhỏ. Trừ một số trường hợp họa hoằn, chưa được phối kiểm, của những trẻ nhỏ nhớ được kiếp trước của chúng, chúng ta quan niệm một cách tổng quát rằng do bẩm sinh cha mẹ chỉ giao truyền cho con cái những đặc tính căn bản của anh hồn: thích hay không thích mơ mộng và suy tư, suy tư nhanh

hay chậm và chịu ảnh hưởng của giác hồn nhiều hay ít — anh hồn chịu ảnh hưởng của giác hồn quá nặng thì phát sinh chủ quan, quá nhẹ thì viễn vông không tưởng, quân bình thì sáng suốt, đúng đắn — cùng những đặc tính căn bản của giác hồn, như sự sợ hãi, sự tấn tiệp, sự tự ái, sự ham thích hưởng thụ vật chất v.v... còn, ngược lại, tinh thần can đảm lại là kết quả của sự chế ngự của anh hồn đối với giác hồn, sự hoang phí là ảnh hưởng của tính mơ mộng quá nặng.

Căn cứ theo cơ sở nhận định như thế, chúng ta coi như anh hồn chưa có tác động nào rõ rệt trong mấy năm đầu của các trẻ nhỏ. Một phần vì anh hồn chưa hình thành trọn vẹn, vì ảnh hưởng của Trời Đất còn kéo dài khi xương thóp (từ chân trán lên đỉnh đầu) chưa cứng hẳn, và các tính chất chưa được hoàn thành; một phần vì anh hồn chỉ bắt đầu vận động khi giác hồn thu thập được một khối kỷ ức tương đối đủ cho sự suy luận. Nói một cách giản dị là trong mấy năm của tuổi thơ, hầu hết các em nhỏ không hiểu biết, suy tư và chọn lựa những gì mà các em sẽ học: các em chỉ bắt chước một cách máy móc, tuân theo sức chỉ phối của sự sống trong nội thân, và nhờ sự giúp đỡ của người lớn.

Các em nhỏ có thể bắt đầu biết suy luận một cách đơn sơ vào khoảng lên 2, lên 3 tuổi khi đã hiểu và bập bẹ nói được ít lời: thấy những cục kẹo mà biết chúng ngọt mà đòi ăn, là trong tâm hồn em, em nhỏ đã vận dụng đến nhiều liên tưởng, nhưng liên tưởng bị giới hạn trong phạm vi những hình ảnh có thật. Sự liên tưởng chỉ đi dần vào khu vực trừu tượng khi em nhỏ đã thành thục với vật thể và sự kiện chung quanh, vì chỉ đến lúc đó suy tư mới vượt được ra ngoài, hoặc lên trên, thực tại.

Liên tưởng để phóng ý vào khu vực trừu

giáo dục tân trung dung

tượng có thể bắt đầu nhanh hay chậm, sớm hay muộn, tùy theo căn bản của anh hồn, và cũng có phần nào tùy thuộc hoàn cảnh. Ví dụ toán học là một ngành học thuộc khu vực suy luận trừu tượng một phần lớn, nhưng nếu cha mẹ của em nhỏ cứ bắt em học toán rất sớm, thì dù cho vất vả, em cũng vẫn tập được suy luận trừu tượng. Nhưng, lẽ tất nhiên, làm như thế là thúc bách anh hồn phải trưởng thành trước hạn định thiên nhiên, khiến cho em nhỏ được lợi ở một nơi, sẽ chịu thiệt ở nhiều nơi khác.

Nhiều bậc cha mẹ có thể không ngờ đến điều đó. Tính khoe khoang và lòng tự ái thường gây nên những hậu quả tai hại, chỉ vì bậc cha mẹ ít bao giờ chịu nhận con mình dốt toán với bạn hữu, nên rút cuộc cha mẹ nào, khi về nhà, cũng tưởng con người khác học toán nhanh và dễ hơn con mình. Từ đó phát sinh mắng mỏ, đánh đập, làm mẹ đứa trẻ.

6 điểm nhận xét về đặc tính và tác dụng — biệt lập và phối hợp — của giác hồn và anh hồn cho phép chúng ta đi đến 4 kết luận sau đây :

1.— Trong mấy năm đầu của cuộc đời, giác hồn giữ vai trò chủ động trong sự sống của trẻ nhỏ. Ký ức tự động trong vài ba năm đầu, rồi dần dần có sự phối hợp ký ức (tin tức) tiến tới suy luận đơn giản trong các trẻ em — như trong một số thượng đẳng sinh vật,

2.— Anh hồn chỉ bắt đầu ghi nhận hình ảnh trừu tượng khi những hình ảnh ấy được định nghĩa. Vì thế, anh hồn chỉ bắt đầu vận động khi các em nhỏ đã đạt tới một trình độ giải thích sự vật nào đó. Trình độ

này có thể phát hiện khi các trẻ em được 5, 6 tuổi.

3.— Từ trình độ ghi nhận ý nghĩa của sự vật đến trình độ ghi nhận những hình ảnh (tin tức) hoàn toàn trừu tượng, một em nhỏ bình thường phải trải qua một thời gian 4 - 5 năm.

4.— Tùy hoàn cảnh được học nhiều hay ít, và được dạy dỗ một cách thích hợp hay không, em nhỏ trở thành thanh niên, tráng niên... sẽ vận dụng đến anh hồn nhiều hay ít, và phối hợp với giác hồn bằng một cách quân bình hay thiên lệch. Và bởi một phần lớn kiến thức của người ta đều nhờ sự học vấn (học ở trường hay tự học) mà có, nên đời sống của cá nhân được ổn định hay phải thay đổi luôn — và đời sống của xã hội cũng thế — đều do sự học vấn đó được phổ biến một cách đúng đắn hay sai lệch.

Tôi nghĩ sự hiểu biết về linh hồn như trên đã tạm đủ cho chúng ta, nhận định cách thức tiếp thu và ghi nhận tin tức của giác hồn, cách thức liên tưởng hình ảnh thành chuỗi đi dần tới suy luận của anh hồn, có thể chấp chính hoặc đổi mới công việc giáo dục một cách thích hợp.

THỨ HAI, VỀ Ý NGHĨA VÀ GIÁ TRỊ CỦA SỰ SỐNG : Tân Trung dung chủ trương rằng Sự Sống không được sáng tạo (bắt đầu) một cách cố ý, nhưng cũng không phát hiện một cách hoàn toàn vô tình. Tân Trung dung chủ trương rằng Cẩn Khôn — gồm toàn bộ các tính thể (thiên hà, vân tinh,

thái dương hệ) — chính là Tào Hóa ; bầu không gian xanh lơ bao quanh Địa cầu là Trời, và là Cha chung của muôn loài trong khi Đất là Mẹ chung của tất cả. Nguyên lý tổng quát là không gian bao quanh và chuyển chở các thiên thể, trên căn bản « lẫn mò mù lòa » và « ngẫu nhiên có chỉ huy ».

Trời là nơi trở về của anh hồn những người già (và tài năng) và là nơi xuất phát của những anh hồn trẻ, nên từ nguyên thủy một khối ý thức A - lại - da phi cá tính, Trời dần dần trở thành vòng Luân Hồi Cao đẳng liêng — anh hồn của tổ tiên, ông bà, cha mẹ chúng ta đều ở trong Trời. Ngược lại, Đất là vòng Luân Hồi Thấp tính vi và mãnh liệt của sinh hồn của muôn loài, và do đó, mỗi cây cỏ ở trên hay mỗi côn trùng ở dưới đất (chúng quanh phần mẹ) đều có nhiều hay ít tế bào tan rữa từ thân thể người mới khuất. Và sau cùng, sự truyền tiếp giác hồn cho mỗi hài nhi đều căn cứ vào tính dục và tình yêu thương giữa cha và mẹ của chúng. Sự truyền tiếp này cho chúng ta hình tượng của một đường thẳng vừa ngăn cách vừa nối liền sinh hồn (sự sống của vật thể) với anh hồn (tác động của tinh thần).

Do những điều đã được trình bày mà chúng ta có thể quả quyết : người ta là một khác biệt, và cũng là **MỘT TIẾN BỘ** đối với muôn loài sinh vật. Nhờ giác hồn (của các giác quan) người ta biết có Trời cao là không gian vô cùng tận và linh thiêng ; nhờ anh hồn, suy tư và mơ mộng, người ta biết có Thời gian, mà sự sinh nở và cái chết là những mốc dấu nhỏ mọn, thụ động. « Thời-Không gian » ở đây là kích thước thứ tư của triết học, cũng như trong khu vực khoa học, Thời-Không gian cũng là một khám phá mới mẻ, một « kích thước thứ tư » hứa hẹn thật nhiều với các nhà chuyên môn vật lý học.

Kể từ A-lại-da thức thường hằng thường tịch (đối với quan sát khách quan) nghĩa là không có suy tư và đổi thay, chân không đã xuống thấp đến nguyên tử và tế bào, để có xúc cảm nội quan, rồi lại từ tế bào tiến tới sinh vật để giác ngộ khách quan — do khách quan mà phát sinh chủ quan — và bắt đầu có những xúc cảm liên đới giữa một sinh vật với một hay nhiều sinh vật khác như sự quyến luyến, sự thù ghét, sự sợ hãi, sự vui thích. Những xúc cảm đơn giản này sẽ trở nên phức tạp và mãnh liệt khi, ở trình độ nhân loại, chúng được mở rộng vào số đông (xã hội, dân tộc) vào đổi thay và chuyển động (thời gian, quá khứ và tương lai), và vào khoảng cách và không gian (Trời Đất, ý niệm thiêng liêng).

Ý nghĩa của Sự Sống, như vậy, là sự đạt tới một Ý Nghĩa Sau Cùng. Câu viết đây hàm hồ và nghịch lý ! Nhưng thật ra nó quả có một tác dụng. Nếu người ta nghĩ rằng Ý thức Nguyên thủy chỉ mới là một khả năng nhận biết mênh mông (vô cùng) và tinh tế, nhanh nhẹn (vận tốc tức khắc) ; và khả năng nhận biết này chỉ bắt đầu thực tế vận động bằng cách chuyển chở Cực Nguyên tử và ghi khắc sự hiện hữu : « Có ».

Chuyển chở một cách mù lòa và ngẫu nhiên. Nhưng trong mù lòa dần dần có sự lẫn mò, trong ngẫu nhiên dần dần có ý chí chỉ huy. Đó là đặc tính của ý thức trong khi tiến tới. Vì thế cho nên, cả Tào hoá (cần khôn) và Thượng đế (vùng trời địa phương) đều không biết, sự đổi thay và chuyển động sẽ đưa tới đâu.

Nhưng căn cứ vào sự nhận xét nhỏ nhoi trong muôn một của chúng ta về lịch sử của Sự Sống trên mặt Địa cầu ; căn cứ vào sự đổi thay từ trạng thái hỗn mang đến trạng thái trật tự, từ trạng thái hoang sơ tẻ diêng đến

giáo dục tân trung dung

trạng thái sinh sản phồn thịnh ; từ trạng thái im lìm chai cứng đến xúc cảm nội thân, giác ngộ ngoại quan, ý thức chủ quan, đến thăng hoa tới ý niệm thiêng liêng về Cấu Tạo, người ta có thể nói sự đổi thay đó là một sự tiến tới.

Khởi từ 2 danh vị nguyên thủy, sự chuyển động vật lý đã bắt đầu từ bao nhiêu tỷ năm trước. Loài người xuất hiện từ sự chuyển động ấy, đã bắt đầu một sự "trở về" nguyên thủy. Nhưng nguyên thủy không còn thường tịch như trước, vì Chân không đã có nhiều nơi đầy ngập ánh sáng, và giữa các thiên hà, thiên thể, đã có hằng hà sa số những dòng năng lực di động trong căn khôn, và chuyển chở những vầng thái dương, những quỹ đạo hành tinh tự chúng lại chuyển chở Sự Sống là đầu mối của mọi kiến thức, của mọi hoài bão về Sức Mạnh và Cái Đẹp.

Phần vụ của loài người là ở đó, nhờ bé xiết bao mà rộng lớn xiết bao ! Chúng ta hành diện nghĩ rằng rằng khi chờ đợi mỗi cá nhân biến thành tâm linh thuần túy để hòa đồng vào bản thể của Thượng đế — trong khi Thượng đế hòa đồng vào Tạo hóa Chân không —, thì đời sống của mỗi người, trong mỗi ngày, đều có ảnh hưởng vào sự hình thành của Thượng đế.

Quan niệm của Chardin ? các bạn hỏi. Tôi xin xác nhận : vâng, đúng thế. Chính giá trị căn bản của loài người làm nên Thượng đế. Nhưng giá trị căn bản đó là gì ? — Tôi xin thưa đó là :

- 1 — khả năng đào tạo lấy lương thực
- 2 — ý chí kết thành đôi lứa và truyền tiếp nòi giống
- 3 — khả năng giao truyền tin tức

Ba giá trị căn bản làm cho loài người khác và hơn loài vật. Nhưng chỉ có giá trị thứ

3 có tác dụng nâng cao đời sống của loài người lên đến trình độ tâm linh, khả dĩ ý niệm được Nguyên thủy, linh cảm thấy Chân không và thích ứng với Hòa đồng trong Phối ngẫu Toàn bích.

Giá trị thứ 3, khả năng giao truyền tin tức, là chìa khóa để mở cửa đi vào :

- tình yêu giữa đôi lứa
- hiểu biết giữa bạn hữu và tin cậy trong tập thể
- kết ước thành pháp luật
- ý niệm về quá khứ, phóng ý thành tương lai
- kinh nghiệm đưa đến tiến bộ
- kiến thức đưa đến tài năng
- ý chí tự tồn đưa đến hoài bão sự nghiệp

Trong 7 lĩnh vực trên đây, cũng như trong 3 giá trị căn bản của đời sống, chúng ta không nói đến giáo dục, vì giáo dục có liên hệ đến tất cả chi phối tất cả và đồng thời chịu ảnh hưởng của tất cả. Vì, trên phương diện tổng quát, giáo dục choán hết cả bình diện tinh thần của sự truyền tiếp nòi giống : giao hợp và sinh đẻ là nhiệm vụ chung của mọi sinh vật, còn giáo dục là phần vụ riêng của loài người, mặc dù có nhiều giống vật đã biết giao truyền cho nhau một số giới hạn kinh nghiệm đời sống

— kinh nghiệm thực tế, được giao truyền chỉ bằng những động tác cụ thể mà thôi.

Tôi đã viết quá nhiều về một đề tài siêu hình — nói cho đúng thì người xưa không hiểu rõ nên gọi là siêu hình — có vẻ như ra ngoài vấn đề giáo dục. Tôi nhận, nhưng tôi nghĩ đó là việc mà tôi cần, khi tôi dám trách nhiệm giáo dục, ở bất cứ nơi nào trên thế giới, vào bất

cử thời đại nào trong lịch sử, chưa bao giờ có phương pháp đúng đắn và mục đích sáng tỏ, bởi chưa bao giờ được đặt trong một ý thức hệ toàn vẹn.

Nghĩ như thế nên tôi thấy cần viết cho rõ, để trả lời. Sự trả lời đủ cho câu hỏi thứ nhất, nhưng không đủ cho câu hỏi thứ hai, vì chúng ta có thể hiểu biết đích xác về tâm hồn của mình, nhưng chúng ta không thể nào hiểu biết đích xác về cả hiện tại lẫn quá khứ và tương lai của Tạo hóa : là phần tử của đời sống, chúng ta có tinh thần khả dĩ đi nhập vào Chân không, nhưng chúng ta còn có thân xác — thân xác làm giàu cho tinh thần, nhưng cũng cầm giữ tinh thần không cho hội nhập thật sự vào Chân không (trừ khi đời sống của thân xác chấm dứt), bởi thế xác không bao giờ không có Chân không ở ngoài và bao bọc.

Đó là nói về lý thuyết triết học.

Trên phương diện thực tế, tôi hy vọng lấp bằng được những hố sâu, vít kín được những kẽ hở mà nền giáo dục hiện tại của chúng ta, theo lối Tây phương, hiện đang có :

— cha mẹ không biết dạy con cái còn thơ ấu cho đúng cách ;

— trẻ nhỏ mới đi học không được dạy đúng cái gì trước, cái gì sau, cái gì nhiều, cái gì ít ;

— khi lớn lên, ít có học sinh nào được cố bảo, hoặc có thì giờ suy nghĩ xem mình theo học ngành nào hợp, ngành nào không ;

— học sinh và sinh viên dù thông minh đến đâu cũng chỉ thể học bài và làm bài như máy. Sự học, nếu có cũng chỉ có mục đích thi cận : thi cho đậu, vào đời cho thành công — giàu sang quyền thế ;

— người trẻ tuổi có học bị ném vào xã hội hoàn toàn như những con vật tranh mỗi : mỗi tuy có khác, thú đoạn có khác, thái độ vẫn là một — xã hội vì thế mỗi ngày một thêm loạn, đời sống mỗi ngày một thêm khốc liệt ;

— Trừ một thiểu số mang sẵn tâm tư (gọi là) phiến loạn sẽ thành công rực rỡ hay thất bại ề chề, tới đại đa số thanh niên có học vẫn chỉ được phép giành giật với nhau một số quyền lợi thứ yếu, vì những quyền lợi to tát đã lọt vào tay một thiểu số lãnh đạo trong giai cấp tài năng.

Giáo dục, vì những lẽ trên, làm tăng thêm kiến thức bao nhiêu thì làm giảm bớt nhân cách bấy nhiêu. Tất cả những điều được học, gọi là đề tồ chuốt những hòn ngọc quý, gọi là đề mở rộng tâm hồn, gọi là đề nâng cao sự hiểu biết và đề rèn luyện trí khôn, thật ra chỉ nhằm mục đích đào tạo một tầng lớp tay sai cho tổ hợp hữu quyền : từ thời Trung cổ, các lớp học chỉ được mở ra để huấn luyện cho triều đình một số công chức vừa đủ.

Nhưng chúng ta đã thấy nguồn sinh lực — hay sự tham lam — của con người phương Tây quả thật rất mãnh liệt. Chỉ cần cho phương pháp in sách rẻ tiền được tìm thấy là, nội trong vòng một trăm năm, quốc ngữ Pháp đã, từ phôi thai và đại chúng, tiến tới điều luyện và chính thức trở thành ngôn ngữ của thơ văn. Một trăm năm nữa đã trưởng thành kinh điển, một trăm năm sau đã mở đường đưa chế độ quân chủ đến cáo chung.

Bấy nhiêu biến cố đều bắt nguồn từ sự mở rộng của giáo dục. Cũng bắt nguồn từ sự mở rộng của giáo dục, những đạo quân đi chinh phạt thuộc địa; những thầy giáo sang Đức, sang Nga: những gia đình phiêu bạt qua Đại Tây Dương tái lập sự nghiệp trên đất hứa.

giáo dục tân trung dung

Bấy nhiêu biến cố đều bắt nguồn từ giáo dục — nói cho đúng là từ sự mở rộng học vấn mà không có một chính sách giáo dục bao quát được tương lai. Bởi vì bất cứ ai muốn học, mà có tiền, đều được học. Người có học mỗi ngày một nhiều, trong khi những chức vụ xứng đáng không tăng theo kịp, nên tất cả đều phá cách: mới 30 năm trước đây, các nhà thông thái danh tiếng, các nhà thơ văn lớn, còn tự coi họ có bốn phần đứng ở ngoài và trên những sinh hoạt tầm thường của chính trị; còn bây giờ, gián tiếp hay trực tiếp, đã trở thành « chuyên viên » của chính trị.

LÝ THUYẾT GIÁO DỤC TÂN TRUNG DUNG

Nếu đọc kỹ, bạn đã thấy căn bản của lý thuyết này trong phần trên, đoạn nói về đặc tính của linh hồn và giá trị của sự sống. Bạn đã thấy rằng học không là gì khác tiếp nhận kinh nghiệm của những đời trước, và ghi nhớ những kinh nghiệm của đời này. Bạn đã thấy, qua những giai đoạn hình thành của linh hồn, sự học thấm nhập vào đầu óc trẻ thơ, đầu óc của thanh thiếu niên như thế nào: kỷ ức tự động, trước rồi rạc sau nối tiếp; kỷ ức nối dài thành chuỗi hình ảnh có ý nghĩa kỷ ức trừu tượng của ý nghĩa rồi hội nhập và so sánh ý nghĩa mà thành suy luận.

Với giá trị của cuộc đời, nghĩa là mục đích của sự học, tôi đã trình bày như một nỗ lực liên tục từ tế bào đến loài người, là trước hết đào tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho đời sống của mỗi cá nhân — tức là đào tạo hạnh phúc — và tìm đường trở về với Thượng đế, với Tạo hoá. Sau 500 năm cần thiết để xây dựng cho cả nhân loại một cuộc sống điều hoà, rạn vỡ giữa tâm hồn và thân xác, có thể nhân

loại dần dần biến tính, càng ngày càng mạnh nơi anh hồn, cho đến khi anh hồn « thấy » và « làm chủ » mọi chuyển động trong nội tâm các nguyên tử, khiến cho mỗi người có thể tự hòa tan vào Chân không, dựa vào những luồng Ý thức luân lưu trong căn khôn mà đến thăm hành tinh này, hành tinh nọ.

Bạn có thể nghĩ tôi hơi loạn óc vì quan tâm đến những điều xa xôi quá. Bạn nghĩ đúng, nhưng bạn cũng thông cảm cho tôi: sự hiểu biết không đứng lại ngang đường, trừ phi bị cắt đứt cuộc sống. Tôi cần được thuận lý với chính tôi trong khi dò tìm kiến thức. Một lý thuyết chỉ có giá trị nếu nó giúp bạn trả lời được bất cứ câu hỏi nào đến với bạn. Những câu hỏi về giáo dục lại rắc rối hơn cả, vì trong phạm vi nhỏ hẹp nó phải trả lời được một em học sinh ngồi trong lớp, nhưng trong phạm vi rộng lớn nó bao quát đời sống cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai, và bao quát mọi dân tộc, mọi nhân loại (nếu có) khác với nhân loại trên Địa cầu.

Trong ý thức ấy, tôi thấu tóm những khuyết điểm, sai lạc của nền giáo dục hiện tại của chúng ta. Rồi lý thuyết sẽ trả lời, sau đó.

THỨ NHẤT, không cha mẹ nào biết rằng tâm hồn trẻ nhỏ được đào tạo ngay trong tâm hồn người cha và trong suốt thời kỳ mang thai của bà mẹ. Nhất là không cha mẹ nào biết, và lại có biết cũng chưa chắc đã làm được gì hơn, rằng anh hồn của trẻ nhỏ còn tiếp tục hình thành trong suốt năm đầu của tuổi thơ — và, do đó, em nhỏ nào cũng cần được nuôi nấng ở những nơi cao rộng, có nhiều trời xanh và nhiều gió lộng.

THỨ HAI, ít có bậc cha mẹ nào chú ý rằng từ khi trẻ nhỏ biết nhìn, biết nghe, là em đã bắt đầu ghi nhận tin tức. Những tin

tức căn bản, mặc dù là những tiếng động nửa vờ, những hình ảnh vờ vụn, nên nhất thiết tin tức đến chung quanh em không bao giờ được dữ tợn, xấu xa, mặc dù em không hiểu gì. Về thân thể, người ta không bao giờ nên bắt chước người phương Tây, đòi hỏi quá nhiều, đến gây những phản ứng chống đối (dù nhất thời), như bắt ăn đúng giờ, ngủ đúng giấc, đại tiểu tiện cũng được ấn định rõ rệt : em nhỏ mất sự thoải mái rất cần cho một tâm hồn trong sáng, bình thản sau này.

THỨ BA, khi em nhỏ hiểu, nhớ và nhắc lại được những câu nói ngắn gọn, là sự học của em đã bắt đầu. Hát, vẽ, rồi nhảy múa. Cùng lúc đó, em học tiếng mẹ đẻ, rồi một ngoại ngữ thông dụng — ở Việt Nam là Hoa ngữ và Anh ngữ. Khi lên 5, lên 7, em bắt đầu học văn phạm, địa lý, sử ký và một một ít sơ lược về tự nhiên học (cơ thể con người, vệ sinh, sức vật ăn thịt và sức vật nuôi trong nhà). Lên 10, tuổi, em bắt buộc phải đọc thông viết thạo 2 sinh ngữ, và có một số ý niệm tổng quát về đời sống chung quanh. Đây là thời kỳ em nhỏ được huấn luyện để xử dụng tốt tất cả các giác quan, cùng các bộ phận có nhiệm vụ thiết yếu đối với sự hình thành của giác hồn. Bậc cha mẹ, anh chị và thầy giáo không nóng nảy thúc bách em vận động đến anh hồn quá sớm.

THỨ TƯ, trung bình vào khoảng 10 tuổi, em nhỏ ấu nhi đã trở thành thiếu nhi, thầy giáo dạy cho em hiểu ý nghĩa của tin tức, truyền cho em phương pháp ghi nhận hình ảnh đơn thuần hoặc phối hợp bằng mắt, tai, mũi lưỡi và sự động chạm. Sau đến phương pháp ghi nhận những hình ảnh trừu tượng, tiếp, nối, ngắn và dài. Sau cùng đến suy luận. Toán pháp không phải là cứu cánh mà chỉ là phương tiện — vì thế nên gần trọn chương trình toán Trung học sẽ được bãi bỏ, vì học sinh, sau này ra đời, dù

có rất giỏi cũng không bao giờ dùng đến toán học ; vì một người bình thường chỉ cần biết và thành thạo, suy luận trên căn bản từ 3 đến 5 dữ kiện là cùng. Nói tóm lại, sự học từ 10 đến 17 tuổi, nhằm mục đích cung cấp tiện lợi cho học sinh trong 2 lãnh vực kiến thức phổ thông (nhất là về các luật lệ của xã hội) và kiến thức nghệ thuật. Hiểu được người bên cạnh, vào đào tạo được cho mình một cuộc sống bình thường (về giá trị) nhưng tốt tươi (nguồn vui của giải trí), là 2 điều kiện cần thiết để tổ chức đa số thanh niên không được học lên đại học.

THỨ NĂM, mỗi thiếu niên trở thành thanh niên đều phải thỏa mãn 2 điều kiện. Điều kiện thứ nhất là kinh qua một thời gian phục vụ cộng đồng trên căn bản bình đẳng với mọi thanh niên cùng lứa tuổi. Các nước Tây phương lợi dụng thuyết « bình đẳng trước tập thể », bầy đặt ra nhiệm vụ quân sự, có nơi chỉ kéo dài 6 tháng có nơi đến 2 năm, gọi là để được huấn luyện sẵn sàng để bảo vệ tổ quốc mỗi khi cần.

Tôi đã viết nhiều về thủ đoạn lợi dụng danh nghĩa « quê hương » và « dân tộc » của giai cấp lãnh đạo xã hội : trong số một trăm cuộc chiến tranh đã xảy ra có thể có đến 95 cuộc chiến tranh hoàn toàn do ý muốn và quyền lợi của giai cấp lãnh đạo — số còn lại, 5 phần trăm, bao gồm những cuộc chiến tranh dài ngày có tính chất xâm lược (như cuộc chiến tranh tiêu diệt dân Da Đỏ ở Bắc Mỹ, cuộc chiến tranh tiêu diệt vương quốc Chiêm Thành ở Việt Nam) nhưng đồng thời có tính chất tự nhiên giữa một dân tộc cần đất sống và một dân tộc về chiều. Vì thế, tôi yêu mến và quý trọng người thanh niên trong quân ngũ, nhưng tôi chống đối sự tổ chức quân đội như một lực lượng thường trực, có tác dụng của một phương tiện khống chế nhân dân hay

giáo dục tân trung dung

xâm lăng các nước láng giềng, trong tay một chính quyền độc tài kiểu tư bản hay cộng sản cũng thế.

Một thanh niên đang lớn không vì lẽ gì có thể bị bắt buộc phải học tập động tác giết chóc đồng loại. Nhưng tôi đồng ý rằng chính trong tuổi thanh niên, tinh thần con người có thể được hướng dẫn để làm quen với đời sống tập thể, nhằm mục đích làm tròn một nhiệm vụ chung nào đó, có hướng tâm phục thị cộng đồng. Nhiệm vụ đó, theo tôi, là nhiệm vụ đào tạo lương thực. Ý nghĩa triết học (luân lý) của nhiệm vụ này rất đầy đủ: tuy loài người đã quen sống với nhiều dụng cụ phụ thuộc, và nhiều khi dường như dụng cụ phụ thuộc còn quan trọng hơn lương thực — như người đàn bà tưởng mình có thể nhịn ăn mà không thể nhịn trang điểm — người ta hẳn chắc còn đủ sáng suốt để xác nhận rằng một cá nhân có ý thức, sau khi làm đầy đủ công việc để được coi như chính bản đã bảo đảm đầy đủ lương thực cho suốt đời bản, cá nhân ấy có quyền tự coi mình như được giải thoát quá nửa những ràng buộc của đời sống thể chất. Còn về tinh thần, người ta rất dễ chứng tỏ cho một thanh niên đi làm nhiệm vụ lương thực thấy rằng trong cuộc sống của muôn loài, chỉ có loài người mới có khả năng đào tạo lương thực, để nhờ thế mà bớt lệ thuộc vào thiên nhiên, để có thì giờ và thoải mái để làm những công việc khác — thật ra, nếu loài người tiếp tục như loài vật, suốt ngày và suốt đời phải lo tìm kiếm lương thực, thì chắc hẳn chẳng bao giờ có văn hóa...

Nói về giáo dục. Thời gian dùng sức mạnh của bắp thịt vào công việc cấy ruộng, gặt lúa, là thời gian nghỉ ngơi và hàm dưỡng của tâm hồn. Sau 20 năm học, người trẻ tuổi cần có một khoảng cách để nhìn lại, thấu hiểu

và hồi nhập những kiến thức đã thu thập được vào cái bản chất suy tư của anh ta. Rồi từ đó mới phát hiện những toán tính vừa tầm với khả năng của đương sự. Từ 3 đến 5 năm sinh hoạt giữa phong cảnh có trời cao, gió lồng và đất rộng, sông dài, cũng là thời gian rất thích hợp cho sự nảy nở thân thể của người trẻ tuổi, đứng vào lúc sự nảy nở ấy chậm dần rồi ngừng lại, và cũng đứng vào lúc người thanh niên chuẩn bị bước vào đời sống tập thể. Tôi tin tưởng rằng chúng ta có đầy đủ điều kiện lý thuyết để quả quyết rằng sự chuẩn bị ấy đã được trọn vẹn, và sau 10 năm học phổ thông, 4 năm lao động lương thực, người thanh niên của chúng ta có thể bước vào cộng đồng, bắt đầu cuộc đời thật sự của anh, mà không có một mặc cảm nào trong tâm hồn.

THỨ SÁU là, trong mọi chế độ giáo dục hiện hữu, vấn đề khó khăn nhất, hầu như không thể nào giải quyết được, là dạy những gì thích hợp với người được học, và dùng những người đó làm những công việc gì thích hợp với những điều đã được học. Cái khó, nói một cách thực tế, là dạy sao, cho đúng người, và dùng người sao cho đúng chỗ. Nhà giáo dục nào cũng biết, và cũng thường nói đến những điều đó. Nhưng nói chỉ để đấy. Vì suốt từ 500 năm nay, số người đổ xô vào trường học vẫn mỗi ngày một nhiều, và xã hội mỗi ngày một thêm loạn.

Lý thuyết không có, lý tưởng không có, ai nấy đều nói rằng học để biết, nhưng ai nấy đều nghỉ học để kiếm việc làm, để traah. sống sao cho tài giỏi. Vì thế, bậc cha mẹ chọn ngành học không căn cứ vào khả năng của con cái, mà căn cứ vào « thị trường chức nghiệp ». Cách đây khoảng 10 năm, các bạn trẻ được cha mẹ khuyên theo học luật, vì thấy học luật ngắn ngày, mà luật

sư đặc dụng, làm bộ trưởng hay dân biểu khá nhiều. Kết quả là mấy năm gần đây, số cử nhân luật chưa được 25 tuổi có rất nhiều người không tìm được việc làm (may mà quân đội còn cuốn đi một số lớn). Cách đây khoảng 6 năm, quân đội Mỹ tràn vào Việt Nam, và ai nấy đều nói về kỹ thuật. Từ 1965 đến 1970, nhiều bạn trẻ được gửi đi ngoại quốc học đủ mọi ngành máy móc. Kết quả là đa số các bạn đó sẽ ở hẳn nước ngoài, vì trong nước chẳng bao giờ có cơ sở có thể dùng đến tài năng của họ — một cậu em tôi đang thất nghiệp vì có đến 2 bằng tiến sĩ khoa học, một đứa cháu tôi chuyên kế hoạch phóng tên lửa nhân tạo phải làm việc ở Houston (Mỹ); một người bạn tôi có đứa con lớn học rất giỏi và đậu tiến sĩ vật lý toán học ở một trường có tiếng lớn lắm ở Mỹ là trường MIT, nhưng khi về Sài Gòn, đang tập lính ở Quang Trung thì được Nhà Nước gọi về giữ nhiệm vụ quan trọng ở bộ Kinh tế — không phải nhờ cấp bằng tiến sĩ, mà nhờ nhân một dịp nghỉ, thằng cháu có qua trường Harvard học chơi mấy tháng về kinh tế.

Tôi không có ý phê bình việc làm của riêng bộ Kinh tế, mà muốn chứng tỏ trên phương diện tổng quát rằng từ bao lâu nay, các chính phủ liên tiếp đều không có một chủ đích nào về giáo dục cũng như về cách thức dùng người. Chính phủ Ngô Đình Diệm tự biết không có việc đề dùng nhiều người, nên ngăn chặn cả du học ngoại quốc lẫn mở trường (trình độ cao) trong nước. Chính phủ Nguyễn Ngọc phơ mở rộng đường sang Pháp mà chính phủ sau vội vít kín lại ngay... Rồi, sau đó, theo lẽ tự nhiên, một số khá lớn — từ 1 đến 2 triệu — sinh viên được cấp học bổng hoặc được tự túc du học tại các nước nói tiếng Anh.

Trên lý thuyết, người ta nói du học để sau này về nước phục vụ xứ sở bằng cách tham gia công cuộc phát triển kỹ nghệ. Nhưng trên thực tế, một phần lớn bạn trẻ du học để trốn động viên, một phần nhỏ biết trước sẽ phải về nước cũng nuôi hy vọng chiếm được chỗ làm tốt trong quân đội hay một vài xí nghiệp có quyền thế: sinh viên tốt nghiệp ở ngoại quốc vẫn được coi như có giá trị hơn sinh viên có bằng cấp tương đương trong nước.

Thật ra thì ai nấy đều biết các trường sở ngoại quốc, về khoa học và kỹ thuật, có nhiều phòng thí nghiệm rất tiến bộ, nhưng phòng thí nghiệm — nói cho đúng là phòng nghiên cứu — không dành cho sinh viên lớp dưới: muốn tham dự công việc nghiên cứu với các giáo sư, là những nhà bác học danh tiếng, sinh viên ở Stanford phải đậu xong bằng tiến sĩ y khoa, sinh viên ở Cal Tec, hay MIT, Princeton v.v... phải đậu xong bằng tiến sĩ khoa học. Vậy nói cho rõ là những năm học không đáng kể, vì chỉ có thời gian tập sự mới làm nên giá trị của một chuyên viên.

Nhà cầm quyền ở Việt Nam thừa biết như vậy. Nhưng lợi dụng tâm lý hướng ngoại đã có từ thời Pháp thuộc, người ta vẫn dành nhiều đặc quyền cho sinh viên du học trở về. Vì lẽ gì? — Thật dễ hiểu: bao nhiêu con cháu những gia đình quyền thế đều được du học, cho nên khi họ trở về, mọi lợi thế đã được chuẩn bị cho họ nắm quyền lãnh đạo xã hội thay thế ông cha họ. Những thanh niên có thực tài nhưng không thuộc giai cấp lãnh đạo (hoặc có tính tài xã hội, không muốn tham dự giai cấp ấy), sẽ luôn luôn gặp khó khăn, đến độ có thể bị đim nén vĩnh viễn trong một mức sống tầm thường.

Lẽ tất nhiên những người có thủ đoạn như thế không thể bị coi là không có chủ đích. Như chính quyền, hồi gần đây, cho mở thêm một lúc đến 4 viện đại học, cũng là có chủ đích : chủ đích mua chuộc và làm yên những đòi hỏi, quấy phá có tính chất tôn giáo, địa phương. Chính quyền không tính chuyện lâu dài, và lại cũng không có ý thức rõ rệt về tâm lý xã hội, nên không trông thấy, hoặc có trông thấy cũng vì cái lợi nhất thời mà cam nhận cái hại lâu dài : mỗi năm có thêm từ 1 nghìn nhà trí thức có cấp bằng đại học, nền kinh tế Việt Nam làm thế nào để cung cấp công việc làm ăn xứng đáng cho họ — một bạn trẻ nộp cấp bằng cao học luật khoa đề tranh một chức thư ký đánh máy, nhưng đã bị từ chối vì một lý lẽ giản dị, là từ cấp trưởng phòng đến cấp giám đốc tương lai của bạn trẻ đó đều không ai có bằng cử nhân !

Chính quyền thừa biết thế giới loạn vì có nhiều nước mạnh (tiền bộ), xã hội loạn vì có nhiều người tài giỏi. Khi nào bằng cấp còn được dùng làm tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên của chính phủ, thì khi ấy bằng cấp mặc nhiên được coi như có tác dụng bảo đảm quyền lợi và địa vị. Vì thế nên người có bằng cấp lâu ngày mà không thấy có quyền lợi, địa vị — tất nhiên sẽ phát sinh oán hận và chống đối chính phủ.

Để tránh những tai hại trên đây, người ta không có quyền chờ đợi một phép lạ. Nền kinh tế Việt Nam, nằm trong quỹ đạo của nền kinh tế Nhật Mỹ đã sản xuất thừa mứa, không hy vọng gì có thể dùng được nhiều chuyên viên Việt Nam vào các ngành kỹ nghệ — cho dù có khai thác được mỏ dầu cũng chỉ có lợi lớn cho một số nhỏ nhà tư bản. Nhưng người ta không thể nào nhân danh sự yếu kém về kinh tế mà đóng cửa bót trường đại

học, trung học, và cấm hẳn du học sinh. Vì không một dân tộc nào đã biết đến sự học, lại có thể chấp nhận sự dốt rất dễ được yên ổn về kinh tế xã hội. Nhất là dân tộc Việt là một dân tộc vô cùng hiếu học (Nếu chế độ Nho giáo xưa kia có thể giới hạn sự học vẫn để giữ yên xã hội, ấy là vì sự giới hạn đã có ngay từ đầu : dân chúng chưa ăn phải "trái cấm" của kiến thức, nên không biết đòi hỏi một cách mãnh liệt).

Bây giờ tất cả mọi người dân đều biết học vẫn là cánh cửa mở thẳng vào con đường của sự nghiệp, nên không thể có chính quyền nào dám nói đến giới hạn sự học.

Điều thứ nhất người ta cần phải làm và có thể làm là tìm và gán cho học vẫn một mục đích, một lý tưởng nếu có thể, mà ai nấy đều chấp nhận được, mà không đưa đến sự tranh giành quyền lợi, địa vị.

Điều thứ hai người ta cần phải làm và có thể làm là tách rời công việc đào tạo chuyên viên thành một hệ thống "trường cao đẳng" chịu thiệt thòi vì không trực tiếp nhắm cái vinh dự của những nhà thông thái xuất thân từ các đại học, nhưng lại có cái lợi là đưa đến công ăn việc làm ngay trong guồng máy Nhà Nước.

Cả hai điều có thể được thực hiện bằng cách :

- a — Tuyên bố rõ và nhắc đi nhắc lại rằng sự học phổ thông, cho đến năm 16—17 tuổi, chỉ có mục đích giúp cho con người hiểu được mình và đồng loại, biết rõ quyền lợi và nhiệm vụ của cá nhân đối với tập thể, và có khả năng đón nhận và tài bồi các thứ giá trị về tinh thần như sự tin tưởng ở Trời Đất, tình yêu gia đình, tình

bè ban, sự sáng tác hoặc hưởng thụ nghệ thuật (ca, nhạc, thi, văn, điêu khắc, hội họa v.v...)

b— Giúp đỡ các thanh-niên, trong thời gian họ làm nhiệm vụ lương thực, để sau khi thĩm nhuần 10 năm học p ò thông, họ có thể tìm hiểu tâm hồn và khả năng của họ.

Khi thời gian này sắp hết, phải giúp đỡ họ qua những cuộc trắc nghiệm minh bạch, để tỏ rõ hướng tâm và khả năng của họ.

c— Những người có khiếu về nghệ thuật sẽ được giúp đỡ để tiến về nghệ thuật.

d— Những người có tài và có óc sáng tạo được hướng dẫn vào khu vực đại học—đại học được quan niệm tương tự như ở Hoa Kỳ, Nhật Bản hiện nay, là khu vực của suy tư tổng quát về khoa học thuần túy, là vốn liếng của dân tộc hướng về tương lai.

d— Trong khi đó, các cơ quan chuyên môn của chính quyền trung ương cũng sẽ dùng phương pháp trắc nghiệm mà tuyển dụng sinh viên vào các trường cao đẳng. Số sinh viên, tùy theo số nhân sự mà mỗi cơ quan xét thấy cần thiết vào đúng lúc họ tốt nghiệp, sẽ chỉ được—tuyển đúng theo nhu cầu, và họ chính là những kỹ thuật gia làm chạy các guồng máy về y tế, kinh tế, công lộ, điện lực v.v...

Năm phương thức quan niệm và tổ chức giáo dục trên đây tất nhiên không thể được coi là hoàn hảo nếu không có những cuộc đổi mới song hành. Ví dụ như muốn cho tất cả những

người trẻ đều cùng làm nhiệm vụ lương thực trong một vòiri hạn bằng nhau, người ta không thể nào dung dưỡng chế độ đại tư bản hiện tại. Vì những người giàu có chắc hẳn không chịu cho con cái họ phải vất vả như con cái nhà nghèo.

Đời sống ở nông thôn không thể ở mãi trong tình trạng nghèo và khổ quá như đời sống của đa số đồng bào miền Trung. Đời sống tương đối đầy đủ của đồng bào nông dân miền Nam cũng cần được giúp đỡ để ra khỏi tình trạng phân hóa và lạc hậu (về kỹ thuật) hiện tại : mỗi làng phải có đường rộng và tốt nối liền với các thị trấn đồng đúc hơn, mỗi thôn xóm phải có điện nước, mỗi gia đình phải có một ngôi nhà khang trang có phòng ngủ và phòng làm việc Với điều kiện một chế độ nông nghiệp hợp lý được thi hành — như tôi đã trình bày nhiều lần, mỗi khi viết về cách mạng nông thôn — người nông dân không thể bị khinh khi là dốt nát, và đời sống ở thôn quê có đủ các tiện nghi kỹ thuật ở giữa cảnh Trời cao Đất rộng, mỗi thanh niên không được lựa chọn để tiến tới trên con đường học vấn, sẽ không có mặc cảm thất bại, và sẽ không từ chối cuộc sống ở hẳn nơi đồng ruộng (chưa kể rằng mỗi người tất nhiên được qua cuộc trắc nghiệm nhiều lần).

(Bạn đọc ở thành thị có thể nghĩ rằng kế hoạch có đẹp, nhưng không thể có tiền bạc mà làm. Tôi xin bảo đảm rằng chúng ta chỉ thiếu thiện chí và đầu óc tổ chức từ đầu. Nếu khởi sự bằng kiến diễn, rồi làm nhà, đắp đường, đặt máy điện, công cuộc đổi mới toàn diện cho 6.000 mỗi làng không thể tốn hơn 300 tỷ đồng, chia cho mỗi làng cỡ 50 triệu. Số tiền 300 tỷ gần bằng ngân sách VNCH năm 1972. Nếu chia ra làm 5 năm thì mỗi năm 60 tỷ mới

bằng tiền quân phí nước ta trong 4 tháng (năm 1971). Và lại, điều đáng lưu ý là, nếu chính quyền có kế hoạch hợp lý, và nếu dân chúng nhiệt tình tham dự, thì không thiếu gì « nước bạn » giúp chuyên viện, cho vay vốn và bán chịu máy móc.)

Kết luận, tôi sẽ không nhắc lại những điểm phân tích lý thuyết Giáo dục Tân Trung dung ở đây, vì tôi đã viết rõ ở phần trên, trong khi trình bày về đặc tính của linh hồn và giá trị của Sự Sống. Tôi chỉ còn phải thâu tóm rằng 6 điểm sửa chữa cho chế độ giáo dục cũ chính là 6 điểm cụ thể thực hiện chế độ giáo dục mới: *thích hợp với từng giai đoạn trưởng thành của tâm hồn và đáp ứng nhu cầu thể hiện giá trị của đời sống.*

Cụ thể, lý thuyết giáo dục tân trung dung có tác dụng :

1 — Xóa bỏ bất công trong sự đào tạo nhân tài

2 — Hợp lý hóa sự học vấn khiến cho xã hội bớt loạn lạc vì sự bất mãn của giới trí thức.

3 — Giải phóng ý chí sáng tạo bị chế độ Cộng Sản tiêu diệt

4 — Đem sự yên ổn đến cho những người tự do

5 — Hóa giải căn bản những bất công khác

Năm tác dụng lớn lao mà người ta tưởng như khó lòng đạt được. Nhưng đó chính là sự thật, vì, như đã được trình bày, nguồn gốc của loạn ly (và của cả chiến tranh) thực tế luôn luôn bắt đầu ở tuổi 18-20 của những người trẻ, dưới chế độ giáo dục hiện tại. Bởi vì chính ở tuổi đó mà người ta làm những

quyết định ảnh hưởng đến suốt cả cuộc đời. Đó là lúc một số rất đông học sinh theo chương trình phổ thông rồi bỏ học đường để bước vào đời sống, trong khi một số nhỏ khác tiếp tục học lên đại học. Trong cả hai trường hợp đều có sự lựa chọn, với những ý niệm hết sức mơ hồ về những gì đã được học, và những hiểu biết mênh mang, lênh lạc về con đường mà mỗi người bắt buộc phải đi, trong tương lai.

Như thế, làm gì mà xã hội không loạn ! Một thiếu niên lớn lên trong vòng đai một thành phố lớn, có bao giờ được biết thế nào là sự êm ả, sự thoải mái của đời sống nơi đồng ruộng ? Một thiếu niên lên 9, lên 10 tuổi, đã biết rõ uy thế của đồng tiền, và tập quen sự hệ lụy vào lợi lộc, rồi càng lớn lên càng thấy rõ rằng đời sống có tiền bạc là có tất cả, mà không, có tiền bạc là không có tất cả — thậm chí những tình cảm thiêng liêng cũng bị chi phối bởi tiền bạc... Một thanh niên như thế, khi bước vào cuộc sống giữa cộng đồng dân tộc, tất nhiên phải quyết liệt đấu tranh, và tất nhiên sẽ có nhận thức rằng gia đình hay tổ quốc, danh dự hay tình yêu, đều chỉ có ý nghĩa khi có đầy đủ tiền bạc. tp

Một thời gian nhiều năm lao động ở đồng ruộng sẽ giúp ích thật nhiều cho tuổi trẻ. Trước hết là sự phát huy một tinh thần xã hội công bằng và bình đẳng: tất cả mọi người phải cố ăn mới sống, nên tất cả mọi người phải cạnh tranh. Con nhà giàu, con nhà nghèo, không còn gì cách biệt, nếu không nói rằng chính trong khi làm những công việc không bị tiền bạc chi phối mà những người trẻ có thể quen biết nhau, tìm hiểu và yêu mến nhau một cách chân thật.

Thời gian nhiều năm ở thôn quê cũng cho phép những người trẻ ở thành thị được

Sống một cách thoải mái, nhất là về tinh thần. Công việc ruộng rẫy không bao giờ chiếm quá nhiều thì giờ, mà cuộc sống giữa trời cao đất rộng khuyến khích những người trẻ tìm đến những giải trí thanh cao: đọc sách, chơi đàn, thả diều sáo,... và cả đi bộ dưới một bầu trời nắng quai hay mơ mộng dưới ánh trăng. Những điều thật giản dị, mà người nào có được sống mới được biết tâm hồn người ta được cởi mở và lắng trong biết bao nhiêu.

Thời gian ở thôn quê cũng là thời gian suy tư của mỗi người trước khi lựa chọn vào đời. Một phần lớn bạn trẻ, tôi dám chắc như vậy, sẽ không muốn rời bỏ những chân trời cao rộng để trở về cuộc sống huyên náo và phồn tạp của thành thị. Nhất là khi tìm gặp được người bạn đời, và có triển vọng kiến tạo ngay được một cuộc đời không bon chen, giành giật, nhưng cũng không thiếu thốn bất cứ một tiện nghi kỹ thuật nào.

Tôi không thể tưởng tượng rằng sau khi được sống một thời gian đến mấy năm ở thôn quê lại vẫn có người muốn trở về thành thị để lập lại cuộc đời đầy gieo neo, bất trắc, mà ban ngày trần ngập bụi bặm và lo âu, mà ban đêm được dành cho những thú vui điên loạn, hay những giấc ngủ mệt nhọc và đầy mộng mị hãi hùng. Tôi không tin trong 10 người có đến 2 người muốn trở về bè phố, trừ những ai tự cảm thấy trong tâm hồn một sức sống mãnh liệt, một hoài bão cao xa, muốn giúp ích nhiều hơn, để xây dựng một sự nghiệp lớn lao mà người đời kính trọng. Những người đó sẽ trải qua những cuộc trắc nghiệm có tác dụng xác định tài năng của họ: khi tài năng được xác nhận, một cuộc sống nhiều nỗ lực bắt đầu.

Như vậy, không bao giờ xã hội có quá nhiều người gọi là trí thức để tạo loạn. Cũng

không có những người cứ chăm chỉ học bài là đỗ đạt, cứ có cha mẹ quyền thế giàu sang là có địa vị đợi chờ. Những bất công mà chúng ta thấy dưới tất cả mọi chế độ tự do đều chấm dứt—nhất là khi tài sản của mỗi người dù lớn nhỏ, đều trở về với quốc gia khi cuộc sống của người đó chấm dứt. Sự cạnh tranh vẫn có, nhưng thay vì thu thập tiền bạc, người ta sẽ thu thập sự ngợi khen của thiên hạ.

Sự đòi hỏi của những người Cộng Sản sẽ được thỏa mãn. Nhưng không phải vì thế mà đem một tấm lưới màu xám trùm lên bao phủ cả sự vật. Trạng thái oán nhiệt đến hỗn loạn cần phải chấm dứt, sự lấn áp giữa người với người đưa đến thống trị và bóc lột cũng phải chấm dứt, nhưng mỗi phần tử tài năng vẫn nhiệt tâm tranh đấu, không phải trong vòng kỷ luật sắt của đảng, không phải để suy tôn một lãnh tụ nhất thời, mà để hoàn thành mỗi người một công trình sáng tạo về tư tưởng, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật. Một trong hai lỗi lầm quan trọng của Cộng Sản là nô lệ hóa trí thức và tiêu diệt mơ mộng—lỗi lầm thứ hai là ý chí kiểm soát và chi phối tâm cảm của dân chúng—lỗi lầm ấy đã được sửa chữa.

Sự học vẫn được phát triển đồng đều và đúng mức như người Tây phương đòi hỏi. Nhưng nó sẽ không gây nên loạn ly như người Đông phương lo ngại. Được như thế là đạt tới trạng thái lý tưởng « không quá trốn cũng không bắt cập » mà các nhà tư tưởng xưa nay ao ước.

Về lý thuyết, khi chưa có nó, người ta hảy lý thuyết là rất cần, vì không có lý thuyết tất nhiên mọi hoạt động không được soi sáng. sự nỗ lực của người làm việc có thể có thể có kết quả xấu. Nhân loại, chính vì thế, đã tiến bộ trong đau thương. Trời đất hỗn ám,

giáo dục tân trung hưng

báo táp hay lụt lội, động đất và núi lửa... đều do anh hồn trở về chân không đem theo quá nhiều ân ỨC, khiến cho chân không vì thế mà dao động.

Nhưng có lý thuyết rồi, thực tế lại trở thành quan trọng. Rất nhiều người từ chối nghiên cứu lý thuyết, cho rằng lý thuyết suông không có ảnh hưởng gì đến thời cuộc. Thái độ đó tất nhiên sai lầm, người làm việc càng ở vị trí cao — bộ trưởng, thủ tướng, quốc trưởng — sự sai lầm càng nặng nề. Nguyên nhân của sự sai lầm đó là hết thảy những lý thuyết được kiến lập gần đây, nghĩa là từ sau Karl Marx, đều thiếu tính chất thực tế. Hiện sinh, cơ cấu, duy lý, duy thức (không phải của Nhà Phật), duy linh (không phải của Chúa Ky tô) đều có tính chất diêm trang trí tuệ nhiều hơn tác dụng cải tạo xã hội, ổn định tâm tư.

Tân Trung hưng như một lý thuyết, chỉ có giá trị nếu được áp dụng vào thực tế, nó đem đến cho xã hội những điều mới tốt đẹp, đúng như được lý giải trong luận đề: xóa bỏ bất công, giải phóng xã hội sáng tạo, hợp lý hóa sự học vấn...

Áp dụng một lý thuyết mới là việc của chính quyền, nhưng chính quyền chỉ là một danh nghĩa. Còn cụ thể phụ trách là ông tổng trưởng, giáo dục, mà thực tế có ảnh hưởng tác động là các viện đại học và Hội đồng Q.G. Văn hóa và Giáo dục. Những cơ sở, những nhân vật già nua, không có đủ tự tin để tự mãn, nhưng vẫn cứ tự mãn vì người tin ở Pháp, người tin ở Mỹ — người Việt Nam có bao giờ theo kịp họ, để làm được những việc mà họ không làm được?

Nhân vật già nua, mang nặng tính tự cao tự đại vì bằng cấp đầy mình; nhưng ngập đầu trong mặc cảm tự ti vì học và đồ đ

làm nô lệ, họ không biết làm gì ngoài những điều đã được ngoại nhân cho học, và không dám nghe ai, không dám tin ai có hoài bão vượt hơn những gì được ghi chép trong sách vở. Tôi nhớ đã nhiều lần viết thư thẳng chỉ nhà cầm quyền, nhiều lần viết trong báo và sách của tôi, rằng tôi sẵn sàng ra trước một ủy ban thu học hay một hội đồng mở rộng đề trình bày, giải thích và bênh vực đề nghị của tôi trong lãnh vực này, lãnh vực khác. Nhưng chưa bao giờ tôi được trả lời, mặc dù trong nhiều lần gặp gỡ cá nhân, tôi luôn luôn được những người ở địa vị cao nhất nước xác nhận rằng họ có đọc tôi nhiều, và ngưỡng mộ ở tôi một người có học rộng và suy tư sâu sắc (1)

Đó là nguyên nhân vì sao tôi không còn tin tưởng trong một tương lai gần hạn, vào ý chí thực hiện một cuộc cách mạng thật sự của Nhà Nước trong lãnh vực giáo dục. Niềm tin tưởng, và cả sự mong chờ của tôi được đặt vào quý vị giáo chức thuộc mọi lứa tuổi và ở mọi trình độ. Như bài viết của Nguyễn Ngọc Tâm (C.V. số 5) chứng tỏ, tôi hy vọng rất nhiều ở sự cố gắng của các bạn trẻ mới từ giải học đường và hiện đang dạy ở mấy lớp cuối chương trình tiểu học, mấy lớp đầu chương trình trung học (cũ). Chính các bạn đó, dù đồng ý với tôi hoàn toàn hay chỉ ở phần nào đã đang bắt đầu cuộc đời mới, trong sự dạy dỗ các em nhỏ từ 9-10 tuổi đến 14-15 tuổi — giai đoạn này được lựa chọn không phải vì nó quan trọng nhất, mà vì nó đòi hỏi ít phương tiện hơn cả, mà ngược lại, những lợi ích của sự đổi mới có thể được xác nhận (bởi các phụ huynh) một cách dễ dàng và rõ rệt hơn cả.

Vì, thật thế, cuộc cách mạng giáo dục theo Tân Trung hưng, trên phương diện cụ

thể áp dụng, gồm có mấy giai đoạn sau đây :

GIẢI ĐOẠN I.—Không kể giai đoạn giáo dục trong gia đình, do quý vị phụ huynh đảm nhận giai đoạn đầu của giáo dục học đường bắt đầu với các thiếu nhi từ 6 đến 9 tuổi. Như đã được trình bày, đây là giai đoạn tăng trưởng rất mạnh của giác hồn. Ký ức được hình thành một cách tự động: các em nhìn thấy gì, nghe thấy gì hay, lạ, thì ghi nhớ mà không cần suy nghĩ. Mỗi khi vui thích các em bắt chước bất cứ cử chỉ nào, động tác nào, của người và vật chung quanh, mà không cần hiểu ý nghĩa, cũng không cần biết có ích hay không có. Chính vì thế nên tôi đề nghị để dành giai đoạn này cho sự học quốc ngữ, ngoại ngữ, vì văn pháp, văn phạm v.v... đều là những thứ mà học sinh phải thuộc nằm lòng mà không cần đắn đo thắc mắc: tại sao nhai cơm và nuốt đi gọi là ăn, tại sao viết văn phải có động từ, tại sao chaise giống cái banc lại giống đực mặc dù cùng là đồ vật (ghế) tại sao người Anh lại coi trẻ nhỏ như thú vật (it) mà coi tầu chiến như người, giống cái (she, her) ? Tôi cũng đề nghị dành thời gian từ 6 đến 9 tuổi để dạy các em nhỏ những căn bản nhạc lý, hội họa, điêu khắc... nghĩa là mọi căn bản nghệ thuật đòi hỏi nhiều tin tưởng (mê say) hơn lý luận. Sự thực hiện giai đoạn này đòi hỏi hoặc mỗi giáo chức phải thông thạo nhiều bộ môn sinh ngữ và nghệ thuật hoặc nhiều giáo chức mỗi người một ngành. Đáng khác, chúng ta cũng cần đến nhiều dụng cụ về âm nhạc, hội họa, cần đến nhiều phương tiện tốn kém như sân nhảy (vò) đồ hoá trang (kịch), xe cộ (du lịch)... Vì thế, trước khi bộ Giáo dục có ngân sách của bộ quốc phòng, chúng ta chỉ có thể, trong giới hạn khả năng của giáo chức và học đường, đổi thay từng phần nhỏ của chương trình từ lớp 1 đến lớp 4.

GIẢI ĐOẠN HAI.— Từ lớp 4 đến lớp

9, học sinh đi vào suy luận. Sau khi học rất nhanh, 4 phép tính căn bản (tân toán học chỉ có cộng và trừ), học sinh bắt đầu học quy tắc tam suất như cơ sở của tam đoạn luận, để dùng quá trong tất cả mọi sinh hoạt trong lớp học cũng như ở ngoài đời. Vì học sinh đã có tâm trí tương đối vững, và bởi có nhiều thì giờ (vì rất nhiều ngành và môn toán trung học sẽ được bãi bỏ) phương pháp suy luận áp dụng vào số học sẽ được giảng dạy nhiều và kỹ. Mục đích, như đã nói, là đào tạo học sinh thành những con người suy tư chứ không phải những con vật, hoặc những nhà chuyên viên nô lệ. Toán học, cho đến phương trình bậc 1 có nhiều lần số — xin đừng vội tưởng là dễ: số học vẫn được coi như khó nhất trong các ngành toán, bởi các nhà thông thái! — được dạy đến nằm lòng, đến trở thành tự động và tức khắc, mỗi khi sử dụng. Đó là phương pháp suy luận. Còn dữ kiện để suy luận về phương diện ngân văn, là sử địa, lệ luật, xã giao, luân lý, văn chương... về phương diện khoa học và kỹ thuật là các căn bản về vệ sinh, y học, cùng các thứ máy móc thông thường với cách thức sử dụng và sửa chữa (điện, dầu nặn, dầu sáng v.v.). Dù sao phương pháp suy luận qua toán học là môn học chính và quan trọng nhất của Giai đoạn 2.

GIẢI ĐOẠN BA.— Sau khi nắm vững phương pháp suy luận, học sinh 14-15 tuổi bước vào giai đoạn 3 chỉ kéo dài có 2 hoặc 3 năm. Đây là giai đoạn chuẩn bị để những người trẻ đi vào giai đoạn 4, lao động đào tạo lương thực. Ngoài công việc thu thập thêm dữ kiện để suy luận về mọi ngành sinh hoạt, học sinh được tích cực chuẩn bị cho cuộc sống giữa cộng đồng sắp bắt đầu. Từ biệt gia đình để sống như một người hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành động của mình, mỗi học sinh cần được có những ý niệm căn bản về tâm lý — tâm lý cá nhân, tâm lý

giáo dục tân trung dung

tập thể — và về tính chất liên đới của mỗi người trong dân tộc và đối với quê hương. Nói một cách khác là mỗi người trẻ có 2 năm để được «vô trang» vào đời. Chương trình học sẽ bao gồm nhiều bộ môn xã hội học, tâm lý học, kinh tế học giản lược.

GIẢI ĐOẠN BỐN. — Thời gian làm nhiệm vụ lương thực, tùy hoàn cảnh và địa phương, có thể kéo dài từ 3 đến 5 năm. Đây là giai đoạn của suy tư, của sự mở rộng kiến thức thức quát, nhằm cung cấp tài liệu và yếu tố cho sự lựa chọn của những người trẻ khi vào đời. Đây cũng là thời gian tự học trong sách vở và trong thực tế. Vì vậy, các cơ sở giáo dục có bốn phần cung cấp những bài học theo phương pháp hàm thụ, nhằm mục đích không phải huấn luyện người sắp đi thi (như mục đích lâu nay của các lớp hàm thụ), mà mở rộng sự hiểu biết của những người trẻ trong lãnh vực mà họ ưa thích, mà họ tin tưởng có khả năng đặc biệt để đạt tới thành công. Tài liệu mở rộng vào các lãnh vực khoa học, nghệ thuật, kỹ thuật, mà không đi vào chiều sâu của chuyên nghiệp. Ví dụ nói về nguyên tử lực tài liệu trước hết sẽ trần thuật về quá trình hình thành của bộ môn này, sau đó nói về thực tại kỹ thuật và kỹ nghệ sản xuất nguyên tử năng ở những nước lớn trên thế giới, như Mỹ, Nga, Pháp, Trung Hoa đại lục v.v... về điện tringuyên tử, về công trình khảo sát và khám phá hạt nhân, về các chiến hạm sử dụng nguyên tử lực. Trong khoảng 3 phần 4 thời gian canh tác, mỗi người trẻ muốn theo con đường đưa tới địa vị bác học hay chuyên viên về nguyên tử, đều được biết tổng quát về lịch sử và hiện tại của ngành sinh hoạt đó. Rồi đến lúc chỉ còn có 1 phần 4 thời gian, anh bạn trẻ sẽ được biết về mức độ sinh hoạt (kinh tế) của mỗi hạng người, và điều kiện cần thiết để đạt

tới mục đích : ví dụ phải học toán 3 năm, phải tập sự 5 năm... Nói tóm lại, là sau 10 hay 11 năm học phổ thông, mỗi người trẻ có từ 3 đến 5 năm để dần dần «tắm» được những điều đã được học, và để nghĩ cách áp dụng mô kiến thức đó vào cuộc đấu tranh sự nghiệp cho tương lai. Những người không thấy mình tha thiết với sự học có quyền lựa chọn bất cứ nếp sống nào khác : làm ruộng, buôn bán, sản xuất hóa phẩm... Còn những ai muốn tiến tới bằng sự học cũng được biết cái giá phải trả bằng cố gắng, cũng những quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi người.

Ngược hẳn lại, những người rất thông minh mà có đầu óc thực tế, sẽ được lựa chọn vào những trường cao đẳng. Những cơ sở chuyên môn của chính phủ và của các nghiệp đoàn, sẽ tự động thiết lập những kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, trong đó sự tuyển dụng và đào tạo chuyên môn, từ công nhân đến kỹ sư, tất nhiên phải chiếm một phần quan trọng. Công việc giáo huấn có đôi phần khó khăn vì sinh viên, sau khi học hết chương trình phổ thông, thiếu nhiều vốn liếng, nhất là về toán học, so sánh với các học sinh thi đậu bằng tú tài 2 hiện nay. Nhưng, một phần khác, sự đào tạo chuyên viên chỉ đòi hỏi những kiến thức «chuyên khoa» có giới hạn, ví dụ người học làm y sĩ không cần hiểu biết gì về hình học, người học ngành thủy điện không cần học về cơ thể loài người và loài vật... Sự học vẫn ở những người trẻ đã chín chắn sau nhiều năm lao tác và tập sự cuộc sống tập thể, chắc chắn sẽ được dễ dàng và nhanh chóng hơn.

Giáo dục Tân Trung dung, giai đoạn 4 và 5, đòi hỏi những đổi thay rất lớn. Chúng ta không hy vọng gì được thấy những đổi thay đó trước khi chúng ta thuyết phục được người Âu, Mỹ, mặc dù chúng ta thấy rõ, ngoài

nguyễn mạnh còn.

tác dụng triết lý xã hội, chế độ giáo dục tân trung dung giúp chúng ta tránh khỏi phải thấy có chung quanh mình những y sĩ có tâm hồn lái buôn, những học giả thuộc bài, những nghệ sĩ phải làm công chức. Chúng ta cũng thiết yếu tránh được tình trạng trí thức thất nghiệp, mà chúng ta đã chứng tỏ như một trong những mối nguy nặng nề nhất cho nền an ninh xã hội.

Điều mà chúng ta có thể làm ngay, như Nguyễn Ngọc Tâm đã gián tiếp thổ lộ, là áp dụng Giai đoạn 2 vào chương trình học từ lớp 4 đến lớp 9 : dạy suy luận. Suy luận, đối với bất cứ ai có điều kiện dễ thực tế chiêm nghiệm, đều hiểu rõ rằng suy luận làm nên một phần lớn của tài năng. Nhưng đã có những bạn trẻ, chưa có dịp thực tế áp dụng sự học

của họ vào đời sống, vẫn còn có ý nghĩ rằng học công thức mới thật làm cho học trò chóng giỏi — cái giỏi của người thợ chuyên môn, luôn luôn cần được lãnh đạo bởi những người có suy luận.

Bạn Nguyễn Ngọc Tâm có cái kiêu hãnh tự xưng mình là học trò, nhưng mới đi dạy ít lâu đã chú ý, và lấy làm tiếc rằng nhiều nhà giáo trẻ khác không để ý đến công việc dạy cho trẻ em suy luận. Tôi hết lòng cảm ơn bạn Tâm, nhưng cũng xin bạn đừng bi quan. Từ nhiều nơi tôi đã nhận được phản ứng thuận lợi về bài viết của bạn. Chúng ta không vội, nhưng chúng ta không cô đơn. Và, tôi dám đoán chắc như vậy, bên ngoài biên giới đã có những công trình nghiên cứu được bắt đầu..*

NGUYỄN MẠNH CÒN

PHAM VINH TRAM

chiều tan

Trên những đường hồi tưởng về em
Lối nào cũng chiều vầy thăm đậm

Bên ngoài chờ đợi mùa xuân
Cây xôn xao lá mới
Căn hồn tôi kín cửa
Vọng về xa tận cuối cõi xa vời
Nơi đó em lặng lẽ quanh quẩn

Tranh tĩnh vật mê sáng
Hàng lang cao trơ vơ
Những bờ tường hun hút đứng
Em mặc áo trắng đứng nhìn đời trôi quanh
Giữa cô đơn
Em đẹp như sự chết

Chiều nay
Em thất lạc phương nào

Tôi chạy quanh năm mộ đời tôi
Nỗi hạnh phúc đau đớn
Tôi ôm hôn khuôn mặt tỉnh tôi
Vết thương dần dựa lệ

Đóng khung em treo giữa đỉnh đời
Tôi lặng lẽ rời thân bé mọn

Đâu đó cuối chiều tan
Hân hoan vĩnh từ hạnh phúc

CHIỀU MƯA

Buổi chiều mưa lùa trên ngọn cây quăn quại
Thấy hồn mình nằm chết trần trường
Thấy ngày phai đi
Khơi sâu lòng mộ tối

Em yên dấu
Khi tưởng nghĩ đến em
Khôn mặt anh như Chúa lúc quặn người trên thập giá

Chiều mưa dâng một giòng đầy
Đồ xuống không gian cách ngăn
Làm sao tôi đến bên em
Làm sao em hiểu được từ bên kia
Khung cửa kính nhặt nhào những sắc ảo

Em rạn rở
Bỗng đau buồn
Và mưa đổ xuống một giòng đầy
Em riêng ở bên kia
Khung cửa kính

Violon rét mướt
Gọi ta
Thất thanh vắng vất tâm hồn
Tim bạt màu mè đắm
Em qua ngoài cửa kính
Gọi quên
Thất thanh vắng vất tâm thần
Tim đỏ tràn máu thê thiết
Em sống đời ngoài kia
Áo như hoa tay như trắng
Nụ xuân gầy cưỡng giữa vườn
Không bao giờ kịp nở

Chỉ còn mưa
Mưa riêng ta mưa một mình ta
Mưa phủ chìm nỗi nhớ

NGUYEN NHAT DUAT

huyền

Kinh tống Th. Nhung

Phan đặt mạnh chiếc ly xuống bàn. Chẳng đứng dậy. Tiếng ghế khô, và giày gỗ đều tiếp theo. Huyền ngược mắt. Chiếc khăn quần ngang lấy bộ quần áo mỏng. Mùa thu và gió. Gió. Chiếc màn che cửa sổ lay nhẹ. phấp phật rồi nhẹ nhẹ, đều đều. Phan cúi đầu, găm mặt, một tay trong túi quần và điều thuốc lá trên tay trái. Chẳng rit từng hơi dài, những đám khói vàng khè, ủng đục tuồn đầy gian phòng. Huyền vẫn đưa mắt theo dõi từng bước chân, từng cái nhíu mày của Phan. Chiếc bàn viết ngằn ngang ly, đĩa, sách, đồng hồ và những mớ giấy vò nát. Huyền chống tay xuống giường, nâng nghiêng người, môi rung rung. Một cảm giác mơ hồ, Huyền ngó lên trần nhà. Hai con rắn mối đuổi theo nhau, dọc tường một con quay đầu, uốn mình vòng cung sập bật. Huyền chớp mắt, lắc đầu, một tiếng thở dài rất nhẹ. Những tiếng gõ đều chọt ngưng. Huyền quay lại. Phan ngồi xuống bên cạnh nàng. Phan đặt tay lên vai Huyền, bóp khẽ. Huyền chớp nhanh đôi mắt. Phan đỡ Huyền ngồi hẳn dậy. Phan nhếch mép cười. Phan không nói gì. Huyền không nói gì. Phan bắt chiếc chăn ra, kéo Huyền về phía chàng. Hai chân Huyền chới vơi trong không. Vòng tay Huyền choàng quanh thân Phan. Phan cúi xuống sát mặt vợ. Những vì sao rung rinh, toàn thân Huyền tê tê. Những luồng máu chạy rần rật. Hai hơi thở ào ạt...

— Em...

Phan đưa tay lên vuốt mái tóc rối bời của vợ, những sự tơ mun quần quít, những lộn chi trơn, óng ả buồng đều trên hai vai, phủ kín nửa lưng nàng. Huyền soãi hai tay sóng hàng ôm gọn lấy cổ chồng. Phan khẽ nhào người về phía sau rất lẹ, mát, chẳng hít một hơi dài niêm mát mẽ ban đầu. Huyền im lặng, Phan im lặng. Trong phòng và tất cả im lặng. Chỉ còn hai hơi thở. Hai hơi thở...

Phan giờ chấn ra một bên, vùng ngồi dậy, chàng vươn vai ngáp dài. Nâng chiếu ngang giường. Bên ngoài, trên một cành cây cao, có những tiếng chim kêu hồi hả, những tiếng hỏn dợn, riu rit, đục, thanh, hòa vơi tiếng cưa gỗ soàn soạt của nhà bên cạnh. Phan ngáp rên ba bốn hơi. Cổ họng chàng choáng ngợp. Ngực chàng choáng ngợp. Phan ngồi lặng người một lát; hai chân chàng lẩn mò dưới nền nhà tìm đôi dép. Phan đứng thẳng người dậy, chiếc giường rung lên lít kit. Huyền bé mắt, rồi lại kéo chăn ngáp cổ, gập đầu vào ngực, thở đều. Phan nhìn vợ. Tóc che gần kín hết mặt Huyền, còn hở chút phía trên. Má trái của Huyền trắng hồng phơn phớt. Phan quay mặt đi, chàng vươn vai lần nữa, vói lấy chiếc khăn mặt, cạnh đầu giường, đi ra cửa.

Những chiếc khăn vào chậu nước mát

lạnh, Phan đắp lên mặt. Phan thấy thoải mái cả người...

Rửa mặt xong, Phan nhìn đồng hồ tay, chậm chạp bước về phòng. Huyền đã trở mình, để lộ cả khuôn mặt. Nàng lim dim đôi mắt.

— Dậy thôi em!

— Mấy giờ rồi anh nhỉ?

— Tám rưỡi.

Huyền cất tiếng người lên, chống tay và bước nhanh xuống khỏi giường. Một cơn gió ào ào qua cửa sổ. Huyền rung mình, ôm lấy chồng, ghì chặt. Phan gỡ nhẹ tay vợ, dắt nàng đi mấy bước. Huyền cầm chiếc khăn rửa mặt, mở cửa, bước ra...

Một lúc sau, Huyền trở vào nhà, Phan ngồi hút thuốc cạnh bàn viết. Huyền loay hoay đốt lửa, đun nước. Nghe tiếng lách tách, Phan cười vu vơ:

— Em nhỉ...

— Sao, anh?

— Chiến đấu mãi thì cũng thế thôi!

— Phải vậy chứ!

— Em nghĩ thế nào về thằng Dũng?

— À, hẳn tích cực đấy chứ!

— Thế à?

— Anh bảo sao?

Phan rót một hơi thuốc dài, liếc mắt nhìn suốt mặt bàn. Phan cầm chiếc bút máy lên xoay xoay, rồi gõ nhẹ trên bàn. Phan vút mạnh liều thuốc vào chân tường, diều thuốc tóe lửa, tắt ngúm. Phan xoay người về phía Huyền, chiếc ghế xoay theo, gây một tiếng động dài, rít lên kèn kẹt. Huyền ngàng mặt

nhìn Phan; cười rất tươi. Lửa bếp hồng lên rùng rục, và tiếng nước réo trong ấm Phan nghe như tiếng vọng của lòng mình, bát ngát, mênh mông, vời vời một không gian. Phan bật cười lên ròn rã. Huyền cười theo. Phan đốt thêm liều thuốc.

— Anh nghĩ rằng Dũng sẽ thất vọng rất nhiều.

— Thì anh cũng đã từng thất vọng. Nhưng Dũng có thất bại không, đó lại là chuyện khác, phải không anh?

— Anh chưa thất bại.

— Thế anh bảo làm sao Dũng thất vọng?

— Vì chính trị không phải là cách mạng.

— Chưa chắc tuyệt đối như thế, anh ạ!

Nước đã sôi. Huyền pha cà phê và sữa. Phan nhìn theo hai tay Huyền cử động. Hai bàn tay muồn muốt. Phan ngược mắt lên bức ảnh Huyền trên tường, ngó một hồi lâu. Huyền đã kéo ghế ngồi cạnh Phan, quay mặt về chàng. Phan nhìn lại Huyền, chàng nắm lấy tay Huyền. Chân chàng chạm phải bàn chân Huyền, dừng lại. Mát, Phan chỉ thấy mát. Nhưng Phan chợt nồn nao trong dạ. "Mình đối ư...", Phan tự hỏi thầm. Huyền nhìn xuống nền nhà, nền xi măng đen và cứng dòn...

Lát sau, Phan và Huyền bắt đầu uống cà phê, uống sữa, mà không nói năng. Căn phòng sáng rục lên, Phan thấy ấm áp. Nặng bên ngoài đã trải đều quanh nhà.

Phan lặng nhìn vợ, khuôn mặt Huyền tươi dịu như ly sữa trên tay. Phan vỗ nhẹ vào vai nàng:

— Ngày mai anh đi rồi, em nhớ chứ?

Huyền cúi đầu nghe chồng nói, rồi lại

nhìn chàng, chớp chớp hai hàng mi. Huyền
thở nhẹ, gọi chồng :

— Anh ! ...

— ...

— Anh nhất định đi sao ?

— Em hiểu rằng đầu sao anh cũng phải
đi. Nhưng rồi thỉnh thoảng anh cũng sẽ về.

Bên ngoài tiếng gió rào rào một hơi dài,
và giọng nói của Huyền ngân dài :

— Vâng ! ...

— Làm sao được, phải không em ?

Huyền nghe lời Phan, dăm u buồn. Nàng
không nói gì. Phan nâng ly uống một ngụm
lớn. Cà phê đã lạnh. Chàng thấy cổ họng
như giá buốt. Phan đặt chiếc ly xuống bàn.
Một tiếng cụt ngủn. Tay Phan mơn man làn
tóc vợ. Chàng vuốt dài xuống vai nàng. Hình
như tiếng nói của mình kéo dài mãi ra, hình
như chưa dứt, hình như âm âm trong căn
phòng. Phan thấy dâng dâng lên tự ngực chàng
tới mắt chàng, xuống môi xuống mũi chàng,
một cái gì, một cái gì mơ hồ, một cảm giác
mệnh mang. Chàng đứng thẳng người dậy,
bước ra khỏi ghế, khẽ cúi lấy vai Huyền.
Huyền đứng lên theo Phan. Điều thuốc lá dở
dang bốc khói trên bàn, nghi ngút một mùi
ngọt ngào, nồng nặc. Huyền nhắm mắt. Phan
không nhìn thấy mặt Huyền, chàng chỉ thấy
chiếc cửa kính có những vết tay chàng. Chàng
đưa vợ ngang lưng, hai người bước chậm trong
phòng, rất chậm. Đến đầu phòng, Phan quay
lại, Huyền quay lại. Hai người trở về phía
bàn. Nhưng Phan rẽ ngang sang phía chiếc
giường nệm tím. Chàng ấn Huyền ngồi xuống
Huyền nép người vào ngực Phan. Một lúc
lâu, hai người không cử động gì. Nhưng

Huyền bỗng nói, tiếng nói chỉ đủ mình nàng
nghe, tiếng thì thăm rất nhỏ, vì Phan đang
nhìn về ly cà phê còn non nữa. « Tại sao ?
Tại sao chỉ có thế ? » nàng hỏi Phan :

— Tại sao em không đi được ?

— « Vất vả lắm em ạ ! » Phan trả lời lơ
dàng, mắt vẫn nhìn chiếc ly còn non nửa cà phê.

— Em không sợ vất vả,

— « Nhưng đừng nên thế ! » Huyền không
còn nghe rõ tiếng Phan. Tự nhiên nước mắt
nàng ràn rụa trên hai má, trên môi, trên vai...
Không nghe vợ nói thêm, Phan nhìn lại. Phan
ôm lấy Huyền, vỗ vỗ vào vai nàng. Phan lấy
tay trái lau má Huyền. Phan không nói gì.

— « Anh ! ... » Tiếng nàng rạn vỡ.

— Năm bảy tháng có lâu gì ! Em phải
vui đi chứ ! Thăng Khang đã chết, thăng Tung
chết. Anh thấy bừng bừng trong người. Phải
khác ! Phải có gì bù lại bao nhiêu đó, còn
chưa đủ.

— Cứ thế này mãi sao anh ?

— Sắp thay đổi; không thay đổi không
được. Em hãy chờ. Anh không có gì ân hận,
hình như Dũng cũng thế. Buồn mà làm gì !

— Em cố gắng, nhưng em buồn lắm.
Không còn ai nữa.

— Trước kia chị Thảo đã từng cô đơn
hơn thế; bốn năm trường trong một căn nhà
nhỏ, em không thấy sao ?

« Tant qu'il y aura des femmes... » Huyền
buột miệng trả lời.

— Nhưng lịch sử là cả một sự nhẫn nại
vô cùng, em phải tin tưởng. Mà chẳng cứ gì
dàn bà, em ạ !

Vừa nói Phan vừa đi về phía bàn lấy ly
vừa đưa Huyền :

— Em uống đi, còn ấm đó !

Huyền đỡ lấy ly sữa trên tay chồng. Phan
mắm chặt ly cả phê, dần xuống bàn; rồi thắc
mạnh lên, tợp một hớp cạn ly. Châm điếu
thuốc nữa, Phan lại bước đi quanh phòng nhiều
lượt. Huyền đặt chiếc ly cạnh sữa xuống bàn,
nhìn theo chồng. Chiếc cửa ra vào quên khép
kín bật tung ra rồi đóng ập lại trong một
luồng gió dữ. Phan bước tới nắm lấy quả
đám cửa. Rồi buông ra ; rồi trở lại giường với
Huyền.

— Em thay quần áo đi, rồi mình còn ra
phố chứ !

Nàng đứng dậy, đến chỗ mặc áo, rất
chậm chạp.

Khi hai vợ chồng đã thay quần áo xong,
Phan quờ tay gạt những mảnh giấy lộn trên
bàn xuống nền xi măng. Huyền nhìn theo
giấy bay và bụi tàn thuốc lá tung lên, nàng
ngần ngừ :

— Hay để em quét nhà cái đã.

— Không cần... Thôi đi chứ !

Huyền lưỡng lự : «Vâng...»

Phan đi đã nửa năm rồi. Mỗi ngày Huyền
tới trường dạy học vài giờ, rồi về nhà không
còn gì nữa để làm. Mỗi bữa ngồi ăn một mình,
với những thức ăn tự mình nấu lấy. Tất cả
đều tiếp diễn như mọi sáng trở dậy nghe tiếng
cửa gỗ soạn soạn của nhà bên cạnh. Những
người bạn gái đồng nghiệp đều chồng con đẻ
huê, Huyền cũng chẳng muốn đến nhà họ làm
gì. Với họ, nàng tự nhiên không có được cả
một niềm thân mật tối thiểu. Mỗi buổi trưa
dạy học xong, Huyền vừa bước đi vừa nhìn

bóng mình trên đường cho tới lúc về đến nhà.
Cứ thế và cứ thế. «Nửa năm rồi, nửa
năm rồi Phan ơi ! » Huyền úp mặt vào hai tay,
lặng lẽ ; nàng không thể khóc. Nàng không
khóc được. từ ba tháng không còn gì để khóc.
Những bức thư Phan gửi về đều ngập tràn tin
tưởng, lạc quan. Phan vẫn thường nói với
nàng là Phan chỉ có thể ra đi vì cách mạng,
nhưng Phan không thể sống bằng niềm tin tập
thể. Phan chỉ là Phan, Phan chỉ có cách mạng
và Phan chỉ còn nàng. «Phan ơi ! làm sao...
làm sao anh thắng được khi anh chỉ tin tưởng vì
tuyệt vọng, Phan ơi ! » Huyền vỗ tay vào trán.
Huyền nghe tim mình đập nhẹ, Huyền không
thấy gì rõ rệt, không cảm được gì nổi bật hẳn
lên trên nền tình yêu mang mang đang chống
đỡ lấy đời nàng. « Nhưng có phải không anh,
khi anh mở cổng ra đi, anh đã bảo em rằng
trong chờ đợi, em đừng suy nghĩ quá, vì với
anh tất cả đều mờ hồ, vì anh bảo rằng
những ý tưởng mạnh mẽ nhất thúc đẩy
con người sống và hành động là những gì vu vơ
mơ hồ nhất. Có phải không anh, anh tránh đấu
vì không thể nào không tranh đấu, anh tranh
đấu vì tranh đấu không còn nữa : tăng nữa ? ».

Huyền mở to đôi mắt, nhìn chiếc đồng
hồ báo thức, rồi nhìn lên tường. Bức tường
xanh nhạt đã loang lổ nhiều vết vàng, đen,
trắng ngay phía trên chiếc bàn viết của Phan.
Huyền đã gỡ hình nàng từ trên tường xuống
và đặt úp mặt hình vào một cuốn tự điển cũ.
Nàng chợt nhớ đã nhiều đêm nàng soi mặt
mình rất kỹ mà không biết để làm gì, và khi
cất gương nàng không còn mừng tượng
được khuôn mặt mình ra sao nữa. Huyền ngo
ngác. «Vây là sao ? » Nàng đứng dậy. Nàng
cầm một cuốn sách lên. Một cuốn tiểu thuyết
buồn, Phan vẫn thường nói thế. Nó đề nghị
một vũ trụ ; một vũ trụ chỉ có ba người. Ba

người không làm gì ; ba người không nói gì với nhau. Nhưng mỗi người nói với chính mình tất cả. Và ba người ăn uống, tiêu hóa, hường thụ, còn mỗi giấc ngủ là một điều kiện tái sinh. Mà tác giả thì không coi sự kiếm ăn là làm việc. Làm chỉ để kiếm miếng ăn chưa phải là làm. Cũng không có gì khó hiểu, Phan thường nói thế. Phan đã hơn một lần nhấn mạnh với Huyền rằng vũ trụ đó hoàn toàn hợp lý khi nhân loại đã tìm thấy đích điểm của sự tồn tại. Phan không nói gì hơn, nhưng Phan bảo rằng ít nhất người ta cũng còn để nghị được một vũ trụ tới mức đó ! tới mức đó ! Nàng buống phịch cuốn sách xuống bàn. Tới mức đó ! tới mức đó ! Nàng bỗng thấy thân thể mình nặng dần, nặng trĩu như có ai đặt quả địa cầu lên đầu nàng, hay dẫn vai nàng xuống. Huyền ! Huyền ! Nàng thấy tất cả đều sáng rực lên, Huyền vịn tay vào thành bàn. Tất cả đều rực lên, nhìn rất rõ. Nàng mừng rỡ tưởng đáng đáp và khuôn mặt Phan. Không ! Phan đâu ? một khoảng tối thăm thẳm thăm tạo thành ảnh tượng của Phan. Bao vây lấy khoảng đen kỳ lạ là một chân trời sáng loáng. Không còn gì khác không còn gì ở ngoài vì khoảng trắng trùm lên tất cả. vì tất cả thành khoảng trắng mênh mông, mênh mông Huyền nhìn tới đó và quăng không gian tới tám mờ dần, vàng dần. Nặng trĩu, bao la, màu vàng nặng trĩu và bao la choàng lên Huyền. Hai tay nàng chơi với, nàng không thấy chiếc bàn nữa. Nặng nề quá. Thân thể nàng nặng nề quá. Nàng ngã xuống. Tiếng kêu của tấm thân đổ xuống như tiếng cuộc đào mộ bấm nhất đầu tiên vào đất cứng khô khan.

Khi nàng tỉnh dậy, đèn điện trong phòng còn sáng trưng. Nàng ngẩn người, đứng lên nhìn đồng hồ báo thức trên bàn. Mười giờ đêm. Huyền ngồi xuống ghế, chống khuỷu tay vào bàn, nhắm nghỉ. Rõ ràng lúc nàng nhìn

chiếc đồng hồ báo thức trước khi nhìn khoảng tường loang lổ, lúc đó mới bảy giờ tối. Ít nhất cũng phải nửa giờ sau mình mới ngủ đi chứ, Thế ra mình đã nằm như chết trên nền xi măng suốt hơn hai tiếng đồng hồ ư ? Có thể hơn hai tiếng ư ? Và bây giờ chợt tỉnh dậy một mình như thế này ư ? Huyền xô ghế đứng lên. Nàng giặt lấy chiếc khăn bông trên mắc, mở cửa ra hiên rửa mặt. Nước mát rượi như thạch. Lau mặt xong, Huyền vén tay áo, ngâm hai cánh tay vào chậu nước. Hốt nhiên toàn thân Huyền rung lên nhẹ nhẹ, Huyền cảm như một luồng điện rất yếu truyền lan trên khắp người nàng. Đã có những lần Phan diu nàng ra vườn sau vào khoảng nửa đêm, gió mơn man lá lướt vẫy quanh hai người, và Huyền nép sát vào ngực chồng, Huyền cũng có những cảm giác y hệt đêm nay, man mát, tê tê. Huyền như hòa hẳn vào cả một thiên nhiên mơn mướt. Như cả hồn mình cả thân mình dâng cao dần, dâng cao dần rồi lại đáp nhẹ xuống tà tà gần mặt đất, tất cả như chơi với trong lòng một chiếc khung cố định bao la. Huyền khư hai tay. Tiếng nước ọc ạch trong chậu. Mấy hạt nước nhỏ bắn tung vào mặt Huyền. Lạnh, những điểm lạnh trên mặt mình. Huyền bình hoàng. Nàng đứng dậy, lấy khăn lau khô hai tay rồi uể oải bước vào trong nhà. Huyền ngồi vào ghế, bên cạnh chiếc bàn rộng lớn, không nghĩ ngợi gì, không cảm thấy gì một cách rõ ràng. Một hồi lâu rồi, dần dần thấy buồn ngủ, Huyền đứng dậy tắt đèn, trèo lên giường, nằm im lặng. Rồi thiếp đi.

Pha tiến lại chỗ vợ nằm. Bây giờ sáng. Phan tháo chiếc đồng hồ đeo tay, vứt lên bàn. Chàng khẽ lay vai Huyền. Huyền trở mình, mắt vẫn nhắm nghiền rồi lại ngủ tiếp. Phan quay ra, đi đi lại lại trong phòng, mắt chăm chú nhìn mọi vật quen thuộc. Vẫn như xưa,

s tám tháng trời không mây may dỗi dỗi, trừ vài cuốn sách mới trên bàn và thêm chiếc khăn trên giấy thếp. Chiếc hình của Huyền up trên cuốn tự điển cũ kỹ.

Phan đến đánh thức Huyền. Huyền choàng dậy, tay dụi mắt lia lịa.

— Ô, anh ! Anh về lúc nào vậy ? Máy giờ rồi ?

— Anh mới vừa về. Hơn bảy giờ rồi. Em tưởng còn sớm sao ?

— Mà anh vào cách nào thế ?

— Cổng nhà này có gì khó đâu mà chẳng vào được. Có điều là em không khóa cửa ban đêm hả ?

— «Ừ nhĩ». Huyền chép miệng, «em lo đang quá đi mất !».

Huyền bước xuống giường. Nàng ôm lấy chồng, dụi đầu vào ngực chồng. Phan vuốt tóc vợ, mái tóc rối bời như trước.

Hai người buồn nhau, Huyền rửa mặt rồi thu dọn trong nhà. Huyền vừa đem nước vừa hỏi Phan :

— Công việc thế nào anh ?

— Một chi bộ kế cận bị lộ. Anh lưu động từ bốn tháng nay để tránh tất cả chúng nó. Chưa làm được gì đáng kể.

Huyền nghe tiếng nước sôi. Phan dừng lại ngập ngừng.

Một cơn gió thốc vào, lửa bốc lên phùng phùng một hồi trong bếp. Tóc Huyền tung bay như giạt mạnh cả người nàng. Phan nhìn vợ. «Không còn gì hơn thế, ôi ! em...»

— Anh có gặp Dũng không ?

— Chết rồi !

Huyền đứng bật dậy :

— Sao ? Chết ư ?

— Cách đây hơn tháng, tờ của Dũng bị bao vây. Hai người ra hàng, Dũng nhất định chống trả, Dũng chết.

Nói xong tiếng cuối, Phan chép miệng, thở dài : «Không còn gì hết, Huyền à! Không còn gì hết !» Phan rit một hơi thuốc dài, gõ móng tay phải vào bàn mấy tiếng rất chậm, rồi đưa tay lên vuốt tóc. Tóc Phan bồm xồm che cả vành tai. Phan khẽ lấy móng tay chải tóc về đằng sau. Tay Phan gấp tay Huyền, Huyền đứng sau lưng chàng từ giây phút nào...

— «Anh buồn lắm phải không ?» Tiếng Huyền kéo dài, rung rung. Phan không trả lời. Phan lại đặt tay xuống bàn. Tay kia vẫn đều đều đưa thuốc lên miệng hút từng chập một. Đôi lúc Phan thấy hai tay Huyền chờm ra khỏi mó tóc chàng và chạm vào da mặt chàng lạnh ngắt. Chàng không còn thấy mát. «Sao thế nhĩ ?» Phan rit thêm một hơi thuốc vội vã, rồi đi đầu diều thuốc vào mặt bàn, tắt ngấm, đầu đèn tõe ra. Phan chợt có một ý nghĩ về sự dơ bẩn. Chàng phác tay một cò chỉ vu vơ. Chàng nghe Huyền nói :

— Ở nhà em cũng chẳng làm được việc gì đặc biệt. Dạy học rồi về nhà nấu ăn ; buồn không ra buồn, chán không ra chán anh ạ !

— Em không hay ra phở sao ?

— Ít lắm ! Mà em cũng không thích đi thăm bà bạn nào nữa. Họ cũng chẳng đầu vào đâu hết...

— «Dân tộc cứ thế này.» Phan cắt ngang lời vợ. «Tất thức no cơm ấm cất thà thôi, dân còn tệ hơn nữa, hơn trâu ngựa.»

— Nhưng anh bảo họ phải bám víu lấy cái gì khác nữa để mà sống chứ ?

— Tranh đấu ! trí thức phải tranh đấu dù không muốn.

— Em nói người dân cơ mà ! Họ chẳng cần gì. Chưa ai cho họ thấy họ phải cần gì.

— Phải rồi, lỗi ở người tranh đấu không còn tìm thấy tiêu chuẩn cho mình và không nêu được tiêu chuẩn người cho khác... ồ mà... thôi ! Còn cả phê chứ, em ?

Huyền như chợt tỉnh :

— Vâng !

Nước sôi tự lúc nào rồi. Huyền pha cà phê và sữa. Phan vò nát bao thuốc lá rỗng. Nghe tiếng lạo sạo, Huyền nhìn chòng, ngáp ngừng :

— Đề em chạy đi mua thuốc lá nhé !

Phan gật đầu. Huyền đặt ly cà phê và ly sữa nóng lên bàn. Nàng lật đật bước ra ngoài.

Phan ngo hai ly cà phê. Hơi nóng dâng lên rất thấp, tỏa rộng và vàng đục. Ly sữa bốc hơi nghi ngút Phan chớp mắt, nhếch mép cười một mình. Nụ cười buổi sáng, môi Phan méo sệch về bên phải. Một mùi thơm thơm nồng nồng chui vào mũi, Phan hít hít mấy cái. Chẳng nhận ra mùi sữa mới pha thật là thú vị.

Tới mười phút sau Huyền mở cửa trở vào, một tay cầm gói thuốc lá, tay kia nắm một cuộn giấy trắng mỏng. Phan hỏi :

— Em mua giấy làm gì thế ?

Đề anh viết. Ở nhà em viết vớ vẩn hết cả một xấp rồi.

— Chắc anh không viết gì. Ngày kia anh lại đi em ạ !

— Thật ư, anh ?

— Còn thế nào nữa. Lần này đã có sẵn công tác rất nặng nề. Ngay chiều ngày kia anh đã phải lĩnh làm một việc hệ trọng.

Huyền không hỏi gì nữa. Phan đổ đồ bao thuốc lá xuống bàn, rồi bóc ra, rút một điếu, hút. Hai người yên lặng uống cà phê, uống sữa. Uống xong Huyền xếp dọn ly đĩa đem đi rửa. Nàng còn nghe Phan lầm bầm : « Nhân dân đứng bên lẽ lịch sử. Không thể thế được. Không được. »

Lúc Huyền trở vào, Phan đang đi đi lại lại trong phòng. Huyền cất mấy chiếc ly, đĩa xuống. Những tiếng lách cách ngăn ngủi. Tiếng Huyền chen lẫn với những tiếng lách cách, hòa vào tiếng giấy của Phan trên nền nhà xi măng. Tiếng Huyền êm ả, ngân đều. Một khúc ca nổi buồn tình yêu. Schubert. « A Schubert ! » Huyền chợt ngưng, hỏi chòng : « Buồn quá anh nhỉ ? » Phan lơ đãng cộc lốc : « Không ! » Những bước chân Phan nện đều như ngày tháng của Huyền. Huyền nghĩ vẩn vơ mình cứ chờ chàng như thế mãi ; đến bao giờ ? « Dân tộc cứ thế này », ban nãy Phan đã nói. Sao Phan không buồn. Phan buồn lắm chứ ! Phan đã chợt kêu tên Schubert lúc nghe mình hát. Sao không buồn ? Huyền ngồi xuống ghế. Một lúc sau Phan đứng bước, ngồi lại giường. Rồi chàng chống tay vào chiếc gối đầu, nằm xuống nghiêng người, nghech đầu lên thành giường.

— Hình như anh mệt lắm phải không ?

— Hơi mệt thật. Ờ ờ

— Chiều qua anh ở đâu.

— Chỉ cách đây có mười cây số. Phan vừa trả lời vừa cười khan.

Phan dang háng một tiếng rồi, nhìn

xướng giường. Huyền nhìn chồng. Ngực chàng pháp phồng có vẻ mạnh hơn lúc thường. Hai bên mép chàng hân hỷ nếp nhăn nheo khó dầy. Huyền thôi miên đôi mắt lơ dờ của Phan. "Chưa bao giờ em nhìn anh tha thiết thế phải không Huyền", đôi môi Phan mấp máy rất nhẹ. Huyền cười, "Ôi, nư cười tuổi thơ, anh đã làm khổ em. Huyền à", Phan nhủ thầm với mình, Huyền lại cười nửa miệng. Hàm răng em đều đặn như con dơi, như con khắt của anh mỗi ngày. Phan cười. Phan nhòm dấy. Nụ cười của Huyền đã gần khép hết. Héo hắt, trời ơi! sao lại có thể... sao lại có thể... Phan đứng lên, tiến đến ghế Huyền. Huyền đưa hai tay ra trước mặt. Phan ôm ghi lấy vợ, hôn lên môi nàng rất nhẹ, hôn lên cổ Huyền rất nhiều, rất nhiều. Làn áo xanh mỏng manh, che không kín vai. "Cổ rộng quá, Huyền à!", Phan thốt lên. Bất giác, chàng thấy bất giác. Huyền không nói gì. Nàng choàng tay ngang hai bên sườn Phan, đan chặt hai bàn tay sau lưng chàng. Hôn Phan trán đây, rồi tắc nghẹn, rồi khô cứng, chậm chạp. Phan vẫn còn ôm vợ, Huyền còn ghi lấy Phan. Huyền kể đôi môi nàu vào trán chàng... Như có tiếng ngỗng trời kêu rất khan, từ trong cổ họng chàng, rồi nguyền lại nơi đầu lưỡi.

Như thế rất lâu. Không hiểu mấy giờ rồi? Phan ngó đồng hồ báo thức trên bàn. Chàng buông vợ ra. Huyền lần lần gỡ hai bàn tay ra khỏi lưng chàng, mơn man trên chiếc áo vải thô dầy của chồng, rồi buông thõng Huyền ngã lưng vào ghế.

Phan kéo ghế ngồi cạnh Huyền, Phan yên lặng, tay phải nắm tròn, bàn tay trái ôm gọn bàn tay phải.

-- Cuộc tranh đấu mới bắt đầu, em hiểu chứ?

-- Vâng!

-- Thực ra, bây giờ anh mới hiểu Dũng

-- Sao anh?

Phan lơ đãng ngập ngừng:

-- Dũng có lý. Phải tranh đấu cho dân tộc. Nhưng muốn thắng phải gạt ý thức cách mạng sang một bên đã.

-- Thế ư?

-- Bởi vì chiến đấu là kỹ thuật, ngày nay như thế đấy. Chỉ lấy lại ý thức khi thành công.

-- "Em tưởng như thế không kịp xây dựng. Huyền nhắc nhở. Phan như đề không ý: Ý thức đó đã có từ lúc bắt đầu, để định hướng; rồi phải quên đi mà chỉ nhớ hướng. Khi thành công, mới lấy. Nếu không thì vừa làm vừa xoa xuyến, tự dưng vô, rồi quần quai, chết! chết! Phan tắc lưỡi. Và hình ảnh Dũng. Ngày xưa Dũng là vị hôn phu của một người em gái cùng cha khác mẹ với Huyền. Hơn nửa tháng sau ngày đính hôn, cô Bích bỗng bị bạo bệnh mà mất. Dũng yêu Bích lắm, Dũng đã hi sinh cả danh dự, cả gia đình để yêu Bích. Cha mẹ Dũng không bằng lòng cho Dũng lấy Bích vì Bích là con vợ lẽ, không phải con chính thất nên không được nên nếp bằng con bà cả, Mặc! Dũng chỉ có Bích, dù Dũng buồn lắm. Thế rồi Bích chết và Dũng không còn người thân. Dũng đi rất nhiều sau đó. Rồi Dũng quyết định phải làm gì; đứng vào hàng ngũ những người tranh đấu cho tự do, dân tộc. Dũng chết cho tự do; Dũng chết vì phải kháng đến cùng. Dũng nhất định không đầu hàng kẻ địch. Thế cũng xong. Thế là hết. Phan lắc đầu hậm hực và ngao ngán. Phan quay sang nhìn Huyền. Huyền cúi đầu không trông thấy Phan. Căn phòng không tiếng động. Phan đốt điếu thuốc nữa, rít mạnh rồi nhìn khói mịt mù. Khói diêm sinh, khói diêm sinh nồng nặc!

Phan đập mạnh bàn tay vào trán mình. Huyền ngược mắt nhìn Phan, không nói gì.

Phan lại đi. Hằng ngày Huyền lại đi đi về về đều đặn như tiếng cưa gỗ soạn soạn mỗi sáng. Đạo này Huyền ăn ít, người xanh xao hẳn đi. Nuốt một miếng cơm vào là đã thấy khó chịu mà vẫn phải nuốt. Nhiều khi đồ bữa, Huyền nôn ọe phải bỏ cơm. Huyền đã có thai. Huyền thấy lòng mình lắng xuống như để tận hưởng niềm hoan lạc tự trong người dâng lên. Có những đêm Huyền đặt tay lên bụng nghe ngóng, chưa thấy gì, lại nao nao, như chưa được tin chồng trong tuần lễ. Nàng ngủ nhiều và trong mỗi giấc mơ nàng đều thấy Phan. Trờ dậy mệt mỏi rã rời, nàng vẫn cố gắng làm việc vất trong nhà cho thoải mái, cho đỡ trầm trệ thân thể. Hồi này thỉnh thoảng có vài người bạn chịu khó lại thăm Huyền vì thấy nàng có một mình mà lại mang thai, khó ở trong người, buồn nản chẳng. Nhiều khi họ làm bếp đun nước và ở lại ăn cơm với nàng. Nàng cũng thấy khuấy khỏa được phần nào.

Hôm nay Huyền đi chợ mua thức ăn về nhà từ chín giờ sáng. Ngày chủ nhật chợ bán nhiều món ăn ngon. Nàng nhớ những bữa ăn chủ nhật với chồng. Những bữa ăn không nghi ngại, không lo âu và u buồn như bây giờ. Nàng đặt tay lên bụng, xoa xoa một khoảng da trơn...

Huyền ăn cơm xong trời vừa đúng giữa trưa. Nàng sửa soạn lại giường nằm, có tiếng gõ cửa.

— Ai đó ?

— ...

— Cứ vào.

Tiếng mở cửa lạch sạch, một người đàn ông bước vào.

— Kính chào bà.

— Chào ông. Ông có điều gì cần hỏi ?

— Thưa bà, tôi làm việc với ông nhà, và tôi đến đây vì một việc của ông.

Huyền kéo ghế :

— Xin mời ông ngồi đây.

Người đàn ông ngồi xuống. Ông ta cao dong dỏng, nước da trắng và nét mặt hiền hòa, trông quãng trên ba mươi tuổi.

— Mời ông soi nước.

— Bà để mặc tôi. Có lẽ bà mới soi cơm xong ?

— Vâng.

Nàng ngồi xuống chiếc ghế còn lại, đối diện với người đàn ông lạ.

— Thưa bà, hình như bà mệt lắm thì phải ?

— Dạ, tôi vẫn thường thấy mệt mỗi trưa vì...

— Thưa bà tôi hỏi không phải, bà... được mấy tháng rồi ?

— Thưa ông hơn bốn tháng rồi.

Người đàn ông im lặng một lát, Rồi nàng ly nước trà :

— Rửa bà soi nước.

— Xin mời ông...

Người đàn ông đặt ly xuống đĩa ; một luồng gió nhẹ thoảng qua phòng. Hai người im lặng, mỗi người chờ đợi.

Một lúc lâu tới hơn nửa khác. Huyền xoa hai tay vào nhau, sốt ruột.

— Thưa bà ông nhà mới bị nạn hồi tối qua.

Huyền ngừng đầu, một tay ấn vào bàn.
Tím nàng thỉnh thịch :

— Sao, ông nói sao ạ ?

— ...

— Nhà tôi ra sao ông ?

— Bây giờ người ta đề ông nhà nằm ở một căn nhà ngoại ô. Xin mời bà theo tôi đến thăm ông nhà.

Huyền đứng bật dậy :

— Nhưng có sao không ông ?

— « Dà dạ dạ ạ... ông nhà nằm ở ngoại ô... Bà đến ngay », vừa nói người đàn ông vừa cúi thấp đầu xuống, tia mắt lướt qua bụng Huyền, ái ngại. Ông ta lắc đầu. Nàng ngờ ngàng hoang mang, nàng hối hả đến chỗ mặc áo nằm lấy một chiếc áo dài. Tay nàng dừng lại, chân nàng bồng chồm muốn chạy mà cứ đứng nguyên một chỗ như tê dại.

— « Thưa bà » tiếng người đàn ông lạ vang âm, « có lẽ ba giờ chiều phải chuyển ông sang nằm ở nhà khác nếu bà không đến kịp ». Huyền thần thờ tháo chiếc áo ra khỏi mặc. Nàng không hiểu gì nữa, nàng chỉ còn biết cử động như chiếc máy.

Huyền ngồi lên chiếc xe người đàn ông đã lái tới. Nàng ngồi bên cạnh ông ta. Chiếc xe chậm chạp chạy qua nhiều phố lớn, dần dần tiến ra ngoại ô, đi vòng vèo trên những ngã đường ngoằn ngoèo. Thỉnh thoảng người đàn ông ngó vào chiếc kính hướng về phía sau xe, xe chậm lại, rồi lại nhanh lên. Những con đường đầy ổ gà, vũng nước, mồ đất cao đến nửa ông chân chần ngang, Huyền chưa qua đây lần nào cả. Xe lảo nhao trên quãng đường đất vàng hung chừng hai mươi phút rồi đỗ lại. Người đàn ông bước xuống, quay sang bên phải xe, mở cửa cho nàng.

Nàng nhào người ra khỏi xe như con rắn nhỏ vươn mình ra khỏi hang sâu...

Huyền bước đi theo chân người đàn ông lạ. Ông ta dài chân, thỉnh thoảng phải dừng lại chờ nàng. Cảnh ở đây có vẻ quê hơn là tỉnh. Những căn nhà lá hai bên đường dựng lên san sát nhau như phố chợ một thị trấn miền trung du Bắc Việt. Ngoài xa, mãi đằng xa, trước mặt hai người, là những cánh đồng mênh mông màu cỏ úa.

Hai người dừng lại trước một căn nhà lá có tấm liếp che cửa. Nàng chiếu vạt ngang chằm đất đỏ. Người đàn ông lách tấm phen bước vào, rồi đỡ sang một bên lấy lối cho Huyền bước vào sau. Căn nhà này cách hai bên lảng giềng bằng hai thửa vườn nhỏ. Nó thấp hơn những căn nhà kế cận, nên mới bước vào Huyền chóa mắt, rồi sau chỉ thấy một cảnh tối tăm, mọi vật trong nhà mờ mờ, không có gì hiện rõ dưới tia nhìn của nàng. Nhưng nàng chỉ thấy căn nhà rất rộng. Nàng phải xoay người bốn phía mới nhận ra được, cả bốn góc nhà. Người đàn ông cất tiếng : « Xin mời bà theo tôi về phía này ». Trong nhà không có ai khác hay sao mà im tiếng như vậy, Huyền tự hỏi thăm. Nàng bước theo người đàn ông, đôi dép nàng dẫm trên nền đất mềm và có vẻ ẩm ướt.

Người đàn ông đẩy một chiếc cửa nhỏ ; chiếc cửa từ từ mở ra, kêu kèn kẹt. Trong gian nhà nhỏ, ủa ra một luồng ánh sáng. Huyền bước tới. Một ngọn bạch lạp lớn đặt cạnh cửa ra vào. Huyền chóa mắt, hàng chục cây bạch lạp thấp hai hàng song song. Người đàn ông quay lại nhìn nàng. Nàng đứng im.

— « Thưa bà », giọng nói ngắt quãng « ông nhà mất hồi sáng nay ». Người đàn ông bước tới cạnh lớp vải trắng phủ trên một khối lớn và dài. « Thưa bà chúng tôi xin thành

huyền

thực tỏ lời phân ưu với bà. Người đàn ông đứng thẳng, hai tay nắm chặt lại, mắt nhìn đám vải bọc. Huyền vẫn đứng im cạnh cửa ra vào. Nàng cúi đầu.

Đúng lúc đó, từ góc đằng kia, một chiếc cửa mở toang, có lẽ là phía sau nhà, năm người vừa đàn ông vừa đứng tuổi, vừa thanh niên, bước vào. Họ chậm rãi, se sẽ bước tới đứng song hàng với những cây bạch lập. Họ nghiêng đầu nghiêm trang chào Huyền. Nàng không nhúc nhích. Một người cao niên đứng tách ra, hướng về phía nàng :

— « Thưa bà », ông ta dừng lại một giây rồi tiếp, « xin bà tới giờ lớp khăn che mặt ông nhà. Thưa bà phía đằng này ». Vừa nói, người cao niên vừa chỉ về phía đầu đằng kia, hướng cửa ông ta mới bước vào với bốn người khác. Chân Huyền như khuỵu xuống, nàng cố lê lại phía đám vải bọc. Nàng cúi xuống, mọi người nhìn xuống. Tay phải nàng giờ tẩm vải màu trắng toát. Run run, nàng lật từng nếp gấp.

Một đám tóc lòa xòa rũ ra trán Phan. Hai hàm răng trắng sau đôi môi hé mở. Đôi mắt chưa khép kín. Phan. Tim Huyền nhói lên. Nàng run người, tự dưới cổ dâng lên một cái gì nghèn nghẹn, chẹn ngang hơi thở.

Huyền thụp xuống.

— « Anh ơi ! » Nàng nấc lên hùng hục.

Nàng ngã người vào ngực Phan. Nàng giết tấm khăn bọc trên ngực Phan.

— « Thưa bà, nơi ngực trái », tiếng người cao niên cất lên trong không khí âm u, lạnh lẽo. Một cơn gió từ phía sau nhà thổi ào tới. Mấy ngọn bạch lập tấp lửa lên phùng phực, suýt tắt. Căn phòng trong tịch tặc mờ đi. Một người chạy vội tới cửa, chặn tấm liếp lại.

— « Thưa bà, người đàn ông đến nhà nàng lên tiếng, « hồi tối qua ông nhà công tác ở ngoại ô bên kia thành phố và gặp nạn. Chúng tôi đem về đây lo săn sóc không kịp báo tin bà rõ, vì thấy nguy ngập quá nên mọi người đều dồn cả vào mà cứu chữa. Ông nhà mê man không biết gì nữa. Sáng nay ông nhà mấp máy môi, chúng tôi hiểu, nhưng ngay sau đó ông nhà lìa đời. Chúng tôi đắc tội với bà, với vong linh ông nhà ». Tiếng người đàn ông chậm rãi, đều đều, nặng nề.

Huyền đứng dậy, rồi lại khuỵu xuống lần nữa.

— « Anh Phan ! Anh Phan ! » Tiếng nàng dứt đoạn. Nàng thấy sóng, sóng âm ỉ quanh đầu quanh người nàng. Sóng hắt vào lòng nàng. Nàng thấy nhói nơi bụng. Nàng soài người xuống, mặt úp vào ngực Phan. Sóng âm ỉ, ào ạt dội trên đầu nàng, trên lưng nàng, trên mình Phan. Sóng dồn dập, sóng tới tấp phủ vào nàng. Phan ơi, sóng xô dẫn linh sử, cuốn phăng anh về đâu... về đâu...

NGUYỄN NHẬT DUẬT

NGUYEN DAT

sérénata

Anh biết nói gì đây khi đêm tối trở về
Một khúc đàn khuya đánh thức lòng nhung nhớ

Em yêu dấu
Em hiền chẳng thời khắc đâu
Anh đến gần em
Như hồi nọ
Như khuôn mặt như nụ cười
Như ý tưởng của em
Thơ ngày đầu khác tuổi mười bốn

Đó là con đường em dẫn anh đến
Như mỗi đêm
Bóng tối che phủ những mặt trời âm thầm
Từ đó anh lặng lẽ xa cách gia đình
Từ đó anh lần trốn người mẹ rất thương anh
Từ đó anh rút bỏ nỗi vinh quang
Em yêu dấu
Em hiền chẳng cách thức anh yêu em
Em hiền chẳng trước mỗi rặng đông

Tiếng gà gáy hùng dũng sau lưng bóng tối
Em hiểu chẳng hình dáng ẩn sau lời nói
Như anh nói yêu em
Ôi em hiểu sao những dáng không hình
Chỉ riêng cảm giác anh hay biết

Em yêu dấu
Mỗi giờ mỗi phút yêu em
Anh vẫn trầm mình trong nỗi tự sát

Em yêu dấu
Anh hiểu thật sự em sẽ tới miền nào
Để sinh sống

Anh hiểu thật sự anh chẳng ở bên em
Như căn nhà gỗ đầu mặt ở Dran
Bây giờ đã hoàn toàn dĩ vãng
Anh hiểu thật sự nơi đó căn phần mình
Anh biết nói làm sao cho em hiểu được
Cực chẳng đã anh không thể lặng thinh
Bằng cách yêu em

Rồi thì mỗi đêm cũng sẽ trở về, phải không ?
Ôi khúc đàn khuya còn thức mãi trong lòng
Anh chẳng thể quên em

NGUYỄN ĐẠT

NGUYEN MAI

lời giới thiệu

trong khoảng cách

định nghĩa

Chiếc xe vừa bỏ lại phía sau những mắt nhà băng vẩn phủ đầy bụi đỏ. Ở nhiều mắt nhà có hình cao bồi, người dơi, xen vào đó là những chữ viết với những mẫu tự tổ cáo hầu hết đều do bọn trẻ con tiểu học nzuộc ngoại tạo nên bằng những ngón tay của chúng.

Theo với những vòng bánh xe lăn tới, con đường truờn ra, khỏi thị trấn, truờn tới giữa những khoảng rừng cao su nối tiếp, chạy mãi về phía phi truờng. Hàng ngày chạy trên con đường này phần nhiều là các loại xe của quân đội, kể đến là những chiếc xe Lam chở khách, những xe gắn máy và những chiếc xe đạp vành bánh dính bám đất đỏ của những người Thương đeo gùi, ngâm tàu.

Con đường truờn đi, bỏ lại thị trấn phía sau đầy bụi và sinh hoạt như ao tù. Hai hôm rồi nàng đã một mình chạy xe trên con đường này để đến phi truờng. Hôm nay nàng mặc áo dài lụa đen, da¹¹ nàng trắng, mỗi nàng như một bông hoa đỏ, tóc nàng bay bay về sau trong gió lớn, dưới những bóng cây. Áo dài đen, tóc đen bay về phía sau, chiếc Yamaha màu xanh, nàng đạp chân đôi sỏ, xe dễ vượt lên những khoảng dốc, đôi sỏ lao xuống sau đó và đôi sỏ vượt lên trở lại, dễ đến nhà dơi ở phi truờng. Ở đó, như hôm qua nàng sẽ không ngồi trong nhà dơi, nàng lên sân thượng đứng một mình nhìn lên bầu trời về hướng phi cơ bay đến, chàng sẽ đến trong một chiếc phi cơ, trong tuần này và nàng ra đây đón chàng đã

từ hai hôm rồi. Trọng cả hai hôm, từ sân thượng của nhà dơi, nàng nhìn ra chung quanh. Bốn phía đều có hoang chạy mãi cho đến chân trời. Nhà dơi mà nàng đứng là căn nhà màu đỏ duy nhất giữa một đồng cỏ hoang đầy gió, gió thường thổi tung cỏ khô bay lên trước mắt nàng, cũng có lúc gió thổi bụi bay lên mù mịt làm nàng không nhìn thấy gì ở phía sau những đám bụi.

định nghĩa

Những lúc như thế, nàng muốn khóc, việc chờ dơi chàng mà và không biết chàng có đến được hay không đã làm nàng muốn khóc. Nhưng nàng không thể khóc trước những người xa lạ ở đó, nàng dè dặt tình cảm của nàng xuống để nước mắt khỏi trào ra. Điều này sau đó còn có nghĩa vì bị giữ lại nước mắt nàng sẽ trào ra trong những lúc một mình, nhất là trong đêm tối. Như đêm qua : Nàng đã khóc đến ướt cả vạt gối. Nàng khóc vì nàng chẳng biết làm gì hơn vậy. Trong lúc khóc nàng hi vọng sáng nay chàng sẽ đến với nàng, đến trong niềm mong dơi của nàng, chàng sẽ xuất hiện và chàng có mặt đó là niềm mong dơi duy nhất của nàng bây giờ.

Vượt hết con dốc, xe của nàng bây giờ chạy ở bên ngoài một khu đất trồng bơ của ty canh nông. Nàng nhìn thấy những cây bơ sai trái ở bên kia mặt đường. Bây giờ mỗi lần nhìn những trái bơ nàng lại thấy nàng có tội với chàng (qua lần nàng sa ngã suốt một đêm với một người đàn ông lạ không phải là chàng

T. H. N. Y. N.

trong khoảng cách

trong căn nhà mái đỏ nằm ở giữa khu vườn (trông bờ này).

Đêm ấy là đêm nàng phân bội chàng lần thứ nhất mà trước đó nàng không hề nghĩ như thế. Khi việc xảy ra, buổi sáng thức dậy nàng thấy thân thể nàng bần thiêu. Nàng mặc lại quần áo, bỏ ra quốc lộ xin quá giang một chiếc xe chở hàng để về nhà trong khi tên đàn ông mà đêm qua nàng đã có lúc vô vấp với hắn vẫn tiếp tục hà miêng nằm ngủ. Sau đêm đó, nhiều ngày, nhiều lần liên tiếp nàng định viết thư cho chàng, nhưng lần nào nàng cũng dừng lại khi ngòi bút vừa bắt đầu chạm xuống mặt giấy. Cuối cùng nàng dấu nhem chuyện đó, và chàng chẳng hay biết gì cả. Nhưng cũng chính vì thế nàng tiếp tục bị dày vò, bị ám ảnh về tội lỗi nàng đã cần phải, như cần phải cái lưỡi dao lam, sau đó khốn khổ vì cái lưỡi bị rách, cho đến cả bây giờ, nhất là mỗi khi nhìn thấy những trái bơ như lác này.

Phi trường bắt đầu hiện ra trước mắt nàng: Nhà đợi sơn màu đỏ, chơ vơ giữa cánh đồng cỏ hoang.

Phi trường ngày nào cũng chỉ có một hình ảnh: những người khách mặc áo lạnh đứng trong nhà đợi. Bánh xe của nàng bắt đầu lăn tới khoảng sân rộng thoáng trải nhựa, nàng có dáng vẻ khép mình lại, nàng biết lúc này từ trong nhà đợi, từ trên sân thượng mấy người lính trong các lô-cốt đang tựa mắt ra nhìn. Vì ở đây, ở cái phi trường quanh hụi này, một người nào xuất hiện cũng là sự chú ý cho những người lính đó. Nàng hơi luống cuống khi gió thổi thứ vải áo mềm nàng mặc sát vào thân nàng làm nổi rõ lên cặp vú của nàng.

Dừng lại ở chỗ đậu xe, nàng dựng xe bên cạnh những chiếc xe đã đứng bất động

ở đó, nàng khóa xe bằng cách xoay và lấy ra chiếc chìa khóa nằm sẵn ở cở xe. Khi lấy chiếc chìa khóa ra rồi nàng lay thử, cái cở xe đã cứng ngắc làm công việc lấy chiếc chìa khóa ra chỉ là một thói quen của nàng, vì không ai có thể lấy trộm xe mà không bị lập tức bị nhận ra ở đây).

Cầm chiếc chìa khóa nhỏ, nàng không bước vào nhà đợi, nàng leo những bậc cầu thang bằng xi măng bên hông bức tường nhà đợi để lên sân thượng. Lên hết các bậc thang, nàng thấy ở phía cuối phi đạo, nơi phi cơ sẽ đáp xuống một đám bụi đang quay tròn trong một cơn lốc lớn. Nàng tưởng tượng ra những bụi đất cỏ khô đang bị quay ở trong cơn lốc đó, những chiếc lá, cỏ khô đang bị quay chung với những hạt cát, những đám bụi và một khoảng không khí bị trở thành khác lạ với chung quanh. Đứng vào chỗ hóm qua nàng đã đứng, nàng thấy hôm nay cũng như ngày hôm qua, nàng thấy thể từ sự chờ đợi của nàng cho đến cảnh vật hiu quanh chung quanh, nàng thấy chừng như không có gì thay đổi.

Nhưng nàng hi vọng hôm nay rồi sẽ có sự thay đổi, sẽ khác, sẽ mừng vui, đó là việc chàng sẽ bước xuống hơi phi trường quanh hụi của cái thị trấn lơ lửng này. Chàng bước xuống và chàng sẽ chở nàng vào thị trấn bằng chiếc xe của nàng. Chàng sẽ thuê một phòng ở khách sạn. Nhưng hai người sẽ không ở với nhau trong căn phòng đó, để tránh tai tiếng cho nàng, nhưng thật ra còn là để tránh phản ứng của gia đình nàng. Hai người sẽ chở nhau vào vườn cà phê, bánh xe sẽ lên trên những lớp lá khô xếp dày trên lối mòn, dưới những chùm lá xanh và hai người sẽ vẽ lại cái hình ảnh A-Dong, E-Và giữa những chùm trái đỏ, lá xanh, hoa và trắng, Dưới những tàn cà phê và trên cỏ non mọc kín.

mặt đất, ở đó nàng sẽ trần trướng với chàng. Chàng sẽ cảm tạ đời sống cái đời sống đầy buồn khổ mà chàng và nàng đều kêu gào với nhau trong những lá thư suốt những ngày hai người xa cách vừa qua, rằng nó chất đàng nhiều hơn ngọt ngào và rằng nó chỉ toàn những thất vọng, đau đớn.

Phía trước mặt nàng một con lốc đang quay vòng tới chỗ một chiếc xe chở hàng sơn màu vòng và bị tan đi ở đó. Chợt nàng nghe thấy có tiếng động cơ của tàu từ xa bay trong mây, hình như thế, nhưng cũng có thể chỉ là cảm tưởng do sự mong đợi của nàng. Hôm nay là ngày thứ ba, nàng đang cảm động với nàng về sự chờ đợi của nàng. Hai ngày qua, gỗ đá trong khoảng sân thượng này đã chứng kiến nàng bồn chồn từ sớm mai đứng chờ chàng và thất vọng ra về khi hết nắng. Chúng cũng chứng kiến có nhiều người đàn ông nhìn lên nàng, nhìn lên mái tóc dài bay tung chung quanh một khuôn mặt cực đẹp, nhìn lên đôi vú được bọc kín một cách căng cứng ở ngực. Ở phía dưới trong nhà đợi có những tiếng nói nghe ồm ồm vang lên trong gió, chắc người đàn bà mặc áo xanh cổ thêu đầu rồng đang làm bồn phận loan báo cho đám người trong nhà đợi biết có một chuyến bay từ đâu đó sắp đến, nàng thắc mắc chiếc phi cơ sắp đáp xuống đã khởi hành từ đâu. Thắc mắc cộng với việc cần mua một bao thuốc lá khiến nàng đi xuống nhà đợi. Khi nàng bước vào nhà đợi, những tiếng nói đã im bặt, nàng hỏi thăm một người đã nghe những tiếng nói ấy, người được hỏi thăm trả lời nàng chuyến bay sắp đến sẽ đi Saigon. Nàng cảm ơn người trả lời một cách biết ơn sự vui vẻ của bà ta. Nàng ghé quầy bán thức giải khát mua một bao thuốc lá, mấy thanh niên ngồi trên những chiếc

ghế cao cẳng nhìn nàng bằng chính cái nhìn thanh niên của họ, nàng giữ vẻ mặt điềm tĩnh. Trả tiền gói thuốc và bao diêm, nàng cầm chúng trong một tay và trở lên sân thượng. Sau ba cây diêm nàng mới đốt được diêm thuốc giữa những cơn gió thổi đến, dù nàng đã đứng ở một chỗ khuất nhất. Nàng thở những ngụm khói, hi vọng trông chiếc phi cơ sắp đáp xuống chàng sẽ có mặt với nàng.

Sự mong mỏi, hi vọng làm cho sự có mặt của chàng càng tăng thêm mức độ cần thiết với nàng (nàng đang thiếu thốn và cô đơn, nàng không muốn một lần nữa thấy nàng tần tuờng vì xác thịt của nàng).

Khi nghe thấy tiếng ầm ầm từ xa, trên cao, trong mây, nàng nghi chắc chiếc phi cơ sắp bay đến. Nàng mong rằng trong đó chàng cũng đang nôn nao chờ đợi gặp nàng. Khi chiếc phi cơ hiện ra lấp lánh trong nắng, nàng thấy chung quanh biển mất, không còn đồng cỏ khô, không còn những đồi núi chung quanh ở nơi xa, không còn gì, chỉ còn nổi nồn nao nàng sắp nhìn thấy chàng. Chiếc phi cơ bay vòng trước khi đáp xuống, trời hôm nay không xấu, ngược lại, nàng nghĩ dù viên phi công có thuộc hạng tồi tệ việc đáp xuống cũng sẽ trơn tru.

Sự bồn chồn làm nàng nén bở điếu thuốc hút dở, nàng đến đứng nắm hai tay vào thanh sắt tròn gần sân thượng và khoảng trống bên ngoài. Bánh tàu bắt đầu chạm xuống mặt nhựa, trên đất tàu đang chạy tới, nàng nghĩ có thể trong tàu, qua cửa kính chàng đã nhìn thấy nàng lẻ loi đứng ở đây. Sau khi chạy vòng tròn như một chiếc xe hơi, tàu dừng hẳn. Nàng nghĩ cũng lạ, nặng như thế mà nó lại bay được. Mấy nhân viên hàng không mặc đồng phục kaki vàng đầy thang có bốn bánh xe đến cửa tàu.

trong khoảng cách

Nàng nghĩ chàng thường lên tàu sau cùng, đó là thói quen không bao giờ dành giết kiểm chỗ tốt của chàng, nên chàng sẽ là người bước xuống đầu tiên. Cửa tàu được người nam tiếp viên dùng sức đẩy ra. Từ chỗ nàng đứng, nàng thấy bên trong tàu tối đen. Chiếc thang được ráp vào cửa tàu, được lay thử. Và bây giờ hành khách bắt đầu bước xuống. Nhưng hình ảnh một thanh niên gầy gò mà nàng chờ đợi lại là một người đàn ông to lớn, đeo kính đen, áo veste khác màu vải quần. Người sau một ta mà nàng hi vọng là một đứa bé đi trước một người đàn bà. Cho đến hết, nàng mỏi mắt tìm kiếm cũng không thấy chàng. Nàng muốn khóc sau khi đôi mắt đã mỏi vì tìm kiếm. Ở phía dưới nhà đợi bây giờ ồn ào vì gập gờ, chia tay, ra đi và ở lại. Những câu dặn, những mắt nhìn, tay vẫy như những hình ảnh chết đối với nàng. Nàng đốt một điếu thuốc khác. Nàng nhìn thấy bàn tay đầy gân xanh của nàng run lên và nàng không thể châm nổi điếu thuốc, dù gió không thổi tới nhiều như lúc đốt điếu thứ nhất mà nàng đã bỏ dở. Còn một chuyến nữa sẽ đến từ Saigon. Chàng sẽ có mặt trong chuyến đó không ?

Nàng muốn khóc khi tự hỏi và nàng cảm thấy nàng hết chịu đựng nổi. Từ Sài Gòn lên chỉ còn một chuyến nữa, nhưng tiếng nói từ loa khuyếch âm đang cho biết có thể chuyến bao đó sẽ bị hủy bỏ vào giờ chót.

Tàu đang bay vòng trên nhà đợi, chàng đợi tất điếu thuốc theo lời yêu cầu của người nữ tiếp viên có đôi mắt gần như đôi mắt của nàng và ngọa đèn bên trong tấm kính mờ ở trên cửa phòng lái bật lên, làm nổi rõ những chữ cấm hút thuốc dưới hình một điếu thuốc đang cháy bị gạch chéo bằng sơn đen. Chàng nhìn xuống bên dưới : nhà đợi màu hồng nhỏ

bé chơ vơ giữa một cánh đồng cỏ hoang. Chàng không hiểu nàng có mặt ở nhà đợi hay không vì nàng đâu có biết đích xác khi nào chàng đến thị trấn này.

Khi tàu dừng hẳn, thang xuống đã được mắc vào cửa tàu, chàng là người đầu tiên bước xuống (khi lên chàng là người lên cuối cùng) chàng không nhìn những bậc thang, chàng nhìn về phía nhà đợi, chàng không thấy nàng giữa những khuôn mặt xa lạ đang túa nhìn ra chờ bắt gặp thân nhân. Khi vào đến nhà đợi, chàng biết rõ là nàng đã không có, mặt chàng gặp một người bạn cũ, người bạn cho biết lúc này mới thấy nàng đứng trên sân thượng. Chàng cảm ơn định bỏ đi, nhưng người đó cho chàng biết nàng mới rời khỏi với một người có râu quai nón. Chàng nhủ mảy, về mặt lưng, im lặng theo những người khác bước lên ngồi trên xe ca. Khi xe chạy ngang khoảng vườn trồng bơ, khuôn mặt chàng rúm ró đau đớn, khi nhìn thấy trên một trụ đá nàng ngồi dưới một cây bơ với một người đàn ông có râu quai nón, họ ngồi trong hình ảnh thật thân mật. Chàng lặng đi trên chiếc xe tiếp tục đưa chàng vào thị trấn. Lười chàng nhặt điếu. Buổi tối, chàng ngồi uống rượu một mình rồi về phòng trọ. Chàng liếm thấy nước mắt lúc những tiếng chuột đuổi nhau trên trần phòng. Suốt đêm chàng co quắp nằm nghe những tiếng một căn gỗ. Giữa căn phòng trọ tồi tàn, nhộp nháp, chàng hiểu rằng mỗi người đều là một kẻ cô đơn, nàng chỉ là nạn nhân, nhưng chàng không thể khác là chàng và chàng nghĩ ? ngày mai chàng sẽ ngồi một mình trong nhà đợi ngoài phi trường, chờ chuyến tàu từ Saigon lên để trở lại mặt trận. Chàng tưởng tượng, lúc đó, từ nhà đợi, trước mặt chàng, bốn phía đều là cánh đồng cỏ khô vàng cháy, chạy ra xa mãi, dù lúc đó sương mù buổi sáng còn dày đặc.

NGUYỄN MAI

HOANG HAI THUY

vấn đề

Thoạt đầu, khi mới chạm trán với vấn đề, Tánh nghĩ rằng vấn đề khó khăn và sự giải quyết sẽ không dễ. Nhưng chàng chưa nghĩ rằng sẽ không giải quyết được, Tánh biết rằng mình yếu đuối, một số bạn thân của Tánh trong những lúc vắng mặt Tánh vẫn nói rằng Tánh hèn nhát. Hèn nhát đây được dùng trong nghĩa quá nhu nhược chứ không phải hèn hạ, đều giả. Nhưng đây là vấn đề quan trọng đến cả cuộc đời. Tánh biết rằng mình không can đảm nhìn thẳng vào nó không được.

Con người, nhất là người đàn ông, chừng mười tuổi lại một lần thay đổi quan niệm. Sự thay đổi này xảy ra đều đặn trong những năm người đàn ông hai mươi, ba mươi, rồi bốn mươi. Lần thay đổi vào tuổi năm mươi có thể là lần cuối. Và cũng có thể chưa phải là lần cuối. Hoặc vào những số tuổi hai mươi nhăm, ba mươi nhăm, bốn mươi nhăm. Tánh không biết rõ ở những người khác tình trạng này ra sao. Tánh vẫn tự nhủ mình học làm người quân tử và người quân tử thường không chú ý đến việc soi mói người khác, thật ra chàng ích kỷ.

— Tánh chỉ biết có mình. Và Tánh thấy rõ ở chàng sự thay đổi quan niệm về đời sống, về tình yêu, xảy ra thật rõ ở những năm chàng hai mươi nhăm tuổi. Mười năm trước. Tánh hai mươi nhăm tuổi, chàng đã thần nhiên để cho Quỳnh đi lấy chồng. Chàng cũng có buồn, người con trai nào trước cảnh người yêu đi lấy chồng mà không buồn. Nhưng chàng không

buồn lắm. Chàng không xô đẩy Quỳnh đi lấy chồng nhưng cũng không ngăn cản, nhất là không bảo nàng chờ đợi. Và khi không ngăn cản người yêu đi lấy chồng, mặc nhiên người con trai đã khuyến khích việc đó.

Tại anh. Em đi lấy chồng là tại anh. Không có gì bắt buộc em phải làm vợ Quang. Quỳnh khóc và nói thế. Mười năm trước nàng cũng khóc khi báo tin với Tánh là nàng sắp làm vợ Quang. Bây giờ nàng khóc khi nói lại chuyện gì. Em không oán trách gì anh. Em chỉ có nỗi sự thực.. Ngày ấy anh đâu có thương em...

Tánh thờ dài. Trong lòng chàng nghĩ: Nói như vậy mà còn cứ nhất định là không oán trách. Tánh biết rõ người yêu. Quỳnh là người con gái thình thoảng rất ngoan cố, cái lấy được. Tại vì đôi mắt hơi sếch, tại vì cái trán hơi rỗ. Một lần tình cờ chàng đọc một cuốn sách nói về tướng pháp phụ nữ và chàng nhớ được hai điểm ấy về Quỳnh. Đôi mắt Quỳnh hơi sếch, cái trán hơi rỗ. Sách dạy rằng những người đàn bà như thế còn khắc phụ nữa. Nhưng Tánh không thấy khó chịu vì sự đờ rệ tội lỗi cũ cho chàng. Nàng đi lấy chồng nhưng theo lời nàng, chính chàng là tác giả vụ nàng đi lấy chồng ấy. Trái lại, Tánh chỉ thấy thương nàng. Thương và tha thứ. Và những giọt nước mắt con gái ngày xưa của Quỳnh không làm cho chàng xúc động bao nhiêu thì những giọt nước mắt sương phụ của nàng giờ đây làm cho tâm hồn chàng, cả toàn thân chàng

chấn động nhiều. Tánh xúc động như chưa bao giờ chàng xúc động đến thế.

Mười năm. Mười năm đã trôi qua. Năm xưa khi họ xa nhau Quỳnh mười chín tuổi, năm nay gặp lại nàng hai mươi chín. Ở đời Tánh nghĩ thầm khi nhìn Quỳnh — có những người phụ nữ đẹp hơn, tình tứ hơn khi họ là đàn bà. Khi Quỳnh còn là người thiếu nữ tươi mơn nym xưa, nàng không làm cho Tánh cảm thấy thêm muốn ái ân bằng bấy giờ. Da thịt nàng như có vẻ mát hơn, thân thể nàng có rõ ràng cái vẻ nặng hơn, và chính cái nặng ấy làm cho nàng thêm quyến rũ.

— Anh vẫn còn yêu em...

Tánh định nói anh vẫn còn yêu em như xưa, nhưng nhớ lại chuyện chàng đã để Quỳnh đi lấy chồng, chàng lại ngừng.

— Lúc nào anh cũng chỉ nói với em được có vậy thôi ư ?

Câu nói đã chớm trên môi Tánh : 'Anh biết làm sao hơn ?' Tánh đã có vợ và chồng Quỳnh đã chết. Mười năm trước Quỳnh từ giã Sài Gòn đi theo người chồng quân nhân qua những nơi mà trước đó nàng chưa từng nghĩ đến có ngày nàng lại đến, những địa danh lạ tại Pleiku, Kontum, Ban Mê Thuột, Darlac v.v... Tánh đã tưởng chàng không còn bao giờ gặp lại Quỳnh. Và Quỳnh cũng tưởng nàng sẽ chẳng bao giờ còn khóc lóc với người yêu cũ. Nàng không muốn về Sài Gòn những ngày chồng nàng còn sống. Quang không biết Quỳnh không muốn về Sài Gòn vì nàng nghĩ nàng vô duyên với Sài Gòn. Quang cứ tưởng vợ mình thích yên tĩnh. Rất nhiều lần Quỳnh có dịp về chơi Sài Gòn mà nàng không về. Trong bao nhiêu năm ở với chồng trong những trại quân vắng vẻ thiếu đủ mọi thứ tiện nghi, Quang chưa từng nghe vợ thở than một lời.

Chàng về chơi Sài Gòn nhiều lần nhưng Quỳnh không về. Những năm ấy Quỳnh vẫn nghĩ rằng nếu nàng có về Sài Gòn và gặp Tánh đi ngoài đường, nàng sẽ làm thinh, sẽ không nhìn chàng hoặc sẽ nhìn Tánh như nhìn một người đàn ông lạ. Cả hai người cùng không ngờ đúng mười năm sau họ lại gặp nhau, tình yêu ngày xưa không nở trọn bỗng sống lại. Không tình yêu của họ chưa bao giờ chết. Họ như chưa bao giờ yêu nhau. Như bây giờ họ mới yêu nhau lần đầu.

Lần gặp nhau đầu tiên họ cảm động nhưng chỉ hỏi thăm nhau những lời rất thường. Tánh đã nghe tin chồng Quỳnh từ trận nhưng đây là lần đầu chàng nghe chính Quỳnh nói chuyện đó. Lần thứ hai gặp nhau Quỳnh khóc và Tánh an ủi nàng không phải bằng lời nói mà là bằng nét mặt, bằng ánh mắt. Lần này sau khi xa Quỳnh, Tánh, thấy cuộc đời tối sầm lại và đời chàng chẳng còn gì đáng gọi là nên sống. Chàng thấy chàng còn yêu Quỳnh hơn cả ngày xưa. Trước kia chàng tưởng có thời đã yêu Quỳnh nhưng bây giờ chàng thấy mới thật là yêu Quỳnh.

Tánh thấy rằng nếu chàng không chung sống được với Quỳnh như vợ chồng, chàng có thể chết vì buồn.

Quỳnh ám ảnh Tánh suốt đêm ngày. Buổi tối ý nghĩ cuối cùng của Tánh trước khi chàng trôi vào giấc ngủ là ý nghĩ về Quỳnh. Buổi sáng ý nghĩ đầu tiên của chàng khi ngủ dậy là ý nghĩ về Quỳnh. Cả trong giấc ngủ chàng cũng thấy ẩn hiện hình bóng Quỳnh. Sự thật là đây là lần đầu tiên Tánh biết yêu, đến năm ba mươi nhăm tuổi chàng mới thực sự yêu.

Nhiều lúc Tánh nghĩ tình trạng của họ cũng không có gì khó giải quyết : chàng cứ việc lấy thêm Quỳnh là xong. Như biết bao

hiếu người đàn ông có vợ, không yêu vợ, sống với người mình yêu trên cõi đời này. Như người đàn ông khác có thể làm như thế, bất cứ người đàn ông nào khác cũng có thể làm được như thế, riêng Tánh thì không thể.

Vì trước hết, Quỳnh không chịu như thế, chưa bao giờ Tánh dám để cho Quỳnh hiểu rằng chàng muốn nàng làm một thứ vợ bé của chàng. Quỳnh không chịu và Hồng lại càng không chịu.

XX

Nếu Quỳnh là người đàn bà ngoan cố thì Hồng, người đàn bà làm vợ Tánh, là người đàn bà có tướng đàn áp, chế ngự đàn ông. Ít nhất, Hồng cũng đàn áp, chế ngự chồng nàng. Cặp mắt của Quỳnh chỉ hơi sếch trong khi cặp mắt của Hồng có hai đuôi mắt xuống nhưng Hồng thâm hiểm như một mưu sĩ đời xưa. Lời cụ Nguyễn Du tả cái thâm hiểm của Hoạn Thư có thể dùng để tả Hồng: « Bề ngoài thơn thớt nói cười. Bề trong nham hiểm giết người không dao... » Tánh đã nhiều lần thấy cái tài hại người của vợ. Chưa lần nào Hồng phải ra tay với chàng, nhưng đó không phải là gì Hồng nề chồng mà chỉ là vì Tánh. Chưa bao giờ làm điều gì hại đến quyền lợi hay chạm đến tự ái của nàng.

Hồng nắm quyền chỉ huy gia đình. Nàng cũng là người kiếm được nhiều tiền nhất trong hai vợ chồng. Trước đây Hồng chỉ cho vay tiền tháng, tiền tuần quanh quần mấy bạn hàng ở chợ Saigon, làm đầu thảo hội, chạy áp phe vặt, từ ngày có quân đội Mỹ tới và phong trào đi thầu đủ mọi thứ dịch vụ cho Mỹ, từ đó rác cho đến cung cấp gái cho Mỹ, Hồng nổi bật hẳn lên. Nàng trở thành trong một sớm một chiều một tay thầu áp phe Mỹ thành công và nổi tiếng. Làm ăn với Mỹ thầu bắt

cứ cái gì cũng có lời, chỉ lời ít, và lời nhiều. Hồng như có cái khả năng nhìn thấy những dịch vụ gì ra nhiều tiền, nàng làm vụ nào cũng trúng và những gã đàn ông lưu manh nhất này vào ngành thầu áp phe Mỹ cũng phải nể sợ nàng.

Hồng mở bar ở Chợ Lớn, ở đường Nguyễn Văn Thoại, đường Trần Hưng Đạo, đường Tự Do, nàng mở bar ở Phú Lợi, ở Gầm Ranh. Nhưng nàng chỉ dựng lên thành hình những cái bar đó thôi, nàng sang lại tất cả với những giá đắt cho người đến sau. Nàng không thích làm chủ ar bợ dấy nhưng nàng thích có quyền thu vét đồ là ở những cái bar ấy. Bất cứ một ông tỉnh trưởng ma lanh ở một tỉnh có căn cứ Mỹ lớn thuộc miền Trung đặt điều kiện với những người muốn mở bar: « Tôi ký cho phép các ông, các bà mở Bar không đòi tiền gì hết, nhưng sau khi mở rồi mỗi ngày phải đổi cho tôi mỗi Bar 100 đơn với giá chính thức ». Trong tỉnh về sau có tới 300 cái bar, và bất kể lớn nhỏ, mỗi bar mỗi ngày phải đổi cho người nhà Ông Tỉnh 100 đơn theo giá chính thức lúc đó là 1.800 đồng — đơn xanh đang hoàng — trong khi giá đen gấp đôi. Hồng cũng sang lại những cái bar nàng tạo dựng lên với điều kiện bao nhiêu đơn xanh, đơn đỏ của bar phải để cho nàng mua theo thời giá.

Tòa nhà ba tầng, 8 phòng, với đầy đủ tiện nghi, nằm trong khu sau trường Đại Học Vạn Hạnh là tiền của Hồng, cái xe Mazda 1.200 Tân đang đi cũng là tiền của Hồng. Có thể nói tất cả bây giờ đều là do tài kiếm tiền của Hồng mà có. Tánh cũng như là một môn mã Hồng thích. Hồng bỏ tiền ra mua.

— Nếu nó chịu lấy một thùng Mỹ nào... Phi luật Tân hay Đại Hàn cũng được... Tánh thương ao ước như thế mỗi khi chàng nghĩ

đến Quỳnh đến tình yêu của họ có Hồng cản trở. Nếu đời chàng bây giờ không có Hồng. Nhưng Hồng không thích làm tình với Mỹ, nàng khinh ghê Phi và vừa khinh vừa sợ Đại Hàn. Hồng không chống chọi nào với đa số những người dân bà Việt Nam giao thiệp với người ngoại quốc, những người đàn bà sẵn sàng cho ngoại nhân thỏa mãn miễn là có lợi, những người đàn bà muốn cho ngoại nhân hiếp mình. Có thể nói là Hồng cũng yêu chồng, nhưng nàng yêu theo cái tình yêu riêng của nàng. Và Tánh cũng chịu được Hồng nếu Quỳnh không trở lại đời chàng.

Tánh vừa yếu đuối vừa thích hưởng thụ. Chàng vẫn đi dạy Anh văn ở các trường tư và trong nhiều năm chàng vẫn sống ung dung bằng số lương dạy học. Sau ngày Mỹ tới và Hồng bảo chồng: "Anh đừng đi thi giờ lo công chuyện cho em còn hơn. Lương dạy học cả tháng của anh không bằng tiền bọn khốn nạn nó kiếm một ngày..." Lẽ ra dù vợ có kiếm được nhiều tiền đến chừng nào đi nữa Tánh cũng phải bám lấy nghề dạy học ít tiền, phải dùng chức giáo sư Anh Văn như một cái vỏ. Vì còn đi dạy chàng vẫn còn là người có nghề nghiệp đáng hoàng. Bỏ dạy để ở nhà lo công việc cho vợ đi thân với Mỹ, chàng trở thành một thằng chồng ăn bám vợ.

Nhưng cuộc ăn bám thật linh đình, thật đáng để ăn bám. Tiền Hồng tiêu vào nhiều như nước. Khi làm không ra tiền, người ta làm trăm phương ngàn cách cũng vẫn không thấy tiền, kể cả làm những trò lường đảo lừa gạt. Khi không ra tiền, người ta có cựa quậy làm chỉ xảy vầy, chỉ mang tiếng và chỉ thêm khổ sở, tui cực. Khi tiền nó tới, tự nó nó kéo tới, gạt nó ra nó vẫn cứ nhào vô. Kể cả những việc khác làm bị lỗ đến phá sản, tới Hồng bỗng trở thành việc ra tiền, nhiều tiền nữa là khác.

Chiến tranh và việc nửa triệu binh sĩ Mỹ ào ào kéo vào Việt Nam gây khổ não cho một số đông người Việt và nguồn sung sướng, khoái lạc cho một tiểu số người Việt. Trong cái thiếu số làm giàu nhờ chiến tranh, phải nói là làm giàu nhờ sự có mặt của quân đội Mỹ ở Việt Nam mới đúng, có Hồng. Và Tánh. Tánh đã từng sống những ngày thiếu đói kéo dài nhiều năm dưới thời Ngô Đình Diệm nên bây giờ cuộc sống của chàng như đổi khác hẳn. Thời đói khổ là thời gian chàng vừa được giải ngũ chưa kiếm được việc làm và chưa biết mình có thể làm được việc gì mà sống. Đó là thời chàng chưa xin được chân dạy Anh văn. Kể cả khi chiếm được một chân dạy học và trở thành giáo sư rồi, Tánh cũng vẫn đói rách vẫn thêm thường nhiều thứ. Nhưng thời trước đó chàng đói đến mỗi ngày không có cả tiền ăn một bữa cơm đầu ghế hoặc ăn trong những cái gọi là quán cơm xã hội mỗi bữa chỉ mất 5 đồng. Mỗi lần gặp bạn cũ, được bạn chỉ cho tờ giấy 20 đồng mà không phải mở miệng xin, Tánh đã cảm động và tự cho là ngày đó chàng gặp may mắn. Chính vì kỷ niệm những ngày đen tối đó còn nguyên trong óc Tánh nên giờ đây cho trở thành sợ hãi trước việc ảnh hưởng đến đời sống với Quỳnh. Cuộc sống no đủ này sẽ chấm dứt và chàng lại trở về cuộc sống đói khổ, tui cực ngày xưa.

Bây giờ Tánh không phải lo âu về tiền nhà, chàng lái xe hơi mới toanh chạy trên những con đường do RMK mới sửa lại êm ái không một tiếng động, chàng hút thuốc lá Craven "A" không bận tâm đến chuyện đi mua. Hồng mang về từng "tút" Craven "A" để cho chồng hút. Chàng bán những chiếc áo sơ mi Topura mua ở Hồng Kông, những chiếc Montague kiểu mới nhất Sài Gòn chưa có. Chàng dùng những chiếc bát lưạ đất giá và có tiếng nhất thế giới: Dunhill.

Flamminaire, Duroont, những chiếc bát lửa mà giá tiền mua ở Hồng Kông bằng ba, bằng bốn lương tháng của một Đại úy một vợ, ba con. Chẳng xài toàn giấy 500 và nhiều ngày chẳng còn biết tiêu tiền vào việc gì. Chẳng ngại đánh si những canh ăn thừa vài trăm ngàn là chuyện thường. Chẳng đi những đôi giày mang nhãn hiệu Đức, Áo Lê, giá tiền gấp ba những đôi giày đắt tiền nhất đóng ở Sài Gòn. Bây giờ chẳng quen đi loại vớ Morasso mỏng và mát chân, tra chân vào bất cứ loại vớ nào khác chẳng thấy nóng, thấy vướng chịu không nổi.

— Làm sao có thể chung sống với người yêu mà vẫn giữ được cuộc sống sung sướng, đầy đủ này? Nó mới là vấn đề nan giải của Tánh. Làm sao có Quỳnh mà vẫn có Datsun, Mazda? Vẫn có những tập giấy bạc 500 không bao giờ mỏng, không phải đếm từng tờ với ý nghĩ đen tối là không biết đến bao giờ mình mới lại có những tờ khác. Làm sao có tình yêu mà vẫn có những cái yêu nho nhỏ như những cái bát lửa Duphill, Dubont? Làm sao có tình yêu mà vẫn không phải vất vả vì tiền?

Càng nghĩ sâu vào vấn đề, Tánh càng thấy khó khăn. Rồi chàng đi tới kết luận là vấn đề không sao có thể giải quyết được. Chàng sẽ khổ lắm nếu Quỳnh lại đi lấy chồng — “Em sẽ lấy Mỹ, lấy Phi, lấy Đại Hàn...” Quỳnh nói khi những giọt nước mắt sưng phụ chảy xuống gò má — “Lấy bất cứ ai muốn lấy em và chịu đưa em ra khỏi nước...” Tánh khổ tâm khi thấy Quỳnh, người đàn bà chàng yêu thương nhất đời, rồi sau cùng cũng nói đến chuyện đi lấy Mỹ không khác chút xíu nào với những người đàn bà lấy Mỹ vì đô la mà chàng vẫn thường khinh bỉ. Chàng lo âu khi thấy rằng Quỳnh có thể làm đúng như lời nàng nói.

Quỳnh không nói đến chuyện lấy chồng ngoại quốc để dọa người yêu. Vì Quỳnh biết

cũng như Tánh biết, việc lấy chồng ngoại quốc và đi khỏi nước là lối thoát duy nhất cũng như đẹp nhất của những người đàn bà lỡ dở và hờn duyên, tủi phận trong đất nước này. Chàng thực không muốn lại mất nàng, nhưng làm thế nào? Phải làm sao? Tánh không thể trả lời được câu hỏi quan trọng và cấp bách ấy.

— Em khổ quá chị ơi, thằng Joe nó đến nó ám em cả ngày hôm qua...

— Việc gì đến nó chứ?

— Nó nói nó có một nửa trong số đồn ấy. Bây giờ thằng Steve nó phải nằm ở bệnh viện Clark bên Phi Luật Tân, không biết sống hay chết. Joe nó nói nó có بدن phận phải đòi số đồn ấy. Nói nói nó phải gửi tiền về cho vợ thằng Hendrick ở bên Hoa Kỳ...

— Chị đã nói việc ấy không dính gì đến em, không ăn thua gì đến thằng Joe. Nó nói láo. Thằng Steve đưa tiền cho chị mà, nó đưa thẳng cho chị đâu có qua tay em?

— Những em giới thiệu nó với chị...

— Thì đã sao? Liên sự gì? Chị không lấy số tiền của nó nhưng tiền do thằng Steve đưa cho chị, làm sao bây giờ chị lại trả cho thằng Joe được? Cái gì cũng phải thì thôi chứ... Chị không thêm quýt tiền mồ hôi, nước mắt của chúng nó những chị phải trả cho thằng nào đưa tiền cho chị. Chị không biết thằng Joe là thằng nào hết...

— Chị nói vậy thì chết em...

— Cái gì mà chết? Chúng nó đòi đồn lậu, PM nó biết thì chúng nó đi tù trước hơn ai hết.

— Vẫn biết thế nhưng chúng nó không đi báo PM thì sao?

— Thì chúng nó giết mình ư?

— Em sợ...

— Khờ lắm. Chị đã bảo em đừng có sợ. Làm nghề đòi đôn lậu mà cứ sợ như em thì chết rồi...

— Joe nó nói nó có giấy của thằng Steve, giao cho nó việc đi lấy tiền...

— Giấy chị không tin. Chị đâu có biết là giấy thật hay giấy giả. Đưa cho nó lỡ mai một Steve nó đến nó đòi tiền thì sao? Với lại việc làm ăn không thể đưa bậy, đưa bạ như thế được...

— Nếu... nếu... thằng Steve nó chết ở bên Phi thì sao, chị Hồng?

— Đợi đến lúc nó chết hẵng hay...

xxx

Trung úy Phi công Steve Hendrick, hai mươi tám tuổi, sinh quán Los Angeles, California, nơi nhiều người Việt Nam nghe nói đồn nhiều nhất nhờ có Hollywood bị trúng đạn phòng không Việt Cộng ở Chiến Khu D. Chàng bị phóng nã và đưa cấp tốc đưa bằng phi cơ qua Bệnh viện Clark ở Phi Luật Tân. Trong lúc ở Saigon, hai người đàn bà làm giàu bằng nghề đổi đồ la Mỹ chợ đen nói đến chàng, Trung úy Phi công Steve Hendrick thờ hời thờ cuối cùng vì vết thương quá nặng ở bên kia biển.

Hai ngày sau, ở Saigon, Trung Úy Joe Millard say khướt. Chàng uống rượu và say kể từ lúc được tin bạn chết — nói với người tình:

— Steve nó chết rồi. Tiền đó là của vợ thằng Steve. May bảo nó nếu nó không chịu trả, tao sẽ giết nó...

— Xin lỗi ông... Chắc ông cũng biết chánh phủ mới có lệnh cấm người Việt Nam

không được đi xe số X. Ông cho xem giấy tờ x.

Tánh bị cảnh sát huýt còi chặn lại ở trạm gác bên cầu Trương Minh Giảng. Chiếc Madza này vừa được Hồng mua lại của một ông Mỹ cách đây hai ngày. Với một giá rẻ mạt. Đồng thuế, đổi sổ đăng hoàng rồi bán rẻ đi cũng lời nửa tiền. Sáng nay Tánh đem xe đi tìm mối sang tên nhưng chàng đến gặp Quỳnh, và chàng quên bằng việc phải đi.

Khi tới với người yêu, chàng định nhiều lắm là 12 giờ là về tới nhà. Nhưng không khác tất cả những người yêu nhau mà không được sống với nhau 24 giờ trên 24 giờ một ngày, mà phải lén lút gặp nhau, chàng không sao dứt ra mà về được. Bây giờ là 3 giờ chàng mới về tới đây. Trong lúc đang mãi nghĩ ngợi chuyện nói dối vợ, chàng suýt đụng phải một gã chạy Honda từ trong chợ Trương Minh Giảng vọt ra. Người cảnh sát phải huýt đến ba tiếng còi chàng mới biết là gọi chàng.

Mười lăm phút sau Tánh mới thoát nạn cảnh sát đòi giữ xe. Nếu không có người cảnh sát này, chàng đã về nhà đúng lúc và có thể chàng cũng đi theo Hồng và cuộc đời chàng sẽ không còn vấn đề gì hết ngay lúc đó. Khi xe chàng chạy trên con đường ngang Viện Đại Học Vạn Hạnh, chàng nghe thấy tiếng súng.

Năm sáu tiếng súng lục vang lên liên một lúc. Súng gì vậy? Tánh nghĩ thầm. Chàng biết trong xóm nhà chàng có một tiệm thuốc phiện lớn. Chàng không qua đó chơi lần nào vì quá gần nhà chàng nhưng các bạn chàng thường ra vào động hít đó mỗi ngày. Chàng nghĩ đến chuyện cảnh sát vào tiệm hút đó bắt du dương và nổ súng chỉ thiên chặn những tên

nhảy qua mái nhà bỏ chạy. Du đang có súng này giờ đã sứt là đao binh. Và du đang bây giờ đã sứt nghiêng ma túy. Bị cảnh sát vây bắt là du đang nó chạy oảng đủ mọi giá, bất chấp bị oan này ngã gãy chân, gãy tay.

Từ đường lớn vào tới trước cửa nhà chàng chừng ba trăm thước. Khi Tánh về tới đầu ngõ, chẳng thấy người trong xóm nhốn nháo. Có tiếng là :

— Mỹ nó bắn... Mỹ nó bắn... Chết rồi... Chết cả nhà...

Và người ta hội loạn nhau :

— Đâu... Đâu... Nhà nào đâu ?

— Mỹ nào ? Phải hai thằng Mỹ vừa chạy ra không ?

Chỉ một thoáng, người ta kéo nhau ra đứng đầy đường. Mặc cho Tánh nhẩn coi, không ai chịu lùi vào nhường đường cho xe chàng đi. Bực tức, chàng đầu xe sát bờ tường căn nhà đầu ngõ rồi xuống xe.

Một gã con trai la lên :

— Mỹ nó bắn trong nhà ông đó...

Tánh không biết là gã con trai nói với chàng. Chàng vệt đám đông ra đi tới và ngạc nhiên khi thấy trước cửa nhà chàng, người ta xúm lại đông như bên trong nhà có án mạng.

Chàng thảng thốt kêu lên :

— Cái gì... Cái gì... ?

Ba bốn người đàn bà tranh nhau trả lời chàng :

— Mỹ nó bắn trong nhà ông... Chắc nó bắn bà ấy... Ông vào coi... Chúng tôi chưa ai dám vào...

— Có hai thằng chạy ra rồi... Không biết còn thằng nào ở trong ấy không ?

— Ông vào đi... Chúng nó chạy hết rồi... Hồi này chỉ có hai thằng đến thôi... Tôi trông thấy chúng nó vào nhà mà...

Người ta đẩy Tánh vào nhà để... vào theo chàng. Như trong một giấc mơ. Tánh bước những bước nhẹ tênh vào nhà. Như trong giấc mơ, chàng thấy Hồng nằm nghiêng trên giường, ngực nàp, cổ nàp có nhiều vết trũng tròn và từ đó máu còn rỉ xuống nệm giường trắng tinh.

Không phải nhờ đến bực sĩ, cũng không cần phải nhìn Hồng đến cái nhà thứ hai—tuy đang ngờ ngác và chưa hiểu có những chuyện gì vừa xảy đến với Hồng, Tánh đã biết Hồng đã chết. Hai đầu gối chàng bỗng dưng mềm nhũn như bông lằm chàng ngã quỵ xuống bên giường. Người ta xô nhau vào, chặt cả nhà người ta đứng đầy từ đầu cầu thang tới cuối. Bên ngoài hai xe cảnh sát phải mất vài phút mới chạy vào được tới trước cửa nhà vừa xảy ra án mạng.

Tánh như không để ý thấy cánh cửa tử sắt đặt bên giường ngủ của Hồng mở toang. Từ ngày Hồng mua cái kết này về, chưa bao giờ Tánh cầm chìa khoá mở kết, chàng cũng không biết Hồng cắt những gì, cắt bao nhiêu tiền trong kết. Chàng cũng không biết nàng có bao nhiêu món nữ trang giá trị.

Tánh cũng không biết gì để khai với nhân viên công lực. Nhưng người lối xóm, đông nhất là đàn bà trẻ con, khai rất nhiều chi tiết: bọn giết người gồm hai tên, toàn là Mỹ trắng, bạn xi vin, chúng đến nhà này lúc 2 giờ, người nói là hơn 2 giờ, có người nói đúng 2 giờ 10 phút, chúng đi tắc xi tới nhưng đậu xe mãi ngoài đường, chúng đi bộ vào nhà. Hai tên, chúng có vẻ quen biết bà chủ. Có người nói có một người đàn bà Việt Nam chỉ nhà cho chúng

vấn đề

vào, nhưng người đàn bà Việt Nam ấy không vào. Không thấy trong nhà to tiếng gì cả, bỗng đứng cò tiếng súng nổ rồi hai thằng Mỹ chạy ra. Đường như chúng biết hơi rõ khu này vì khi giết người xong chạy ra, chúng không chạy ra bằng con đường chúng đi vào hồi nãy, chúng chạy tuốt vào xóm trong và thoát ra đường Trương Tấn Bửu hay Trương Minh Giảng.

Hai thằng Mỹ cướp đi nhiều tiền lắm người lối xóm kháo nhau như thế. Không ai biết chúng cướp đi bao nhiêu chỉ biết rằng chúng, không biết vô tình hay hữu ý, có để rơi rớt nhiều tập giấy bạc 500 trên đường chúng chạy. Nhiều đứa nhỏ tình cờ lượm được những tập giấy bạc này, nhưng khi người lớn biết và đi tìm thì không còn thấy tập nào nữa.

— Tội nghiệp ông ấy... Người đầu mà hiền lành... Ba vợ làm ăn gì với Mỹ ông ấy

chẳng biết gì hết... Về nhà thấy bà vợ bị nó bắn chết, ông ấy như người mất hồn...

— Ông ấy điên rồi... Cảnh sát hỏi ông ấy cứ ngơ ngơ ngẩn ngẩn...

Người ta nói như thế về Tánh. Nhưng ông cảnh sát đến nơi điều tra cũng nói nhỏ với nhau những câu tương tự về khổ chủ, tức người chồng nạn nhân. Hơn một lần người ta nói đến chuyện mần áp phe với Mỹ ra tiền nhưng nguy hiểm, có tiền nhưng mất mạng thì không bổ chút nào. Trong khi đó ông chồng nạn nhân ngồi ngay bên cái xác cứng đơ của vợ. Ai cũng nghĩ rằng đương sự đang choáng váng vì cái chết thê thảm của vợ. Chỉ riêng có đương sự là đang choáng váng đúng, Tánh đang choáng váng nhưng không phải chàng choáng váng vì Hồng chết. Chàng chỉ choáng váng vì không ngờ cái vấn đề nan giải của chàng bỗng dưng trở thành không có.

HOÀNG HẢI THỦY

ĐÃ CÓ BẢN

LƯỚI TÌNH

tiểu thuyết

HOÀNG HẢI THỦY

CHIỀU DƯƠNG xuất bản

T A M I C H

Từ
Nguyễn Mạnh Côn
đến
Lâm Thủy Kim Trâm
trong vấn đề
ý thức hệ

Ý TƯỞNG CỦA ÔNG LÂM THỦY KIM TRÂM

Tôi đã mừng được đọc bài *Một vài nhận định trong việc xây dựng một ý thức hệ mới*, trong số 4 của tạp chí *Chí-ích văn* của văn hữu Nguyễn Mạnh Côn — lên tiếng về vấn đề ý thức hệ về hòa bình và ý thức hệ chung và mới do anh Hoàng Văn Chí có ý đặt ra trong bức thư văn hóa dài mà họ Hoàng đã gửi cho chúng tôi và đã đăng ở báo *Đời* của văn hữu Chu Tử cách đây không bao lâu ; và sau vài ba bài đã ngưng lại.

Anh Chí, anh định viết thành sách đề xuất bản, nhưng trước khi viết anh muốn cuốn sách có đôi ý của anh em ở đất nước nhà — vì ảnh xa quê hương cũng đã có đến hàng chục năm.

Tôi đem vấn đề ra công khai ; và trả lời anh Chí. Nói trả lời, thì không đúng Bản tâm tôi,

thưa ông Lâm Thủy Kim Trâm, tôi chỉ muốn đặt một vấn đề chung — cũng như trong một bàn hội tề, có kẻ nói thế này, có kẻ nói thế khác, về một vấn đề, tôi cũng nói một đôi ý kiến, xa hay gần đúng hay sai gì cũng chỉ là đề góp đôi ý kiến. Hay hay dở, cũng chỉ đề góp — mà thôi. Chứ chưa đi thẳng vào vấn đề do anh Chí đặt ra ! Tôi định lần lần rồi sẽ nói. Dùng camera, ở góc cạnh nào, thì — tôi cũng chỉ thấy có một bề — trong hăng hà sa số bề. Mà có lẽ ai cũng thế. Đã có ai có pháp nhãn thông.

Thực ra, tôi cũng chỉ muốn ý này không thể có hòa bình, thì dù chúng ta có dựng một ý thức hệ về hòa bình, chúng ta cũng chỉ làm một việc lý thuyết trừu tượng ; còn về ý thức hệ chung cho cả loài người hay cho dân tộc Việt nam thì thành hiện "moderne" còn vương vào

ý thức hệ

ngờ bĩ, chúng ta cũng đã hết *ngờ*, thì làm gì và làm sao — không lẽ đi nói điều cở nhàn đã nói, còn không nữa, chính xác đến như khoa học mà còn bế tắc (sẽ xin thừa), các môn khoa học nhân văn khác, làm gì và làm sao, cho hơn ! (Tôi cũng đã định viết thêm sau các vị khác, thì cuộc *hội thảo* ngưng !)

Loanh quanh chỉ có thế. Đường định sẽ chứng minh thêm, thì cuộc *hội thảo* ngưng như các bạn đã rõ. Riêng tôi đã nhiều tuổi, thành ra lại cũng có.... *lười* ; thành ra cái *lười* lẫn trên cái *trốn lười* — rồi *lười* luôn.

Bỗng nhiên được đọc ý kiến của ông Kim Trâm, ý ông trẻ hơn, lạc quan hơn — ông đề nghị nên dựng một cuộc *cách mạng toàn dân và triết đề* và phải phát động một *giồng vận động tri thức* — tất cả các sự kiện đó là để đáp sự đòi hỏi của lịch sử.

Không lẽ tôi lại đi ngược ý kiến của mình vốn hơi bi quan — thực ra, ý ông Kim Trâm là ý rất thích đáng. Lúc này mà không *lập ngôn*, thì còn lúc nào ! Bậy hay nói : *C'est le moment ou jamais*.

Anh Nguyễn Mạnh Côn thì anh đã làm hai việc rồi : một là anh viết cuốn *mỗi tình màu hoa đào*. Muốn tránh sự khô khan, anh viết theo kiểu đối thoại cho linh động. Tôi băn khoăn mãi mà không dám đề cập, vì trong *hệ thống* tư tưởng của anh có cả những luận cứ về những môn học mà tôi không sành — như về cơ thể học (anatomie) chẳng hạn... (Đời tôi, tôi chỉ viết về cái tôi hiểu, hay tưởng rằng tôi hiểu, hay tôi *niệm* được, mà thôi). Hai là anh viết thuyết *tân trung dụng*, mà sách chưa ra, tôi chưa được rõ. (Hay đã ra, mà tôi chưa có)

Riêng một cái việc ông Lâm Thủy Kim Trâm gọi vấn đề ra, cũng đã là đáng quý huống gì ông lại dựng ý kiến ông trên một *hội cảnh trí thức* rất duy lý (rationnel) và thích nghi với tình thế.

Vậy xin góp thêm ý kiến cùng các bạn. (Hình như đã lâu lắm, cũng chưa có cuộc tranh luận nào mời đón tri thức giới : nào ai nấy bận lo sống, nào ai mấy mỗi một vì thời cuộc, nào khí hậu xã hội bế tắc... ai còm dùm còm gói đi theo các vấn đề trừu tượng và dài dằng dặc, đọc cũng dễ mỏi;

MẬT PHÁP THẬT SAO ?

Lâu nay, người ta thường nói : *thời nầy là thời mạt pháp*. Có lẽ đó là một ngôn ngữ khác để nói cái ý rằng loài người đương ở thế bế tắc — chỉ có một lối thoát là chờ cho có đệ tam thế chiến, để mà chết cả... ừ. Chết đến không còn một mộng..

Và trên cây cối héo sẽ có đóa hoa mới để cho một trái mới phát sinh — chẳng ?

Ngày nay trên bình diện quốc tế, đương có mặt trận chống đối (mouvement contestataire) chung. Nhưng chống đối mà thôi — chứ không phải *cách mạng*, vì có *cách mạng* mới có thể *dội* được một *trật tự cũ*, chuyển la lối chửi đồng và đập phá đây một chút, kia một chút, cũng chỉ là chuyện *« lý thuyết »* — tác dụng chỉ thấp thoáng và vật vờ.

Chúng ta cứ nhìn thoáng xem : tôi xin kể sơ sơ. Về lý thuyết thì có Herbert Marcuse : Herbert Marcuse là gì, đó là một bài tính cộng, cộng Karl Marx, Freud, và André Breton — cộng thuyết duy vật sử quan với phân tâm học

và siêu tả chân... làm kim chỉ nam cho các phong trào chống đối của thanh niên sinh viên, văn văn. Sau khi Herbert Marcuse đề mãi đến già mới lên sân khấu lịch sử, thì có các phong trào sinh viên các nước Âu Mỹ mà người ta gọi là « Phong trào Mai 1968 » — đập phá một mớ cho tan hoang, chửi bới một mớ cho sướng miệng; thanh niên có dịp đề ngoại hiện (en téniorisation) sinh lực trần trụi của họ và nói lớn rằng họ không tin cậy gì ở thể hệ làm cha ông của ông cha. Đồng thời, thì có các — tôi nói: các — phong trào các thanh niên nổi giận (en colère), mà một trong những « phương diện » là cái « hyppy ». Hyppy là gì, nếu không phải là sự phản kháng đối với cha ông; họ phản kháng bằng hai sự ngoại hiện: họ không tin tưởng gì ở các bảng giá trị (table des valeurs) cũ nữa — họ khai thác triệt để danh từ *Valeurs* là danh từ phát sinh từ Nietzsche, vì chữ ấy do Nietzsche dùng và liệng nó ra cho nó thành một ý niệm then chốt —, đồng thời họ thử (thử mà thôi) quay qua « Á đông xem « cái » Thiên (Zen) phủ nhận đời sống (négation de la vie) ra sao, làm gì và thế nào để họ bắt chước. (Phong trào chung của thanh niên sinh viên phần nộ, chìm và phần nộ ngầm là phong trào chống đối rục rờ như cái vụn hoa kính, mà thực thể hyppy chỉ là một mẫu hoa trong vụn hoa mà thôi).

Giữa lúc đó, thì ở Pháp chẳng hạn, có một số sinh viên tay cầm cuốn « cầm nang » của Mao Trạch Đông, còn một số theo Ché Guevara trong đó có Régis Debray, cái chàng nói câu mà tôi cho là chí lý: *địa ngục là chính mình* (L'« enfer c'est soi-même ») ngược với Sartre nói: *địa ngục là tha nhân giới* (L'« enfer c'est les autres »).

Quỳnh lên và lo lắng, các bực thánh hiền

ở bên Âu Mỹ, họ đâm ra ưu tư. Vì ưu tư, họ họp nhau lại để đánh chuông báo động. Việc họ làm, họ gọi là vị lai học (Futurologie). Họ làm gì. Họ nghiên cứu, tìm tòi, đặt định đề, khai thác đến tuyệt đối khả thể tính (possibilité) của sự thông minh con người và cột nó vào tất cả các bộ môn văn chương triết học khoa học toán học, tìm cho ra một số biện pháp để giải quyết vô số vấn đề do tương lai lo ngại người đặt ra cho chính loài người: nào đệ tam thế chiến và chiến tranh nguyên tử, nào dân số học, nào nạn đói, nào hòa bình, nào cơm nào áo, nào... vân vân. Nghe họ bàn, đọc bài họ viết, xin thú thật với anh Kim Trâm, là tôi chết khiếp. Rồi ông bạn có biết họ đề nghị cái gì không? *Primo* họ — là ông Georg Picht — một đại diện to lớn của vị lai học, ông bảo phải làm một « đám cưới » giữa chính trị và khoa học, *Secundo*, cũng ông ấy, ông nói là nên dựng một nền « khoa học của các khoa học » (une science des sciences). (Xin đọc báo *L'Express* tháng Aout 1971). Còn không nữa, thì nếu các lãnh tụ chính trị mà « điếc », cứ lo đánh nhau, thì các nhà thông thái nên đình công. (Grève du savoir).

Thì ra các nhà vị lai học thông thái của chúng ta không làm gì hơn là chạy quanh trong cái vòng luẩn quẩn. Bảo rằng khoa học và chính trị nên đoàn kết, thì thật là thiên nan vạn nan — còn khó hơn việc bà nữ oa đội đã: đã từ lâu, các nhà chính trị « đoàn kết » với khoa học bằng cách... « mua » các nhà khoa học. Còn « khoa học của các khoa học » là gì, nếu không là triết, học hay khoa học lý. (épistémologie: chữ này có hai ba nghĩa trong triết học); thì cái việc ấy nó đã có từ đời Socrate và Khổng Phu Tử! Còn nói rằng bảo các nhà thông thái

đỉnh công không vác xác đi phụng sự các lãnh tụ, thì cũng quá là khó quá — vì ngày xưa thì Mạnh Thường Quân, Tín Lãng Quân mua họ, ngày nay thì ai có tiền mua được ; và chính các nhà vị lai học họ thú thực rằng các nhà thông thái cũng kỳ thị đồ kỹ nhau, chen ép nhau cho nhau vắng nhau đi, và người ta có thể mua bán thông minh như mua bán đầu giá (commerce des erveaux) — ngày xưa Lữ Bất Vi đã lấp lửng lăm lăm làm những chuyện mập mé thế rồi : buồn cả vua, có còn cái gì ghê gớm mà họ không mua — trong đó có Von Braun, Pontocorvo. Albert Einstein và Oppenheimer hồi hận thì đã muộn quá lắm lắm rồi !

Sau ba chục năm thăng thế của hiện sinh luận, thì cơ cấu luận ra đời. Tưởng là gì : thì ra là để loại con người đi, và loại cả các nền nhân bản học, sẵn sóc cho con người, lò lau chùi con người, lo điều trị thuốc thang cho nó — cho nó mới — mà nó vẫn có mới đầu ! Lay Chúa : khoa học kỹ thuật đi mau quá ; luân lý đạo đức bỏ như con rùa ! Nạn nhân của sự lệch lạc (décalage entre la technique et la morale), lại là con người. Khá khôi hài ! Phải không bạn Kim Trâm ?

Sự sa đọa lẫn trên cái dốc — vùn vụt !

VÀ KHOA HỌC CỦA CHÚNG TA ?

Triết học của chúng ta thì bế tắc rồi. Nó là nếp then chốt của mọi ý thức hệ (idéologie) gồm có hình nhị thượng hạ thứ tự và ăn khớp với nhau thì nó bế tắc. Có nó, mọi có các hệ thống luân lý (système de morale)

đều làm luân lý giáo khoa thư cho thiên hạ đọc mà làm người cho ra người. Ngày xưa thì luân lý (éthique) phụ thuộc vào siêu hình học hay vũ trụ luận hay tâm lý bản thể duy lý (psychologie ontologique rationnelle) (tạo ra vũ trụ quan — tính bản thiện thì lấy nhân nghĩa dạy dân Tính bản ác thì dùng pháp trị, văn văn, chẳng hạn là thế — nhưng đến Kant, thì quan niệm ấy chuyển. Từ Platon đến Spinoza... họ đều dựa vào siêu hình học (hay hình nhị thượng) để tìm « văn phạm » sống.

Từ Kant trở đi : Khác !

Đến hiện sinh luận, khác thêm một nấc nữa : họ trốn Thượng đế, họ trốn luân cả luân lý học (éthique) (Kant lại còn làm chuyện ngang hơn nữa ; là dựng « siêu hình học » — tôi đề vào đầu hoặc kẹp — trên bối cảnh luận lý ; và cho đó chỉ là một định đề (postulat) của ông mà thôi)

Và....

Và khi Albert Einstein, vào năm 1905, nói một yếu lý về vật lý, là cái gì cũng chổng ngược lên cả — đây mới thật là bằng giá trị theo đó mà chổng hẳn luân (renversement des valeurs).

Các giáo sư giảng sự đại học có dạy là làm cái việc mà Karl Jaspers nói : có điều gì căn bản, Platon nói hết rồi, ngày sau bà con chỉ ghi chú trên lề giấy. Việc đã làm, làm thêm, làm gấp bội thôi — chứ chẳng làm được cái gì mới cho ghê gớm cả.

Triết học gặp ngõ bí.

Các xuất phát điểm mở đường cho các hệ thống đời (từ tưởng đến ra (không gian

và thời gian ; năng lực và vật chất ; tinh thần và vật chất...) đã đổi thì các ngôi « kiến trúc tư tưởng » từ xuất phát điểm mà phát sinh ra, cũng... nhào, chứ !

Triết học bí ! còn Khoa học lại không hơn gì — nói thế bởi vì khi Albert Einstein đem ra *thuyết tương đối* ra đời thì người ta cho rằng *nguyên tử* là hình thức cốt của vật chất ; và vấn đề ấy, thế là xong ; nói một cách khác : thiên hạ bàn dân, bá tánh loài người giải quyết, thế là xong cả rồi ! -

Chưa ! Thế mà là rầy ! Khoa học, sau Albest Einstein lại còn... mờ nữa. Xin thưa :

Rằng cái âm điện tử (*électron*) vẫn còn nằm trên bàn giải phẫu và chưa có tên cho chính xác — người ta cũng chỉ biết gọi là *vi tử ba động* (*onde — corpuscule*) — vì chẳng phải là *vi tử* (*corpuscule*) mà cũng chẳng phải *sóng* (*onde*). Thì là « cái gì » Bản lý lịch khai sinh chưa ổn !

Rằng Dirac, người được giải Nobel năm 1933 đưa ra một định lý là năng thế biến thành vật chất, để cho cái « phương trình » vật lý của Einstein nó gọn. Nhưng đến lúc làm nên lý thuyết về toán học (*théorie mathématique*) do ba nhà thông thái Tomonaga, Schwinger và Feynman làm, thì những phương trình lại « qui định » ra các « phi vi tử » (*anti particule*) được xem như *vi tử* gây ra cái việc đi ngược thời gian để một ngày kia chúng ta sẽ chứng kiến chúa Trịnh Sâm yêu bà Chúa Chè kiều nào ! (Trong một bài ngày xưa đăng ở tạp chí *Văn*, nói về truyện *Ba người lính nhảy dù lâm nạn* của anh Nguyễn Mạnh Côn, người mà tôi cho rằng văn chương hay mà khoa học toán cũng xuất sắc — đó gần như một ngoại lệ tính — tôi đã viết về việc các nhà thông thái đương lo cho thiên hạ

đi ngược thời gian để « về » thăm cái mong rùa vàng mà Trọng Thủy dám ăn cắp ! Ấy thế mà rồi vật lý học vẫn ở trong trạng thái bế tắc ! (Báo *L'Express* số 749, ra tháng Octobre 1965, có đề cập, trong mục *Nobel*)..

Rằng có ba nhà thông thái Mỹ tập tành lăm le tạo ra cái máy đi ngược thời gian. Làm thì họ chưa làm, nhưng họ đã làm cho vật lý học điện tử bị một vỡ — như cửa *tử* ở mê hồn trận vậy ! — choáng váng.

Rằng nói tóm lại, tất cả các nhà thông thái vật lý *trở nên ngờ vực*, và sẵn sàng *đuyệt lại* (*revision*) tất cả các vấn đề vật lý toán điện tử !

Thế mới rầy rà !

Còn có gì chính xác hơn là vật lý toán, mà còn chui vào bát trộn đồ ! Vậy chứ các nền triết học làm cái « thượng lương » cho các ý thức hệ của chúng ta *xuất phát* từ đâu cho ổn, cho gọn, cho « *conséquent* » — nói thế vì bao giờ một nền triết học một ý thức hệ, thành *hệ thống* (*système*) hẳn hoi, cũng đều có xuất phát điểm. (Nói rằng vật chất và tinh thần là hai thực thể, thì cái « *giây* » lập luận khác ; mà nói rằng vật chất và tinh thần là *một* — cũng như không gian thời gian — thì cái « *giây* » lập luận cho thành hệ thống, lại phải khác. Đã khác từ khởi điểm thì là khác xa... xa... mãi !) Xin thưa như vậy cho rõ.

Ấy chính vì vậy mà tôi mới có ý nói rằng việc anh Chi làm là thiên nan vạn nan, đồng thời tôi cho rằng khoa học sẽ giải quyết dứt khoát triết học những vấn đề siêu hình nhất mà chính triết học đặt ra — may ra khoa học và triết học gặp nhau tại đây, thì thật lý thú ; chỉ sợ đến lúc hai « cái » gặp được nhau thì loài người sắp tự sát ! Đó là chỗ khởi hải nhất.

TÂN TRUNG DUNG

Ngoài cuốn *Mỗi tình mẫu hoa đào*, anh Nguyễn Mạnh Côn hình như đã hoàn tất thuyết Tân Trung dung — mà tôi chưa được đọc, được hiểu.

Tôi nhớ xưa kia, trong tạp chí *Tân văn* của các văn thân hữu Nguyễn Đình Vương và Trần Phong Giao, tôi có luận về cái *trung* trong Trung dung. Tôi đã định viết thêm — sau khi có thêm luận cứ và suy luận tốt; nhưng rồi cũng bỏ đó. (Tôi nói về *trung*, và lời cả ông Vương Dương Minh cùng cái yếu lý trí hành hiệp nhất của ông vào vấn đề)

Tôi mong được đọc về *Tân Trung dung* của anh Nguyễn Mạnh Côn để có một quan niệm rõ ràng. Có lẽ, nếu gọi tiếng Pháp, thì nó là *Néo-juste-milieu*—hoặc là của Aristotle, hoặc là của thầy Tử Tư, nhưng nó mới —, cho nên mới gọi là *Tân*, là *Néo*.

Mà, hẳn là từ cổ đến mới, đã có sử mạch (contexte social et historique) xen vào, thì dung tích và bản sắc của nó đã thoát từ khai sinh lý lịch cũ và khối lập ngôn của Nguyễn Mạnh Côn hẳn là phải khác về phong phú tính và đặc thù tính.

CÒN VIỆT NAM CHÚNG TA ?

Chúng tôi, quả tình, cũng có hơi bị quan — bị quan chỉ là phản ánh của một thái độ do thời tình (temporalité, và sử tích (historicité) tạo ra — chẳng phải một sớm một chiều mà có mà thành. Một phần tư thế kỷ văn chương, ba chục năm sự phạm, ba chục năm đại đột sách gì cũng tham đọc (chẳng hạn như tôi đọc các sách nói về sự tàn sát 6 triệu người Do thái và 50 triệu người chết vì giặc giã; và

bao nhiêu cảnh tàn sát của đảng quốc xã Đức) và bao nhiêu biến cố thương xót, cá nhân đã làm chúng tôi ra như, chúng tôi ngày nay. Dù dùng tự phân tâm (auto psychanalyse) cũng bất lực.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng đã ghi ra rằng chuyên ý thức hệ là chuyện *thích nghi* và *thích thời*, cho nên chúng tôi tán thành ý kiến của ông Lâm Thủy Kim Trâm, là phải có một cuộc cách mạng toàn diện và triệt để. Và phải gây ra một giọng vận động trí thức (*Trí hay trí?*)

Chỉ còn vạch nó ra như một cái sơ đồ hay ý đồ. Hay là quyền *Tân Trung dung* của Nguyễn Mạnh Côn sẽ làm cái sứ mạng đó. Tôi đương mong được hiểu rõ *Tân Trung dung*. Luôn tiện, tôi nhớ rằng, hiện đương có một phong trào « Trở về nguồn » của một số người có thiện chí và lòng đối với dân tộc, đã lập ngôn. Tôi chưa được hiểu rõ lắm.

Các anh Nguyễn Mạnh Côn và Lâm Thủy Kim Trâm, nếu có rõ, tưởng cũng nên đề cập tới, đề bài nội chữ quân tử hiệu, đề cho trí thức dân tộc thêm phong phú, tưởng cũng chẳng phải là chuyện dư.

Riêng về dân tộc Việt Nam chúng ta, tôi nghĩ rằng, dù sao, Việt Nam — trên phương diện là đơn vị nhân chủng lớn có mấy ngàn năm văn hiến — cũng không thoát khỏi xã hội mạch (contexte social) chung.

Tự mình nói đến mình, mà quên vị trí mình ở đâu, làm sao, thế nào, là gì — thì sẽ « mò côi » cho mà coi. Xã hội mạch chung hiện nó ra sao, bộ mặt thế nào — ở điểm này, tôi thấy cơ sở luận có lý vì cái xã hội mạch hiện

tại còn « rừng » trong các lớp nhân sinh (archéologie du savoir) xưa và lớn ; vãn vãn...

Cái nền vị lai học mà tìm ra được một cái viễn đấng—là cái Phare—thì rồi ánh sáng sẽ soi vào đến các cõi xa xôi Việt Nam ở Thái bình dương. Điều cần yếu là cái ánh sáng ấy,

chúng ta dùng kính hiển vi nào để tổng hợp và hướng trung cho thích nghi—thích nghi lưỡng diện : một cái do mình tạo ra, một cái từ ngoại vọng vào vãng vào !

Rồi tổng hợp lại—thành của riêng tư.

Sắp hết thu Tân Hợi

TAM ÍCH

Đôi dòng gửi anh Tam ích

Anh,

Anh hiểu lầm ông Lâm Thủy Kim Trâm : ông không bàn gì về công việc của tôi, mà chỉ nói đến như một ví dụ trong ngoặc đơn : « cái mà chủ bút NMC gọi là chủ thuyết như Thuyết Tân Trung dung... chẳng hạn ». — có lẽ, theo tôi nghĩ, đó chỉ là một cách ngả nón của tác giả đối với người phụ trách bài vở.

Anh thì anh nói đến nhiều, nhưng cũng không bàn luận gì cả. Tất nhiên tôi cũng không có điều gì để nói, nếu anh không nhắc đến Mối Tình Mẫu Hoa Đào, và không tỏ ý mong mỗi được biết rõ Tân Trung dung để có một quan niệm rõ ràng. Tôi luôn luôn thấy trước mắt một Tam Ích thành thật và nhường nhịn anh em, nên mới có đôi dòng gửi anh đây.

THỨ NHẤT, trong MTMRD, tôi bắt đầu từ sự xác định vị trí của hai yếu tố « có » và « không » trong căn bản của triết học. Từ đó khai triển đến vũ trụ quan của Phật, rồi nhân Đông phương của Moïse trong Cựu Ước,

của Lemaître và Chardin — vì theo tôi chỉ có các nhân vật đó mới có quan niệm minh bạch về sáng-thế, hoặc về nguồn gốc nhân loại — tôi đã trình bày mấy nhận xét :

a- Không phải Vô minh động mà chính Chân không động

b- Phái cực không phải là một mà là hai : Thái không và Cực nguyên (tử)

c- Không phải Thượng đế giống người, mà người giống Thượng đế : có ý thức

d- Nguyên tử Nguyên thủy là một bị chứa đựng (contenu) vậy cần phải có một nơi chứa đựng (contenant)

Quan niệm « lăm mò mù lòa » và « ngẫu nhiên có chỉ huy » của Chardin, đối với tôi, là ánh sáng

Sau năm nhận xét trên đây, tôi đã, nhất là trong Hòa bình. Nghĩ gì ? Làm gì ? Làm một cuộc so sánh theo công thức giản dị :

A so sánh với B có các đặc tính N

đôi lời gửi anh tam ich

A so sánh với C có các đặc tính N
vậy B rất có thể là C

Anh đọc tôi rất kỹ, đánh dấu từng đoạn và ghi chú từng dòng hẳn anh nhớ tôi mượn phép suy luận này để đi tới định đề : *Tinh thần (ý thức) chính là Chân không (Thái không)*

Rồi từ đó đi đến đề quyết :

Thái không (cổ nhân Đông phương) tức *Chân không* (Phật) tức *Thượng đế* (Moïse) tức *Năng lực Chân không* (Chardin) chuyên chở *Cực nguyên* (ĐP) tức *Vô minh* (P) là các thân thể trong *căn khôn* (Lemaître) đồng thời cũng chuyên chở các *phân tử* (Ch) trên căn bản của *a định luật dẫn mô mù lòa* và *ngẫu nhiên có chỉ huy* của Chardin — để làm thành tế bào sống đầu tiên (la première cellule vivante).

Hoặc muốn cho giản dị :

Tinh thần chuyên chở Vật chất và làm nên Đời sống.

Trong cái chủ quan... rất chủ quan của tôi, tôi thấy như thế là rõ ràng lắm. Nhưng tất cả các bạn đọc đều có quyền đòi hỏi chứng minh, chứng nghiệm, phối kiểm. Tôi hoàn toàn đồng ý, nên mới có sự ao ước một ngày kia được thấy đề quyết của tôi được đặt thành chương trình cho một bộ óc điện tử chuyên về thiên thể vật lý (astro-physique) và vi ti sinh học (micro-biologie)—mặc dù rằng, sự thật là như vậy, chưa có ai nghĩ đến phối kiểm tư tưởng của Phật, của Moïse ; và cả đến lý thuyết của Lemaître cũng chỉ có lập luận (trước) mà không có chứng nghiệm (sau).

(Cho đến nay, có lẽ ai nấy đều nghĩ rằng một quan niệm sáng thế, cosmogonie, chỉ có thể được chấp nhận nếu nó hợp lý, và bị từ chối nếu nó phi lý—theo đa số các nhà trí thức—còn, bởi vì ở tầm mức lớn lao quá; gó

vượt khỏi phương tiện phối kiểm của khoa học. Nhưng bây giờ, tôi cho rằng một lý thuyết nào đó (kể cả về sáng thế) sẽ không được chấp nhận, nếu nó không được chứng nghiệm đầy đủ. Và lại, như Lemaître và Chardin đã bắt đầu, tôi nhận thấy giai đoạn đào tạo ra vũ trụ có liên hệ mật thiết, và là khởi đầu giai đoạn đào tạo ra sự sống (trên Địa cầu) nên giai đoạn sau đã có thể chứng nghiệm thì giai đoạn trước cũng phải được phối kiểm)

THỨ HAI, cũng trong hai cuốn MTM HÐ và HBNGLG, tôi có trình bày (tưởng rằng) rất cặn kẽ về sự xuất hiện của đời sống, cả về phương diện sinh học lẫn về phương diện tâm lý học.

Về sinh học, đó là sự xuất hiện của tế bào sống (do nguyên tử hợp thành), qua sự chõng chất của nhiều tế bào đồng loại, đến sự phối hợp của nhiều tế bào khác biệt thành sinh vật đa bào. Đời sống của sinh vật đa bào trong một kích thước, trong hai kích thước, trong ba kích thước, và trong kích thước thứ tư của đời sống vật lý, là vô cùng của không gian (l'infini de l'espace)

Về tâm lý học, đó là sự hình thành của sinh hồn (bio-conscience) trong tế bào, của giác hồn (âme sensitive) trong các động vật có giác quan, và của anh hồn (âme spirituelle) mạnh mẽ trong một số nhỏ thượng đẳng sinh vật và trường thành nơi loài người — anh hồn có căn bản là ký ức về những hình ảnh (images) và tin tức (informations) trừu tượng, nên chính anh hồn mở cửa cho con người đi và kích thước thứ tư của đời sống tâm linh, là vô tận của thời gian (l'infini du temps)

Tôi nhớ, trong MTMHÐ, đã có nói đến bàn tay, nguồn gốc của chữ viết và năng lực

(tinh tế), của sách vở. Tôi có nói đến 2 loài người Đông, Tây, với nền văn minh hướng ngoại, và nền văn hoá hướng nội. Về lịch sử Tây phương, tôi có nói đến các dân tộc cổ ở chung quanh Địa trung hải cùng các vị thần thánh bề bầy của họ đến các dân tộc từ phía Bắc tràn xuống, với sự yêu cầu một tin ngưỡng mà sự trả lời là đạo Ky tô. Tôi có nói đến ảnh hưởng của đạo Ky tô: sau ro thể kỷ đêm tối, ánh sáng bắt đầu tràn ngập từ sau khi Gutenberg (thế kỷ thứ 15) sáng chế ra phép in sách bằng chữ rời. Tôi cũng có nói đến những lý lẽ về tâm lý khiến cho Tây phương ào ạt theo đạo Chúa, trong khi dân Do thái (gốc của Chúa), Ả-rập và Đông phương không theo (không theo một cách mạnh mẽ).

Sau cùng, áp dụng sử quan Tâm Vật Tương Giao — phần này mới chỉ được trình bày trên các báo Văn Khởi Hành, Quốc Phòng, Chính Văn — tôi có nói đến sự khiếm khuyết trong sử quan Mác xít, áp dụng từ 1850 đến 1950. Sự phát triển của văn minh kỹ thuật ra khắp thế giới theo 3 con đường chính: con đường của thống trị chiếm lĩnh và khai hóa thuộc địa; con đường qua Liên Xô sang Trung Hoa đến Việt Nam (Bắc Việt) là con đường của cách mạng giải phóng thuộc địa; con đường qua Bắc Mỹ sang Nhật Bản đến Việt Nam (miền Nam) là con đường của lý tưởng dân chủ tự do... Ba con đường đều có mũi nhọn sắc bén, nghĩa là có sự tự bành vực bằng lý tưởng đẹp đẽ, nhưng thật ra đều do *giai cấp tài năng chủ trương, chỉ huy và lợi dụng* — để thỏa mãn ý chí quyền lực của cả hai phe tư bản, vô sản.

THỨ BA, nói về tâm lý cá nhân, tôi trình bày rằng thuở ban đầu, những người tài năng, cầm đầu bộ lạc hay dân tộc, vì sợ cái chết xóa bỏ (Vua Ngộ 36 cái tàn vàng l) mà tìm cách

nghe khắc sự có mặt của mình vào thêm nhiên (lâu dài, cổ mộ) hay vào đời sống (chiến tranh, cải tạo xã hội) như Alexandre đánh Ba Tư đến đâu xây thành đặt tên mình đến đó như Napoléon làm hình luật... Đó là biện pháp nhờ tay thiên hạ ghi dấu vết của mình. Còn biện pháp dùng tay (và trí khôn) của chính mình để ghi dấu vết ấy, như Socrate (nếu có một mình trong đêm tối, Socrate có dám uống thuốc độc không?) Gallilée, Pasteur, Yersin v.v... Rousseau, Goethe, Marx, Chardin v.v...

Tôi gọi đó là cái "tâm lý sự nghiệp", tâm lý đặc biệt của lớp người có tài năng. Tôi cho rằng tâm lý sự nghiệp chi phối tất cả mọi người có thông minh và kiến thức. Tôi gọi đó là giai cấp, giai cấp lãnh đạo, luôn luôn thống trị và lôi cuốn đại chúng vào những cuộc đấu tranh, nhân danh lý thuyết này lý tưởng nọ, nhưng sự thật là để tranh giành quyền lãnh đạo, vào thỏa mãn ý chí sự nghiệp.

Thiên hạ đại loạn 6 nghìn năm chỉ do sự lệch lạc của giai cấp tài năng không tự biết mình, và do sự chịu đựng của đại chúng thất học để cho một thiểu số nhỏ bé lợi dụng.

Tôi có đề nghị, trong HBNGLG những biện pháp cần thiết, như một căn bản tư tưởng (về sự sống, về linh hồn, về Thượng đế, về gia đình, về tình yêu, về lương thực, về giáo dục) để mỗi người ở mỗi hoàn cảnh, mỗi dân tộc ở mỗi lãnh thổ, có thể *linh động* áp dụng cho mình.

Ý kiến mà tôi trình bày có thể đúng, có thể sai; đề nghị mà tôi trình bày có thể được áp dụng, có thể không, nhưng tôi thiết nghĩ như thế là đầy đủ một hệ thống triết học, như chưa bao giờ có một hệ thống triết học đầy đủ như vậy. Tôi đã viết mấy cuốn sách

và nhiều bài báo, nhưng cuốn sách nào, bài báo nào cũng trọn vẹn — có đặt vấn đề và giải quyết vấn đề — nhưng tôi chưa được nhận một lời phê bình nào.

Tôi thú thật với anh là tôi nhiều lần cố gắng đọc Marcuse, Miller, và cả Camus, Kafka, Hedeigger, và cả Nietzsche, Kant v.v... và tôi thú thật rằng những điều họ viết đều thâm thúy quá sức của tôi. Tôi thú thật rằng, căn cứ vào sự tán tụng của thiên hạ, tôi thấy họ viết khó quá, cao quá, kín quá, nên tôi không tìm ra được những giá trị mà tôi có bốn phần phải tìm ra. Cho nên, một đôi khi bực quá hóa liêu, tôi kết luận giản dị rằng họ dùng rất nhiều chữ để chẳng nói được điều gì—so sánh với những điều tôi được đọc, và hiểu được, trong mấy cuốn kinh, thư, của Phật, của Phu tử, Lão tử, Chúa Ky tô, và gần đây, mấy cuốn sách của Descartes, Rousseau, Marx và Chardin.

Như các anh biết, tôi chỉ được đọc rất ít, và được học còn ít hơn. Tất cả những gì tôi viết về Marx, Charidn, Lemaitre, Einstein v.v... đều không phát nguyên từ một sự nghiên cứu đầy đủ, đích đáng. Tôi không ấu—và lại giấu cũng không được— cái vốn có học thức rất mỏng manh của tôi. Tôi cũng không giấu tất cả công việc lập thuyết của tôi đều bắt nguồn từ một số ngẫu nhiên, đáp ứng những suy tư ít khuôn sáo mà tôi đã có từ lâu lắm.

Chính vì thế nên tôi không kiêu hãnh gì về công việc lập thuyết ấy. Tôi hằng nói với các anh rằng tôi khao khát được đọc và được phê bình. Sự tự học của chúng ta cần những

đỉnh tuyệt vời của mơ mộng, nhưng cũng dễ trống hai bên sườn không biết bao nhiêu lầm lỗi, sai lệch. Đó là nguyên nhân vì sao tôi chưa cho in cuốn Tân Trung dung, mặc dù tôi tất nhiên phải tin vào sự đúng đắn của chủ thuyết đó.

Cái gì cho phép tôi tin như vậy ?

— Như tôi đã nói : không phải sự học không giỏi của tôi, cũng không phải vì tôi có trí thông minh quán thế... Cái nó cho phép tôi tin như vậy là ý nghĩ rằng trong con người tôi — cả thân xác lẫn l nh hồn — có sự lắng đọng của niềm kiêu hãnh của một dân tộc có thiên tư đặc biệt, ở vị trí giao điểm của tất cả những dòng tư tưởng lớn của nhân loại ; có sự lắng đọng của niềm đau đớn và tủi nhục của 100 năm ngoại thuộc, của niềm tin tưởng cao cả của ngày Tổng Khởi Nghĩa ; có sự lắng đọng của niềm ghê sợ kinh hoàng suốt trong 25 năm chiến tranh...

Anh cũng thế, nhiều anh khác vào tuổi chúng ta cũng thế. Nhưng có điều hình như lúc nào tôi cũng bị đưa đẩy, hoặc tự đẩy mình, vào những cảnh huống gieo neo và đau đấng hơn cả. Thành thử, giá trị phỏng chủ thuyết Tâm Vật Tương Quan thật có giá trị — giá trị ấy sẽ bao trùm đời sống của nhân loại trong 500 năm — tôi cũng vẫn quả quyết nó là giá trị chung của dân tộc Việt.

Không biết rằng anh sẽ nghĩ tôi kiêu ngạo hay khiêm nhượng thái quá ?

Xin thân chúc anh vui mạnh.

VU VAN KHANH

ngàn năm hận

Phỏng theo nguyên tác LA COULEUVRE
của CHARLES HENNEBERG

L.T.S.— Ngàn xưa và ngàn sau Đông Tây không gặp, mà vẫn có những truyện tình giống nhau như in. Truyện mỹ nhân và danh tướng: Cléopâtre với Antoine, Dương Thái Chân với An Lộc Sơn.

Năm 1962, Charles Henneberg, một tác giả đã quá cố của Pháp, người say mê những truyện tình diễm tuyệt cổ kim, viết một truyện về nữ hoàng Cồ Ai cập Vũ Văn Khanh từ đó phóng tác một truyện về nàng Quý Phi xuất làm đồ ngai vàng nhà Đường. Bạn đọc xong, sẽ hao hao nhớ đến một truyện ngắn của Nguyễn Mạnh Côn, năm 1959.

Không biết có phải rằng, như vậy, là Đông Tây không gặp mà vẫn cùng chung một diễm tâm linh hay không ?

KHAI TỬ

Hôm nay cũng như mọi ngày. Khi vua Đường Minh Hoàng bận việc triều chính, cùng bá quan văn võ giải quyết các vấn đề xã tắc, thì Dương Quý Phi cho triệu An Lộc Sơn vào nội cung.

Từ ngày được Dương Quý Phi nhận làm con nuôi chàng trai mới lớn lên đó được bà dưỡng mẫu nuông chiều, triu mến một cách đặc biệt ! Tuy chàng chỉ mới 17 tuổi, nhưng vốn có giống máu lại người Trung Đông nên thân thể vạm vỡ cao lớn, sức lực hơn người, với hai mắt sâu, lông mày rậm, sống mũi cao. Dương Quý Phi tuy đã là thiếu phụ ngoài ba mươi tuổi, nhưng nàng vẫn đẹp như xưa với nét mặt già dặn, đáng đắp uy nghi hơn trước. Thân thể nàng nảy nở nhựa sống

tràn trề. Sống bên chồng là ông vua già đã gần 70 tuổi hầu như bất lực Dương Quý Phi đã phải đề nên bao nhiêu ham muốn của tuổi xuân.

Nhận An Lộc Sơn làm con nuôi, Dương Quý Phi bên chàng con trai lớn trước tuổi đó, thấy nhiều lúc tâm hồn xáo trộn, thể xác đòi hỏi những cơn trốn vượt ve mà nàng không được tận hưởng bên chồng. Lấy có là dưỡng mẫu. Dương Quý Phi săn sóc chàng từng ly từng tý. Muốn được đụng chạm và kêu gọi tình dục ở chàng trai đầy sinh lực này, Dương Quý Phi nghĩ ra cách là tắm cho chàng. Đối với cung phi, thị tỳ và thái giám, nàng không cần giữ gìn ý tứ, mặc dầu hành động đó có vẻ hơi chướng mắt.

Trong bồn nước tắm, hơi ấm bốc lên ngào

ngạt mũi quế hương và xạ hương, lại được hay bàn tay nhũ ngọc chuốt êm như nhung, mơn trớn trên những bắp thịt căng phồng. An Lộc Sơn tâm hồn như si mê, tê dại, và trong lòng chàng nổi dậy trận cuồng phong của thể xác. Lúc trong bồn bước ra được Quý Phi lấy khăn bông bao cho khô người, An Lộc Sơn trước sắc đẹp mê hồn của nàng trong bộ quần áo mỏng dề lộ những đường cong tuyệt mỹ lần hiện mơ hồ, chàng không dằn lòng được nữa, ôm chàng lấy Quý Phi mà hôn lên má lên môi lên cổ một cách si cuồng tham lam mà chính chàng lúc đó cũng không thể ngờ được. Quý Phi chỉ đợi có thế. Nàng nhắm mắt, thân thể như nhũn ra, dán vào mình trần của An Lộc Sơn, hai tay ghì chặt lấy lưng chàng...

Từ hôm đó An Lộc Sơn nghiêm nhiên là tình nhân của Quý Phi. Hai người yêu nhau một cách cuồng nhiệt, bằng bột, nghiêng ngả, không mấy lúc rời nhau...

Hai người cùng đam mê như nhau. An Lộc Sơn lần đầu tiên được nếm những khoái cảm của nhục thể lên đến tột độ, nên chàng cho không tiếc. Dương Quý Phi vì bị dồn ép đã lâu, nên bùng cháy như hỏa diệm sơn, tiếp nhận không ngừng, miệt mài trong cuộc truy hoan không chút hối hận.

Cứ mỗi khi vắng bóng vua tại nội cung là An Lộc Sơn lên vào phòng riêng của Dương Quý Phi.

Nằm trên giường bát bảo, An Lộc Sơn rác dàu dưới cánh tay người yêu để tận hưởng những hương thơm ngây ngất man dại tỏa mạn từ da thịt Dương Quý Phi, chàng như say sưa trong mộng ảo. Nàng vuốt tóc chàng nói :

— Chàng có nguyện yêu thiếp mãi mãi không ? Nếu kiếp này không sống trọn vẹn

được với nhau, thì kiếp sau chúng ta sẽ gặp lại, và sẽ sống bên nhau cho tới lúc bạc đầu răng long.

Rồi An Lộc Sơn làm loạn mưu thoán ngôi nhà Đường, cướp Quý Phi.

Rồi Dương-Quý-Phi bị triều đình lên án là thông với giặc và bắt phải thắt cổ tự tử...

An Lộc Sơn, vì chỉ là người thường, nên sau khi chết đi hồn chàng lại đầu thai lên làm kiếp người khác.

Riêng Dương Quý Phi cầm tinh con rắn hắc tinh xà, một loại rắn đen như mun rất độc ít khi gặp. đã tu luyện bao ngàn năm mới lên làm người được, nên lần này chết đi, không thể đầu thai lên làm người được nữa. Nàng chỉ có thể nhập vào xác của một người mới chết, để sống một cuộc sống giả tạo, trái với thiên nhiên và không thể bền bỉ được.

Linh hồn nàng sau khi thoát khỏi xác bay phiêu diêu trên không gian, với một khối tinh u uất nặng trĩu không tan. Nàng cố gắng đi tìm An Lộc Sơn nhưng không gian rộng lớn biết đâu mà tìm.

1.

Tại một tiền đồn vùng hoả tuyến về phía bắc Trung Việt gần Bến Hải, Thanh đại đội trưởng cùng một số sỹ quan và hạ sỹ quan trong đơn vị họp tập cả trong phòng khách vào một chiều mùa đông lạnh giá. Khí hậu nơi đây rất rét vì gần rừng núi. Mặt trận nổi dậy trong mấy tháng qua tạm yên. Nhờ tinh thần chiến đấu anh dũng của pháo binh do Thanh chỉ huy, lại thêm sự yểm trợ hữu hiệu của nhiều đơn vị bạn đóng quanh vùng nên thể giặc suy yếu chúng phải rút đi, không dám lảng vảng trong

Vòng này nữa. Mặc dầu công việc phòng thủ vẫn duy trì tới mức tối đa không dám một phút sơ hở, nhưng binh sỹ được rảnh rang nghỉ xả hơi sau khi đã chiến đấu mệt nhọc trong những hàng trước. Thường buổi chiều, Thanh mời một số sỹ quan dưới quyền tới phòng của anh nhậu nhẹt chuyện gẫu cho qua thời giờ quá trống rỗng.

Hôm nay khác mọi hôm, là Thanh báo cho mọi người biết sắp có một sỹ quan cấp chuẩn úy được chuyển từ thủ đô về đơn vị. Trước mặt Thanh là sự vụ lệnh và hồ sơ của viên chuẩn úy đó.

Thanh nói :

— Chúng ta sắp có người bạn mới là chuẩn úy Phạm Anh Tuấn.

Hạnh, trung úy phụ tá của Thanh vội hỏi :

— Có phải anh chàng này ở phòng chiến thuật bộ tổng tham mưu không ?

Thanh trả lời :

— Đúng, cậu biết anh chàng đó à ?

— Trời ! Ai ở Saigon mà không biết anh chàng hào hoa phong nhã đẹp trai nhất trong hàng sỹ quan cấp úy ấy. Trước khi anh chàng được lệnh dời về đây, một anh bạn ở Saigon có viết thư kể chuyện chò tôi hay về hành vi và tác phong của anh. Thực là động trời, và có lẽ vì những chuyện đen tối đó, mà anh chàng bị dời về đây không chừng.

Mọi người xôn xao hỏi. Hạnh chậm rãi đáp

— Bốn mạng chết. Một thiếu nữ xinh như mộng thơm như trái đào non mới 18 tuổi, con một sỹ quan cấp tá hồi hưu đã tự tử trước ngày cưới. Nàng không hề lại thư từ gì. Và hôm trước khi nàng chết, người ta trông thấy nàng đi với một người cao gầy mặc áo

đồng đen như một tu sỹ. Thiếu nữ này là người có đạo. Người ta cố tìm tu sỹ kia để xem có gái có thú tội trước khi chết không, nhưng không ai tìm thấy tu sỹ đó.

Sĩ quan tuyên úy nhòm dậy hỏi :

— Thiếu nữ tự tử cách nào ?

Hạnh đáp :

— Chết độc. Cha nàng trước kia khi còn tại ngũ, có đóng nhiều lần tại những nơi heo lánh trên miền Thượng và mỗi lần về lại đem theo những vật kỷ niệm, như tượng gỗ, cung nỏ và tên có tẩm thuốc độc. Có lẽ cô gái chạm phải mũi tên thuốc độc nên bị chết bất tử không chừng. Nhưng người ta bảo là nàng đã cố ý dùng mũi tên đó rạch vào da thật để tự tử, vì bị ông vị hôn phu là chuẩn úy Phạm Anh Tuấn tình phụ...

Một người hỏi :

— Trung úy vừa nói ba mạng. Còn những ai nữa ?

— Đúng. Còn 2 người nữa. Hai chị em cũng trẻ cũng đẹp và có Xuân cô Lệ. Hôm đó là tối Noel, tại Cầu Lạc Bộ Sĩ Quan có khiêu vũ. Trai thanh gái lịch sánh vai từng cặp từng cặp diu nhau ngoài sàn nhảy. Có Xuân và cô Lệ có biểu diễn một màn A go go rất ngoạn mục, và được toàn thể chú ý đến. Nhưng rồi nửa chừng. Cô Xuân bỗng biến đâu mất. Cô người nói cô đã lên ra ngoài đi cặp với một Sĩ Quan cấp úy rất đẹp trai. Nửa đêm thấy có Xuân trở về tiệp nhảy một mình và lúc cô bước vào thì mọi người trông thấy thấp thoáng ngoài cửa có bóng người mặc áo đen như một tu sỹ.... Rồi sau đó hai chị em cô Xuân và cô Lệ bỏ ra về và sáng hôm sau thấy xác hai cô nổi trên sông cách Saigon 1 cây số. Người ta điều tra thì thấy sỹ quan cấp úy đi lên với cô chẳng phải

là ai khác lạ, chính lại là chuẩn úy Phạm Anh Tuấn. Cô Xuân có để lại mấy bức thư. Trong đó có một bức đại ý nói một chuyện xảy đến đã quyết định cho tương lai của cô, và nếu cô đi thì đem theo cả cô em là cô Lê. Thượng sỹ Khoa nói :

— Bức thư đó không phải là bức thư tuyệt mệnh. Rất có thể là một chuyện làm ăn buôn bán khiến cô phải đi xa và định đem theo cô em ruột. Hạnh kể tiếp :

— Trên đây ba vụ cũng đều là vụ tự tử cả nên pháp luật không bắt tội được chuẩn quý Tuấn. Nhưng về phương diện đạo lý thì anh đã bị dư luận lên án gắt gao là đã quyến rũ những cô gái trẻ làm cho họ thất tình đến phải tìm cái chết để tự giải thoát.

Đại đội trưởng Thanh hỏi :

— Bỏ nói 4 mạng nhưng mới có ba ?

— Đúng. Còn một mạng nữa. Có một anh chàng mới ở Thủ Đức ra, có quen biết sơ sơ với gia đình chị em cô Xuân, Lê, nổi sùng lên, hăm dọa trước mặt mọi người là thế nào cũng tìm Chuẩn úy Tuấn để xin tỵ huyết hầu báo thù cho những thiếu nữ xấu số đã yêu Tuấn. Rồi cách đó mấy hôm người ta tìm thấy xác của anh chàng này bị giết một cách thảm thương, vớt ở nơi cánh đồng hoang vắng tại khu vòng đại thủ đồ. Dư luận lại sôi sào cho rằng Chuẩn úy Tuấn đã giết anh chàng trong một cuộc đụng độ tay đôi nào đó. Nhưng chẳng có gì làm bằng chứng là Tuấn đã giết, nên trước pháp luật Tuấn vẫn chẳng có tội gì. Duy có một điểm, là ai cũng có tác phong đối bại, cuộc đời bê bối, vô tổ chức tham dâm vô độ đã gián tiếp giết 3 mạng và trực tiếp giết một mạng. Vì vậy anh chàng mới phải thuyên chuyển ra mặt trận và về đây với chúng ta.

Thanh nói :

— Câu chuyện nghe có nhiều điểm bí ẩn. Hiện thời chưa biết hư thực ra sao, chỉ biết chúng ta sắp có một người bạn mới, mà dư luận lên án là kẻ sát nhân.

Vừa nói tới đây cánh cửa hèn ngoài nghe đánh ầm mở toang. Một bóng người cao lớn hiện trong khung cửa. Luồng gió lạnh buốt ở ngoài lùa theo vào. Người đàn ông mặc áo bành tô, hai tay bế một thiếu nữ da mặt trắng xanh, và có vết máu rỉ ở bên thái dương. Theo sau người đàn ông là một bà đã đứng tuổi. Mọi người trong phòng đều sửng sốt chưa hiểu chuyện gì thì người đàn ông tới sát chiếc bàn bài kê ở giữa phòng, một tay gạt ly, chén ở trên xuống đất, và đặt thiếu nữ lên, thiếu nữ hai mắt nhắm nghiền, như bất tỉnh. Người đàn ông nói :

— Mau, xin một bác sỹ. Và ngay bây giờ cho tỵ rượy Whisky hay Cognac. Cô gái bị thương nặng nhưng còn sống.

Người đàn bà theo sau, lên tiếng :

— Đây là con gái tôi, trời ơi ! Khổ quá, nó chết mất các ông ơi.

Các người ngồi quanh bàn đều giải tán. Sỹ quan tuyên úy lấy rượu miết vào hai bên thái dương nạn nhân, và trung úy chỉ huy phó, cạy răng nàng bằng chiếc muỗng nhỏ, để đỡ mấy giọt rượu mạnh vào miệng nàng. Bà mẹ thiếu nữ vừa rên la, vừa kể :

— Chiếc xe chúng tôi đã bị lật, chẳng ai làm sao cả. Chỉ một mình con gái tôi bị thương mà thôi. Cũng may mà có ông này ngồi cạnh. Khi cả một chiếc nệm tựa đang trước với mấy người ngồi lật đổ về phía sau đề lên nó, thì may có ông này đỡ hộ phần lớn rồi dùng sức rút nó ra khỏi xe chứ nếu không.

thì có lẽ nó bị bẹp dí rồi. Mẹ con tôi nhờ ông cứu sống, không bao giờ quên ơn ông.

Nói đoạn bà tạ quy xuống nằm lấy tay người đàn ông đã cứu sống con bà.

Chàng thanh niên đáng điệu oai hùng, bộ mặt tuấn tú với sống mũi cao, hai mắt to và sáng, cặp lông mày rậm từ từ rút tay ra và nói.

— Trước hết tôi xin trình diện với vị chỉ huy đơn vị đây.

— Chàng quay lại Thanh đứng nghiêm giờ tay chào lễ, nhà binh và tự giới thiệu :

— Chuẩn úy Phạm Anh Tuấn, mới từ thủ đô dời về đây.

2.

Vừa lúc đó, Trung úy bác sỹ quân y cũng vừa tới và ra lệnh cho mấy y tá hạ sỹ ấy bằng ca đưa nạn nhân về bên bệnh xá để tiện việc chữa chạy. Vì bệnh xá ở gần kề ngay bên, nên công việc chỉ trong mấy phút là xong. Mọi người đều tản mát ra về. Còn lại trong phòng là Thanh và Tuấn.

Tuấn nói :

— Chắc Đại úy đã biết sơ sơ lý do vì sao tôi phải dời lên đây. Chuyện đó ta hãy nói sau. Riêng về trường hợp tai nạn hôm nay, một điểm có vẻ huyền bí mà tôi không giải thích ra được, và cũng chính vì đó mà xảy ra tai nạn. Xe đương ngon tròn, đèn pha chiếu đường rất sáng, không có một bóng người, không có một con vật. Mặt lộ lại rộng đường mới chữa, không có hố hoặc đá ngầm ngang. Bỗng một bóng đen cuộn cuộn như một con rồng lớn từ cánh đồng bay lên, sà vào đầu xe. Tài xế la hoảng, vừa thẳng vừa tránh nhưng bóng đen đã ủa đến làm không gian tối như mực, và xe loạng choạng

lăn kên xuống ruộng. Lúc kiểm điểm lại, thì ngoại trừ cô gái tôi mang về đây bị gãy xiêu, không có ai bị thương nặng. Chỉ có một số người bị bươu đầu sứt trán xoang thối Bà mẹ cho biết cô tên là Trần Thị Linh, là con một ông Tổng Đốc hồi hưu ở Thừa Thiên.

Đại Úy Thanh nói :

— Người ta lên án anh là đã làm chết ba cô gái bằng cách quyến rũ họ để họ thất tình phải tự vẫn. Nhưng một điểm làm tôi thắc mắc, là lần nào, cũng có một người mặc áo đen như một tu sỹ...

Tuấn đáp :

— Đúng thế. Có lẽ không phải là một tu sỹ mà chỉ là một bóng đen xuất hiện mỗi khi có người con gái tôi yêu sắp chết. Nhất là lần này tự nhiên một bóng đen ở đầu bay đến che mắt tài xế khiến xe bị lật.

Hạ Sĩ Khoa ở ngoài bước vào báo cáo là cô gái được chữa tịnh lại rồi, nhưng chỉ mấy phút sau lại mê man như trước. Hai người sang thăm rồi lại trở về phòng tiếp tục câu chuyện đương nói dở.

Tuấn hỏi :

— Chắc Đại úy muốn biết rõ hơn về trường hợp những thiếu nữ đã chết vì tôi. Tôi xin nói ngay rằng cô Mai vị hôn thê của tôi đã chết trong trường hợp rất bí mật. Tôi yêu nàng và định cưới nàng. Trước hôm cử hành hôn lễ, nàng bỗng chết vì mũi tên thuốc độc của cha nàng mang từ miền Thượng về. Nàng đương sung sướng, đương yêu tôi và sắp lấy tôi, tại sao chết ? Tôi không phụ nàng, không đoạn hôn với nàng. Tại sao bảo vì tôi làm nàng thất tình phải chết. Còn hai cô Xuân, Lệ, tôi cũng chẳng hiểu tại sao hai cô tự trầm. Sau khi Mai

người vợ chưa cưới của tôi chết được 5 tháng, tôi buồn bực khổ sở, chỉ muốn chết theo. Đêm Noel gặp chị em cô Xuân Lệ tôi có mời các cô khiêu vũ. Cô Xuân biết chuyện buồn của tôi. Thấy có người hiểu mình tội bèn mời cô về nhà đề tâm sự. Nửa đêm cô trở lại Cầu Lạc Bộ tiếp tục khiêu vũ. Tôi nghĩ muốn đưa cô về. Nhưng cô từ chối, vì sợ nhiều người trông thấy đàm tiếu. Cô trở lại Cầu lạc Bộ một mình. Câu chuyện chỉ có thế thôi. Cô Xuân tuy đẹp thực, nhưng chỉ mới quen sơ, tôi chưa kịp yêu, làm sao cô có thể thất tình vì tôi được. Rồi cả hai chị em cùng tự trầm trên giòng sông. Chẳng lẽ cô Lệ cũng thất tình vì tôi hay sao? Xin thú thực là đêm hôm Noel, vì hai cô biểu diễn Agogo đẹp quá, tôi lại là dân nhảy có hạng nên có nhảy với hai cô hơi nhiều một chút và như Đại úy đã biết, dân nhét gấp nhau thường dễ có cảm tình ngay. Sau khi nhảy mấy bài bebop, hai cô cũng tỏ vẻ mến tôi đặc biệt. Chuyện chỉ có vậy thôi. Làm sao mà hai cô tự tử vì tôi được. Chưa kịp yêu, làm sao mà thất tình?

Thanh nói :

— Tôi biết anh hoàn toàn bị oan, nên muốn tìm cách giải oan cho anh.

Tuấn nói :

— Đời tôi cứ có cái bóng đen ám ảnh. Năm 12 tuổi tôi bị ngã xuống giếng, sắp chết đến nơi, bỗng có người đàn bà mặc đồ đen như bà phước đến cứu lên. Năm tôi 16 tuổi được tiếng là đẹp trai, cô vợ trẻ của ông tuần cảnh trong làng mê tôi như điên đảo. Cô mới 20 tuổi, xinh đẹp dịu dàng thường rủ tôi đi chơi và đưa cho tôi biết mùi vị tình yêu thế nào... Rồi hôm sau cô bị chết trong hồ. Người ta nói chồng cô ghen đã nhúng cô chết ngộp

dưới nước. Nhưng cũng có người nói, cô xuống tắm dưới hồ giữa đêm trăng và bị một con rắn đen quấn vào chân khi cô đang bơi, nên cô bị chìm chết.

Thanh chậm rãi châm điếu thuốc hồi :

— Nếu tôi không nhầm thì trong đời anh, vừa được che chở vừa bị đeo đuổi, ám ảnh đời một sức mạnh huyền bí nào đó dưới hình thức một bà phước một tu sĩ một bóng đen v...v. và bất cứ người đàn bà con gái nào yêu anh hoặc thân cận với anh là đều bị chết một cách bí mật bởi cái bóng đen đó?

— Vâng đúng thế. Và tôi thấy khổ sở chán chường vô cùng. Chẳng lẽ đời tôi cứ thế này mãi hay sao.

— Anh yên tâm. Bây giờ anh về đây với chúng tôi. Ngày đêm chúng ta cùng nhau chiến đấu với giấc Cộng. Không một bóng ma, hoặc một sức mạnh huyền bí nào có thể quấy phá được đời anh nữa...

3

Trong căn phòng yên tĩnh của bệnh xá, bà mẹ ngồi bên giường cô gái cưng là cô Linh. Cô Linh trông càng xanh xao hơn trước. Bác sĩ quan tuyến ý sửa soạn rửa tội. Nhưng cô Linh bỗng chớp mắt mấy cái, và bà mẹ biết là cô không thích nên mời mọi người ra khỏi phòng. Linh bỗng tỉnh hẳn dậy và nói :

— Tôi đã tìm thấy ảnh, cũng nhờ cái xác này. Mẹ ra gọi ảnh vào.

— Được, mẹ đi gọi. Nhưng gọi ai mới được chứ?

Mặt thiếu nữ cau lại... Phải, nàng đã tìm đã theo đuổi người yêu qua bao thế hệ, đã vì

ngàn năm hận

phạm luật sinh tử của trời đất nhưng đến giờ này, nàng bị vấp phải một khó khăn không ngờ, là không biết tên người đàn ông đã cứu nàng là gì. Ngẫm nghĩ hồi lâu nàng nói :

— Tìm người đã cứu con.

Bà mẹ thở ra, đứng dậy :

— Mẹ biết rồi. Mẹ đi tìm anh chàng nhẽ.

Ra đến cửa, bà quay lại, vì cảm thấy trong phòng lạnh ngắt như đồng. Bà thấy như có ma quỷ ẩn nấp đâu đây sau những cánh màn che cửa hoặc trong góc tối... Bà chạy đi tìm Tuấn. Lúc đó chàng đương đứng tựa bên cửa sổ ngó ra ngoài. Bà trông thấy vội chạy đến hỏi :

— Thưa chuẩn úy, chuẩn úy có thể sang bệnh xá được một lúc không ?

— Dạ, thưa bà có việc gì ?

— Con gái tôi hấp hối, muốn được gặp chuẩn úy. Nó bảo đã tìm kiếm chuẩn úy lâu rồi, bây giờ mới gặp. Xin mời chuẩn úy sang.

— Bà nói, tôi không hiểu. Sao lại tìm kiếm tôi lâu rồi ? Tôi từ trước có quen cô đâu.

— Em nó mê me sảng sảng, nói nhảm nhí bầy bạ, xin chuẩn úy tha lỗi. Lúc nó ở nhà cũng thế vì thể chất mảnh dẻ yếu ớt thành ra lúc ngủ thường bị bệnh « xuất thần ». Có xem bác sỹ nhiều lần, bác sỹ bảo nó bị bệnh đó nghĩa là cứ mỗi tháng vào đêm rằm, trăng tròn khi lên đến đỉnh đầu, thì nó ngủ thiếp đi, và linh hồn thoát khỏi xác. Mặt nó tái nhợt và tắt thở luôn. Ai cũng tưởng nó chết ngay nhưng đến phút chót thì hồn nó lại trở về và nó lại thở và sống lại. Lần này nó bị thương lại gặp đêm trăng sắp tròn, tôi sợ hồn nó thoát xác không trở lại nổi nữa, là nó chết luôn... Nó bảo nó tìm kiếm ông đã lâu rồi, bây giờ mới gặp, chẳng lẽ ông từ chối không sang thăm nó một chút hay sao ?

Tuấn nghe nói, vừa cảm động vừa tò mò và quên bằng lời dặn của Thanh là bất cứ trước khi làm việc gì cũng phải hỏi qua ý kiến anh, Tuấn theo bà mẹ sang bệnh xá thăm Linh. Bước vào căn phòng giản dị của bệnh xá, Tuấn ngạc nhiên, vì thấy đồ đạc trong phòng như biến hình thành những đồ Tàu cổ kính huy hoàng với giường sắt tiền, màn sắt bảo vệ kỹ và ghế gỗ.

Màn cửa như dệt bằng vàng. Mùi hương thơm ngào ngạt gọi cho Tuấn nhớ lại những cảnh tượng xa xưa như trong mộng. Tuấn bàng hoàng bước lại bên giường và cố sống cảnh thực tại. Linh lúc đó tỉnh dậy hẳn. Nàng đẹp như thiên thần, hai mắt long lanh rơi ra một tia sáng khác thường. Nàng cười để lộ hai hàm răng óng ánh như những hạt ngọc trắng, và giờ này nàng đón mời Tuấn. Nàng nói :

— Em biết, thế nào chúng ta cũng gặp lại nhau. Em đợi anh bao thế kỷ. Em tìm anh bao trăm năm. Anh đứng im, để em ngắm đã. Đúng, anh vẫn thế không thay đổi, vẫn đẹp để tài hoa như ngày nào. Rồi anh đi, rồi em cũng đi, rồi chúng ta tìm nhau qua không gian và thời gian. Em đã làm đủ mọi cách để gặp lại anh, chiếm lại anh, và không từ một hành động gì độc ác, ghê tởm, để loại khỏi vòng chiến, những kẻ địch của em...

Linh nói một hồi, có vẻ mệt nhọc. Tuấn đứng nhìn nàng, như ngây như dại. Nhiều lúc Tuấn tưởng tượng thân thể nàng trong suốt như pha lê, và ở trong đó ẩn hiện một bóng đen lúc mờ lúc tỏ. Chàng cố cầm tưởng là mình mê ngủ, và cố lắc đầu xua đuổi các hình ảnh đen tối đang vờn vương trong trí óc.

Linh nói tiếp :

— Muốn sống lại, em phải hành động trái với quy tắc thiên nhiên, vượt quyền tạo hóa,

phải chịu muôn vạn cực hình... Trời ! anh có biết chui vào thầy ma này, mượn tạm cái vỏ đã bắt đầu rửa, để có một hình hài như mọi người, là cả một cực hình từng giờ từng phút. Nhưng điều cần thiết là em đã được toại nguyện, vì đã được gặp anh bằng hình xác và nói với anh được bằng lời như ngày nào.

Bây giờ chúng ta hãy xiết chặt mối thâm tình...

Nói đến đây, hơi Linh như đứt đoạn. Đầu nàng rũ rọi trên gối, tóc dài đen như mun xòa trên nệm trắng. Tuấn kinh hoàng vội ôm chăm lấy nàng, và qua những lời nói huyền rồi vừa rồi, chàng như mang máng nhớ lại trong một giấc mộng nào đó sống trong một cung điện huy hoàng và gặp một người đàn bà yêu chàng tha thiết...

Linh thở nhọc mệt nói tiếp :

— Anh tưởng em đề yễn, mấy con đi ngựa nó bám anh à ? Từ ngày biết anh là Tuấn, mà chưa có dịp ra mắt anh được em vẫn theo dõi anh. Em có con bạn đồng hành, con thị tỷ cũ cùng tuần tiết với em hồi đó, giúp em rất đắc lực trong việc triệt hạ hết tình địch của em. Những đứa nào được anh sờ tới hoặc lưu ý tới là hết số rồi. Con bạn em nó giết chết ngay.

Bà mẹ Linh đứng gần đấy phàn nàn :

— Con tôi lại mê sảng rồi. Nói nhảm nhí chẳng đầu vào với đầu.

Linh nói tiếp :

— Anh đưa tay cho em. Anh có chiếc nhẫn em có chiếc cà rá. Chúng ta đổi cho nhau nhé. Chúng ta sẽ sống đời đời với nhau nhé. Anh hứa đi. Chúng ta sẽ ở bên nhau nghìn năm, phải không anh ?

Tuấn ngẩn ngừ trong giây phút rồi không biết nghĩ thế nào, chàng trả lời :

— Anh hứa.

4.

Tuấn đương sửa soạn lại bộ cánh mới toanh và tay đã đeo bao trắng, thì Thanh ở ngoài bước vào nói :

— Tôi chắc cậu hiểu tầm quan trọng của việc cậu làm.

Tuấn quay lại với nét mặt mỗi một chán chường :

— Vâng tôi biết.

— Đã biết sao cậu không nghĩ lại, mà cứ bướng bỉnh, ngu dại làm một việc ngoài sức tưởng tượng của mọi người. Cậu nhất định xin cưới Linh, một cô bé hấp hối sắp chết đã bị liệt cả hai chân vì tai nạn. Bác sĩ đã khoanh tay chịu, vì hết thuốc chữa. Cậu thử tượng tượng xem hôm cưới, cậu sẽ đưa cô dâu vào lễ tơ hồng trên một chiếc xe dành cho người tàn tật.

— Ngày lễ đính hôn tôi sẽ làm như thế, với sự hiện diện của cha tuyên úy, và mấy anh em trong đơn vị.

Ngày cưới đã đến. Vì ở nơi tiền đồn không có gì để tổ chức, nên mọi người bàn nhau lên nơi thị trấn cách đó 10 cây số. Thị trấn tuy nhỏ nhưng nhờ có nhiều đơn vị đồng minh đóng quanh vùng, thành ra buồn bán khá sầm uất, dân sự cũng tập nập. Lên đó làm lễ cưới có vẻ long trọng hơn. Thanh mượn câu lạc bộ sĩ quan để làm nơi cưới và thết tiệc các bạn đồng đội. Sau khi làm lễ, đám cưới đi từ nhà thờ về câu lạc bộ. Hai bên hàng phố đổ ra xem đông đảo. Ai cũng

khen chú rẽ đẹp, nhưng không khỏi ngạc nhiên tại sao lại chọn người vợ quê, nét mặt xanh le xanh lét, trông như thầy ma. Trong khi tiệc cưới vui nhộn nhất, thì Tuấn đẩy chiếc xe cô dâu ra ngoài lúc nào không ai hay. Mẹ Linh và Đại úy Thanh nhìn kh'ng thấy hai người, bèn rủ nhau ra ngoài đi tìm. Ngoài vườn cũng không thấy. Nhìn lối cửa sau, thấy vết bánh xe, hai người bèn theo dõi, trên con đường đi vào làng. Tới một nơi cách cầu lạc bộ chừng 500 th. có một ngôi chùa cổ, và cây đa lớn tỏa bóng rợp khắp một khoảng đất có nhiều lùm cây. Từ đằng xa hai người đã trông thấy Tuấn và Linh. Một điều làm hai người cùng ngạc nhiên tột độ, là thấy Tuấn đứng bên gốc đa ôm Linh đứng nép vào người. Chiếc xe bỏ không ở đằng sau Linh. Hai người đương say mê hôn nhau. Bỗng một hiện tượng lạ xảy đến. Thanh thấy người Linh bỗng đen sẫm. Chiếc áo cưới trắng như tuyết biến đâu mất, và tay Linh như con rắn đen uốn khúc bò lên quần lấy cổ chàng. Thanh hét to lên và chạy vội vã, quên cả bà mẹ Linh đương lếch thếch chạy theo sau. Giữa lúc đó Tuấn bỗng nhún mặt, hai tay cố gỡ tay của Linh ra và đẩy mạnh Linh ngã ngồi xuống chiếc xe. Tuấn bỏ chạy mất hút vào trong bụi cây. Khi Thanh tới nơi, chàng ngửi thấy mùi hôi của xác chết lẫn quất đâu đây. Bà mẹ Linh lúc đó cũng vừa chạy tới, trên cặp môi xám xịt. Linh cố nở một nụ cười, và nói thều thào như hết hơi :

— Lạnh quá lạnh quá không chịu nổi.

Hỏi thối quá chết mất.

Thanh giúp bà mẹ Linh, đẩy chiếc xe về và cho Linh vào nằm ngay bệnh xá của thị trấn. Tiệc cưới đã bế mạc một cách tẻ nhạt buồn rầu.

Linh thì chỉ còn thoi thóp thở, nàng có thể chết lúc nào không biết. Tuấn thì đi mất không thấy về. Mọi người chờ đi tìm chẳng thấy chàng đâu. Mãi đến chiều tối Trung úy chỉ huy phó, lẫn mò mãi mới thấy anh chàng ngồi trong một quán cóc ở mãi cuối phố chính đương nhậu cùng một người ăn mặc như một ông đạo. Hai người chuyện trò có vẻ thân mật lắm. Tuấn thấy Trung úy Hạnh vội đứng lên mời vào ngồi cùng bàn.

Hạnh nói :

— Trời ơi ! Tìm cậu muốn chết luôn. Đi về thôi. Cô dâu mệt lắm, không biết đi lúc nào

Tuấn như không chú ý đến lời nói và giới thiệu ông đạo ngồi cùng bàn rồi giải thích :

— Tôi theo tân học, không phải mê tín dị đoan, nhưng trong trường hợp hiện thời cũng như trong các việc đã xảy ra trong đời tôi có nhiều điều ly kỳ bí ẩn, trái với mọi suy luận, trái với tinh thần khoa học. Tôi dám ra hoài nghi tất cả, và muốn hết thắc mắc, tôi đã hỏi thăm dân địa phương và tìm đến ông đạo đây, là người có thể giải được tà ma ám ảnh, có thể đọc trong dĩ vãng cũng như tương lai như ta đọc trong cuốn sách. Ông đạo nổi danh cả vùng này không ai là không biết tiếng. Tôi kể chuyện cho ông nghe. Tôi tưởng, tôi vì tình cảm quá bén nhạy, đã cưới một cô vợ tật nguyên hấp hối sắp chết vì những nội thương trầm trọng do tai nạn xe hơi gây nên, nhưng ông bảo tôi chỉ cưới một cái xác chết... Đòi tôi tàn anh !]

Hạnh nói :

— Mau về đi, anh say rồi. Nói lầm nhảm mãi. Đại úy bảo tôi phải rước anh về và báo cáo cho ông hay.

Tuấn đáp :

— Anh sẽ báo cáo với ông, sau khi nghe lời giải thích của ông đạo đạo.

Ông đạo tiếp lời :

— Người ta sinh ra ở đời có sự sống chết cũng như muôn loài sinh vật khác. Thượng Đế cho ta sự sống dưới hình thức linh hồn vô hình lồng vào một thể xác hữu hình. Linh hồn và thể xác phải hòa hợp với nhau thì người ta mới sống nổi. Thể xác với tất cả các bộ phận, các mạch máu và giây thần kinh tinh vi của nó cũng chỉ là cái vỏ bất động nếu không có linh hồn ở trong. Một khi cái vỏ đó hoặc vì bệnh tật hoặc vì thương tích trầm trọng không còn đủ điều kiện để giữ được linh hồn nữa thì nó sẽ thoát ra, và người ta chết. Nhưng linh hồn chỉ là sức sống mà thôi. Khi thoát ra nó thường không mang theo được bất cứ cái gì của cuộc đời vừa qua. Nói thể nghĩa là, những gì đã xảy ra trong cuộc sống của con người, những gì khối óc của con người đã thu thập được, như chữ nghĩa học vấn, kỷ niệm v...v. được in trong các nếp của não chất đều bị tiêu tan theo khối óc khi bị rửa nát cùng với thân thể, lúc chết. Linh hồn sau khi thoát khỏi xác bay phiêu diêu vô hình trên không trung, và nếu gặp trường hợp một bào thai vừa chớm nở trong lòng người mẹ thì linh hồn đó có thể nhập vào, và một cuộc sống mới bắt đầu, cứ như thể đời đời kiếp kiếp. Nhưng cũng có những trường hợp đặc biệt, là một linh hồn thoát đi lại đem theo một khối hận đã kết tinh rồi, không tiêu tan theo não chất như trong các trường hợp chết thông thường nữa. Linh hồn đó sẽ nhớ dĩ vãng và phải tìm cách làm tan mối hận. Nếu là mối hận tình thì linh hồn đó phải tìm người yêu cũ, dù là phải trải thế kỷ ấy sang thế kỷ khác, qua bao trăm lần đầu thai. Cũng có khi gặp lại người cũ, cũng có khi đời đời kiếp kiếp

chẳng bao giờ gặp lại, và cứ phải đeo đẳng mối hận kia cho tới ngày tận cùng của vũ trụ. Chuyện của chuẩn úy Tuấn đây là một trong những trường hợp hận hữu của một người con gái khi chết đi mang theo mối tình tuyệt vọng đã kết tinh thành khối hận ngàn thu. Với những chi tiết ông Tuấn kể cho tôi nghe qua những lời nói của cô Linh trưa hôm nay tôi đã bấm độn và ngồi thiền định, và tiềm thức tôi đã nói về dĩ vãng, thấy một tòa lâu đài cung điện nguy nga. Trong lâu đài là một ông vua đã già một thanh niên tuấn tú và một cung phi đẹp như thiên tiên giáng trần. Người ái phi yêu tha thiết thanh niên kia, nên khối u tình trong lòng nàng không thể tan đi sau khi linh hồn thoát khỏi thể xác... Rồi tôi lại thấy cảnh tượng một tai nạn xe cộ. Trong xe bị lật đổ, một thiếu nữ bị chết bẹp. Một bóng ma đen nhập vào thể xác đó, làm thể xác sống lại một cách trái với thiên nhiên. Do đó cô Linh chỉ còn là cái xác chết cô lẽ hôm nay đã bắt đầu rửa, và hồn ma đã cho vào đó một sức sống giả tạo, lỏng lẻo vật vờ. Chuẩn úy Tuấn đã cưới một xác chết và đã nói chuyện với hồn ma.

Hồn ma đã chót bám vào xác chết, để được gần gũi với người tình thiên cổ. Dù khổ sở cũng vẫn phải chịu đựng để được làm vợ người mình yêu. Nếu bỏ xác chết, hồn ma sẽ mất ông Tuấn. Nếu tôi không làm, thì hồn ma đây là linh hồn của người ái phi kia, và ông Tuấn là thanh niên sống trong cung điện cùng với ông vua già. Đời ông Tuấn sẽ tiêu ma nếu phải ôm cái xác chết với sự sống giả tạo bên trong làm vợ suốt đời. Chung đụng với người bạn đường đời, bệnh hoạn quanh năm, với mùi tử khí thoang thoảng trong phòng, là một cực hình quá lẽ lớn nhất từ xưa tới nay.

Tuấn hoảng sợ nói :

nghìn năm hận

— Dù sao thì cũng phải cứu tôi. Tôi không thể chịu nổi cái xác đó nữa.

Ông đạo nói :

— Được. Chuẩn úy đừng lo. Tôi sẽ dùng tà thuật để khử tà. Tôi cam đoan có thể đuổi được hồn ma đó ra khỏi cái xác cô Linh, để mai táng cho được mồ yên mả đẹp. Nhưng còn hồn ma kia có siêu sinh tịnh độ không, thì cái đó vượt khả năng của tôi. Rất có thể sau này hồn ma lại đến quấy rối ông không chừng.

Tuấn nói :

— Thôi được, hãy biết bây giờ đã. Phải cho tôi thoát ngay ra khỏi vòng tay của xác chết. Còn chuyện sau này hạ hồi phân giải.

Ông đạo ngần ngừ hồi lâu, nói tiếp :

— Những bùa phép, phù chú phổ thông, không đuổi nổi con ma này. Phải đốt những thứ có lạ như linh thảo, trầm hương rừng, nữu hương bằng, xích lan hoa v.v... đã được phơi khô và luyện với thuốc thì may ra mới có hiệu. Ngoài ra còn phải thêm vô mấy vị thuốc Bắc nữa. Không biết ở thị trấn này giờ đây còn hiệu thuốc bắc nào mở cửa không ?

Tuấn đáp :

— Không mở, cũng phải mở. Chúng ta đi ngay.

5.

Đường phố thị trấn lúc đó đã vắng người. Ngoài trừ những Snack-bars còn mở, phần lớn các cửa hàng đều đã đóng im ỉm. Tìm tới hiệu thuốc bắc duy nhất của thị trấn, Tuấn đập cửa rầm rầm. Chủ nhà ra mở vừa toan cự tuyệt, trông thấy mấy sĩ quan thì hoảng hồn vội mời vào. Ông đạo kẻ

giấy một lọ vị thuốc Bắc. Cô gái Tàu trẻ tuổi xinh như mộng, thấy mấy sĩ quan tuần tã vào căn thuốc không khỏi ngạc nhiên, mỉm cười nhanh nhẹn giúp cha lấy các vị thuốc...

Trở về tới bệnh xá, trời đã khuya. Hạnh lo ngại Linh đã chết trước khi gặp Tuấn lần cuối. Chàng trai thanh niên tân học này làm sao tin nổi lời huyền hoặc của ông Đạo thao thao bất tuyệt hồi ngồi ở quán cóc. Chàng không khỏi lấy làm lạ thái độ mê tin dị đoan của Tuấn một tay hào hoa phong nhã ăn chơi có hạng. Tuấn đi mời ông đạo về đề khử tà là cả một sự lạ hiem có đối với Hạnh. Chàng lèo đèo theo Tuấn như cái bóng, không nói không rằng, và về thẳng nhà đại úy Thanh để báo cáo tự sự... Đại úy Thanh cùng các sỹ quan có mặt đều kéo sang bệnh xá vào đến trong phòng người bệnh, bà mẹ Linh đơn đã ra đón và vừa lau nước mắt vừa nức nở.

— Con tôi chết rồi các ông ạ. Nó không kịp đổi bằng một lời và chỉ gọi cậu Tuấn mà thôi.

Mọi người sửng sốt trước tin buồn đó. Duy có ông đạo và Tuấn tin là cái xác đó vẫn còn sống, vì hồn ma của Dương Quý Phi vẫn ẩn núp ở trong. Giờ đây có lẽ hồn ma ngủ, nên cái hình骸 nằm kia chỉ còn là cái xác chết.

Tuấn đắm đắm nhìn bóng dáng kiều diễm của người con gái tên Linh phảng phất còn lại trong chiếc áo cưới trắng nuột, nằm trên giường bất động. Chàng bỗng thấy tai ù mắt hoa, cảnh vật xung quanh tối sầm lại, và tâm hồn chàng phiêu diêu như sống trong mộng quên hiện tại và trở về với dĩ vãng xa xưa. Trên chiếc giường bát bảo nạm ngọc trở vàng Dương Quý Phi thoi thóp thở. Nàng mở mắt nhìn thanh niên quý tộc đầu giường. Tuấn rùng rùng nghe văng vẳng tiếng rì :

— An Lộc Sơn; thiếp chết mất chàng ơi! Đứng dậy, ngồi bên thiếp đi. Đến phút này mà chàng còn giữ lễ nghi làm gì nữa. Giữa chúng ta chỉ có tình yêu, tình yêu mà thôi. Ngoài ra không có gì đáng kể nữa...

Tuần dần dần tỉnh mộng, thấy mình đứng bên giường bệnh, cúi sát xuống Linh. Khuôn mặt héo hon xanh tái và lặng tờ của Linh làm Tuần giết mình lùi lại. Trong khi đó ông đạo đương loay hoay đặt cái lư đồng trên chiếc ghế để kê đầu giường, bỏ vào đó các thứ cỏ quý và vị thuốc Bắc và những cục than hồng. Một làn khói thơm tỏa mạn trong phòng. Tự nhiên bầu không khí đầy chết chóc, bệnh hoạn, đè nặng trên mọi người tiêu tan ngay. Trong làn khói bốc từ lư trầm lên, người ta tưởng tượng như nhìn thấy những hình bóng cổ quái lơ mơ ẩn hiện, hư hư thực thực nhảy múa quần quai, đảo lộn và biến tan trên trần.

Khi làn khói tạt vào mũi hình hài Linh trên giường, thì bà mẹ Linh bỗng kêu lên :

— Con tôi còn sống các ông ơi !

Mọi người đổ dồn con mắt về phía Linh, thấy đôi môi mấp máy, hai má ửng hồng trở lại. Miệng nhếch một nụ cười yếu ớt. Tuần định bước lại bên giường thì những cánh tay mạnh khỏe của những bạn đồng đội chàng đứng đằng sau giữ lại, theo lời yêu cầu của ông đạo. Ông đạo lúc đó bỗng đọc to mấy câu thần chú, lấy đi lấy lại hàng mấy chục lần. Xác chết trên giường bỗng quần quai trong cơn đau đớn lên đến cực độ. Thân thể cong lên như cái cầu vồng. Một tiếng hét lớn phát ra từ nơi cửa miệng, theo sau là những câu khấn vái cầu nguyện kêu gọi, bằng tiếng Trung Hoa lẫn tiếng Việt, và kết thúc bằng tiếng than dài : « tình yêu, yêu yêu ngàn thu »

Tuần lúc đó cảm động quá quên cả chuyên khứ tả hiện tại, muốn nhảy vào ôm lấy xác Linh nhưng chàng như bị trời chân đứng nguyên chỗ, không nhúc nhích được một bước.

Lúc đó cả cha tuyên úy lẫn Đại úy Thanh, đều chứng kiến một hiện tượng khủng khiếp xảy đến. Cái xác nằm trên giường bỗng trở thành cứng nhắc, thịt trên mặt và ở nơi tay chân lộ ra ngoài, đã có nhiều chỗ bầm đen lại và nhiều chỗ bọt ra chứng tỏ xác đã bắt đầu rửa nát như bị chôn cả tuần lễ dưới đất mới được đào lên. Hai lồng con mắt hõm sâu vào đôi môi co dúm lại để lộ hàm răng khô trong một cái cười quái đản. Cái xác đó bỗng từ từ ngồi dậy rồi từ trên giường bước xuống tiến lại phía mọi người đứng. Mọi người đều lùi ra xa. Ông đạo lăng xăng chạy quanh cái xác, tay cầm cây gậy trúc vòng một vòng tròn quanh cái xác. Xác tiến tới cái vách ở dưới sàn bỗng ngừng lại và rít lên những tiếng qua hàm răng bất động ;

— Tuần, Tuần, An huynh An, huynh !

Tuần dặt tay các bạn giữ chàng, bứt ra và tiến tới bên xác chết và một cuộc đối thoại giữa thế giới âm dương đã bắt đầu :

— An Lộc Sơn ơi ! Em nghìn thu cũng không thể quên chàng được em đã tìm kiếm chàng khắp nẻo đường vũ trụ. Chàng đã hứa với em là kiếp khác sẽ sống đời đời với nhau. Nhưng rồi trải bao thế kỷ xa nhau không gặp lại được. Chàng mỗi lần đầu thai lại được lên làm một kiếp người khác. Còn em bị thiên cơ trời buộc, không đầu thai được, nên sống vật vờ lạc lõng trong không gian. Chàng có biết không ?

— Biết.

— Lần này em gặp con bé bị chết trong tai nạn xe, mượn xác nó để được sống thành vợ thành chồng với chàng. Em nhẫn nhục chịu mọi cực hình trong cái vỏ mượn mà em không thể sống hòa hợp được. cốt để giữ được chàng chúng ta đã trao nhẫn cưới cho nhau, đã làm lễ trước mặt chúa. Vậy mà bây giờ, chúng muốn đuổi em đi. Nhưng em muốn ở lại anh ơi!

— Anh hiểu em lắm.

— Vậy anh còn đợi gì mà không tổng cổ chúng ra ngoài. Ôm lấy em đi để tỏ cho chúng biết là chúng ta sẽ nguyện sống mãi mãi bên nhau. Anh là của em, anh là của em cho đến ngày tận cùng của vũ trụ.

Mọi người lúc đó hoảng sợ quá lùi cả ra phía cửa. Còn Tuấn như si mê, toan tiến lại ôm lấy xác chết. Ông đạo bỗng lấy cây gậy trúc vụt thúc mạnh ba cái vào mình xác chết. Xác lao đảo ngã lộn xuống sàn.

KẾT THỦ

Tám tháng sau miền Trung bị liên miên mấy trận bão lớn, nước lụt mênh mang, ruộng đồng trắng xóa trở thành biển cả. Nơi Tuấn đóng tuy ở quá trên mạn bắc nhưng cũng bị ảnh hưởng không nhỏ. Mưa luôn một tuần không ngừng khiến cho mức nước sông dâng lên cao tràn ngập vào đồng ruộng. Đơn vị của Tuấn phải di chuyển lên một ngọn đồi cao, và thị trấn gần nơi đó cũng bị nước ngập lưng mái nhà. Công cuộc cứu trợ bão lụt chiếm ưu tiên lúc này. Tuấn và mấy người đồng đội được Thanh cử tham gia việc cứu tế. Vì còn nhiều làng bị nước cô lập nên hàng ngày phải liên lạc giữa các toán tiếp tế. Hôm nay cũng như mọi hôm Tuấn và Thượng sĩ Khoa đi trên chiếc xuồng máy để tới một nơi thôn lý xa bị cô lập đã 3 ngày chưa được tiếp tế.

Tuấn lái xuồng, Khoa ngồi bên. Trên giải nước bát ngát, nỗi lênh bênh xác chết của gia

súc như trâu bò lợn gà lẫn với bàn ghế, vác gỗ, giường v.v...

Hai người để giải buồn, thì nhau đoán những vật từ xa trôi lại. Bỗng Khoa nhòm dậy hỏi :

— Chuẩn úy có thấy một vật lớn đương trôi mau lại phía ta không ? Đố chuẩn úy biết là cái gì ?

Tuấn cau mắt nhìn :

— Trông như cái tử áo.

Vật đó trôi rất mau, chỉ trong phút chốc là chỉ còn cách sường của Tuấn chừng 50th. Khoa nói :

— Không phải tử áo, mà là cái quan tài

Tuấn định thần nhìn thì đúng là cái quan tài Khoa kêu lớn :

— Chuẩn úy lái tránh ra một bên, không đâm vào quan tài bây giờ.

Tuấn lúc đó không hiểu tại sao, hai tay cứng đờ không còn phản ứng được nữa.

Cái áo quan cứ vun vút tiến lại gần.

Còn cách 10 thước, Tuấn kêu lên :

— Quan tài của Linh.

Nói chưa dứt lời, thì ầm một tiếng, chiếc quan tài do giòng nước lũ đẩy mạnh đã đâm sầm vào sường làm sường nghiêng hẳn về một bên. Khoa nhanh như cắt, phóng mình ra khỏi sường và bơi vào bờ.

Còn Tuấn lúng túng kẹt ở nơi tay lái chưa thoát ra được. Chiếc áo quan va mạnh vào sường vỡ toang ra, cái xác bó trong đồ liệm lộn đứng vào sường và đè lên Tuấn.

Tuấn chơi vơi, quờ quạng, hai tay ôm phết xác, trong lúc cái xuồng lật úp xuống làm kẻ sống người chết cùng chìm ngụp và cái sường cũng chìm luôn...

Từ một mô đất cao Thượng sĩ Khoa ngoảnh lại nhìn thì mọi vật biến cả, chẳng xa chỉ còn chiếc quan tài không nắp và trống không lênh đênh theo giòng nước...

CHINH VAN: BAN NGUYET SAN DOI MOICA HINH THUC LAN NOIDUNG

chính văn số 7

trình bày:

lãng nhân phùng tất đắc

viết:

40 năm cầm bút

Nhân chứng sống động, nhà văn ở cuối cuộc đời và ở đầu lịch sử, kể lại cho tuổi trẻ hôm nay những bước đầu của nền văn chương quốc ngữ—Xã hội bình yên trước chiến tranh—Vai trò của người Pháp—Sự vùng vẫy của những người trẻ, trước đây 40 năm...

chính văn số 8

một tác phẩm quốc tế cô đúc và bình giải

một ngày cuộc sống

của

tchékov

MỖI THÁNG II KỶ: I TÁC GIẢ VIỆT. I TÁC PHẨM QUỐC TẾ

Các bạn sẽ đọc: LÃNG NHÂN—VŨ BẰNG—ĐỖ ĐỨC THU—TAM LANG—TRỌNG LẠ—VŨ HOÀNG CHUÔNG...

Những tác phẩm cô đúc: MỘT NGÀY CUỘC SỐNG của TCHÉKOV 1984 của ORWELL—GIỜ THỨ 25 của GEORGHU—HỒI KÝ TỪ BÊN KIA THẾ GIỚI của CHATEAUBRIAND—KỶ NGUYÊN KHÔNG GIAN của HENNEBERG—TRÁI NÚI HUYỀN HOẠC của MANN—TUYÊN NGÔN CỘNG SẢN của MARX...

NGUYEN KIEN TRUNG

thử so sánh

người Pháp học chữ Pháp

người Việt học chữ Việt

Có những người Việt thuộc giới thượng lưu trí thức có mặc cảm đối với chữ Việt, một thiếu sót mất gốc cho rằng dân tộc ta không hề có quốc ngữ của mình¹: chữ Nôm mượn của Tàu, chữ Việt (hiện nay) thì mượn của Tây. Một thiếu sót khác cho rằng chữ Việt nghèo nàn, không đủ để diễn tả tư tưởng (cao siêu) của họ. Một thiếu sót nữa lại cho rằng tất cả những gì chúng ta có, về phương diện văn hóa, đều là vay mượn: nên văn minh hiện đại của Việt Nam là con hoang của nền văn minh Pháp, cho nên thay vì đọc sách báo quốc văn, họ chỉ tìm đọc sách báo của Pháp — thể hệ mới của lớp người đó đang bắt đầu dùng tiếng Anh thay tiếng Pháp.

Không ai chối được ảnh hưởng của người Pháp trên đất Việt. Trong gần một thế kỷ, người Pháp quả thật có thống trị, có bóc lột chúng ta, nhưng cũng có thành thật giảng dạy cho chúng ta rất cả những điều hay, cái tốt mà họ được biết — không như người Anh chỉ dạy người Ấn những thủ đoạn thương mại mà thôi.

Người Pháp dạy người Việt yêu nước với tư cách công dân có trách nhiệm, nghĩa là yêu nước mà không cần trung thành với vua chúa, không bắt buộc phải tuân lệnh chính quyền. Từ thụ động như tổ tiên chúng ta, các

bậc huynh trưởng đổi sang tích cực: Nguyễn Thái Học, Nguyễn Ái Quốc, Ngô Đình Diệm đều yêu nước theo kiểu Robespierre, Danton...

Người Pháp cũng dạy người Việt biết bổn phận của mỗi người đối với xã hội. Tiếc thay, chính người Pháp đã là con vật xã hội bất kham, nên người Việt chúng ta cũng thế: chúng ta, cũng như họ, có nhiều tình cảm liên đới nhưng có ít, thật ít, tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng. Khác với giống người anglo-saxon, đồng bào ta ít có người muốn đóng thuế, nhưng lại có nhiều người sẵn sàng chia xẻ vui buồn với đồng loại — dân tộc Anh (Mý) hình như không có, trong khi dân tộc Pháp có nhiều Pasteur, Yersin... thành thử dân tộc Việt, khi nào có hoàn cảnh, sẽ cũng có những người con nhân đạo như vậy.

Còn nhiều điều khác, nói ra khó mà hết được (thậm chí truyền tiểu lâm Việt nam cũng không khác gì những truyền *grivoises* của Pháp!), nhưng không phải vì thế mà chúng ta bắt buộc phải chịu nhận rằng chúng ta, là học trò của họ, sẽ không bao giờ đuổi kịp để có ngày vượt hơn người Pháp. Chúng ta có nhiều lý lẽ để tin tưởng như vậy.

Lý lẽ gần gũi nhất và hợp thời nhất, đối với một thiểu số thượng lưu trí thức là

người Pháp có chữ nghĩa cũng nhờ vay mượn như chúng ta vay mượn, Đệ, chứng minh, chúng ta không thể không nhắc đến một vài yếu tố trong lịch sử văn học của họ.

Trước hết, có một điều chúng ta cần nói đến trước hết, là dân tộc Pháp cũng có một thời kỳ lịch sử dài khoảng hai nghìn năm (trước nữa là thời kỳ tiền sử) không có chữ viết — dân tộc Việt cũng tương tự như vậy — nhưng suốt trong thời kỳ nói tiếng Pháp mà viết chữ la tinh ấy, người Pháp không để lại cho hậu sinh một tác phẩm văn chương nào, dù là tác phẩm viết bằng chữ la tinh, dù là tác phẩm được truyền khẩu trong dân gian mà thật sự có giá trị nghệ thuật; không có Chinh Phụ Ngâm, càng không có Kim Vân Kiều.

Văn học sử chính thức của Pháp, được giảng dạy cho học sinh, xác nhận rằng chỉ đến khoảng thế kỷ thứ 9, thứ 10, mới bắt đầu có những bài hát, có tính chất thơ, của những tay hát, đạo, dạy thú vật (gấu, chó) làm trò. Các bài hát đều nặng tình thần tôn giáo. Kỳ tố giáo, mà óc tưởng tượng mê tín của đám bình dân tổ Gièm bằng những phép thuật ma nhiệm — trong Huon de Bordeaux, nhà hiệp sĩ ngoan đạo, gặp một tu sĩ tự xưng được Giê-su ban cho quyền phép, và trao lại cho Huon một bình rượu không bao giờ cạn, một tù và để rúc lên một hồi là g, được 100 ngàn quân đến cấp cứu, với đầy đủ giáp trụ.

Về nhiều phương diện, hoàng đế Charlemagne được coi như người mở một kỷ nguyên mới trong lịch sử Tây Âu. Charlemagne thống nhất Tây Âu, mà các con ông sẽ cắt làm 2 phần hương hỏa: nước Đức, và nước Pháp (France) của người Pháp (Francs) từ bấy giờ mới có danh hiệu nhất định và tồn tại đến hiện nay. Charlemagne yêu quý và trọng đãi

nhân tài và suy tôn kiến thức: với ông, tinh thần dân tộc của người Pháp dần dần tự xác định vừa về giá trị luân lý, vừa về giá trị tập thể.

Do đó, cũng bắt đầu từ Charlemagne, các tay hát đạo có thêm đề tài. Sinh hoạt tín ngưỡng — sùng bái các thần thánh — không phải là thiếu những cốt truyện truyền cảm, nhưng hàng mấy trăm năm khai thác những đề tài tôn giáo không thôi, tất nhiên làm cho người hát và người nghe thấy chán. Cuộc đời chiến đấu anh dũng của Charlemagne, được phò tá bởi những nhà hiệp sĩ không sợ hãi và không làm lỗi như Roland, trở thành đề tài « giàu có » cho những thiên anh hùng ca bất hủ (cho đến nay lớp học sinh thiếu niên còn rất ham đọc những truyện về về những hoạt động « cứu khổn phò nguy » của các tướng lĩnh của Charlemagne như Guillaume d'Orange, Bernier, Timour...). Nếu tôi không lầm thì truyền thống hiệp sĩ Kỳ tố giáo bắt đầu được công nhận như một giá trị xã hội từ Charlemagne, và cũng từ Charlemagne mới bắt đầu có sự công nhiên ca tụng những cuộc tình duyên kỳ lạ, tốt đẹp hay đau thương, giữa các giai nhân (con nhà quyền quý) và danh tướng, cũng thuộc giòng quý phái. Câu chuyện Roland đấu kiếm với Olivier, kết thúc bởi lời hứa của Olivier gả em gái cho Roland, có lẽ là một thứ cửa mở đầu tiên vào con đường « tình sử » của những thế kỷ văn chương Pháp sau này — chúng ta nên ghi nhớ Olivier tự ý hứa gả em gái cho Roland.

Suy tôn tinh thần hiệp sĩ và ca ngợi tình yêu là hai đặc điểm mà chúng ta thấy rõ hơn trong các tác phẩm không có tác giả — như ca dao ở Việt Nam — của thế kỷ thứ 13 đến 15. Nhưng cũng một lúc, chúng ta thấy xuất hiện những tác phẩm thúc sự của đại chúng

như truyện chú Cáo (le Roman de Renard) mang tính chất tinh nghịch và ưa điều cợt của giới bình dân. Một đặc điểm khác, càng về sau càng tỏ rõ, là các tác giả, hoặc nghe lời khen ngợi của thánh giả (thi ca, và truyện ký vẫn còn được diễn xuất bởi các tay nhà nghề), hoặc nhận ra rằng mình có thể kiếm ra tiền nhờ những tác phẩm ấy, mỗi lúc một nhiều người đứng ra nhận quyền sáng tác của họ. Nền văn chương Pháp thành hình từ bấy giờ.

Điều chúng ta cần xác nhận ở đây là, không khác gì chữ Nôm của người Việt đối với chữ Hán của người Tàu, chữ Pháp đã có từ nhiều thế kỷ trước cuộc Phục hưng của thế kỷ thứ 15, 16. Một trong những soạn phẩm lâu dài nhất của Pháp có lẽ là truyện Guillaume d'Orange viết thành thơ, mà ngôn từ đã có đặc tính của Pháp ngữ, nhưng cú pháp và văn tự còn mang nặng ảnh hưởng của La mã và Tây Ban Nha (trong khi Tây Ban Nha chịu ảnh hưởng của nền văn minh Ả Rập). Đọc một vài chữ trong truyện Guillaume d'Orange, chúng ta nhớ ngay đến chữ Nôm trong bài văn tế cá sấu của Hàn Thuyên: văn la tinh. trong nhiều trường hợp, được xử dụng nguyên vẹn, khác gì tiền nhân ta viết chữ Hán rồi thêm một khuyên, một móc, để đọc theo dấu tiếng Việt.

Người chính trị ở Việt Nam thời xưa đã có Hồ Quý Ly và Nguyễn Huệ muốn dùng chữ Nôm thay chữ Hán, nhưng cả hai vị cùng thất bại. Nhiều nhà viết sử, nhất là dã sử đồ tộ cho bọn nho giả hủ lậu chống đối những cuộc cách mạng về chữ nghĩa ấy. Nhưng thật ra chỉ có thể có 2 nguyên nhân: một là những người có học chữ Hán minh thị bảo vệ giá trị của thánh hiền (Khổng, Mạnh) nhưng thâm kín

bảo vệ công phu (học tập) và quyền lợi (lãnh đạo xã hội) của họ; hay là chữ Hán đã khó học, mà muốn biết chữ Nôm lại phải học chữ Hán trước đã, nên những người có đầu óc thực tế, ít ư ái, đều thấy sự đổi mới gây thêm nhiều phiền phức. Sự cố gắng của hai ông vua lớn trong lịch sử nước ta vì thế mà thất bại.

Trường hợp của người Pháp khác hẳn. Cái may mắn của họ là được kế thừa nền văn tự Hy Lạp, La mã. Rất có thể bản tính luôn luôn hướng về thực dụng của các dân tộc Tây phương đã khiến cho hầu hết các dân tộc ấy từ chối không dùng lối chữ tượng hình rất tinh tế, nhưng càng tiến tới càng trở nên phức tạp — chữ nôm là cửa có hai cánh, cánh nào cũng có 2 chốt trên và dưới (sau bỏ chốt trên đi), ngồi trong cửa ngăm trắng (có chữ nguyệt) là nhân, áp tai (nhĩ) vào cửa là nghe, ghé miệng (khẩu) vào cửa là hỏi, cây (bộ thảo) mọc ngoài cửa hướng ra phía mặt trời (đông) là cây lan — phức tạp đến độ có nhiều chữ có đến 20 nét hay hơn nữa. Người phương Tây sáng kiến ra mấy nguyên âm, rồi dùng phụ âm mà đọc cho khác biệt, và người Pháp được thừa hưởng gia sản ấy, cho nên các thiếu niên Pháp bắt đầu học tập, có thể học thẳng ngay chữ Pháp mà không cần có căn bản la tinh. Và cũng nhờ có, bất cứ ai có học chữ la tinh đều đọc (viết) ngay được chữ Pháp: sự chống đối của giới trí thức la tinh hóa vì thế mà không có, hoặc có thì cũng chỉ rất nhẹ.

Một điều khác làm cho nền văn chương Pháp có đặc tính khác biệt hoàn toàn đối với nền văn chương (chữ Nôm) Việt Nam là không bao giờ ở phương Tây có quan niệm thánh hiền như ở miền Đông Á. Người có học, theo đạo Ky tô, có những tin điều phải giữ và

phương diện luân lý xã hội và cá nhân (không ăn cắp, nói dối, ngoại tình...) nhưng không phải tự gán cho mình một thứ giá trị không được xác nhận ở trên cao đối với dân vô học. Người có học, vì thế, không bị trôi buớc, tha hồ tìm cách sinh lợi nhờ sự học của họ.

Thì ca và văn xuôi thế kỷ thứ 16 ở Pháp bắt đầu lớn mạnh theo nhiều chiều hướng: triết học, tiểu lâm, ca ngợi tình yêu, ca ngợi sự hưởng thụ (tiền nghi) của đời sống. Nhưng vào thế kỷ thứ 16 chắc hẳn ngoài những cuốn kinh thánh, chưa ai nghĩ đến in tác phẩm văn chương để bán cho dân chúng. Vua François 1 còn cấp dưỡng cho nhiều nhà văn có tiếng tăm, và thi sĩ Marot không lấy gì làm hổ thẹn khi làm thơ gửi cho nhà vua để cầu xin ơn huệ. Một nhà văn khác, Malherbe, mà cuộc đời bắc cầu từ thế kỷ thứ 16 sang thế kỷ thứ 17, tuy được kể là người rất có công đời mới văn tự Pháp — làm cho sáng sủa hơn bằng cách tước bỏ những vay mượn nặng nề của cổ văn, và bằng cách đề nghị một cú pháp giản dị — vẫn còn tiếp tục dùng thì ca tán tụng nhà vua (để được thưởng tiền, được tía cày) như trong một bài thơ cầu nguyện cho nhà vua được yên ổn trong cuộc tuần thú về phương Nam.

Có điều, sang thế kỷ thứ 17, vua chúa Pháp vẫn nắm được quyền hành, nhưng đã có những nhà giàu, như Fouquet, còn sống cuộc đời sang trọng hơn cả nhà vua—Louis 14 giết Fouquet một phần vì nhà tư bản này tỏ ra quá kiêu hãnh với sản nghiệp của ông ta. Các nhà thơ, nhà văn, các nhà viết kịch và diễn kịch, sau một thời sống nhờ nhà vua, bắt đầu liên lạc với những nhân vật không xuất thân quý phái nhưng hết sức giàu có nhờ sự phát triển thương mại, kỹ nghệ — khi Fouquet mở đại hội ở lâu đài thì ban kịch Molière đến

công diễn và được trả nhiều tiền gấp bội sự cấp dưỡng của vua Louis 14.

Những sự kiện trên đây báo trước một hiện tượng rất quan trọng, là sự mở rộng của văn chương vào dân giả, trước còn ở trong nước, sau vượt biên giới tiến dần về phía Đông sang tận nước Nga. Sau vua chúa Pháp đến vua chúa Đức (Frédéric 2) và Nga (Pierre 3 và nữ hoàng Catherine) tiến đón và trọng đãi các nhà văn Pháp. Vì lẽ gì? Thật dễ hiểu: văn chương là hào quang của văn minh. Tư tưởng Ky tô giáo phát huy trên một vùng đất ẩm áp, tươi vui, lan dần vào những lãnh thổ âm u đầy sương tuyết: những cải cách mà các nhà tư tưởng Pháp đề nghị càng đi về phía Đông càng tăng thêm quyết tâm đến cuồng tín—cuồng tín là đặc tính của người Slaves, không phải là đặc tính của người Pháp Cuộc cách mạng vô sản, giết hàng triệu người để theo đuổi một sự nghiệp vĩ đại không bao giờ tới, chính là sản phẩm của nền văn hóa Pháp biến chất theo một đà tiến không thể tránh được.

Nền văn minh Pháp cũng mở rộng về phía Tây, theo chân những nhà quý tộc, những nhà học giả theo đạo Tin Lành, bỏ quê hương trốn sang Bắc Mỹ để giữ đạo. Đất nước Mỹ tốt, khí hậu có nhiều nơi nắng ấm và tươi đẹp như ở vùng Touraine (Pháp), nhưng cuộc đấu tranh để sống còn, để lập nghiệp ở Mỹ càng ngày càng trở nên gay go, vì số người di cư sang càng ngày càng nhiều. Sự kết hợp nhiều giống nòi cũng có tác dụng gạn lọc. Đức tính mơ mộng và hào hoa của dân tộc Pháp dần dần phải nhường chỗ cho một tinh thần sống tuy vẫn coi mờ mà thực tế hơn nhiều. Chúng ta, từ đó, thấy hình thành dần tính của người Mỹ.

Tư tưởng Ky tô giáo từ Jérusalem qua La mã sang đến Pháp thì trở thành một nền triết học hướng ngoại mở đường cho một nền văn minh kỹ thuật. Nền văn minh này chiếu sáng ra thế giới theo 3 con đường rõ rệt như 3 mũi tên, một phóng về phía Đông trở thành cuộc cách mạng Mác xít vô sản (được củng cố thành chính quyền Xô viết); một phóng về phía Tây, trở thành nền ăn mòn nguyên tử và điện tử, dưới dấu hiệu dân chủ bảo vệ tự do cạnh tranh (kinh tế), tự do cá nhân (chính trị).

Mũi tên thứ 3, có thể gọi là mũi tên "chính thống", do chính quyền các nước Tây Âu phóng đi dưới hình thức những phái bộ giảng đạo cùng những đội chiến thuyền xâm lược. Không nói tới mục đích thực dân của giới lãnh đạo tư bản, người ta phải công bằng xác nhận rằng các tu sĩ, cũng như các y sĩ, giáo sư Tây Âu đã giúp đỡ rất nhiều cho các dân tộc Á châu tiến tới con đường suy tư kỹ thuật.

Riêng ở Việt Nam, một linh mục thu góp những kinh nghiệm của nhiều đời giáo sĩ đã thử dùng chữ và văn la tinh để ghi chép lên mặt giấy những lời nói lưu lo của dân bản xứ, và tổng kết thành chữ quốc ngữ cho người Việt. Sau một thời gian cân thiết để được sửa đổi về hình thức, quốc ngữ Việt đã được chấp nhận một cách rộng rãi vào đầu thế kỷ. Các nhà văn học, từ Trương Vĩnh Ký đến Phạm Quỳnh, Nguyễn văn Vĩnh, tức khắc mở đầu ngay một kỷ nguyên xừ dụng và phát triển văn chương Việt Nam. Theo nền nếp suy tư và luận lý của các ông thầy Pháp, tác phẩm của họ không những ảnh hưởng đến sự hình thành tâm hồn của các thế hệ trẻ đến sau, mà còn qua giới trí thức, ảnh hưởng đến cách ăn

nói và đáng dị đứng của những người bình dân. Chỉ trong vòng 50 năm, từ khoảng 1885 đến 1935, một đảng cấp lãnh đạo xã hội mới đã hiện diện trên khắp nước Việt, và, lẽ tất nhiên, có đầy đủ các đặc tính của đảng cấp lãnh đạo xã hội Pháp.

Chính trong đảng cấp ấy, và nhờ sự so sánh với nếp sống cũ theo Nho giáo, người ta nhận chân được các khu vực ảnh hưởng quan trọng của nếp sống kỹ thuật. Mỗi người có học vấn, trước hết, tự thấy họ có liên đới nhiều hơn với cộng đồng dân tộc. Luật hình, luật dân sự, thương sự, trước kia sơ khoáng, dần dần trở nên phức tạp hơn. Các thị trấn lớn rộng và sầm uất, cùng một lúc với các cơ quan công quyền. Xã hội, nói chung, đột nhiên biến đổi mãnh liệt; vì sự cạnh tranh tiền bạc, danh vọng của cuộc sống im lìm thanh thản theo Nho giáo trở nên khốc liệt. Tâm lý con người vì thế mà bị lung lạc dữ dội.

Giới sĩ phu, theo quan niệm Tây phương, không còn thấy sự treo gương thanh đạm, cần mẫn là bổn phận của người làm quan, của người có học: giai cấp lãnh đạo ở Pháp, Anh, Đức, Ý v.v... đều tự cho họ cái quyền hưởng thụ sa hoa cực điểm. Nhất là người Việt Nam tuy cũng có chế độ thừa kế gia sản của cha mẹ, nhưng tuyệt nhiên — ngoài nhà vua — không có chế độ phong hầu kiến ấp; và mặc dù có chế độ tập ấm dành cho người con trai (cả) của một đại công thần, các "cụ ấm, ông ấm" chỉ có danh mà không có thực: không ai được tiếp nối chức tước và quyền hành của ông cha nếu tự mình không có học hành, đỗ đạt, và lập công xứng đáng.

Giai cấp lãnh đạo ở Việt Nam thời xưa, không mở rộng và cũng không có trạng thái cấu kết giữa nhiều gia tộc để chia nhau quyền thế.

thứ so sánh...

Sự kiện tốt đẹp này đã chấm dứt hồi đầu thế kỷ—mới vào khoảng 1930-40 người ta đã nghe nói đến gia đình họ Hoàng (Hoàng Mạnh Trí, Hoàng Trọng Phu và con cháu) gia đình họ Nguyễn (Nguyễn Văn Vinh, Nguyễn Văn Luận...) gia đình họ Trần (Trần Văn Thông, Trần Văn Chương, Trần Lệ Xuân...) gia đình họ Ngô (Ngô Đình Khả, Ngô Đình Thục, Ngô Đình Diệm...) gia đình họ Trương (Trương Vĩnh Ký, Trương Vĩnh Lễ...) Bằng một cách rất tự nhiên, cha mẹ giành phần cho con cái, và con cái tự coi như có quyền được hơn người vì có cha, ông, hơn người. Trong một số trường hợp, mà những người quá cố thật sự đạt tới vị trí lãnh đạo nhờ đạo đức và tài năng của họ như trong gia đình họ Ngô—thì xã hội còn được thấy một số kẻ thừa gia giữ thanh danh, tôn trọng lễ nghĩa. Còn trong một phần lớn trường hợp còn lại mà người sáng nghiệp lợi dụng được thời thế nhiều hơn trông cậy vào tài năng—ví dụ làm thông ngôn, bồi bếp, mặt thám, rồi trở thành quan lớn—thì con cháu họ thường trở nên kiêu sa, khinh bạc, tự mình luôn cúi và nịnh bợ ngoại nhân để mượn uy thế ngoại nhân mà vênh vang hưởng thụ. Đại chúng vừa sợ vừa khinh, không còn thấy gương mẫu ở đẳng cấp lãnh đạo. Đó là nguồn gốc của sự phá sản mà tâm lý hiện tại, sự phá sản mà thật ra chiến tranh chỉ dự có một phần làm cho phát triển.

Còn một tác động nữa của nền văn học Pháp là sự tác động thu hẹp vào giới trí thức sinh hoạt gần gũi với sách vở. Công chức, giáo sư, nhà văn, các nghệ sĩ v.v... là những người theo học người Pháp và hiểu thấu, thấm nhuần các giá trị do văn chương phổ biến. Ngoài những Nguyễn Thái Học, Nguyễn Ái Quốc... người ta còn thấy có Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh; rồi Hoàng Tích Chu, Phùng

Tất Đắc; rồi Lê Văn Trương, Nhất Linh, Khái Hưng; rồi Huy Cận, Xuân Diệu, Lê Thương, Văn Cao... Bên cạnh sự nghiên cứu chính trị, xã hội, đưa đến những cuộc cải cách hay cách mạng thành công nhiều hay ít, người ta còn thấy những phong trào giải phóng phụ nữ, ca ngợi ái tình, được khai sinh bởi nhiều nhóm văn thi sĩ, kịch sĩ, ca nhạc sĩ.

Người đàn bà đang yên vui làm mẹ trong gia đình bỗng bị đặt tên là "máy dè". Áo quần, son phấn, đồ trang sức đang ở hàng phụ thuộc bỗng trở thành quan trọng. Tiền bạc, nghĩa là sự làm lụng của người chồng, vốn có một mức độ phải chăng bỗng phát tung mọi giới hạn: tiền có bao nhiêu cũng không vừa. Một số lớn, rất lớn, đàn ông phá đổ tất cả các rào cản luân lý và luật pháp, chỉ cốt để thỏa mãn người đàn bà hoặc tiêu pha không chừng mực, hoặc giấu có đến bao nhiêu cũng không thỏa lòng ham muốn. Trong vòng 30 năm trở lại đây, có thể nói người đàn bà, trong giới thượng lưu và trung lưu, dù có ý thức hay không có ý thức, đã là một trong những thế lực mạnh nhất làm điên đảo cuộc sống ở thành thị. Và như thế là thiết yếu do nền văn chương và văn minh Pháp.

Một điều đáng kể nữa là sự tìm kiếm tình yêu ở những người trẻ, ở cả những người đang về già, thuộc giới trí thức. Như một đoạn trên đã nói, tình yêu trước hôn nhân là "sáng chế" của những người làm thi văn, ca nhạc. Từ thế kỷ thứ 18 trở về trước, người ta chỉ biết có hai thứ tình yêu, một là tình chồng vợ được mùi nhân nghĩa, hai là tình trai gái, chỉ phát hiện khi những người khác giống bị quyến rũ, cuốn hút bởi trạng thái tương đồng về tính dục, hoặc bởi sự ham thích vật chất (vẻ đẹp của thân xác, áo quần v.v...). Nhưng từ cuối thế kỷ thứ 18

Tháng đầu thế kỷ thứ 19 đã bắt đầu có những nhà văn, mà tiêu biểu nhất là Lamartine (Graziella), Chateauland (René), Bernadin de Saint Pierre (Paul et Virginie), ca ngợi một thứ tình không hiểu vì sao, một thứ tình than mây khóc gió, mà đề từ cao đạo nhất ở Việt Nam có thể kể Song An Hoàng Ngọc Phách (Tổ Tâm), và nhất là Xuân Diệu, con người Mác xít sau này, với những câu thơ :

*Anh chỉ có một tình yêu thứ nhất
Đem cho em kèm với một lá thư
Em không lấy và tình anh đã mất
Tình đã cho không lấy lại bao giờ
.....*

*Thư thì mỏng như suốt đời mộng ảo
Tình thì buồn như tất cả chưa ly
.....*

*Mắt không ướt nhưng hai hàng lệ nhỏ
Len lén tế thăm trộm chảy quay vào
.....*

Thời lãng mạn của văn chương Pháp kéo dài hơn 100 năm, thời lãng mạn của văn chương Việt chỉ kéo dài chừng 15 năm — từ 1930 đến 1945 — nhưng căn bệnh tâm lý ẩn sâu vào độc giả mãi đến tận bây giờ vẫn chưa hết. Trên các nhật báo không thiếu gì truyện trai gái mới gặp nhau vài ba lần, nói yêu nhau dăm ba tiếng, mà sẵn sàng nếu không tự tử thì cũng kéo dài cả cuộc đời đau khổ vì tình. Điều kiện “yêu trước khi cưới” được đề cao từ thời Tự Lực văn đoàn vẫn còn có giá trị : trên sân khấu và ngoài cuộc đời, có biết bao nhiêu trai gái nhà lành tự thấy mình chưa hẳn thành người nếu chưa có người yêu ngay khi còn ẵm bím cha mẹ. Trong khi đó thì giới trai gái trẻ Âu, Mỹ, đã bước một bước một bước từ tình trong sạch sang yêu thân xác. Nhiều bạn

học sinh, sinh viên ở Việt Nam đang tập đi vào con đường “tiền bộ” này. Sự tai hại được thu hẹp trong một lãnh vực sinh hoạt nào đó của xã hội, nhưng sự tai hại lại lan xuống chiều sâu : nhiều người trẻ tự dối mình mà rồi hỏng cả cuộc đời.

Nói tóm lại, trong lãnh vực chữ nghĩa, chúng ta còn mang nhiều “ân oán” giảng hồ vớ : người Pháp. Chỉ trong vòng không đến 100 năm chính thức trong lịch sử, chúng ta chịu ảnh hưởng của họ không kém gì tiền nhân ta chịu ảnh hưởng của người Tàu trong 2 nghìn năm. Chúng ta nhắc lại những yếu tố gây nên trạng thái thất bại đó :

— Thứ nhất là các giáo sĩ Ky tô giáo la tinh hóa chữ Nôm ;

— Nền văn chương Pháp rất sáng tỏ về hình thức, rất tinh tế trong nội dung, nên được chúng ta thật tình ngưỡng mộ và học hỏi ;

— Giới văn học, khoa học Pháp giảng dạy một cách chân thành, tận tụy ;

— Dân tộc Pháp có tâm tính cởi mở và bén nhạy giống tâm tính người Việt

Bốn yếu tố cùn, hết sức quan trọng, nhưng chính yếu, tổ thứ năm sau đây mới là động lực mạnh nhất thúc đẩy người Việt mở rộng tâm hồn đón nhận các tác phẩm suy tư của người Pháp. Yếu tố đó là khối óc tò mò, tính ham học và khả năng tiếp thu nhanh chóng của đồng bào ta đối với mọi giá trị khách quan. Có thể nói đó là thiên tư gạn lọc nhờ vị trí giao điểm của quê hương.

Sau đạo Phật, đạo Lão, đạo Khổng, dân tộc Việt vẫn còn giữ thái độ trầm lặng kín đáo của người chờ đợi. Chúng ta không theo đạo

thử so sánh



Phật như các dân tộc Miến, Thái Lào... chúng ta không theo đạo Nho như các dân tộc Trung Hoa, Nhật Bản. Nếu không kể từ đời Lý trở về trước—dân tộc ta chịu ảnh hưởng của đạo Phật theo người Chăm, hồi đó còn rất mạnh—đạo Phật ở Việt Nam, đối với trí thức cũng như đại chúng, được quan niệm như một dòng tư tưởng cao siêu nhưng yếm thế, và chỉ trở thành cứu cánh khi tuổi già đã đến hoặc khi tai kiếp hoành hành (chùa chiền ở Việt Nam cũng không đủ thể lực để phát triển một ngành võ thuật như ở Trung Hoa. Trong khi đó, đạo Nho, mặc dù chữ Hán được coi như quốc văn đến 2 nghìn năm, đạo Nho vẫn không làm cho giới trí thức có thái độ khinh bạc, kiểu sa đọa với dân chúng thất học như ở Tàu, ở Nhật. Các vị vua chúa thuộc mọi triều đại—có triều đại kéo dài đến 400 năm—vẫn không coi thường sinh mệnh và tài sản của nhân dân.

Có thể nói dân tộc ta linh hội được phần siêu việt nhất trong triết lý của Phật, Lão, và thậm chí nhuần được phần giáo dục bổ ích nhất của đạo Khổng. Đó là đặc tính của giống người ở giao điểm. Và chính đặc tính đó làm cho dân tộc ta, sau khi chịu thua người Pháp về chiến trận, đã bắt đầu học tập ngay tinh thần hiệp sĩ, lạc quan và mơ mộng, của tư tưởng Ky tô giáo đã Pháp hóa.

Như một nàng Bạch Tuyết ngủ một giấc quá dài, chúng ta đã kinh ngạc và ham thích khi tỉnh dậy, thấy đời sống văn minh sáng chói. Những bước đầu của chúng ta không khỏi vụng dại, lờ lẫm. Rồi đến cuộc chiến tranh không muốn dứt. Người Cộng Sản chính là những Tổng nho của ý thức hệ Mác xít: Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh chưa chắc gì đã cuồng tín và hẹp hòi hơn Chu Hy. Mấy trăm năm đời nhà Tống không có một Lý Bạch, Thôi Hiệu, cũng như chế độ Dân chủ Cộng hòa đã

giết chết Văn Cao, Xuân Diệu, Nguyễn Tuân. Cuộc kháng chiến thần thánh, sau gần 20 năm lắng đọng, không kết thành một tác phẩm nào về văn chương hay tư tưởng.

Bởi vì thế chúng ta tin tưởng rằng trăm hoa thật sự đã đua nở trong Nam. Sau không biết bao nhiêu công trình cô đúc và chặt gặt, sự chịu đựng tất cả những tàn bạo của chiến cuộc, những rối ren của xã hội, sự chịu đựng ấy đã làm cho bừng nở những truyện dài, truyện ngắn, những thơ và nhạc mà chỉ có chúng ta mới dám coi thường.

Cách đây 4 hay 5 năm, một bạn trẻ, bạn LƯU QUANG đã cho in một cuốn sách bàn về phương pháp thay đổi cách viết chữ Việt Ra đời vào giữa lúc chiến tranh sôi động, tác phẩm của LƯU QUANG không được chú ý xứng đáng với giá trị của nó. Nhưng dù sao cũng có người nhớ rằng thứ «quốc ngữ» được đề nghị là một thứ «chữ» hoàn toàn mới: một số ký hiệu đơn giản—mười tên, nửa mười tên nằm ngang, nằm dọc, quay trước, quay sau...—được sử dụng để GHI ÂM tiếng Việt không nguyên âm, phụ âm, không chấp chữ, chấp vần. Tôi không hiểu biết gì về ngữ học, nhưng tôi thấy... quốc ngữ mới giản dị quá mà sợ.

Sợ cho LƯU QUANG, vì biết bao nhiêu người bám lấy thói quen, sẽ chống đối đề nghị của anh. Nhất là những đồng nghiệp của tôi lâu nay vẫn chủ trương chữ nghĩa có đời sống, có linh hồn, mà bây giờ đổi mới, chữ nghĩa chỉ còn là những mười tên tro trên, thì dù cho nó hợp lý và đặc dụng đến đâu cũng vẫn bị chống đối. Chữ nghĩa là của người cầm bút, người cầm bút mà không xử dụng, thì tốt đẹp đến mấy cũng vô ích!

Nhưng nói thế thì nói, tôi tin rằng đến một lúc nào đó, không riêng gì ở Việt Nam, mà cả thế giới sẽ bảo nhau dùng chung một số ký hiệu. Ví dụ khi nói «toa» thì người Việt hiểu một cách, người Anh hay Pháp mỗi người hiểu một cách, nhưng chữ viết thì giống nhau. Trước khi tiến tới trình độ nói cùng một thứ tiếng, sự đổi mới này tất nhiên giúp cho các dân tộc gần nhau hơn, và máy điện toán hay «cơ động» chỉ huy cũng được chương trình hoá dễ dàng.

Vấn đề danh từ khoa học, triết học cũng tự nhiên giải quyết, cho Việt Nam và cho cả thế giới. Bởi vì không cứ đối với người Việt, người Anh, Pháp, Ý, Nga v.v... thường viết tên các chất hóa học giống nhau mà đọc khác nhau, không kể nhiều danh từ viết khác nhau: một nhà bác học Mỹ sang Pháp, nếu chỉ nghe thuyết trình mà không có bài viết kèm, theo cũng không hiểu được.

Người Việt cách đây 40 năm còn thấy vấn đề chuyên ngữ khoa học rất khó. Nhưng bây giờ một phần vật lý, hóa học, sinh học đã được giải quyết bằng cách phiên âm nguyên chữ. Vậy chỉ còn loại dùng học (tâm lý, phân tâm, luận lý...), trong y được học (tên thuốc, tên bệnh v.v...) ta có thể mượn chữ Hán, Nhật, như người Pháp mượn chữ la tinh, hy lạp. Lại nữa, chúng ta có thể chấp chữ đang dùng dùng, hoặc dùng hẳn những chữ mới: ngôn, không, sáo, dện... Thiếu gì!

Ta không thiếu chữ, càng không thiếu âm - âm tiếng Việt giàu có bỏ xa mọi tiếng khác của mọi dân tộc khác - và chúng ta không ngại đổi mới dần theo yêu cầu. Tôi viết

«theo yêu cầu» vì đã có tin tưởng trong không, bao lâu sẽ một thế giới ngữ, một thế giới văn chương cho nhân loại. Chính, vì thế mà tôi không muốn ngại đến vài sửa chữa thứ yếu: dài, ngắn, bỏ phụ âm kép gh, ch v.v...

Cũng là đạo của Chúa Ky tô, được la tinh hóa ở Rô ma, khi gặp dân tộc Pháp thì trở thành một lực của nền văn minh kỹ thuật lan tràn khắp thế giới. Nhưng người Pháp, khi được đạo Ky tô, mới chỉ là một dân tộc tôn thờ những tảng đá — menhirs.

Người Việt cũng đã được đạo Ky tô, nhưng được đạo Ky tô không phải để đốt một nữ tướng anh hùng như Jeanne d'Arc, theo lệnh của tòa án của hàng giáo phẩm (Inquisition) mà để thấu triệt như một tư tưởng mà thêm vào tư tưởng của Phật, của Phu tử.

Cũng hơn 20 chữ cái, cũng nguyên âm và phụ âm khiến cho cách đọc gần giống nhau. mà một đảng không có vốn phải học một nghìn năm, để phát huy tinh hoa trong 500 năm thì đưa đến trạng thái hỗn loạn và bế tắc hiện nay; còn một đảng có vốn thì chỉ học không ngoài 70 năm đã vượt tới giai đoạn người học trò Việt đi đến đâu cũng được nhận là giỏi nhất. Nhưng cái giới theo người mới là một khía cạnh của tài năng của dân tộc chúng ta. Bởi vì chắc chắn chúng ta sẽ vượt đi xa hơn nữa.

Tính theo tỷ lệ nghịch, nền văn hóa Việt Nam, tổng hợp 3 dòng tư tưởng Phật, Không và Ky tô, tất nhiên sẽ phát huy trong 30 lần 500 năm: 150 thế kỷ hạnh phúc cho nhân loại?

tìm đọc :

Ở MỘT NƠI | AI CŨNG QUEN NHAU

tác phẩm thứ hai của

HOÀNG NGỌC TUẤN

Tuyển tập truyện ngắn chọn lọc, viết từ 1968 đến 1971.

Những bài thơ, những nhạc khúc được viết bằng văn xuôi, dành cho cho những ai còn chan chứa yêu thương trong một thời đại đang giết chết tình người.

QUÊ SƠN xuất bản vào đầu tháng 12

TRONG BÀI «NGHĨ VỀ GIÁO DỤC», TRONG 48 CỘT 2 DÒNG 20 THÊM :

• Đề duy trì những nỗ lực cao độ sáng tạo một văn minh trong đó việc làm, giải trí và văn hóa này nở, chế độ bàn giấy đã đẻ ra một nền giáo dục mệnh danh «học mà làm» «kết hợp học hỏi và đời sống». Hậu quả của đường lối giáo dục này trong học đường tỏ ra bằng hoại : nếu mọi điều đem ra giảng dạy phải mang tính cách giải trí, thì tự động sự khảo cứu nghiêm chỉnh về những vấn đề quan trọng không thể khả hữu. Giáo dục quần chúng hay văn hóa quần chúng chỉ là những giả tưởng đặt ra trong đường hướng này ; ngay quần chúng cũng không biết giáo dục là gì.

Hậu quả diễn ra là sinh viên chỉ thu nhận được một ấn tượng mơ hồ về những điều đã học hỏi và không bao giờ quan tâm đến những đề tài quan trọng hay những vấn đề văn hóa tổng quát. Một nhà giáo dục Hoa Kỳ đã đưa ra một nhận xét so sánh : có nhiều sinh viên ham hiểu biết đã vượt qua mọi trở ngại, mặc dầu là tìm hiểu đơn độc, không được hướng dẫn nhưng họ đã đạt tới độ tinh tế nhất của tinh thần con người trong khi cùng một thanh niên hay thiếu nữ đã tốt nghiệp ở đại học hay trường cao đẳng qua nhiều giảng khóa, đạt tới thành tích nhà trường nhưng chưa hề cầm tới những tác phẩm lớn, suy nghĩ về những ý tưởng lớn hay nghe thấy những từ ngữ chính trị, những vấn đề triết lý, những kiểu mẫu nghệ thuật. Trong viễn tượng giáo dục đó, làm thế nào tuổi trẻ có thể tham dự vào cuộc đối thoại trường cửu của nhiều thế hệ ?

HOANG NGOC TUAN

không còn ai trả lời

Sau một buổi sáng ngồi trong lớp học với sách vở, bút mực và tiếng giảng bài của thầy giáo, buổi chiều đến với nàng thật thoải mái, hình như là quá dài.

Ngày nào cũng thế, nàng thức dậy sau giấc ngủ trưa, chiếc khăn ướt mát làm nàng tỉnh táo. Nếu nàng là con trai, có lẽ nàng sẽ hút một điếu thuốc lá cho đỡ buồn miệng, nhưng vì trái lại, nên nàng chỉ ăn một cây kẹo ngọt của máy đưa em bỏ rơi trên sàn nhà. Ở nhà dưới, có tiếng chân chạy rầm rầm và nói cười ồn ào của lũ em đang đuổi bắt nhau, mẹ nàng la rầy một câu gì đó nghe không rõ.

Trên lầu bây giờ chỉ có mình nàng, vài tập báo trẻ con, cái tủ áo với những chiếc áo dài trắng dành cho ngày đi học, vài áo lụa màu vàng, bàn học, chồng sách, một chiếc máy *magnétophone* khi nàng bấm chiếc nút nhỏ, bài tình ca quen thuộc vang lên. Nàng nghe lơ đãng, nhìn bóng mình trong gương; mình đã được 19 tuổi rồi, tháng tới sẽ đến ngày sinh nhật, đầu bận rộn công việc đến đầu ba cũng sẽ đem đến một chiếc bánh ngọt có cắm 19 ngọn nến.

Chiếc áo cánh ngắn tay của nàng màu vàng nhạt, da nàng trắng vì ít khi nàng dạo chơi ngoài đường phố. Phố phường không biết bây giờ có gì lạ, rạp chớp bóng đã đổi phim mới chưa... Chiếc máy điện thoại đặt gần giường ngủ, nàng có thể vừa nằm ôm gối vừa

nói chuyện được. Ngón tay nàng lướt trên những con số quen thuộc: 4... 0... 0... 3... 8.

— A lô, xin lỗi có phải số 40038 không? cho tôi nói chuyện với ông...

— Tôi đây, sao chiều này Thư gọi muộn thế.

— Ông... đấy hả?

Nàng giật mình vì giọng nói của chàng thanh niên đột ngột vang lên từ bên kia đầu giây, Anh chàng có vẻ suốt ngày ngồi thường trực bên máy điện thoại, chuông vừa reo chỉ một lần là có tiếng nhắc máy, và không bao giờ để nàng nói cho hết câu đầu tiên, đôi khi nàng vừa nói A lô, anh chàng cũng nhận ra nàng liền.

Nàng ngập ngừng trước ống nói vì không biết nói gì bây giờ, Tiếng nói của anh chàng chợt vang lên trong ống nghe, kèm theo vài tiếng cười khoái trá.

— A lô, này Thư, tôi biết nhà của Thư ở đâu rồi.

— Ấy chết, làm sao ông biết được?

— Khó gì đâu. Tôi tìm thấy trong một cuốn Niên Giám Điện Thoại.

Nàng giật mình lặng yên, nghĩ rằng mình thật đại đột khi cho gã thanh niên này biết số điện thoại của mình trong khi muốn đầu dây chỉ.

không còn ai trả lời.

Cái trò đùa điện thoại này có vẻ bắt đầu tiến tới từng bước một. Vào tuần trước, trong một đêm vắng vẻ, ba nàng đi công tác xa, mẹ nàng và mấy đứa em đi ăn cỗ và nàng vừa học thuộc những đoạn sau cùng của bài Vạn Vật. Nàng cảm thấy trống không như một khoảng trời đêm nhìn thấy bên ngoài cửa sổ. Gia đình nàng mới dọn lên Sài Gòn, từ khi ba nàng có một chức vụ quan trọng ở đây. Ba mới khi cho nàng đi chơi đâu, thật ra nàng cũng không thích dạo chơi trong một thành phố quá lớn và ồn ào, đầy những người xa lạ đối với nàng. Ở lớp học, nàng chưa có cô bạn nào thân, bạn trại thì càng ít hơn và việc một anh chàng nào mời nàng đi chơi thật là một chuyện quan trọng và ít khi được phép của gia đình. Nàng ngồi lắng nghe từng tiếng gõ cửa chiếc đồng hồ treo trên tường, và chợt nhìn thấy ống điện thoại bên cạnh.

Nàng nghĩ đến một trò đùa tình nghịch. Nàng nhắc ống nói, nhanh chóng quay 5 con số nào đó một cách vô tình. rồi hồi hộp chờ nghe một tiếng nói ở bên kia đầu giây. Lần đầu tiên: « A lô đây là tiệm đóng hòm Vạn Phước, xin lỗi quý khách cần gì ạ... » Nàng cúp vội máy. Lần thứ hai là tiếng nói của một người Mỹ nào đó nghe léo nhéo nàng không hiểu gì hết, nàng nín thở nói nhanh một tiếng *good bye* rồi cúp máy, bậm môi cười khi mừng tượng đến khuôn mặt ngây ngô kinh ngạc của gã ngoại quốc. Nàng quay nhanh một hàng số khác, nghĩ rằng trò đùa của mình đến đây là lần cuối cùng, có lẽ nên chấm dứt. Có tiếng chuông reo từng hồi ngắn trong ống nói và tiếng nhắc máy. Một giọng nói đàn ông, hơi nặng và khó nghe, tiếng nói của những người miền Trung.

— A lô. Tôi nghe đây. Xin lỗi, ai ở đầu dây đó ạ ?

Nàng đưa tay giữ ngực mình để nén cơn hồi hộp, nàng định cúp máy nhưng rồi cố gắng nói một câu, nàng nghĩ rằng mình nên nói một câu cho người lạ nào đó đang nói chuyện ngạc nhiên chút chơi.

— Xin lỗi ông, tôi... cũng muốn biết ai ở đầu dây ạ...

Tiếng nói của gã đàn ông gần như là lớn lên bực bội :

— Đây là số 40038. Cô có gọi nhầm số không ?

— Dạ không, tôi gọi đúng số rồi... nhưng phiền ông cho biết... ông là ai được không ạ ?

Yên lặng ở trong ống nói, nàng chờ đợi một tiếng cúp máy cộc lốc, nhưng sau một lát có tiếng nói của người lạ chậm chạp :

— A lô, được rồi. Tôi không biết cô định đùa nghịch kiểu gì, nhưng cô muốn gì cứ nói đi. Tôi nghe đây.

Nàng đã bình tĩnh trở lại. Nàng mỉm cười, dĩ nhiên là người lạ không thấy được nụ cười của nàng.

— Nhưng... ông là ai mới được chứ ? ông tên gì... cho tôi biết để tôi gọi cho tiện.

— Tôi tên là Văn. Nào, nói đi, nếu ở nhà cô có đồng hồ thì cô nên nhìn xem mấy giờ rồi.

— Tôi biết, gần mười hai giờ.

Giọng người lạ có vẻ thích thú vì tìm được một lời mỉa mai.

— À, tốt lắm. Có biết vào giờ này người ta thường làm gì rồi? Người ta đi ngủ. Dĩ nhiên là ngoại trừ những kẻ quấy rầy người khác và những kẻ bỗng dưng bị người ta quấy rầy như tôi chẳng hạn.

Nàng đỏ mặt, giận hờn.

— Ông có thể cúp máy đi, tôi xin lỗi đã làm phiền ông.

Trong ống nói lại im lặng, chỉ có tiếng vo vo nghe thật khó chịu. Nhưng người lạ không cúp máy. Nàng và người ở bên kia đầu dây cùng lặng yên trước ống nói nhưng không ai nói gì cả, có lẽ cả hai đều đang cố gắng tưởng tượng đến kẻ đang nói chuyện với mình. Nàng là ai, làm gì... Gã đó là ai, làm nghề gì. Một lát sau...

— A-lô... Cô gì đó, cô còn đấy không?

— Còn. Ông chưa đi ngủ à.

Tiếng nói của người lạ có vẻ hơi ngập ngừng.

— Tôi... không thấy buồn ngủ. Tôi vừa uống một ly cà phê đậm nên hơi khó ngủ. Vả lại.

Nàng cười nhỏ. Nếu đêm nay gặp thời tiết tốt, những đường dây điện thoại liên lạc với nhau rõ ràng thì người lạ có thể nghe tiếng cười của nàng.

— Vả lại... sao ạ?

— Vả lại... cái giọng nói của cô, giọng con gái Bắc kỳ hơi pha lẫn tiếng Nam một chút, nghe cũng... dễ chịu, dễ thương lắm.

Nàng cảm thấy thích thú. Bất cứ một người đàn ông nào, ngoại trừ ba nàng, khen nàng một điều gì cũng đều làm nàng sung sướng.

— Cảm ơn ông Ván. Tôi chỉ sợ làm ông bực mình.

Lần đầu tiên nàng nghe thấy tiếng cười của người lạ trong ống nói. Giọng nói của anh chàng bây giờ đã bớt khó chịu, và có vẻ đang bắt đầu bày làm quen với nàng, gã con trai nào cũng bắt đầu như thế cả.

— Xin lỗi cô, tôi chưa biết tên cô...

— Ông biết làm gì?

— Để gọi cho tiện, chẳng lẽ cứ gọi bằng « cô » mãi, nghe cũng hơi xa lạ.

Nàng cười, người đối thoại với nàng bây giờ chắc đã hết buồn ngủ và gã cô về không muốn cúp máy chút nào.

— Thì tôi với ông xa lạ thật đấy chứ.

— Mình mới quen nhau rồi.

Nàng đùa nghịch.

— Bây giờ nếu, muốn hết quen thật dễ dàng, tôi chỉ việc cúp máy và không bao giờ gọi ông nữa.

Tiếng nói đàn ông hấp tấp vang lên:

— Ấy, đừng cúp máy... Cô không muốn cho biết tên thì thôi. Không hiểu sao nàng bỗng nói tên thật của nàng:

— Tôi tên là Thư.

— Chắc cô vừa tưởng tượng ra cái tên đó chứ gì.

Nàng giận dữ:

— Ông bảo tôi nói dóc hả, tôi cúp máy cho mà xem.

— Đừng, cô Thư. Cô làm gì vội thế, bây giờ còn sớm mà.

Nàng bật cười, liếc nhìn cây kim đồng hồ trên tường. nàng giả giọng ra vẻ thật nghiêm trang.

— Hơn mười hai giờ rồi. Ông biết vào giờ này người ta làm gì không? Người ta đi ngủ. Dĩ nhiên là ngoại trừ những kẻ...

— Ồ, tôi xin lỗi. Trước khi cô gọi đến, tôi đang mệt, cầu sườn vì không ngủ được,

không còn ai trả lời

Tôi đã tắt hết đèn và thề rằng sẽ ném chiếc gối vào bất cứ ai gõ cửa phòng tôi.

Nàng nường mắt, làm bộ sợ sệt, nhưng không ai nhìn thấy cử chỉ của nàng cả.

— Ghê thật. Chắc ông Văn đi chơi khuya đủ lắm nên mới không ngủ được. Hay là ông phải suy nghĩ về những vấn đề gì to tát lắm. Đàn ông thì luôn luôn có chuyện quan trọng.

— Vâng, kể ra thì cũng có một vài vấn đề làm tôi bận tâm. Chẳng hạn như tôi đang bán khoán không biết sáng mai mình nên uống một ly cà phê đen hay cà phê sữa ?

— Nàng bật cười, nàng cười hơi lớn nên có lẽ người đàn ông nghe rõ. Giọng anh chàng khoan khoái :

— Cô Thư, tôi cam đoan 100% là cô đang cười.

— Cam đoan gì nữa, thì tôi đang cười thật đấy.

— Giọng cười nghe như tiếng kim cương vỡ...

— Trời ơi. Ông đừng nhái theo tiêu thuyết như, thay ông là một văn sĩ ?

Nàng ngạc nhiên khi nghe giọng nói trịnh trọng xác nhận nghề nghiệp của người đàn ông.

— Cô đoán đúng. Tôi là một... nhà văn đã viết nhiều cuốn truyện.

—Ồ. Rất hân hạnh được quen với một văn sĩ. Hèn gì cái tên của ông giống như nghề của ông, ông là cái gì... Văn ?

Người đàn ông có vẻ lưỡng lự khi nghe nàng hỏi, bỗng nhiên anh chàng buột miệng nói.

— Hoàng Văn, tác giả của cuốn tiểu thuyết đang bày bán khắp các hiệu sách : " Tình Yêu Hai Mươi."

Nàng xuýt xoa khen ngợi.

— Chà. Nghe cái nhan đề cũng thấy hay rồi. Chắc câu chuyện của ông hấp dẫn lắm.

— Hôm nào tôi sẽ gửi tặng cho cô một cuốn. Cô Thư có thường vào các nhà sách không ?

— Không.

— May thật.

— Ông nói gì ?

Giọng nói của người đàn ông có vẻ bối rối.

— Không... Tôi nói may là cô chưa mua cuốn sách đó, tôi gửi cho cô đọc chắc cô sẽ thích hơn. Tôi chỉ sợ là cô đọc cuốn đó rồi.

— Tôi làm bằng đọc sách lắm. Tôi chuyên môn đọc những tờ báo có hình vẽ của mấy đứa em. Tôi thích nhạc hơn ông ạ...

Nàng nhìn chiếc máy *Magnétophone* của nàng đang đều đặn vang lên những câu cuối cùng của một bài hát.

— Trước khi gọi ông, tôi đang nghe một cuộn băng nhạc tiền chiến.

— Nhạc tiền chiến, thật tuyệt. Chắc là một bài của Đoàn Chuẩn.

— Ông đoán tài quá. Bài lá đề muốn chiều.

— Thật tuyệt. A lô... Cô Thư, tôi nhắc lại : thật tuyệt.

— A lô Tôi nghe rõ lắm rồi.

Nàng nhìn đồng hồ, bây giờ đã khuya. Ngoài đường bỗng có tiếng chó sủa nhẹ vài tiếng. Mẹ nàng vừa mới về tới, nàng nghe rõ những bước chân của bà vang lên mồn mồn như đánh thức nàng, không phải khỏi giấc ngủ mà là khỏi trò vui này. Nàng nói nhanh :

— A lô. Ông Văn ơi, giờ tôi phải đi ngủ đây.

— Còn sớm quá.

— Sớm gì nữa, mai tôi còn phải dậy sớm đi học.

— Cô Thư học trường nào ?

Nàng cười.

— Ông Văn bắt đầu tò mò rồi. Thôi, chúc ông Văn ngủ ngon...

— Tôi chưa biết số điện thoại của cô...

— Ấy, không được. Nếu ông gọi lại, ông sẽ gặp ba má tôi nhiều hơn là gặp tôi. Hôm nay cả nhà đi vắng nên tôi mới gọi nói chuyện chơi đây chứ... A lô. Ông Văn, chúc ông đêm nay ngủ ngon nhé.

Không hiểu sao nàng có cảm tưởng rằng ở bên kia đầu dây, người đàn ông đang mở mắt tỉnh táo như một con đom đóm. Giọng anh chàng hơi buồn một chút, và điềm này làm nàng vui thích.

— Cảm ơn cô Thư, tôi cũng chúc cô được như thế. Nhưng đêm nay tôi không ngủ ngon đâu, tôi còn phải nghĩ nhiều về cô nữa, một cô gái có tiếng nói êm êm...

Nàng kêu lên.

— Nay thôi đi ông Văn. Nếu ông thích tán nhảm như thế, tôi sẽ không gọi lại ông nữa đâu. A-lô... tôi cúp máy nhé.

— A lô, khoan đã... A lô...

Mẹ nàng đã gọi cửa và gọi tên nàng. Nàng nghe rõ tiếng nói của bà vọng lên, cho biết bà có đem về nhiều bánh và trái cây từ đám giỗ.

— A lô, ông Văn. Chào ông nhé, mẹ tôi vừa mới về.

Nàng gác ống điện thoại xuống, sau khi nghe loáng thoáng những tiếng nói gì đó của người đàn ông. Cuộn băng nhạc trong chiếc máy thu băng đã chạy hết.

Gần như tất cả mọi đêm trong tuần lễ sau, nàng và người thanh niên lạ mặt có cái tên là Văn đều nói chuyện qua điện thoại. Mỗi lần khoảng mười phút, khi về khuya, nàng đã học thuộc bài xong, bài vở, thật dễ sợ. Tâm Lý học, Đạo Đức học này, Tân Đại số này... Trời ơi, Văn Vật này.. ối giời ! Sao mà nàng lại chọn đi ban A thế không biết, cuốn sách dày cộm với đầy hình vẽ rồi rậm và chữ nghĩa chẳng chặt.

Cũng một phần tại các anh chàng này nữa. Hẳn bắt đầu làm nàng « chia trí ». Nàng cứ nghĩ lơ mơ hoài khi cầm cuốn sách, những chữ nhảy múa không nhìn thấy gì hết.

Đồng hồ chỉ mười một giờ rưỡi. Nàng mỉm cười tin chắc rằng anh chàng chưa đi ngủ vội đâu. Hẳn còn đợi ngay ngay bên ống điện thoại chờ nàng chứ, nói vắn vơ đôi ba chuyện rồi mới thấy « thơ thới hân hoan » đi ngủ được.

Nàng thở dài, e mình cũng thế mất. Đêm nào có thằng em chửa tò mò và mách lẻo lên gác ngủ với nàng, nàng ngại không gọi cho anh chàng, cũng thấy bần khoản như thiếu thốn một cái gì.

Nàng viết những chữ và hình vẽ vô nghĩa trên trang giấy. Chuông đồng hồ đánh « bong » một tiếng. Nàng nhắc ống điện thoại, sáu con số đã thuộc lòng...

— A lô, xin lỗi cho tôi được nói chuyện với...

— Văn đây. Tôi đây, tôi tưởng điện thoại nhà của Thư hôm nay hư rồi.

— Sao ông không nghĩ là tôi sẽ không

không còn ai trả lời

gọi cho ông nữa, chắc thế nào cũng có ngày đó mà.

— Đâu được, cô Thư. Thư đâu làm thế được, phí phạm quá.

— Ơ kìa... Tại sao lại phí phạm ?

— Thế người ta phát minh ra máy điện thoại làm gì, nếu không phải là để cho thiên hạ nói chuyện với nhau ?

— Nhưng nói chuyện công việc làm ăn, cần thiết thôi.

Có ai lại cứ nói vắn vơ dai dẳng như... chúng mình.

— A lô... « chúng mình »... cô làm ơn nhắc lại cái chữ để thương đó đi.

Nàng đỏ mặt lúng túng, phải im lặng một lát. Giọng nói của anh chàng bên kia lại rảo rức :

— A lô... Thư nói tiếp đi... « Chúng mình » thế nào ?

Nàng giận dữ nói :

— Không thể nào cả, và cũng không phải là chứng minh chúng ta gì hết. Tôi nói nhầm chữ rồi.

— Không sao đâu Thư ạ. Đó là cái lầm đáng yêu nhất đời.

— Nay ông Văn, nếu ông đùa quá đáng quá thì biết sẽ có chuyện gì không ? Nhà tôi chắc sẽ phải nhường máy điện thoại cho một ông hàng xóm. Và tôi sẽ biến mất.

— Đừng... Thư. Thôi, tôi xin lỗi. Tôi hứa từ bây giờ sẽ nói chuyện rất đúng đắn.

Nàng cười nhỏ cho anh chàng nghe thấy.

— Rồi, nếu thế thì ông có thể bắt đầu được rồi.

— Biết bắt đầu nói chuyện gì bây giờ ? Nói về tôi thì khó mà có chuyện đúng đắn. Hồi về Thư thì có vẻ tò mò quá rồi Thư lại giận. Thôi, tôi sẽ nói chuyện bên... Tây, bên Mỹ là bảo đảm đúng đắn.

— Ông Văn đi ngoại quốc rồi sao ?

— Chưa bao giờ cả. Nơi mà tôi có thể đi xa nhất, giới hạn ở... Cầu kiều.

— Sao thế ?

— Thôi, không có chuyện gì cả. Tôi không nói về cầu cống gì nữa. Bây giờ tôi nói chuyện bên Mỹ đây. Ở Mỹ có một cô đào tên là Faye Dunaway...

— Tên nghe lạ quá. Có đẹp bằng Liz Taylor không ?

— Ô, Liz xưa rồi. Bây giờ Faye Dunaway là số một, nàng mới nổi nhưng thật tuyệt vời... Làm sao tôi có thể diễn tả được. Tóm lại nàng có vẻ đẹp vừa thánh thiện vừa lãng lơ, vừa già dặn vừa ngày thơ... và vừa đủ thứ cả.

— Nghe ông ca tụng tôi cũng thấy mê nàng rồi. Nhưng cô đào ấy làm sao nữa...

— Mới có một phim do Dunaway đóng vừa chiếu ở Sài Gòn, một phim vi đại nhất trong năm, một chuyện tình tuyệt đẹp : Bonnie và Clyde, không thua gì Romeo và Juliette...

— Thế hả, nghe ông kể mê lắm, nhưng mà rồi sao nữa ông ?

— À, bây giờ đến đoạn này mới thật là quan trọng... Cô Thư, chiều thứ bảy tới tôi mời Thư đi xem phim này nhé.

Nàng cắn môi cho khỏi bật cười. Gớm, cái anh chàng này vô đề dài dòng văn tự quá.

— Chà, bây giờ mới biết tài của ông Văn.

Ông nói chuyện bên Tây bên Mỹ xa tít rồi khi không lại kéo về Sài Gòn.

— Thì tốt cuộc cũng phải trở về với « quê hương dân tộc » chứ. Thử đừng từ chối nhé.

— Ông đừng nói tôi là khách sáo ông Văn ạ. Nhưng nếu có phim hay như thế, thế nào con bạn của tôi nó cũng lại kéo tôi đi cho bằng được. Tôi với nó trót hứa sẽ đi xem chớp bóng chung với nhau hoài rồi.

Giọng nói của anh chàng có vẻ hơi buồn rầu và nản chí.

— Đi xem xi nê với bạn gái hoài, chán lắm Thư à.

— Có gì mà chán. Mình xem màn ảnh chứ có xem người bên cạnh đâu. Và lại từ trước đến nay tôi chưa bao giờ đi xem chớp bóng với một người đàn ông nào cả, ngoại trừ ba tôi mỗi đầu tháng khi tôi được xếp hạng cao trong lớp.

— Xin lỗi, tôi tò mò một chút. Thử được mấy tuổi rồi.

Nàng ngạc nhiên, ngần ngại một lát nhưng rồi cũng trả lời :

— 19. Mà ông hỏi làm gì thế ?

Giọng nói của anh chàng như bực tức hờn giận :

— Làm ơn nhân với ba Thư rằng ông giữ độc quyền Thư trong 19 năm như thế là đủ rồi. Nhường cho người khác với chứ.

— Ông Văn lại nói đùa rồi. Thôi, ông đi xem một mình đi rồi thử bày tôi kể lại cho tôi nghe cũng được.

Anh chàng gãi như hét lên :

— Xem cái gì nữa ? Tôi xem phim đó đã hai ba lần rồi, gần như thuộc lòng rồi.

— Trời ơi. Thế mà ông còn định rủ tôi đi xem nữa.

— Thì đi xem chớp bóng có phải chỉ là để xem không thôi đâu.

Anh chàng đột ngột ngừng lại, như biết mình lỡ lời. Nàng cũng im lặng bởi rồi... Bỗng có tiếng ba nàng gọi từ nhà dưới vang lên :

— Thư à, con gọi điện thoại cho chú Tư nhờ chú sáng mai lấy cho ba cái giấy máy bay đi Đà Lạt...

— Dạ.

Nàng vội vã nói nhỏ :

— Thôi ông Văn à, tôi phải cúp máy đi ngủ đây. Ba tôi sắp lên đây gọi điện thoại.

— Chết cha ! gọi cho tôi hả ?

— Không phải đâu, chuyện công việc của ba tôi mà. Thôi, chúc ông Văn ngủ ngon nhé. Đêm mai nhớ kể chuyện phim cho tôi nghe.

Nàng tần ngần nghe lời chúc ngủ ngon tương tự của anh chàng rồi khẽ ấn chiếc nút nhỏ cúp máy.

Nàng không còn nghe chuông đồng hồ vừa đánh thêm một tiếng ngân dài buồn tênh.

Tối hôm sau, lần này đến phiên anh chàng lại đề nghị thêm một chuyện mới lạ, sau vụ rủ đi xem chớp bóng bị thất bại.

— Thư à, chiều mai Thư có ở nhà không ? Tôi đến nhà thăm Thư nhé.

— Ồ, không. Nói chuyện qua điện thoại là đủ rồi ông Văn à.

không còn ai trả lời

— Nhưng tôi muốn... biết mặt Thư.
Đừng bắt tôi mỗi đêm cứ nằm nện óc tưởng tượng chứ.

— Ai bảo ông tưởng tượng làm gì? Biết mặt mà làm gì ông Văn?

— Thì... ít ra là mình cũng biết đã quen với một ai, người đó như thế nào chứ?

— Thư là thế... đấy ấy. Nhưng thôi, nếu ông cứ đòi mãi chắc Thư phải xiêu lòng mất. Nhưng sợ khi thấy mặt rồi, ông chê Thư "xì" mà không thêm nói chuyện nữa thôi.

— Đòi nào có chuyện đó. Chiều mai tôi lại nhà Thư nhé.

— Không được đâu. Ông cho Thư biết địa chỉ đi.

Nàng ghi vội cái địa chỉ trên giấy rồi ngạc nhiên nói:

— Ủa. Thế là nhà ông nằm trên đường Thư đi đến trường đấy. Chiều mai 5 giờ Thư đi học về, ông cứ ra đứng đợi trước nhà là biết.

— Trời ơi. Làm sao biết ai là Thư được. Mỗi chiều có cả ngàn cô gái đi qua trên đường.

Nàng bật cười, mình ngạc nhiên thật, làm sao anh chàng nhận ra mình được. Nàng cảm mỗi suy nghĩ một chút rồi mỉm cười nói:

— Thôi được rồi. Chiều mai Thư sẽ đi bằng một chiếc Cady màu nâu, Thư mặc áo tím để nhận ra lắm. Ông nhớ đấy nhé, một lần thôi đó. Ông có cận thị thì ráng chịu.

— Nhớ kỹ lắm rồi. Áo tím đẹp lắm.

— Thôi đi. Vì ông mà Thư phải mặc áo tím đó. Chữ trời Sài Gòn nóng như thế này, ai mà mặc màu đỏ bao giờ, quê quá. Nhưng... làm sao mà nhận ra ông?

— Tôi sẽ ra đứng trước nhà. Thư biết nhà tôi rồi.

— Ông mặc một cái áo gì đặc biệt một chút đi.

— Tôi làm sao có áo tím. Thôi, tôi sẽ cầm một cuốn sách to tưởng như cuốn tự điển. Buổi chiều xe cộ đầy đường mà Thư thấy ai đứng cầm sách chứ không đọc, mắt lại lơ lơ quan sát từng người đi qua. Chắc chắn là tôi đó.

— Chiều mai nhớ từ 5 giờ ông Văn nhé. Thôi bây giờ Thư phải cúp máy đây.

— Trời ơi. Sao bữa nay nói chuyện ít vậy?

— Để bắt đền ông đó. Vì ông mà mai Thư phải lục cái áo tím ra này, phải đi học về đúng giờ kéo ông chờ này, phải đi xe chậm chậm để ông nhìn cho kịp này... phải... đủ thứ cả.

— Phải... đánh một chút phần hồng cho đẹp này.

— Thôi đi ông. Đi học mà phần sắp gì. Thư cũng làm biếng sửa soạn lắm, có xấu lắm ông không được phê bình nha.

— Đâu dám. Nhưng mà...

— Thôi bữa nay ngủ sớm đi ông Văn. Ông ngủ ngon nhé, và đừng uống cà phê ban đêm nữa.

Giọng anh chàng hồi hả kêu lên ơi ời nhưng nàng vội cúp máy cho bỏ ghét, mình mới bằng lòng anh chàng một chuyện rồi, không nên để anh chàng khoai chỉ thấy thẳng thừng mà vội vênh mặt.

Buổi chiều khi tan học, nàng phải rủ thêm một con bạn cùng về. Nàng ngại đi một mình qua nhà anh chàng Văn, không hiểu sao nàng vừa thấy thích thú hồi hộp vừa sợ.

Nàng bắt con bạn phải lái chiếc xe Cady đeo nằng, còn nàng ôm cặp ngồi sau cho yên bụng. Con đường vắng còn nhiều nắng, đầy những xe cộ chen chúc và không hiểu tránh lách thế nào mà con bạn lại cho xe chạy sát trong lề, gần trước cổng nhà anh chàng.

Ngay lúc đó tim nàng đập mạnh thỉnh thoảng. Nàng vừa thấy một lũ đàn ông tụ năm tụ bảy trước cổng nhà khá lớn để đứng con số địa chỉ của anh chàng. Không biết trong đám đó ai là Văn. Nàng dẫu dám nhìn kỹ. Nhưng nàng bỗng giật mình khi nhận ra một người tay cầm cuốn sách đứng ngó mông ra đường. Hẳn mặc một chiếc sơ mi ca rô đỏ chói thật khó chịu, đeo kính cận thị to tướng và lại đầy dãi to béo.

Nàng thấy thất vọng quá, người cầm sách đúng là Văn rồi nhưng trái ngược hẳn sự tưởng tượng của nàng.

Bọn đàn ông bỗng đều chú mục đến hai cô gái đi xe Cady, họ chỉ trỏ cười cợt gì đó. Nàng nóng bừng mặt, thúc cùi chỏ vào lưng con bạn :

— Phóng nhanh lên mày.

— Sao vậy ?

Con bạn tỏ vẻ ngạc nhiên vì nó không biết chuyện kết bạn «tâm điện thoại» này. Nhưng rồi chiếc xe cũng vọt đi bỏ mặc cổng nhà xa dần sau lưng. Tự dưng nàng thấy hơi hối hận trong vụ gặp mặt chớp nhoáng này. Anh chàng Văn có giọng nói nghịch ngợm dễ thương, lại có thể béo phịch thế kia ư ? áo đỏ cao bồi nữa, «quên» chết được.

Đêm đó nàng gọi điện thoại trễ hơn thường lệ. Khi giọng nói của Văn vang lên trong ống nghe, nàng lại thấy cái cảm giác

ấm áp vui vẻ như mọi đêm, nỗi bực dọc vô cớ tiêu tan mất.

— Cô Thư, thế là tôi biết mặt cô rồi. không hiểu tại sao nàng vẫn không tin giọng nói thân thiết này là của người đàn ông áo đỏ hồi chiều.

— Thư cũng biết mặt ông rồi. Ông Văn có cái áo đỏ nổi quá nhỉ, lại đeo kính cận thị trông oai ra phết.

Giọng anh chàng ngạc nhiên :

— Thư nói sao ? Tôi mặc áo đỏ bao giờ đâu ? Tôi cũng dẫu có đeo kính cận thị.

Nàng ngạc nhiên không kém :

— Thì ban chiều trước cổng nhà ông đó. Cái ông mặc áo đỏ cầm sách chẳng phải ông là gì ?

Anh chàng la lên một tiếng rồi hấp tấp nói :

— A lô, cô Thư. Thư nhìn lầm rồi, cũng vì lỗi tại tôi cả. Đang đứng chờ Thư thì lẽ, bạn kéo đến tán gẫu, cái thằng mặc áo đỏ ấy là bạn trên trường với tôi. Hẳn thấy tay tôi đang cầm cuốn sách là giật ngay đó xem, hẳn là một thằng một sách...

Nàng à lên một tiếng, hiểu hết đầu đuôi. Tự dưng nàng thấy nhẹ người, anh chàng là ai cũng được nhưng ít nhất cũng không phải là gã có bộ mặt khù khờ đó.

Nàng trách móc :

— Trời ơi. Đã dặn kỹ rồi mà, thì Thư cứ đứng theo ám hiệu của ông, tìm người nào cầm sách thôi.

— Xui thật. Cái thằng quỷ quái ấy không hiểu sao lại giật cuốn sách đúng lúc Thư đi qua, tôi không kịp giải thích. Thế Thư có nhìn thấy tôi không, tôi đứng bên cạnh hẳn đó.

không còn ai trả lời

Nàng như mây cố tưởng tượng lại nhưng không tài nào nhớ được mặt mày của một bọn người đó. Lúc ấy nàng chỉ bối rối nhìn anh chàng cầm sách thoáng nhanh rồi quay mặt đi.

— Ông Văn ơi. Làm sao Thư thấy ông được. Bạn ông đồng quá làm Thư thấy khớp, đầu óc nhìn ai nữa.

— Thế thì ưong thật. Nhưng tôi hèn hơn Thư rồi. Tôi thấy rõ mặt Thư rồi, cô gái lái xe caddy mặc áo tím.

Nàng bỗng phá ra cười ròn tan, tay nàng che lại ống nghe nhưng anh chàng vẫn nghe thấy. Nàng cố nín cười nhưng không được. Giọng của Văn vang lên, ngạc nhiên lẫn bực tức:

— Có gì mà Thư cười dữ vậy ?

nàng vẫn ôm bụng cười đến chảy nước mắt. Giọng anh chàng ngạc nhiên hỏi mãi. Một lát sau nàng cắn môi cố nín cười, nói chậm rãi:

— Ông Văn. Thư nói này ông hứa đừng giận Thư mới dám nói.

— Thư nói đi. Có gì mà rào đón thế, tôi không giận đâu.

Khi nghĩ đến chuyện hồi chiều nàng lại muốn bật cười nữa. Nhưng nàng cố nghiêm giọng, nói sự thật, và sự tình nghịch của nàng:

— Cô mặc áo tím ban chiều không phải Thư đâu, bạn của Thư đấy. Thư phải xúi mãi nó mới lấy áo tím của Thư mặc, còn Thư mặc áo trắng ngồi đằng yên sau đó. Ông Văn không nhận ra được Thư sao ?

Anh chàng lặng yên một lát, có vẻ ngạc nhiên và chắc là cũng như nàng đang cố nhớ

lại buổi chiều gặp gỡ rắc rối đó. Nàng nói tiếp:

— Tự dưng Thư thấy sợ. Thư muốn ông Văn khoan biết mặt Thư đã nên mới bày trò đòi áo « Lê Lai cứu chúa » ấy.

Anh chàng vẫn yên lặng giây lâu rồi giọng nói nhỏ vang lên có vẻ trầm ngâm và buồn:

— Tôi thì vô tình, nhưng Thư đúng là có ý gạt tôi. Thư à, tự dưng tôi có cảm tưởng rằng Thư... không phải là người thành thật. Tôi... hơi buồn.

Tiếng nói buồn bã giận dỗi ấy bỗng như làm nàng nhói đau nhẹ nhẹ, cảm giác mà nàng chưa hề có bao giờ, ngay cả khi giận lẫy với bạn bè. Nàng hối hận, vội vàng nói nhanh:

— Cho Thư xin lỗi. Ông Văn đừng giận Thư nữa, ông đã hứa trước là không giận rồi mà.

Bên kia đầu giây lặng thinh, chỉ có tiếng vo vo buồn tẻ trong ống nói. Nàng bồn chồn đợi một lúc lâu mới nghe có tiếng của anh chàng nặng nề vang lên:

— Thư không muốn cho biết mặt thì thôi, không muốn nói chuyện nữa cũng được. Tôi sẽ không đòi gì nữa.

Nàng cắn môi, muốn bật khóc. Nàng cầm ống điện thoại đi về phía giường và nàng ngã xuống, má tựa êm ái lên chiếc gối. Giọng nàng chợt mềm đi.

— Đừng giận Thư, anh...

Nàng vô tình thốt ra tiếng « anh » thật dễ dàng và không hối hận chút nào, đầu chưa hề biết mặt nhưng nàng nghĩ rằng chàng là một điều gì thân yêu nhất của nàng.

Mặt nàng bỗng đỏ hồng sung sướng khi vừa nghĩ đến ngày sinh nhật sắp tới của nàng, thông thường vào ngày đó ba má cho phép nàng thả hồ mời bạn bè lại nhà. Nàng mừng rỡ nói:

— Thôi để Thư nói cái này, anh sẽ không còn giận Thư nữa. Thứ ba tới là ngày sinh nhật của Thư, Thư có mời vài đứa bạn thân lại thôi. Mời anh Văn đến cho vui nhé.

Giọng anh chàng có vẻ tươi ngay.

— Trời ơi, tôi bay cả hai cánh đến rồi ngay chứ.

Nàng bịu môi chế diễu, nhưng ở V.N. chưa có điện thoại truyền hình nên dĩ nhiên anh chàng làm sao thấy được. Nàng nói bằng giọng tỉnh nghịch:

— Rồi anh sẽ hết tưởng tượng về Thư nữa. Anh thả hồ mà quan sát. Thư sẽ giới thiệu cô áo tím cho anh nữa.

— Sinh nhật... Tôi cảm ơn những ngày sinh nhật. Thứ ba sinh nhật của Thư... thế mà thứ tư đúng là ngày sinh nhật của tôi rồi. Tôi đến mừng Thư rồi Thư cũng phải đến nhà chia vui với tôi nhé.

— Thôi đi. Sao mà Thư nghi ngờ cái ngày sinh nhật của anh thế. Chuyện đó tính sau, bây giờ anh phải lo kiếm quà cho Thư là vừa.

— Dĩ nhiên rồi. Một món quà vĩ đại... Một con búp bê biết đánh đàn dương cầm và hát.

— Thôi. Thư có nhiều búp bê rồi, Thư cũng không thích đâu. Hay là anh đem cho Thư chôn sách gì gì của anh viết đó.

— Trời ơi !

— Không... không có gì cả. Chỉ sợ tôi không còn cuốn nào, in lâu rồi và... nhà xuất bản đem đi phát hành hết.

— Thôi thế để Thư vào tiệm sách tìm cũng được. Cái nhan đề gì gì Thư quên rồi... Tình Yêu... Đi Mươi... hả anh ?

— « Hai mươi » nhưng đôi mươi hai mươi gì cũng được. Nhưng Thư đừng đi tìm mất công, để tôi đem đến cho.

— Anh nhớ đừng quên đấy nhé, và cũng đừng quên tôi thứ ba tới, khoảng 8 giờ. Thư để dành bánh ngọt chờ anh đến mới ăn đó.

— Chắc chắn tôi sẽ đến chứ. Dầu bất cứ điều gì xảy ra, ngoại trừ...

Nàng lo sợ hỏi :

— Ngoại trừ điều gì thế anh ?

— Không... Tôi nói đùa.

— Anh Văn ? Anh có cái gì dấu Thư phải không ?

Anh chàng không trả lời nàng. Giọng anh hấp tấp nói trong máy : « Đêm thứ ba, tôi sẽ đến », và lần đầu tiên từ đêm hai người nói chuyện với nhau, anh chàng chúc nàng ngủ ngon trước và cúp máy.

Nàng cảm thấy thoáng buồn băng khuỷu. Trời đổ mưa giăng lờn, giọt nước và gió đập bập bùng ngoài cửa kính.

Đêm nay sinh nhật, nàng buồn giận chết được. Đồng hồ đã chỉ 9 giờ vẫn không thấy Văn đâu cả. Địa chỉ nhà nàng đâu có khó mà tìm và anh chàng có lần nói là đã đi qua đi lại trước nhà nàng rồi mà.

không còn ai trả lời

Nàng không nghe gì hết tiếng cười đùa nói chuyện của lũ bạn đang xúm xít ngồi quanh bàn. Bỗng nhạc mới mua vang lên những âm thanh làm nàng náo nao thêm.

Nàng chạy vội lên gác, gọi đến chàng nhưng giọng nói của một người lạ nào đó cho biết Văn đã đi đâu từ hồi gần 8 giờ rồi. Nàng cảm môi muốn khóc, thế mà dám hứa chắc với mình, chắc là anh chàng vô tâm ấy quên khuấy mất đêm này và đã đi chơi với bạn bè, hay là với một « cô » nào rồi. Nàng nói thầm trong đầu, mình ngu quá, người ta là đàn ông, đàn ông thì quen nhiều người, có ai hơi đâu để ý đến một kẻ xa lạ không hề thấy mặt trong ống điện thoại này đâu. Người ta đời nào xem cái vụ chuyện trò lẩm cẩm này ra gì đâu.

Có tiếng kêu của con bạn nàng :

— Thưa ời, mau xuống thôi tắt nến rồi khai mạc đi. Thiên hạ đang ngồi chờ chia bánh đây.

Nàng lau vội giọt nước mắt, thần thờ bước xuống. Cảnh tượng như mơ hồ. Màu đèn đỏ và hoa giấy, những bộ mặt tươi cười vui vẻ, ngon nết lung linh cắm trên chiếc bánh có đề tên nàng.

Nàng gương cười tiến lại. Khi nàng thôi tất phụt những ánh nến trong tiếng vỗ tay reo mừng, nàng bỗng sợ hãi, có cảm giác như những ngọn lửa tắt đi, là tắt luôn một hạnh phúc mới lạ êm đềm nào. Là an bình niềm vui, là một kẻ thân yêu biến mất trong bóng tối.

Một cái gì đã mất đi ánh sáng, đêm nay đổ vỡ tang tành trong tâm hồn nàng.

Nàng tự hứa sẽ không bao giờ nhớ đến những con số điện thoại của chàng nữa. Nhưng

một tuần lễ qua đi, nàng bỗng thấy mình cầm lấy ống điện thoại... Nhưng bên kia đầu dây, chỉ có tiếng nổ nhỏ lặp lặp đều đều, dấu hiệu cho biết điện thoại mà chàng bị hỏng hoặc khu phố đó bị đứt đường 4 dây điện rồi. Nàng bỏ mạnh ống nói xuống. con giận lâu ngày đã nguôi phần nào và bây giờ chỉ thấy buồn bã.

Những chiều đi học về, nàng liếc vội vào nhà chàng Một cư xá đông người ở, lỡ nhớ bọm đàn ông đứng trước cổng nhưng biết ai là Văn hay chàng biết có đó không.

Vào tháng sau, trước khi theo ba má lên Đà Lạt nghỉ hè, nàng quyết định gọi cho chàng lần chót. Lần này có tiếng trả lời, nhưng là tiếng nói xa lạ ồm ồm, có vẻ của một lão già.

— Ông vui lòng cho tôi nói với ông Văn.

— Ông Văn hả... ông ấy không ở đây cả tháng nay rồi.

Nàng giật mình suýt kêu lên thành tiếng. Giọng lão già nặng nhọc cất lên :

— A lô... Cô gì đó... Cô ở đâu đấy không?

— Dạ... còn, nhưng tôi cảm ơn bác. Ông Văn đã hết ở đó rồi thì thôi...

— A lô cô khoan cúp máy đã. Tôi là quản lý của cư xá này đây. Hôm qua tôi mới nhận được một lá thư của ông Văn, không biết nhờ gọi cho ai đây... cô chờ một chút nhé

— Dạ.

Tim nàng đập mạnh, nàng áp sát tai vào ống nghe, thầm mong đường dây điện thoại đừng bị đột ngột cắt đi. Giọng lão già vang lên :

— A lô. Thư của ông Văn nhờ gọi...

không phải... nhờ đọc giùm cho... sao kỳ cục thế này... cho "Cổ" Thư, người sẽ gọi tôi mỗi đêm từ 11 giờ.

Nàng kêu lên :

— Đúng rồi. Cháu tên Thư, nhờ bác đọc cho nghe một chút... có dài lắm không.

— Không, cũng ngắn. Cô chờ chút nhé... gớm, chữ gì khó đọc thế này... A lô, cô chờ chút nhé... Nhỏ đi, lấy cho tao cặp kính.

— Sao bác ?

— Không... tôi không nói với cô... xong rồi, tôi bắt đầu đọc đây « Ngày... tháng... năm... Thư mến. Tôi đã nói dối với Thư nhiều điều, tha lỗi cho tôi nhé vì dù sao thì tôi cũng chẳng bao giờ gặp Thư nữa...

— Sao thế ?

— Trời ơi, này cô đừng ngắt lời. Làm sao tôi biết được, A lô... tôi không có nhiều thì giờ đâu, cô cứ yên mà nghe.

— Dạ... xin lỗi bác. Bác cứ đọc đi ạ.

— Được rồi, lúc này là « Chẳng bao giờ gặp Thư nữa... bây giờ đến « giờ đây tôi phải nói thật với Thư một lần cuối, tôi chẳng phải là một văn sĩ gì ráo. Thư có tìm khắp các tiệm sách cũng chẳng thấy được cuốn nào gọi là Tình Yêu Hai Mươi của tác giả Hoàng Văn cả. Trước đây tôi là một sinh viên, nhưng thì rút vài lần, người ta gọi đi lính' tôi không đi và trở thành một kẻ trốn tránh. Cứ ở mãi trong nhà, chỉ có một công việc là chờ Thư gọi điện thoại mỗi tối. Tóm lại, tôi là một kẻ học hành đang dở, một văn sĩ quân đang dở và từ khi biết Thư lại có thêm một tình cảm đang dở nữa.

Nàng bắt đầu cảm thấy mình khóc, những giọt nước mắt chảy nhẹ nhàng trên mặt. Giọng của lão già vẫn đều đều :

— Tôi là một người không ra gì, cả mấy tháng nay không dám đi đâu xa. Tôi sợ mọi người tưởng chừng ai cũng có thể là một tên. Cảnh sát hồi giấy hợp lệ quân dịch...

Đêm tôi đi xa nhất là đêm sinh nhật của Thư. phải qua một cây cầu quái ác, và thế là tôi bị ộp ở nơi đó.

Giờ thì chắc Thư đã hiểu tại sao đêm đó tôi không đến được. phải không ?

— Em đã hiểu... em xin lỗi anh.

Lão già bực bội cần nhẫn :

— Cái cô này, đã bảo đừng ngắt lời... Người ta nói với cô chứ có phải là tôi đâu mà trả lời.

— Dạ... xin lỗi bác, cháu sẽ không nói gì nữa.

— Nghe tiếp đây. « phải không » rồi gì nữa... À ... đây này : « Tôi cũng không dám hẹn Thư một ngày nào nữa. Bây giờ tôi đã ở một nơi xa lắm rồi, một nơi không có sinh nhật, không có quà tặng, không có tiếng cười, không có áo tím hay sách vở gì hết. Có lẽ khi ra trường, tôi sẽ bị đưa đến một đồn trại nào xa hơn nữa. Thư hãy quên tôi đi như tôi đã cố quên Thư rồi. Và hãy tìm một con số điện thoại khác' biết đâu...

Ký tên. Chấm hết. Hết rồi đó cô.

Nàng nói nghẹn ngào :

— Anh ấy có để địa chỉ lại không ?

— Không, cũng không có dấu bưu điện. Thư nhờ người nào đưa tay mà. À... còn nữa... nay không tôi quên cái tá bút này. Cô nghe nhé.

— Dạ.

« Tôi đã tan biến. Thế giới này có

không còn ai trả lời

quá nhiều cơ hội cho bọn khốn nạn ghè phỡn ngồi trên đầu thiên hạ nhưng không có một người chỉ muốn có một đời bình yên tâm thưng, chỉ muốn làm những điều nhỏ thôi mà hân ao ước

Tôi đã tan biến trong đám người ngơ m. Không còn dịp nào để cho tôi nói với Thư điều mà tôi ôm ấp, tưởng chừng hư ảo quá, nhưng càng ngày tôi càng biết điều đó có thật.

Nàng khóc :

— Anh nói đi, em nghe...

Lão già thở dài.

— Hết rồi. Thư viết ngang đó là chấm hết. Thôi, cô còn cần gì nữa không ?

— Dạ... không. Cám ơn bác nhiều... chúc bác ngủ ngon... cháu cúp máy đây ạ.

— Chúc cô cũng ngủ ngon, và đừng có khóc. Tôi đọc này giờ tuy không hiểu gì cả nhưng cũng đoán là chuyện buồn... Thôi, chào cô nhỏ.

Từ đó nàng bỗng sợ hãi chiếc máy điện thoại, nó làm nàng đau đớn. Trong một đêm hoang vắng nào, nàng thẫn thờ nhắm ống nghe và tay quay một cách máy móc hàng số quen thuộc.

Nhưng bên kia đầu dây, không còn ai trả lời.

HOÀNG NGỌC TUẤN

HUYNH PHAN ANH

hiện tượng văn nghệ

Một trong những vấn đề tiên khởi đặt ra cho nghệ thuật có lẽ là vấn đề cảm thông. Cảm thông được hiểu như là một nhu cầu tìm tòi, trao đổi giữa người làm và người thưởng thức nghệ thuật. Người ta không thể quan niệm được một người làm nghệ thuật hoàn toàn cô lập. Nghệ sĩ là người ở trong đời sống và việc làm của nó mang ý nghĩa một cần thiết tự tại; cần thiết được gặp gỡ tác phẩm luôn báo hiệu một va động, gặp gỡ giữa ý thức hai lớp người nói trên. Nói cách khác, nó là môi trường cho sự va động gặp gỡ tất yếu này.

“Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như

Nỗi lòng của Nguyễn Du cũng đã nói lên khát vọng vĩnh cửu của người làm nghệ thuật. Khát vọng đó—Khát vọng của một tâm thức chối từ cô độc luôn hướng tới vào chính tác phẩm, dù nó phải chờ đến 100, 200, 300 năm mới được trả lời hay mãi mãi vẫn còn là một khát vọng. Những người say mê chuyện cổ tích đều nghĩ hồn ma Trương Chi đã bắt đầu yên ổn khi mấy giọt lệ của người đẹp rơi xuống làm vỡ tan cái chén do chính chàng ta tạo nên. Cái chén vỡ tan ấy là hình ảnh của tác phẩm, hình ảnh của nghệ thuật. Nghệ thuật, cũng như cái chén Trương Chi, là nơi hò hẹn. Và tôi không ngần ngại gọi người làm nghệ thuật chính là kẻ bất chúc Trương Chi hay ngược lại, theo ý nghĩa trên đây, Trương Chi là hình

ảnh người nghệ sĩ. Có lẽ nghệ thuật không bao giờ có nếu vũ trụ này chỉ có một người hay chỉ gồm những Robinson Crusoe sống hoàn toàn tách biệt nhau và không bao giờ biết đến sự có mặt của kẻ khác. Bởi vì nghệ thuật như vậy, sẽ không có lý do tồn tại. Khi bạn viết một tác phẩm hoặc ngay khi bạn nghĩ rằng bạn sẽ làm một bài thơ, vẽ một bức tranh, như vậy có nghĩa là bạn đã mặc nhiên chấp nhận sự hiện hữu của kẻ khác và xác nhận sự hiện hữu của mình trước kẻ khác.

Từ lâu, người ta có thói quen là khi nói tới một tác phẩm nghệ thuật, đã chỉ nhắc tới người tạo ra nó. Nghệ sĩ gần như luôn đứng ở mặt phẳng hàng đầu (premier plan). Lớp người thưởng ngoạn vô tình bị bỏ quên trong khi họ vẫn đóng một vai trò quyết định trong nghệ thuật. Dù muốn, dù không, người thưởng ngoạn luôn là kẻ đối diện với người làm nghệ thuật dù họ thuộc đám quần chúng vô danh luôn ẩn mặt. Không có họ, tác phẩm nghệ thuật sẽ đương nhiên biến thành một món xa xỉ phẩm thừa thãi và người ta sẽ khó quan niệm được một định mệnh nghệ thuật trong trường hợp này Định mệnh của một nghệ phẩm chỉ có nghĩa khi nó được cầm tới, nhìn vào, nghĩa là trong sự thưởng ngoạn. Quan niệm cho rằng người sáng tạo là một kẻ hoàn toàn cô độc và an phận với niềm cô độc tuyệt đối, ấy là một quan niệm lãng mạn, lỗi thời. Sự cô độc của người sáng tạo, nếu có, chỉ là sự cô độc có tính cách giới hạn, có tính cách giai đoạn. Ngay

hiện tượng văn nghệ

trong chính niềm "cổ độc đó cũng đã tìm là một ý hướng gặp gỡ cảm thông. Nghệ thuật tự nó là lời nói, là cử chỉ mời gọi cảm thông, gặp gỡ. Người làm nghệ thuật dù muốn dù không đã nói lên hoài bão đó nếu họ không muốn làm đúng một cách ngây thơ hay dối trá. Khi Sartre cho rằng nghệ thuật chỉ có đối với tha nhân, ông đã chỉ nói lên một thực tại muôn đời của nó : Công việc viết đòi hỏi công việc đọc như một hồ tương biện chứng của nó và hai hành vi bổ xung này kêu gọi tới hai động lực khác biệt. Đó là nỗ lực của tác giả lẫn đọc giả nhằm làm nổi bật đối tượng vừa cụ thể vừa không tường : tác phẩm của trí tuệ. Chỉ có nghệ thuật từ kẻ khác và cho kẻ khác. (1)

Bạn cầm quyền sách đọc. Như vậy có nghĩa là bạn đã tham dự vào công việc nghệ thuật mà tác giả quyền sách đã khởi đầu (mặc dù chỉ để ném nó qua cửa sổ.)

Bạn đã đến với tác phẩm, đã tham dự vào chính tác động nghệ thuật. Tác phẩm nghệ thuật nhỏ đó và chỉ trong trường hợp đó mới có thể mang ý nghĩa hoàn hảo của nó.

Có người cho rằng một tác phẩm nghệ thuật ngay khi ra đời đã có một thân phận của nó và dù nó có được kẻ khác biết tới hay không nó vẫn có giá trị tự tại của nó. Người ta dẫn chứng trường hợp những người, khi viết một tác phẩm, chỉ tuân theo một nhu cầu thẩm kin không giải thích nổi. Thực ra những trường hợp như thế, nếu có, chỉ là những trường hợp mẫu thuẫn có thể giải thích bằng một hoàn cảnh nội tâm (có tính cách ít nhiều bệnh lý) hay ngoại giới nào đó như trường hợp Kafka, A. Frank.... Một tác phẩm chưa ráo mực, còn nằm trên tay người viết, nói theo Sartre, chỉ mới biểu lộ một tác động nghệ thuật chưa hoàn

lĩ. Chủ trương một nghệ phẩm sẽ thể hiện một cách tự tại là một chủ trương thẩm nhuận tính chất lý tưởng mà Kant đã dấn phải khi xem nghệ thuật như hình thức của một cứu cánh tinh không biểu dương một cứu cánh nào (finalité Sans fin). Người ta đồng ý rằng nghệ thuật không có giá trị một phương tiện dẫn tới một mục đích nào đó. Nhưng nghệ thuật tự nó là một cứu cánh, một kiến dâng cho kẻ khác (2)

Quan niệm nghệ thuật như một khát vọng chung đồng của những con người cùng tìm tới người ta sẽ lòng tăng không ít khi phải giải thích một tình trạng xô lệch đầy thối nát, hiểu lầm, bất mãn giữa lớp người sáng tạo và lớp người thường ngoạn. Về phương diện này, nền văn nghệ mới ở đây, xin hiểu là văn nghệ của non mười năm trở lại đây, là một thực tại điển hình. Nhiều người không ngần ngại cho rằng văn nghệ bây giờ đang trên đường khai phá. Những vùng đất mới, đang làm những cái nghiệm cho đạo. Và nhà văn hôm nay không thiếu vắng những lo âu, thắc mắc, khát vọng của con người thời đại thể hiện qua tác phẩm họ. Tuy nhiên, dù sao người ta không thể chối cãi văn nghệ đó vẫn còn là sở hữu riêng tư của một nhóm người, nhóm người tư nhân là những ý thức vượt khỏi đám đông. Điều này không là sự kiện

(1) L'opération d'écrire implique celle de lire comme son corrélatif dialectique et ces deux actes connexes nécessitent deux agents distincts. C'est l'effort conjugué de l'auteur et du lecteur qui fera surgir cet objet concret et imaginaire qu'est l'ouvrage de l'esprit. Il n'y a d'art que pour et par autrui.

J.-P. Sartre, Situation II, p. 93.

(2) Le livre n'est pas, comme l'outil, un moyen en vue d'une fin quelconque : il se propose comme fin à la liberté du lecteur.

J.-P. Sartre, 1 bis p. 97.

suông, trái lại nó nằm gọn trong quan niệm nghệ thuật của nhiều nhà văn nghệ mệnh danh là "mới" hôm nay. Đó cũng là một chứng lý người ta thường dùng để minh giải một thực trạng sa lầy trong văn nghệ. Phải chăng sự phân ly giữa ý thức người viết và người đọc đã bắt nguồn từ sự chênh lệch khắt khe giữa hai ý thức này ? Phải chăng ý thức người làm nghệ thuật bao giờ cũng vượt khỏi thời đại, quần chúng ? Phải chăng lớp người thường ngoạn đang mỗi lúc một tách rời công việc của người làm nghệ thuật chỉ vì họ không có khả năng lĩnh hội được công việc đó ? Tôi nghĩ rằng một quan niệm tương tự trên đây đã vô tình đặt ra sự ngăn cách giữa người viết và người đọc. Nó gây ở người viết một thứ mặc cảm hay ảo tưởng nguy hại về sự mạng quá lớn lao vượt ngoài tầm sức, phạm vi của họ. Ngay trong quan niệm đó, người ta đã bỏ quên lớp người thường ngoạn hay ít ra người viết đã tự tìm một chỗ đứng tách biệt đối với họ.

Tôi nghĩ rằng nghệ thuật là một vùng đất tự do, trên đó không có vấn đề giai cấp ý thức. Không có ý thức mệnh danh là ý thức dẫn đạo. Không có luật làm chủ. Nghệ thuật không thể là một công-cụ để cho một người nào đó có thể thao túng trên tự do kẻ khác. Người làm nghệ thuật không thể quay lưng đi trước tự do của người thường ngoạn. Hành vi tiếp nhận tác phẩm cũng là cách thể của người thường ngoạn xác nhận tự do của mình. Người đọc có thể tìm thấy trong nghệ phẩm một kinh nghiệm lớn. Hắn có thể bị kích thích. Hắn có thể thấu tóm xư dụng kinh nghiệm đó trong tất cả tự do của mình. Bởi vì tự bản chất nó, tác phẩm là một tiếng gọi, một đề nghị. Nó không thể đi tới chỗ chi phối hoàn

toàn thân phận con người như một chế độ chính trị, một định luật xã hội nào đó.

Quan niệm về một thứ bậc ý thức như đã nói trên đây cũng như về ý thức nghệ thuật dẫn đạo đám đông sẽ dẫn dắt tới chủ trương phân ly nghệ thuật và đời sống, biến chúng thành hai thực thể riêng biệt, đúng hơn là hai yếu tố có liên hệ nhân quả : nghệ thuật đi trước đời sống, dẫn dắt đời sống. Nó đặt nghệ thuật ngoài đời sống, một việc làm mâu thuẫn. Vì nghệ thuật là gương mặt đời sống. Người thường ngoạn và người sáng tác cùng gặp gỡ nhau trên diềm tựa đời sống. Bào nghệ thuật vượt khỏi đời sống, bảo nó là tiếng nói tiên tri thúc đẩy đời sống tiến tới, phải chăng là bỏ quên yếu tính của nó ? Quan niệm trên đây, cũng như quan niệm dẫn thân trong văn nghệ đã vô tình đặt nghệ phẩm trên giòng sông phong phú, đã đối tượng hóa đời sống, đã giáng cấp nó. Người ta quên rằng khi nhà văn viết nên một cuốn sách, đời sống chứa đựng trong đó chỉ là đời sống giả tạo. Tác phẩm mới chỉ là biểu tượng đời sống. Phải chăng là sai lầm khi ta muốn thần thánh hóa những biểu tượng đó, đặt chúng lên trên thực tại phát sinh ra nó, như biến Raskolnikov, Roquentin, Meursault... thành những huyền thoại của con người.

Gọi nghệ thuật là gương mặt đời sống, nó không còn là một thực tại vượt khỏi tầm mức mọi người, không còn là sở hữu riêng tư của một hay nhiều cá nhân nào. Nó chỉ còn là cách thể để con người ở lại đời sống, hợp mặt trong đời sống. Đến đây người ta không thể không nói tới một thói quen gần như đã biến thành một thứ thời trang đã vô tình đưa tới tình trạng phân ly nguy hiểm trong nghệ thuật. Đó là ý kiến quá quyết rằng lớp người thường ngoạn đáng bỏ ngỡ, bàng hoàng trước

hiện tượng văn nghệ

một thực tại văn nghệ vừa lột xác để khoác lên lớp áo siêu hình hay trí thức. Nhưng có phải vì thế mà nó tách rời đám đông không? Thực ra, đây chỉ là vấn đề đặt tên. Văn nghệ tự nó không thể mang một thuộc từ nào cả. Không thể có một tiểu thuyết hay thi ca siêu hình. Chỉ có một đời sống muôn mặt, với những ưu tư, cảm nghĩ siêu hình của nó. Những bộ mặt đời sống đồng thời là những bộ mặt văn nghệ. Nền văn nghệ mệnh danh siêu hình hay trí thức không thể là con đẻ của một người hay một chủ trương nào. Nó là bản thể của đời sống, đời sống trong ý nghĩa đầy đủ nhất. Đó là đời sống của đám đông không phân biệt giai tầng, thứ bậc. Họ ăn uống, tình tự, giao tiếp nhau trong cuộc sống hàng ngày và từ mỗi tác động nhỏ cho họ, người ta có thể tìm thấy những nét lo âu hay đau đớn chung của một thời đại mà rất có thể họ không nghĩ tới hay khoác lên mình dáng điệu lãnh đạm của người vô ý thức. i nghĩ: làm gì có nghệ thuật ở từng trình độ khắt khe trong khi chỉ có một đời sống mở toang muôn cánh cửa? Phải chăng chỉ có một nghệ thuật, nghệ thuật của đời sống, của thân phận con người? Khi người ta phân biệt nghệ thuật trí thức, nghệ thuật bình dân..., tôi nghĩ đó chỉ là công việc bổ ích cho chương trình học của các lớp văn chương. Người ta thì bảo rằng một tác phẩm, thoát thai từ một tầng lớp trí thức trong xã hội, do đó nó góp phần cho văn nghệ trí thức. Cũng như văn nghệ bình dân là văn nghệ của kẻ tay lấm chân bùn. Đặt nghệ thuật trong viễn tượng con người, ta chỉ có một nghệ thuật, bộ mặt định mệnh của con người. Nếu ta hiểu rằng những lo âu, khát vọng của những thành phần con người khác nhau trong xã hội, dù có cách biệt nhau ở vóc dáng bên ngoài, rút lại vẫn gặp nhau trong mỗi bận tâm chung của con người liên hệ tới sự sống

và sự chết của nó. Vấn đề không phải là văn nghệ có nhiều trình độ, Vấn đề làm ta lo nghĩ chính là việc xử dụng ngôn ngữ, chất liệu của nghệ thuật ở người sáng tạo. Gạt vấn đề này sang một bên, phải chăng nhân vật của Kiều, Cung Oán Ngâm Khúc... sẽ gặp nhau trong cùng một viễn tượng bi thảm của kiếp người.

Vấn đề chất liệu nghệ thuật đã đặt ra trước nhà văn hiện đại mỗi lần khoanh không nhỏ. Nó đưa tới thắc mắc nội dung hình thức thực tại và biểu tượng... Nhà văn muốn trình bày một thực tại về đời sống, hẳn bắt buộc phải dùng tới ngôn ngữ, nghĩa là tới một qui ước (convention), một cái gì giả tạo. Victor Hugo có lẽ đã ý thức được điều này khi viết: "Thi sĩ không nên viết bằng những cái đã được viết ra (tức là bằng chữ nghĩa). mà bằng tâm hồn họ" (3) phải chăng khi nhà văn tìm cách khoác lên tác Phẩm mình những lớp áo siêu hình, đạo đức, chính trị... đó chỉ là một cách phát biểu rằng văn nghệ không chỉ là vấn đề văn thể hay qui ước? Nói cách từ quan niệm "văn thể tức là người" họ muốn quan niệm văn thể ở đây còn nói lên cách thể sống của con người. Nhưng đây lại là một hành vi hàm hồ vì khi họ tìm cách chối bỏ, thay thế những qui ước, họ vẫn phải dùng tới chúng. Ngay khi họ đã phủ nhận ngôn ngữ, họ đã mặc nhiên chấp nhận nó. Sự kiện này đã đưa nhà văn bây giờ tới một tình trạng xao xuyến không ngừng nghỉ. Nó không biết những công trình sáng tạo của nó sẽ mang một ý nghĩa nào đáng kể? Phải chăng nó phát biểu về rồi không đi tới đâu cả? Và

(3) Le poète ne doit pas écrire avec ce qui a été écrit (c'est à dire avec les mots), mais avec son âme et son cœur.

bao nhiêu ngôn ngữ sau cùng chỉ trở thành niềm im lặng trước thực tại ? Trong một bài viết về S. Beckett M. Nadeau đã viết : « Chứng ta phải nói, điều cố nhiên bởi vì đó là sở phận của ta, nhưng ta nói để đi tới chỗ không phát biểu gì cả ». Nghệ thuật phải chăng chỉ biểu hiện nỗi bất lực trước đời sống. Nhưng nếu việc làm của nhà văn là vô bổ, thừa thãi, bất lực, liệu hẳn có thể, vì đó trốn tránh những nỗi xao xuyến và vô xé thường trực trong nội tâm của nó không ? Maurice Blanchot, một trong những nhà văn đồng thời là nhà phê bình lớn của Pháp hiện giờ, cho rằng chính sự thừa thãi của nhà văn, chính thực trạng cảm nín thê hiện ngay trong tác phẩm của hắn lại là điều kiện tất yếu cho hắn. Bởi vì « tác phẩm đã phụng sự ngay trong khi nó không phụng sự được gì, sự lợi ích của nó là đã phát biểu cái phần vô bổ này mà thiếu nó, nên văn minh không thể có được » (4). Ngay khi nó không phụng sự gì, nó đã phụng sự một cứu cánh tự tại, hay đúng hơn, nó là một cứu cánh tự tại của con người.

Đến đây, ta có thể nghĩ rằng một ý thức tự giác, một hành động tự kiểm thảo cũng như một nhận thức mới mẻ của người làm văn nghệ về tác dụng, vai trò, khả năng, về lý

do tồn tại của chính nghệ thuật có lẽ sẽ đánh tan những ảo tưởng về những sứ mạng vượt ngoài tầm vóc của họ và cả những huyền thoại về thiên tài cô độc, về ý thức hướng dẫn, tác tạo của họ...

Phải chăng đã đến lúc nhà văn cần đặt lại giá trị của chính mình, của công việc mình cũng như ý thức một cách sáng suốt vai trò điều động nghệ thuật của lớp người bị bỏ quên : Quần chúng thượng ngoạn nghệ thuật. Ở Âu Châu, sự im lặng trong việc sáng tác thường thấy ở những Malraux, Sartre, de Beauvoir... (5) phải chăng cũng mang ý nghĩa của một cuộc tự vấn lương tâm ? (5) Và sự xuất hiện của trào lưu Tiểu Thuyết mới (Nouveau Romain) với Beckett, Blanchot, Robbe Grillet... Phải chăng cũng là sự xuất hiện một ý thức nghệ thuật mới mà phản đối quan niệm cổ truyền trong nghệ thuật và đặt lại vai trò của người viết cũng như của văn nghệ ?

(4) Elle (l'oeuvre) sert à quelque chose justement parce qu'elle ne sert à rien, son utilité est d'exprimer cette part inutile sans laquelle la civilisation n'est pas possible.

M. Blanchot, *Paux Paux*, p. 15.

(5) bài viết năm 1964 (M.T.S.).

5 nữ sỹ Pháp thuộc thế kỷ 20 theo thứ tự A,B,C...

A.P. biên soạn

Đây chỉ là sơ lược ít tiêu sử của một số nữ sỹ Pháp đã nổi tiếng, được thời gian thử thách công nhận. Xen vào, cũng có vài nữ sỹ trẻ viết văn trước tuổi trưởng thành, có sách bán chạy thuộc hàng đầu thế giới được đề cập tới.

Chắc chắn là còn nhiều thiếu sót trong bài biên soạn sơ lược này.

BEAUVOIR

Simone de Beauvoir. Sinh ở Paris ngày 9-01-1908, trong một gia đình thượng lưu. Ngay từ hồi còn bé, Beauvoir đã có tư tưởng muốn thoát ly bầu không khí trường giả cổ truyền bao phủ chung quanh. Sinh viên Triết học, nàng kết bạn văn chương với Jean Paul Sartre, Nizan... đỗ Thạc Sĩ, làm Giáo sư tại các trường Marseille và Paris.

Từ năm 1943, Simone De Beauvoir mới bắt đầu văn nghiệp bằng cuốn *L'Invitée* kể đến các tiểu thuyết dài như :

- *Le Sang des Autres* (1944)
- *Tous les hommes sont mortels* (1947)

— *Les mandarins* (1955) được giải thưởng Hàn lâm Goncourt.

— *Pyrrhus et Cinqas* (1944) tiểu luận

— *Pour une morale de l'ambiguïté* (1947) tiểu luận.

— *L'Existentialisme et la sagesse des nations* (1948), tiểu luận.

— *Le Deuxième sexe* (1949), một tác phẩm quan trọng về phụ nữ...

Nàng cùng với Jean-Paul Sartre sáng lập tạp chí *Les Temps Modernes*. Nàng cũng là một trong những nhân vật tiêu biểu nhất của phong trào Hiện sinh Pháp, luôn luôn cố gắng bày tỏ những thái độ tinh thần và chính trị.

Điểm nổi bật, quan trọng, trong tác phẩm của nàng là vấn đề tương quan với người khác, nàng cũng có sáng tác một vở kịch tựa là *Les bonches inutiles* (1945), thăm đượm tinh thần triết thuyết Hiện sinh.

Khi Simone de Beauvoir viết một số tác phẩm có tính cách tự thuật như : *Mémoires d'une jeune fille rangée* (1958) và *La force de*

l'âge (1960), người ta mới nhận thấy văn tài xuất sắc và độc đáo của nàng.

Tên tuổi Simone de Beauvoir không chỉ giới hạn trong nước Pháp mà còn vang dội trên thế giới. Một số văn phẩm của nàng đã được dịch ra ngoại ngữ. Sách của nàng bán rất chạy ở Hoa Kỳ.

COLETTE

Gabrielle Sidonie Colette, sinh ngày 28-01-1873, tại Yonne; mất ở Paris ngày 03-8-1954, thọ 81 tuổi.

Trong vòng gần năm mươi năm. Colette đã sáng tác trên bốn chục tác phẩm, thật xứng đáng là một trong số văn sĩ đáng kể nhất của Pháp ở tiền bán thế kỷ hai mươi.

Hai người có ảnh hưởng quyết định đến đời văn của Colette là *Sido* và *Willy*.

Sido, người mẹ thân yêu của nàng, rất thương yêu súc vật và thiên nhiên, đã truyền lại cho Colette tình yêu loài vật và cảnh vật, mở rộng cõi lòng đón tiếp cùng rung cảm trước mọi sự sống.

Willy, người chồng đầu tiên của nàng, đã khuyến khích Colette tiến bước trên đường văn chương. Sau mười ba năm chung sống, khi rời bỏ *Willy*, Colette đã nắm vững nghề viết văn. Ảnh hưởng yêu đương của người chồng trong kinh nghiệm đầu tiên của Colette, đã để lại nhiều ấn tượng qua các tác phẩm của nàng về sự thất tình, trừ hai quyển *Milou* và *Gini*.

Thế giới nàng trình bày cùng đọc giả là thế giới cảm thông với loài vật, cho không phải là những cuộc gặp gỡ với con người. Song nhìn vật chính trong tác phẩm Colette

lại chính là *Colette*. Con người của *Colette* đã sâu sắc ẩn hiện lần lượt qua từng tác phẩm: *La Vagabonde*, *La Naissance du jour*, *l'Etoile Vespér*, *Le Fanal bleu*, *Claudine*, *Claudine à Paris*, *Claudine en ménage*, *Claudine s'en va*.

Colette được nhận vào Hàn lâm viện Hoàng gia Bỉ năm 1936. Colette đã đọc bài diễn văn trong buổi lễ chính thức tiếp đón, nói về Anna de Noailles.

Năm 1944, Colette được mời vào Hàn lâm viện Goncourt.

Năm 1948, toàn bộ tác phẩm của Colette được xuất bản.

Kể từ năm 1949. Colette gần như bị tê liệt hoàn toàn vì bị bệnh bại ở hai chân.

Colette được Bắc đầu bội tinh Thượng đẳng, năm 1953.

Năm 1954, Colette qua đời. Chính phủ Pháp đã cử hành lễ quốc táng cho bà ở Palais-Royal (Điện Hoàng cung).

MINOU DROUET.

Mười lăm, mười sáu năm trước, cô bé tí hon Minou Drouet mới có 8 tuổi mà đã nổi tiếng là một nữ thi sĩ. Cô bé thi sĩ ấy đã làm cho Hàn lâm viện Pháp chia rẽ, giới phê bình văn học Pháp chống đối nhau.

Do một quyền sách ấn hành làm 500 bản, không bao giờ đem bán, đã làm cho cô bé Minou Drouet tiếng tăm lừng lẫy. Quyền sách chỉ có 48 trang, gồm một số bài thơ và một số thư từ chọn lọc của Minou Drouet, do nhà xuất bản Julliard in ra không bán, chỉ để ghi dấu, và gửi tới các nhà phê bình. Một tháng sau đó, tờ *Figaro* gọi một phóng viên đến

5 nữ sỹ Pháp

khám phá ra nữ thần đồng thi sỹ ấy. Một lá thư của một nữ độc giả mở màn «vụ án Minou Drouet». Đối với những câu văn, thơ của Drouet mà tờ Figaro trích dẫn ra trên mặt báo, vị nữ độc giả ấy quả quyết : «*Một đứa con nít không thể viết được như vậy !*»

Pasteur — Vallery Radot, trong Hàn lâm viện Pháp — đáp lời vị nữ độc giả cùng tất cả những «bạn đọc» nào thắc mắc về trường hợp Drouet.

«*Một số trong chúng ta công nhận những thiên tài, nghĩa là những cá nhân vượt cái mức chung. Thiên tài là một thiên bẩm dị thường, quái gở, có thể nói là không dính dấp gì đến cá nhân thụ hưởng nó và cá nhân ấy chỉ là nơi tàng trữ thôi. Tại sao một nhi đồng thi sỹ, lại không thể diễn tả được, ngay vào những năm đầu thơ ấu của nó, cái thiên tư kỳ diệu mà nó hưởng thụ ? Người ta đã nhìn nhận hẳn rằng sự ấy là khả hữu đối với những nhà toán học, bằng chứng là Pascal kia, đối với bên nhạc, bằng chứng là Mozart.*»

Đối với tiếng «*thiên tài*» nêu lên ấy, liền sau đó, có tiếng «*phình lú*» đáp lại. Tờ báo Elle gửi một phóng viên đến Pouliguen là nơi cô bé Minou Drouet ở với bà mẹ nuôi. Và tờ Elle đăng tài kết luận cuộc điều tra của mình như sau : «*Minou Drouet không thể viết nổi những bức thư và những bài thơ mà người ta đã in ra báo. Chính là mẹ cô ta đọc cho ta viết*»

Kể từ đấy, giới văn học Pháp chia ra làm hai phe : phe công nhận tài của Minou Drouet, phe phủ nhận. Về bên phe công nhận, ngoài ông Hàn Pasteur-Vallery Radot, còn có nhà phê bình văn nghệ của tờ Figaro : André Roussiaux và một tu sỹ, Linh mục Lelong. Ba người này được kể là hàng lãnh tụ của phe công nhận thiên tài Minou Drouet.

Bản về quyền sách của Minou, André Rou-

siaux viết : «*Thật là một dịp may mắn tốt đẹp cho chúng ta để thấy trẻ lại phần nào, trong khi chìa tay cho một cô bé để nói với cô ta rằng người ta tin nơi cô và người ta cảm ơn cô đã làm sáng rạng lên cái cõi đời xám xịt khôn cùng này của chúng ta.*»

Về phần Linh mục Lelong, ông cho ở nơi cô bé ấy một ân huệ : «*Không có chữ nào đáng hơn để diễn tả cái gọi là một thiên bẩm từ một nguồn gốc huyền bí như thế...*»

Những nhà giám định và phản giám định bút tương, kể thì quả quyết mẹ nuôi của Minou Drouet nháy tuồng chữ của cô ta ; người thì xác nhận đó là tuồng chữ của chính Minou.

Giờ mời các bạn đọc dưới đây một đoạn văn trích trong quyển sách nói trên của Minou mà dịch giả cho biết là rất sát nguyên văn :

«*Yêu thương, Philippe ạ, là hiền và nhân. Tôi, tôi hiểu điều ấy vào hồi Noel rồi, cái ngày để sự ấy mà tôi được biết cái trống rỗng, cái trống rỗng gặp thấy trong chiếc giày nhỏ cũ kỹ mà tôi đặt trong lò sưởi. Bạn hẳn còn nhớ, trước cái hôm ấy, bạn đáp tất cả những lý, để làm cho tôi vui lòng. Noel đến, làm cho tôi sợ hãi. Ngày đó tôi được biết có những trẻ con mà Noel không có với chúng, những đứa trẻ mà Hai đồng Jésus không có xuống cõi trần. Chỉ mình Y.N. là hiền là thương cảm cho tôi. Tôi luôn luôn vẫn giữ anh chàng lùn đứng tít trên đỉnh cây thông của Y.N. và chiếc lồng bằng kính bốc khói. Tấm lòng của N. bàn tay của N. tôi muốn viết cho N., nhưng rồi tôi ngại làm N. phiền muộn mà tôi thì lại mới một làm sao. Noel, cái lạnh để sự ấy, cái trống rỗng đào ra mãi mãi kia giữa những kẻ khác và tôi. Ở giữa tiếng nói của họ và tai tôi, có chỗ cho một chiếc giày nhỏ đã hư mòn, không gót, mũi hể hể, há ra trên cái trống rỗng, cái*»

trông rỗng của những con mắt người chết. Chiếc giày ấy, không ai thấy lại nó cả, tôi đã cất giấu nó, và tôi nhìn nó, với cái mồm nhấm nhấm lại trong tiếng kêu, những dây giày thì rũ rượi như tóc người chết đuối. Sự bụng trơ buột ra rồi. »

(bản dịch của T.T.L.)

Thiên tài Minou Drouet bắt đầu năm lên sáu. Một buổi sáng, trong lúc mẹ nuôi mặc áo cho Minou, thì Minou ngâm nga một đoạn thơ. Bà mẹ ngạc nhiên :

— Con học ở trường phải không ?

— Không phải đâu mẹ ạ. Con có cô tiên trong đầu con dạy con vậy đó !

Thoạt đầu bà mẹ cũng không để ý lắm... nhưng rồi bà tò mò mượn vở học của các bạn học cùng lớp với Minou về xem. Không ai dạy cho em bé những bài như vậy cả. Bây giờ bà mới chợt hiểu con gái nuôi của bà là một thần đồng.

Bài thơ đầu tiên viên cuối nhỏ, thay đổi tùy cảm hứng của cô bé. Mùa hè năm ấy, cô giáo Lucette Descaves nhận được của cô học trò nhỏ những lá thư hay hay. Cô giáo đem khoe với giáo sư Pasteur-Vallery Radot (hay Pasteur Valery-Radot ?) và giáo sư đem cho nhà xuất bản Julliard. Đầu mùa nhập học, những lá thư của Minou gởi cho cô giáo thành một tập thơ xinh mang tên *Poèmes et lettres*, tiếp đó, người ta lục lọi những gì Minou viết ra cho vào các tập *Arbre, mon ami, Album de poèmes, Pêcheur de lune*. Minou thành thần đồng, thành con mồi của đám đông. Mỗi tiếng cô bé viết hay nói ra đều vào sách báo, in thành ngàn vạn bản.

Sau này đọc lại thơ văn Minou Drouet,

người khó mà phân biệt giữa thiên tài và lời trẻ thơ.

Vào tuổi 15, Minou mất dần những hào quang thần đồng. Tuy vậy nàng vẫn rí rả gõ ngón tay lên máy chữ, kết thành những câu thơ vẫn còn được nhiều người đọc và thán phục.

NOAILLES

Anna de Noailles, nữ hầu tước thi sĩ, sinh ngày 17 tháng 11 năm 1876 ở Paris, và mất tại đây ngày 30-3-1933, thọ 57 tuổi. Là con gái nuôi của ông hoàng Brancovan Họ mẹ thuộc một gia đình Hy Lạp có nhiều thi sĩ, văn nhân. Năm 13 tuổi, nàng đã bắt đầu làm thơ. Nàng chịu ảnh hưởng phái Parnasse (Thi sơn), thi sĩ Musset, rồi J. J. Roussseau và Heinrich Heine, song quan trọng hơn cả là Victor Hugo.

Tháng tám năm 1897, nàng kết hôn với hầu tước Mathieu de Noailles. Đầu tháng hai 1898, các bài thơ đầu tiên của nàng đăng tải trên tạp chí *Revue de Paris*. Tập thơ đầu của Anna de Noailles : *Le cœur innombrable* (1901) được đón tiếp nồng nhiệt.

Người ta bắt đầu nhận thấy ở nàng một tài năng xuất chúng. Nàng bắt đầu một loạt thi phẩm ca ngợi mỗi tình mãnh liệt đối với thiên nhiên : cây cỏ, mặt trời. Tác phẩm của nàng thấm nhuần một không khí đa thần sôi nổi nhiệt thành, bộc lộ tình yêu tuổi trẻ và anh hùng, mang nặng một ý nghĩa sâu sắc về cái chết, ám ảnh của thiên thu, tuyệt đối.

Ảnh hưởng của Maurice Barrès, nàng tìm nguồn cảm hứng về phía Đông phương. Nàng liên tiếp xuất bản các tập thơ :

5 nữ sỹ Pháp

- *L'ombre des Jours* (1902)
- *Les Éblouissements* (1907)
- *Les Vivants et les Morts* (1913)
- *Les Forces éternelles* (1921)

Anna de Noailles được mời vào Hàn lâm viện Văn học Pháp của Hoàng gia Bỉ. Hàn lâm viện Pháp cũng trao tặng cho nàng giải thưởng lớn về văn chương.

Nhiều nhà văn, chính khách, bác học cảm phục, Anna de Noailles trở nên một nhân vật quan trọng. Nàng là người đàn bà đầu tiên được gán Bắc đầu bội tinh.

Ba cuốn tiểu thuyết chứa đựng nhiều phẩm tự thuật của tác giả, được nhiều người chú ý.

La nouvelle espérance (1903), nói đến đời sống một thiếu phụ trẻ tuổi phóng túng của thời đại.

Le visage merveilleux (1904), nhật ký yêu đương của một nữ tu sỹ, đã gây nên dư luận sôi nổi.

— *La Domination*, một tác phẩm dở dang, nàng xem như là một thất bại.

Nàng còn nhiều tác phẩm khác nữa. Có mấy quyển đáng kể như tiểu sử thân mật của đời nàng viết ra trong cuốn *Le livre de ma vie* (1932). Tập thơ cuối cùng xuất bản trước ngày nàng qua đời lấy lên là *Derniers vers et poèmes d'enfance*.

SAGAN

Françoise Sagan tên họ thật là *Françoise Quoirez*, tên riêng trong gia đình là *Ki Ki*, đã xuất hiện trong văn học Pháp—cách nay đúng 17 năm — như một ánh sao sáng chói. Lúc nàng chào đời văn học vừa mới 16 tuổi.

Khác quá trình xuất hiện của bất cứ văn nghệ sỹ nào, phải tuân theo cái công lệ tuần tự nhi tiền, F. Sagan đến cách bất ngờ bằng *Bonjour Tristesse* vào năm 1954. Dư luận thế giới văn học sôi nổi vì quyền đầu tiên của nàng. Quyền sách này chiếm giải văn chương « prix des critiques ». Tác giả được André Malraux, Bộ trưởng Văn hoá Pháp, niề m nở đón tiếp như một thiên tài. Sách bán được 760.000 cuốn ở Pháp, 2 triệu cuốn ở Mỹ. Sách được tái bản nhiều lần.

Đến năm 1963, sau 10 năm, F. Sagan còn sáng tác thêm được 4 truyện dài, 3 kịch phẩm, không kể vài phóng sự dài, nhiều đoản kịch trình diễn trên đài truyền hình :

- *Un certain sourire* (1956) bán được ngay đến con số 510.000 cuốn
- *Dans un mois, dans un an* (1957), bán 200.000 cuốn trong 8 ngày.
- *Aimez-vous Brahms* (1959)
- *Les merveilleux nuages* (1961)
- *Château en Suède* (1960)
- *Les violons, parfois* (1962)
- *La robe mauve de Valentine* (1963)

Người ta nói thuở bé Sagan gặp nhiều tai nạn ; lúc đi học bị đuổi và đời trường nhiều lần ; lớn lên có nhiều « nam tính », thứ « nam tính đặc biệt hơn cả con trai ». Nàng say mê tốc lực, chạy xe tới 180, 200 cây số giờ v.v... Người ta nói nhiều về người con gái đó. Khen cũng nhiều, chê cũng lắm. Nhất là tác phẩm của nàng cũng như « phần lớn tiểu thuyết Pháp hiện thời — của Sartre, Camus, Simone de Beauvoir — tính, cách phi luân lý được bộc lộ một cách hầu như chủ ý ». (*N-Đ II trang 32, Nguyễn Văn Trung*) Do đó, bị nhiều nhà luân lý kết án. Không biết tên tuổi Sagan có được bất tử như một số nữ sỹ Pháp khác, hay chỉ bạo phát, mau tàn ?

NGUYEN NHAT DUAT

viễn tượng văn chương

Nhìn vào những cuốn sách văn chương được bày bán la liệt ở các tiệm sách vỉa hè đường Lê Lợi, bên cạnh đủ loại sách khác, người ta thấy gì ? Những cuốn truyện dài, những tuyển tập truyện ngắn, là tiêu biểu cho phong trào sáng tác văn chương ở đây và bây giờ — ấy là không kể những tập thơ xuất hiện nhan nhản, từ mỏng 20 trang đến dày 300, hãy lẫn lộn, từ từ hay chỉ lật qua, đọc kỹ hãy chỉ đọc thoáng thật nhanh, ai cũng có thể nhận ra ngay một điều : đại loại sáng tác phẩm ở đây đều giống nhau ở một điểm là dễ dãi.

Đó là thứ văn chương « vào thẳng ra thẳng », người ta đọc suốt một mạch những trang giấy phơi bày thực tại hàng ngày như đọc nhật báo. Thoải mái dễ chịu ! Nhưng nghĩ kỹ, có thực thế không ? Nhà văn không cần biết hay không biết đến những yêu sách của người đọc ý thức, nhà văn chỉ cần sách của mình được đọc nhiều, và đọc một cách thích thú bởi những người đọc dễ dãi, những người đọc sẵn sàng chấp nhận mọi tác phẩm như nhau, không cuốn này thì cuốn khác, không của tác giả nọ thì của tác giả kia, miễn sao có thể giải trí—có thể khoải trá, hay buồn phiền, hoặc hồi hộp, phần nọ cùng các nhân vật trong tác phẩm, chừng vãn tiếng đồng hồ là đủ rồi, thế là thoải mái dễ chịu rồi. Và như vậy, người đọc tìm thấy gì trong tác phẩm ? Thấy một tác giả biết chiều độc giả. Đây là một hiện tượng, hiện tượng sản xuất văn chương hàng loạt để

thoải mãn thị hiếu của độc giả. Vấn đề chính cần đặt ra ở đây : hiện tượng này bắt nguồn từ đâu ? Để trả lời câu hỏi này trước hết cần xác định một điều sơ đẳng : tác phẩm là sản phẩm của một tác giả có ý thức rằng chính mình làm chủ tác phẩm của mình, chính mình tạo ra nó với tư cách một nhà văn. Phải có ý thức và trách nhiệm của người viết về tư cách nhà văn của ông ta thì cuốn sách được tạo ra mới có thể gọi được là một tác phẩm. Người ta không bao giờ sáng tác một cách ngẫu nhiên được. Tác phẩm văn chương hoặc do một người hay một nhóm người nhất định tạo ra, được xác nhận là tác phẩm có tác giả, hoặc không được coi là có tác giả, nó trở thành vô danh con đẻ của đám đông (văn chương bình dân chẳng hạn).

Người ta không thể sáng tác một cách ngẫu nhiên vì không tác giả nào có thể vô trách nhiệm về tác phẩm của mình, phủ nhận sự kiện mình đã tạo ra nó. Không có những tác phẩm của ngẫu nhiên thuần túy, dù là tác phẩm của thần đồng. Điều đó thật hiển nhiên vì thần đồng cũng phải có cả một cơ cấu tâm sinh lý của nó điều kiện tối thiểu cho phép nó tạo ra tác phẩm.

Điều xác định tiên quyết này được đặt rõ rồi, hãy hỏi : thực ra ở nước ta bây giờ có mấy người viết văn luôn luôn tự xác nhận mình là một nhà văn. Một tác giả đã viết nên các tác phẩm đã có của mình và mình chịu

trách nhiệm về tất cả những điều mình đã viết ra đó? Có mấy người làm những việc đó khi cần thiết, trước mặt kẻ khác, nhất là khi đối diện với ý thức tra vấn, của chính họ? Vì nếu không dám xác nhận một cách liên tục tư cách nhà văn của mình là không chịu trách nhiệm về những điều mình viết, là phủ nhận ngay giá trị hiện hữu của tác phẩm, là đánh lừa người đọc. Thế mà rất nhiều người viết ở đây đã đánh lừa người đọc như vậy. Bởi họ không dám tự xác nhận tư cách nhà văn của họ. Ngồi trước một đám độc giả khờ khạo (hay thông minh?) ngưỡng mộ văn chương của tác giả, tác giả lớn tiếng xác nhận tư cách nhà văn và giá trị văn chương của ông, giải thích nội dung và phân tích bút pháp của chính mình cho đám độc giả đó thêm hiểu và thêm thích phục. Nhưng khi ngồi với vài người quen trong giới cầm bút, tác giả lại phủ nhận tư cách viết văn của ông với những câu nói ra vẻ xuề xòa như: «tôi viết truyện để kiếm tiền sống qua ngày ấy mà, có đề ý đến văn chương mấy đâu!» hay «viết thì viết vậy thôi, tôi cũng chưa coi mấy cuốn sách của tôi có một giá trị văn chương nào hết!»

Những câu nói đó chỉ gạt đi những lời bình phẩm sắp sửa được phả: biếu về những cuốn sách của tác giả. Khi bị gặng hỏi, không thể chối được vai trò, viết văn của ông, tác giả chống đỡ gượng gạo bằng cách biện minh cho sự «vô tội» của mình: «tôi viết theo đòi hỏi của độc giả» hoặc «tôi viết cho đám độc giả bình dân đọc mà thôi!» hay «tôi viết truyện nhĩ đồng thời mà!» vân vân. Chối quanh chối quẩn hay trút trách nhiệm (về những điều mình viết) cho độc giả, một số không ít những người sáng tác ở đây đang tự phủ nhận vai trò nhà văn của họ, để khỏi phải biện bạch nhiều lời về những tác phẩm họ tung ra ào ạt trên thị trường

sách vở. Thế nhưng họ vẫn kiêu hãnh xác nhận tư cách nhà văn của họ trước đám đông độc giả. Tại sao họ phải biểu lộ những thái độ bất nhất và man trá đó? Vì nhiều lý do, ít ra là hai: Sự thấp kém và tự ti mặc cảm. Sự thấp kém của ý thức nơi người viết khiến ông ta không thể sáng tạo được những tác phẩm văn chương đúng nghĩa, không thể đạt được lý tưởng mà ông ta tự đặt ra, nên khi viết xong 1 cuốn sách, ông ta thấy ngay sự thất bại của mình và bởi vậy không dám nhận đó là tác phẩm đặc ý. Tự ti mặc cảm khi ngồi trước mặt những người viết khác mà ông ta không thể phủ nhận giá trị, những người viết có ý thức hơn ông ta, khiến ông ta không đủ can đảm tự nhận là nhà văn cùng một cỡ với họ, không dám bàn sâu với họ về những vấn đề văn chương, vì sẽ lộ ngay sở đoản, sẽ hiện rõ ngay sự kém cỏi của mình. Nhưng ý thức khốn khổ của những người viết đầy mặc cảm đó không đủ cao và dứt khoát để trả họ về cho những nghề nghiệp khác, những công việc khác, ngoài lãnh vực hoạt động văn chương. Và bởi thế, họ vẫn tiếp tục kéo dài ngày tháng mãi miết viết những cuốn sách mới hàng loạt những tác phẩm động loại. Theo thị hiếu của độc giả họ cố viết nên những cuốn sách đề kể truyện được chờ nghe, những truyện được mong đợi: về dục tình, về chiến tranh, về những thảm cảnh của cuộc đời, về sự chết, nói chung là về những đề tài đã trở thành qui ước, những «món ăn tinh thần» đầy «chất thực của đời sống» trong thời loạn trên mảnh đất hình chữ S này.

Những khác biệt giữa các tác phẩm của một tác giả, hay giữa các tác giả, chỉ là những khác biệt về chi tiết, về những địa danh và những nhân vật biến đổi đôi chút. Những truyện về linh tráng, những mẫu người hùng,

những cuộc hành quân, những câu chữ thể, phần nộ, cảm thù, những cuộc tình đầy máu và nước mắt, nồng nặc mùi vị chua cay, đắng, chát, lẫn ngọt, bùi, thành phố và tiền đồn, những cái chết anh dũng hay phi lý, những cảnh bất công, áp bức, vân vân và vân vân. Các đề tài đó xen lẫn nhau, hòa trộn với nhau thành những « hợp tấu khúc » nhằm tai liên miên không dứt. Những cảnh hỗn loạn « đầy tiếng động và và giận dữ » và quả là chuyện của « người điên » (để dùng chữ của Shakespeare và Faulkner) khiến độc giả phải kinh hoàng, choáng váng, tê điếng trong suốt thời gian đọc sách, và khi gấp sách lại sẽ giữ lấy cảm tưởng vừa trải qua một (hoặc nhiều) cơn ác mộng (ma quái rừng rợn, phi nhân, phi lý, hỗn loạn, v.v...) giữa một ngày bình thường, trong một khung cảnh cũng bình thường đến độ nhàm chán đang vây quanh. Thế là độc giả thỏa mãn, vì thân xác bài hoại và tinh thần rã rời vừa được lay động, vừa được kích thích ! Được lay động và được kích thích bởi những cảnh (scènes) luôn luôn sôi nổi hấp dẫn ở trong sách. Đề loè người đọc, để che giấu sự dốt nát của chính mình (hay để đánh lừa chính mình trong chốc lát), người viết lồng vào truyện một vài nhân vật trí thức (hay cách mạng) bên cạnh những nhân vật thấp kém (hay đồi trụy), đặt ở miệng họ những câu triết lý vật, ra vẻ thâm trầm cao cả, ra vẻ nghị lực anh hùng. Một tí phần kháng, một tí phi lý, buồn nôn, một tí cách mạng, một tí hip pi một tí đạo đức vân vân, mỗi truyện đều « chứa đựng tất cả », ôi cái « tất cả » vừa khôi hài vừa ngớ ngẩn, vừa thâm thương, của những nhà dốt thầy dốt thợ, đầy mặc cảm (nhất là mặc cảm dốt nát) và cũng đầy tham vọng (mà thực ra chỉ là ước vọng ngông cuồng muốn « toàn thể hóa » văn chương bằng cách đòi đem « tất cả » vào tác phẩm).

Nghĩa là những tác giả loại này luôn luôn muốn tỏ ra cao siêu, sâu xa và phong phú cùng một lúc, tác phẩm nào của họ cũng « đi vào cuộc đời để khám phá muôn mặt »! Họ tạo sát văn chương bằng cách đem nguyên những mảnh thực tại đời sống trát vào văn chương một cách sống sượng, nham nhỡ. Và họ tự mãn vĩnh vào hân hoan trước sự ngưỡng mộ đáng thương của một mở độc giả ô hợp.

Độc giả của họ ? Những cây viết nhào nặn bây giờ có cần biết rõ độc giả thực sự của họ là ai đâu! Họ không bao giờ ý thức rằng họ viết cho ai, gửi văn phẩm đến tay loại độc giả nào, thành phần xã hội nào sẽ đón nhận « sứ điệp văn chương » của họ.

Những anh trí thức nửa mùa, những anh hùng sắc ruột thất vọng trước những biến chuyển thời cuộc, những anh « thiện sinh » nham nhảm, những cô cậu dốt sống mới, bùi đời hay mấy cô bé gánh nước thuê, hoặc mấy đứa học trò thơ dại được cha mẹ nuông chiều, vân vân, thương vâng hạ cảm, tất cả đó đều là độc giả của họ. Họ không chọn lựa một lớp độc giả riêng biệt, vì văn phẩm của họ vốn là « tất cả » những mảnh đời thu góp lại đâu có dành riêng cho loại người nào ?

Độc giả của họ, do đó, là « đám đông vô danh, đúng nghĩa nhất, đám đông vô định hình đám đông không sắc thái, càng đông càng nhảm nháo càng dốt, các tác giả này chỉ mong có thế. Bởi vậy, tiêu chuẩn duy nhất là sách phải bán chạy mới là thành công, bất kể văn chương được viết ra thế nào.

Một cuốn truyện « hay », chỉ là một cuốn truyện được kể ra một cách hấp dẫn, bằng sự sắp xếp các tình tiết các biến chuyển sao cho có thứ tự lớp lang, tự nhiên y như thật. Lời văn, dễ gây bầu không khí căng thẳng và cũng dễ

cho đầy số trang giấy, thật nhiều đối thoại — đối thoại là cách gây không khí dễ dàng nhất, mà lại có vẻ thực nhất, /đó phải làm văn, thêm rắc rối !

Quan niệm viết như thế đã tạo ra trong mấy năm vừa qua một loạt những tác phẩm « tiền Tự lực Văn đoàn » với lối kể truyện dễ dãi của những người « nghĩ sao viết vậy » mà lại tự nhận với độc giả rằng họ là nhà văn ! Với lối kết cấu na ná nhau — từ cuốn này sang cuốn kia chỉ thay đổi vài tình tiết nhỏ, vài nhân vật phụ với giọng kể đều đều, tiết kiệm đến mức tối đa những dịp sử dụng ngôn ngữ văn chương hay chỉ dùng chữ, đặt câu và kết cấu theo kiểu cổ điển, những nhà văn đó tự hào là đã sáng tác được một số tác phẩm, đã xây dựng được một sự nghiệp văn chương trong khi họ không một chút may mắn ý thức về ngôn ngữ văn chương họ không có một lo toan nào về chữ nghĩa với tư cách là người viết đứng đắn : hiểu rõ trách nhiệm của mình qua tác phẩm.

Thế nên trong vòng mười năm qua, hầu hết những sáng tác phẩm bán chạy đều không đem lại một khám phá hình thức nào mới mẻ, một bút pháp nào độc đáo đáng kể. Người đọc chỉ thấy đầy rẫy những sản phẩm « tiền văn chương » hay nếu cố gượng cho là có văn chương trong đó thì cũng chỉ là những hạ phẩm văn chương (Sous-Produits littéraires).

Và cái không khí nặng nề máu lửa, dục tình, bốc lên không ngớt, che phủ bầu trời văn chương xứ này. Những người viết xứng đáng với tư cách nhà văn chỉ là một thiểu số lẻ loi. Người ta không thể dùng bất cứ lý lẽ nào để biện hộ cho những tác phẩm dễ dãi của những người viết thiếu ý thức, man trá và tự mãn.

Không thể lấy cớ rằng tác phẩm văn

chương đích thực là công trình khó hoàn tất, để rồi chấp nhận con đường dễ dàng một cách lười biếng, bỏ rơi việc làm văn chương trong lãnh vực văn chương. Đã có người dẫn câu của Roland Barthes : « Le chef — d'oeuvre est impossible » để kết luận rằng mọi tham vọng làm văn chương đều nhằm nhĩ, kinh nghiệm văn chương là kinh nghiệm về một sự thất bại. Không phải vì kiệt tác là chuyện bất khả mà không dám thử làm kiệt tác. Tất cả những cuộc phiêu lưu văn chương đều đặt nền tảng trên niềm mơ ước làm được kiệt tác, từ đó đưa tới những khám phá, những cuộc làm mới ngôn ngữ văn chương.

Làm văn mà không thử thách với kinh nghiệm phiêu lưu của văn chương để tìm cái mới, để thay đổi, thì Văn chương hết còn ý nghĩa, nó không có lý do tồn tại nữa. Và lại : cái gì là tuyệt đối của đời người ? Ai có thể thực hiện được cái tuyệt đối tuyệt đối ? Dù con người có là « một đăm mê vô ích », như Sartre đã viết chẳng nữa thì ít ra nó cũng là một đăm mê và giá trị của nó ở chỗ có thể tự hiển minh cho cái vô ích, một cách giải thoát khỏi sự chi phối nghiệt ngã của những định luật thiên nhiên tất định. Và làm văn chương là một tự hiển cho cái vô ích, bởi văn chương không bao giờ tự nó là một thực hiện cụ thể trong đời sống, ở mức độ hữu dụng có thể sờ mó được kết quả.

Như Claude-Edmonde Magny đã viết, « tác phẩm văn chương không đơn giản là một trò tiêu khiển thoáng qua, mà là dấu tích, là mốc cắm, là bằng chứng của đời sống tinh thần nhà văn lưu lại, như những chiếc hài Empédocle bỏ lại, theo truyền thuyết, trên bờ vực ở đỉnh núi Etna trước khi lao mình vào một cuộc phiêu lưu cuối cùng ».

Cái lưu lại dấu vết đó, tức tác phẩm

Văn chương, có thể chỉ là bằng chứng của một thất bại thể thảm, nhưng mặt khác — mặt tích cực — nó cũng chính là kết quả của một nỗ lực tinh thần, thể hiện của một sức sống và nó vừa xác nhận một giới hạn lại vừa chứng tỏ cái đã vươn tới vô cùng của con người. Ít nhất, làm văn chương khi viết một cuốn sách cũng phải là thực hiện một khát vọng tuyệt đối và sự thực hiện càng khó khăn, cố gắng càng căng thẳng, sức sống của nội tâm sẽ càng mãnh liệt. Giá trị của nhà văn không hoàn toàn ở những gì đã được viết rõ ra đã được hoàn thành, mà ở những thử thách, những sơ phác còn dở dang, thể hiện những cố gắng vượt bậc, vươn mình đến cái mới mẻ.

Trong mấy năm qua, trào lưu văn chương ở đây chỉ làm nổi lên cụm bọt đục ngầu dính đầy rác rưởi và rong rêu. Chưa thấy trong đó những tác phẩm văn chương như những thực tại mới mẻ có đời sống, ý nghĩa và tự do riêng biệt khả dĩ chứa đựng những tương quan ngôn ngữ độc đáo, một hệ thống những biểu thị vững vàng để định vị cho tiềm năng sinh động của tác phẩm trên một viễn tượng nào đấy. Không có những nỗ lực ý thức, sự xử dụng ngôn ngữ văn chương chỉ còn là sự lạm dụng trơn tru. Nhà văn, do đó không lãnh hội được tầm mức phải vươn tới của sự sáng tạo đích thực.

Khi nào thực tại đời sống thực sự mang một ý nghĩa mới mẻ, đó là khi người viết ý thức được và tận dụng được những cách thể diễn tả của riêng mình bằng ngôn ngữ nhằm giải quyết ở bình diện của nó những vấn đề của thực tại. Độc giả chỉ thấy ở đa số các tác giả ở đây sự cần cù của những con kiến làm mãi công việc duy nhất tự ngàn đời, đi mãi những đường mòn lối cũ.

Họ ngoảnh mặt quay lưng với mọi nỗ lực làm mới ngôn ngữ trong văn chương thể giới bây giờ, xung quanh họ. Vẫn còn có những « nhà văn thời danh » của nước ta đang cố viết những truyện lâm ly, theo kiểu (« Tuyết Hồng Lệ Sử » của Từ Trầm Á, kiểu « Tổ Tâm » của Hoàng Ngọc Phách, từ hồi đầu thế kỷ.

Cái thể thảm không ở sự dốt nát mà ở sự búng lòng (vênh váo, khoe khoang) với cái dốt nát ở nội dung cũng như ở hình thức (mà thực ra cả hai chỉ là một vấn đề). Nhà văn không thể thiếu một đức lý. Viết một tiểu thuyết, không nắm vững kết cấu của tiểu thuyết sẽ dẫn đến biến tiểu thuyết thành ký sự, mà tại thỉnh thoảng đem cái « đời » của mình vào giải thích lung tung tác phẩm, khiến cho ký sự lại biến hình vì mất hết tính cách khách quan, vô tư, hết phản ảnh được thực tại một cách trung thực.

Và cái lối kể chuyện rất truyền thống, cái bút pháp rất cổ điển của đa số các nhà văn ở đây diễn tả được nhân cách nào, vẽ nổi cá tính nào, nếu không phải chỉ tạo ra những hình nộm theo khuôn có sẵn những máy nói, máy làm tình, máy đi đứng, máy thù hận, máy giết người, máy khóc, máy cười ? Những nhân vật không có bản ngã của những nhà văn không có cá tính, chỉ là những sao chép cộp nhặt, nên trào lưu văn chương ở đây bây giờ là một trào lưu văn chương nặc danh thiếu những chủ thể sáng tạo, thiếu ý thức xây dựng tác phẩm. Tất cả nội dung nhằm ngấy hiện nay của đa số tác phẩm đã làm cho độc giả bội thực trong nội phiền muộn, trong sự trầm trệ rồi. Nội dung đó chỉ phản ảnh một cách hời hợt những biến cố sôi nổi bề mặt của thời sự chiến tranh và cảnh huống xã hội này.

nguyên nhật duật

Nó đang giảm dần sức tác động vào tâm hồn người đọc, bằng chứng là hiện nay loại sách dịch thuật đang được tung ra càng ngày càng nhiều và người đọc tiêu thụ càng mạnh, chỉ đề.đổi món ăn. Thứ văn chương dễ dãi của những người viết thấp kém, vô ý thức, man trá và ngoan cố sẽ phải biến mất trong một ngày rất gần đây khi ý thức của độc giả thức tỉnh hơn nữa để dứt khoát với nó. Trào lưu văn chương ở đây đang tồn tại với những nhu cầu giả tạo của giới tiêu thụ và nó chỉ phản ánh những giả trá (những hiện tượng béo bở) của thời đại.

Những người viết trong trào lưu phải xét lại việc làm của họ tự căn bản (ngôn ngữ văn chương với những vấn đề của nó) nếu

quả thực họ muốn làm văn chương, nếu họ muốn xác nhận ở mọi nơi và mọi lúc vai trò nhà văn của họ, nếu văn chương không phải là một lãnh vực lộn sòng của họ.

Hãy trả văn chương về cho ngôn ngữ của nó vì chỉ bằng ngôn ngữ riêng biệt của nó văn chương mới có thể cơ cấu hóa những nội dung thực tại tích cực.

Bằng sức mạnh của ngôn từ không bị lạm dụng văn chương sẽ (cũng như đã) khơi dậy được những hình thái tinh vi và phức tạp của đời sống. Ngôn ngữ như một cơ cấu linh động và đa diện đó là khả hữu tính của mọi tác phẩm văn chương dù giới hạn của nó là điều không thể phủ nhận.

NGUYỄN NHẬT DUẬT

HỘP THƯ TÒA SOẠN

TRẢ LỜI CỎ HUYỀN MAI Ở

LONG XUYỀN VỀ MỘT CÁI TÊN...

Những nhận xét và ý kiến của cô về một người có thơ đăng trên một hai tờ báo ở Sài Gòn tên là Nguyễn Tôn Nhan rất đúng. Hầu hết những người trẻ tuổi liên quan đến sinh hoạt văn nghệ ở Sài Gòn đều biết về nhiều việc làm nhố nhúa dè tiện của Nguyễn Tôn Nhan. Bởi vậy chúng tôi nhận thấy không cần thiết phải có một bài viết về những việc Nguyễn Tôn Nhan đã làm như cô biết về anh ta trong thời gian anh ta tập lính ở Long Xuyên. Hơn nữa Nguyễn Tôn Nhan chỉ là một cái tên chưa thành hình dạng gì, một cái tên nhảm nhí, nhò nhoi, đã chưa hề gây được một tiếng động nhỏ nào trong văn chương nghệ thuật. Người ta biết nhiều tới cái tên Nguyễn Tôn Nhan là do vụ một bài viết trên tuần báo Khởi Hành (Hoàng Hôn Hay Bình Minh Của Thi Ca — gì đó) Nguyễn Tôn Nhan đã núp dưới một cái tên lạ hoắc là Nguyễn Hoài Quỳnh, để tự xưng tụng một cách hết sức hỗn láo, vô học, ngu dốt—đồng thời mặt sát một người bạn rất thân của anh ta, từng cùng mang đời sống cùng quẩn của anh ta, là Huy Tường. Nguyễn Tôn Nhan nói Huy Tường sao chép thơ của mình. Sự thật trái ngược thế. Chỉ cần đọc lại qua thơ Nguyễn Tôn Nhan người đọc nhận ra ngay chính Nguyễn Tôn Nhan đã sao chép cóp nhặt thơ của nhiều người. Tập thơ đầu tay của Nguyễn Tôn Nhan là tập *Thánh Ca* hoàn toàn ăn cắp chữ nghĩa hình ảnh nhịp điệu của Phạm Công Thiện, nhai lại một cách quá nông cạn, khô sở, thô thâm và khô hời. Sau đó thơ anh ta là những lượm lặt đủ thứ và xáo trộn giồng thơ của một số người: Thạch Trung Giả, Bùi Giáng, Phạm Thiên Thư, Đặng Tấn Tới, Huy Tường... Đậm đặc nhất là của Huy Tường, nhưng anh ta lẹ tay cho phổ biến trước Huy Tường, và lẹ tay thêm một lần nữa là viết những bài thuộc loại ném đá giấu tay, bảo Huy Tường là sao chép thơ của mình (người viết bài này có sống chung với Huy Tường và Nguyễn Tôn Nhan)

Chính Văn số 4, có thơ Nguyễn Tôn Nhan (đau đớn phải gọi là Thơ). Đó là một lỗi lầm rất đáng trách của người thư ký tòa soạn Chính Văn, vì đã có một thời gian sống chung với Nguyễn Tôn Nhan—những hệ lụy tình cảm—, nên đã thiếu nghiêm trang trong công việc Đây cũng là những lời cuối viết về một cái tên của sự bịp bợm giả trá, bản thù phải tiêu trừ đi.

CỬU LONG BẢO HIỂM CÔNG TY

Mekong Insurance & Reinsurance Company

Công - Ty Nặc - Danh với số vốn 25.000.000\$



Phục vụ tận tâm — bồi thường mau lẹ
Dùng hòa quyền lợi của khách hàng và quyền lợi của
Công ty để mang lại thịnh vượng chung cho toàn thể

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH :

- vận tải - xe tự động
- hỏa hoạn - tai nạn

TRỤ SỞ : 63-65 HÀM NGHI (Lầu 7), SAIGON

Điện-thoại : 99.291, 20.481, 24.849